

NAM PHONG

Kinh-cáo các bạn đọc báo

Báo *Nam-Phong* cứ ra chậm mãi, chúng tôi cũng đã cố sức làm mau để cho được đúng kỳ. Nhưng mà xuất-bản một số báo hơn 130 trang giấy rộng, sắp chữ, sửa bài, kiểm-duyet, in, đóng, rồi phát-hành, thế nào cũng phải mất một tháng. Muốn kéo lại cái chậm bấy lâu nay, thì phải một tháng ra ba số liền, thật không thể sao được. Đã hay đối với các bạn đọc báo thời cứ mỗi tháng một số, một năm 12 số, đủ số thời thôi, cũng không hề gì. Nhưng mà có điều bất-liện như sau này : là ngoài bìa cứ đề tháng theo lần-lượt thời báo ra chậm, nội-dung báo không hợp với tháng đề ngoài ; thí-dụ số báo ngoài đề là tháng *Octobre*, mà trong *Thời-dàm* nói toàn những chuyện về tháng *Novembre* và *Décembre*, dầu bây giờ ai cũng biết, nhưng sau này tra-cứu có điều lẫn-lộn. Bởi vậy nên xin phép các ngài quyền báo số 100 này đề gồm ở ngoài bìa là *Octobre - Novembre*. Tuy đề vậy, nhưng vẫn chỉ là một số báo mà thôi, không phải là hai số hợp làm một, vì số không thay đổi, và các bạn mua báo xin cứ tính theo số, không tính theo tháng, nghĩa là Ngài nào mua tự số 91 (bìa đề là *Janvier* 1925) thời nhà báo phải nộp đủ 12 quyền, đến số 102 (*Janvier* 1926) mới là hết hạn một năm. Duy đến khi hết năm 1925, đóng thành sách, theo lệ thường mỗi năm 2 *tomes*, mỗi *tome* 6 quyền, thời *tome* thứ nhì năm 1925 chỉ có 5 quyền mà thôi, điều đó khi in mục-lục sẽ dẫn rõ.

Vậy xin có lời kinh-cáo đề các Ngài rõ, và xin nhớ cho rằng lệ mua báo vẫn tính theo số báo (một năm 12 số, nửa năm 6 số), không theo tháng đề ngoài.

Nay kinh-cáo

NAM-PHONG, BÁO-QUÁN.

hiệu-nghiệm hơn, và thi-thố ra công nọ việc kia để lưu-danh lại trên đất nước này.

Lòng nguyên-vọng của người An-Nam thế nào, ngài đã rõ cả rồi. Các anh em đồng-bang ta trong Lục-tỉnh đã đệ-trình ngài một lập-thỉnh-cầu các khoản. Lời thỉnh-cầu của anh em trong ấy, tức là lời thỉnh-cầu của chúng tôi ngoài này, vì ai nói thế nào mặc lòng, chứ kể Nam người Bắc chúng tôi cùng là một dân-tộc cả, cùng một lòng khao-khát, cùng một lòng cầu-nguyên như nhau. Gián-hoặc có một đôi điều chưa được hoàn-toàn đồng-ý, — như vấn-đề tiểu học bằng quốc-ngữ, vấn-đề xin nhập tây-tịch, v. v., — chẳng qua là cái phương-diện nó hơi sai nhau một chút, sát-bạch lại cho kỹ thời cũng để chỉnh-dinh được ngay.

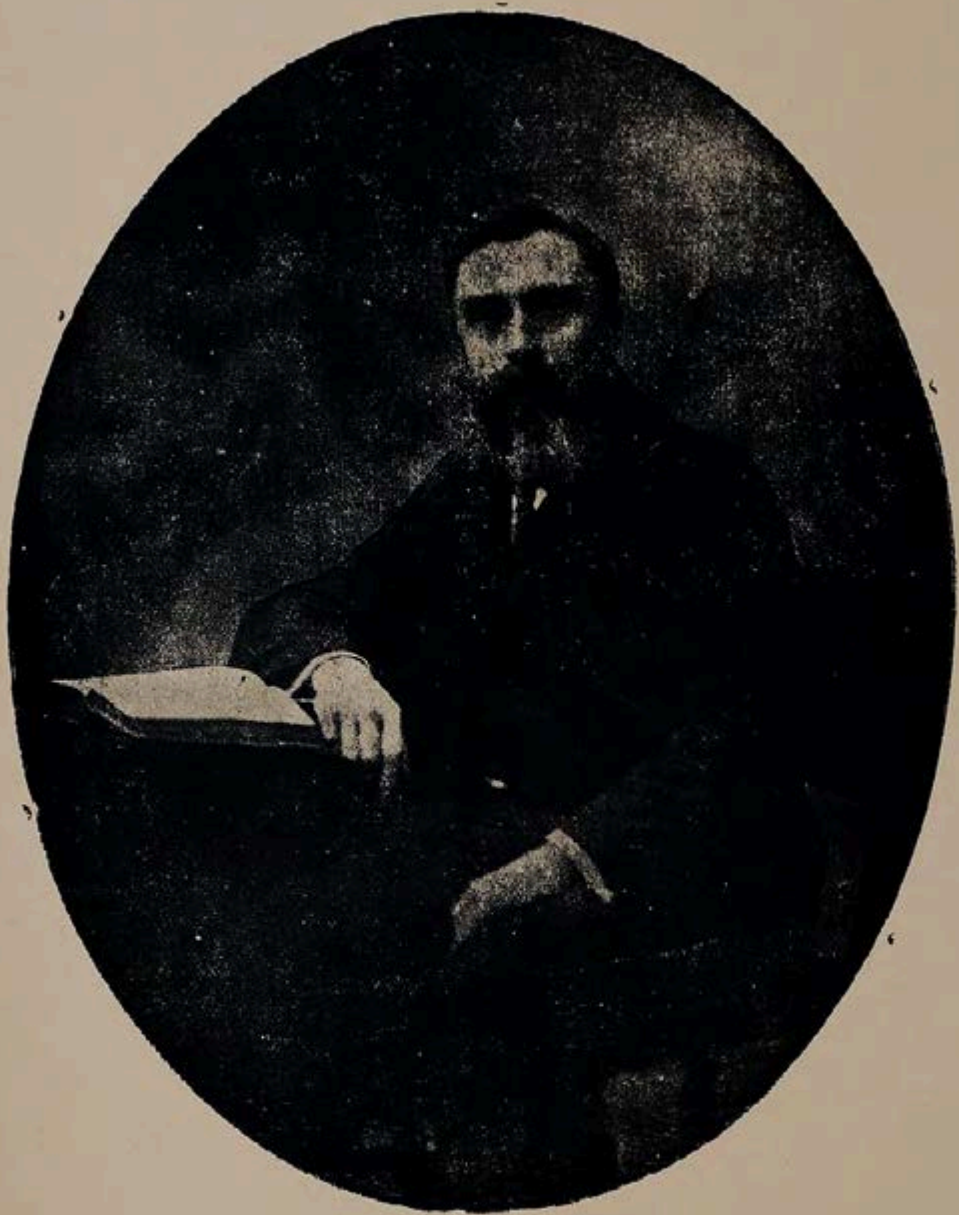
Chúng tôi cũng biết mà không có mơ-tưởng gì. Không dám tự-đắc rằng nhất-dân thu-hoạch được hết các quyền tự-do hiện nay chưa có. Chúng tôi vẫn biết rằng phạm tự-do quyền-lợi phải chiếm mà lấy, chứ không xin mà được bao giờ, và cho dân cử-quốc đồng-thanh mà thỉnh-nguyện, Chính-phủ cũng không tất-nhiên rộng lòng mà thân- nạp hết cả, cùng chiều lòng mà giải-quyết cho được ý-sở-nguyện. Song được một quan Toàn-quyền thuộc về đảng « xã-hội », thật là một sự may-mắn ít có, nên khiến cho cũng bớt lòng hoài-nghĩ mà tự nghĩ trong bụng rằng đối với một người như quan VARENNE còn hơn là người khác, ngài sẽ chăm-chước cái trình-độ tiến-hóa của dân ta cùng cái chủ-quyền cai - trị của Đại-Pháp mà có thể cho ta thỏa lòng được đến đâu chắc cũng sẵn lòng cho đến đó.

Vậy thời ta cũng vững dạ mà trông mong ở quan Toàn-quyền mới để ngài giải-ơn thực-hành cho mấy điều nguyên-vọng thiết-tha của chúng ta: như được rộng quyền tham-dự vào việc nước, được hưởng một vài cái quyền tự-do

cốt-yếu để cho cũng ngưỡng - vọng được làm kẻ « công-dân » (*citoyen*) một nước văn-minh, chứ không phải chung-thân cứ phải cái khổ-nhục làm kẻ « thần-dân » (*sujets*) ở dưới cường-quyền một nước ngoài cổ-ý lao-lung mình mãi-mãi.

Chúng tôi xin nói thật: Những kẻ biết nghĩ trong nước chúng tôi thường lấy cái tình-cảnh ấy làm đau lòng. Sự đau-đớn nó thiết-tha mà thâm-trầm. Bởi đó cho nên ở Nam-kỳ, ở Bắc-kỳ, ở Trung-kỳ ngày nay, đâu đâu cũng thấy cái triệu-trầm bất-bình, kẻ có quyền-sát, đã từng nhiều phen nhận biết vậy. Người An-Nam phải cái khổ ngày xưa, gặp cái cảnh bây giờ, cho nên tấm lòng dễ cảm-giác lắm. Lấy làm đau lòng, vì chính-phủ hay chuyển-quyền, hay ngờ-vực, không để cho mình được dự đến việc nước; lấy làm đau lòng, vì phái thực-dân Tây ở đây giữ giá làm cao, lắm nỗi thiên-kiến, hay coi thường, hay khinh-bĩ người bản-xứ; lấy làm đau lòng, vì bị người không biết hay là biết lắm; bất-cử chuyện nhỏ chuyện to, mỗi mỗi là một cái cơ thương-tâm cho mình cả. Ấy bởi có cái lòng đa-cảm quá như thế, cho nên đối với người Pháp thường giữ luôn cái thái-độ lãnh-đạm, tưởng rằng thế thời mới bảo-toàn được cá phẩm-cách của mình. Nhưng mà người An-Nam, tuy dễ cảm những sự đau-đớn mà cũng biết cảm những điều ơn-huân nữa. Nếu gặp được người nào thật biết là thành-tâm với mình, thật có bụng muốn giúp cho thỏa tấm lòng nguyên-vọng bấy lâu, thời cũng có thể giốc một lòng một dạ mà đem gửi hết can-trần vào người ấy được. Quan VARENNE đối với dân An-Nam có phải là người như thế không? Cứ xem cái cách quốc-dân hoan-ngheñh ngài thời cũng là cái triệu tốt cho sau này vậy.

Sự tương-lai hay hay dở là ở cái chính-sách « Pháp-Việt đề-huê » thành



Quan Toàn-quyền VARENNE

công hay bất-thành-công vậy. Chính quan VARENNE cũng từng lấy lời kích-thiết mà khuyên người Pháp người Việt nên đề - huê cộng - tác với nhau; cái phương pháp đề - huê ấy xem ra là cái trụ cốt của chính-sách ngài. Sự đề-huê hai nước, từ năm 1917, ông Phan Bội-Châu đã chủ-trương trong một bài điều-trần bằng Hán-văn ở ngoại-quốc gửi về cho quan Toàn-quyền SARRAUT hồi bấy giờ.

Ông Phan là một nhà chí-sĩ hết lòng yêu nước, mới rồi đây phải Tòa Đệ hình kết-án khổ-sai như một kẻ ăn trộm giết người vậy, đương mong đợi quan Toàn-quyền mới rộng lòng ân-xá (1), trong bài điều-trần của ông, ông có nói rằng :

« Tôi hương-giã vẫn giữ cái luận bài-Pháp, là vì tôi là người Việt-Nam, há lại không vì nước Nam tôi mà mưu kế độc-lập dư? Nhưng từ khi Âu-chiến phát-sinh đến giờ, tôi ngậm miệng nín hơi không nói một lời nào, ngọn bút cái lưỡi của tôi cùng với tai mắt quốc-dân tôi không có cùng cảm-tiếp nữa, tới nay đã bốn năm rồi. Là vì lúc mới tôi còn thâm-vọng rằng trận Âu-châu này chốc lát sẽ liễu-kết, cái dã-tâm của người Nhật không thể trình bày ra được, thì tôi cũng không cần phải nói nữa. Mãi cho đến ngày nay (năm 1917), cái chiến-họa Âu-châu chưa dứt, mà thế-lực Nhật-bản ngày một bành-trướng, đã tới cái trình-dộ rất cao, tôi biết rằng cái sự tôi hoài-nghĩ từ trước, có thể sớm tới thành sự thực, cái đại-khốn của người Pháp, cái kỳ-họa của người Nam, thế-tất đến không thể tránh được; sớm dự-phòng được một khắc, hoặc có thể nên được cái lương-sách vạn-toàn. Cho nên tôi muốn cầu-nguyện một điều. Cầu-nguyện thế nào?

« Tôi nguyện người Pháp từ nay về sau, đừng có coi người Nam như nô-lệ, như ngư-mã, mà coi người Nam như bằng-hữu, như thân-thích. Người Pháp quả biết coi người Nam như bằng-hữu thân-thích, người Nam tuy ngu, cũng là loài người, có lẽ nào đến ngoan-mê mình-xuân, người ta coi mình như bằng-hữu thân-thích, mình lại không lấy bằng-hữu thân-thích mà coi lại người sao? Lúc vô sự thời giới-đường đủ đường, ngày hoạn-nạn, tất họa-phúc cùng nhau. Lấy hai nghìn năm trăm vạn con em mạnh-mẽ nước Việt-Nam, mà cùng với kiện-binh lương-tướng nước Pháp, cùng hiệu-lực chốn đô-môn, người Nhật dẫu muốn nuốt cũng chưa chắc nuốt khỏi họng được. Vì không thế, chỉ biết dãi người Nam như nô-lệ, như ngư-mã, có tại không đề cho nghe, có mắt không để cho trông, có chân tay không để cho hoạt-dộng, ăn cơm thừa canh cặn, sai những việc dẽ-tiện, thời sớm theo Tần, tối có thể lại theo Tần, lợi tìm đến, hại có thể lại tìm đi, ấy vốn vẫn là cái quyền-lợi của kẻ nô-lệ ngư-mã vậy. Trời cao đất rộng, đã làm thân nô-lệ thời đi đến đâu mà làm nô-lệ chẳng được, việc gì phải chịu khổ chịu nhọc đem tính-mệnh mà làm bảo-chưong cho một cái chủ-quyền của người Pháp vậy?

« Tôi nguyện người Nam từ nay về sau đừng coi người Pháp như dỉ-chủng cừu-quốc, mà phải coi như minh-sur ân-hữu. Người Nam quả biết lấy minh-sur ân-hữu mà kỳ-vọng ở người Pháp, người Pháp có ngại gì mà không dám đương cái trách-nhiệm minh-sur ân-hữu đối với người Nam? Than ôi! ngày càng đã tới, nạn lớn đã rõ-ràng kia; hung-thần đã gõ cửa mà đến rồi đó. Pháp-nhân!

(1) Nay đã có tin quan Toàn-quyền ký giấy cho ân-xá rồi, quốc-dân ta được tin ấy chắc ai cũng cảm ơn quan VARENNE.

» Nam-nhân! có biết giáng-tâm mà theo « nhau khô g? Có biết bỏ hẳn đường « lối cũ mà dò lấy cái kế lưỡng-lợi câu- « tồn không? .. »

Cái nguy-hiểm ngày nay, cái đại-họa bây giờ, chắc là không giống như hồi ông Phan viết những lời cảnh-tỉnh thống - thiết đó. Nhưng mà có thay hình đổi dạng, mà cái nguy vẫn còn, nó ngấm-ngấm hơn trước mà nó cũng bách-thiết như xưa, truyền-yá một cách khôn-khéo, đã thấy có vang-bóng tới

nơi rồi đó. Sự đề-huê hai nước bây giờ lại càng cần-cấp lắm nữa. Q. an VARENNE phải sang đây, chính là đề dự-phòng sự nguy-hiểm đó, nếu ngài quyết-chi muốn thi-hành cái chính-sách đề-huê ấy cho thật rộng rãi thời kẻ thượng-lưu trí-thức nước này sẽ hết lòng trung-thành mà gia-công giúp ngài vậy.

PHẠM QUỲNH

Bài này đã viết bằng pháp văn đăng trong báo tây Indochine républicaine ngày 11 décembre 1925)

PHÁP-DU HÀNH-TRÌNH NHẬT-KÝ (1)

XXVIII

Thứ ba. Mồng 1 tháng 8 (1922).

Sáng hôm nay ở Paris đi chuyến xe lửa 8 giờ rưỡi xuống Marseille, 10 giờ rưỡi đêm mới tới nơi. Đi suốt một ngày và một phần đêm như thế, ngồi luôn trên xe kể cũng mệt. Trong xe lửa có buồng ăn cơm, có hàng cơm sẵn, hai bữa đều ăn cả trên xe, thật là tiện lắm. Đến Lyon đồ có một khắc đồng-bỏ không kịp xuống chơi thành-phố. Tới ga Marseille thì đã thấy mấy ông ra đón, cùng đưa về trọ nghỉ. Lần này lại trọ ở nhà khách - sạn Saint-Louis, mấy anh em cũng đều ở đây cả.

Đương ở Paris mà xuống Marseille, thấy cái khí vị nó khác ngay Paris cũng chán nơi phố-phường ồn-ào rộn-rịp, nhưng trong sự náo động vẫn có cái vẻ nghiêm-trang. Ở Marseille thời náo-động mà lại có ý sỗ sàng hỗn-độn. Có vui mà không được nể. Người đi thời tới-bời tất-tả; xe chạy thời rối-rít om-xòm. Tiếng còi ô-tô bóp liên-thanh, dường như không có kỷ-luật gì

cả. Ở trong nhà nghe như tiếng inh-trương kêu, ánh-ôi đến thân đêm không tắt. Cả ngày đã nhọc, muốn ngủ cho yên giấc, mà nằm mãi không nhắm mắt được.

Thứ ba. Mồng 8 tháng 8.

Cả tuần chủ-nhật, dạo xem lại các phố-phường Marseille, nhưng đã thấy chán, không lấy gì làm thú nữa. Trong bụng đã sắp về thời bao nhiêu nhàn-vật nơi khách-địa đối với mình thành ra vô-tình hết cả. Tắm lòng hăm-hứ lúc mới đầu, nay đã có cái vẻ chán-chường rồi. Paris còn có cái phong-vi cao-thượng, có nơi cổ-tích đáng đi xem, có chốn học-viện để khảo-cứu, ở ngày nào còn có lịch ngày ấy. Ở đây thời là một cái bể, người từ-xứ lại đợi tàu, ăn tạm ở thì, không ai có chí ở lâu xem-xét gì, và cũng không có gì mà xem. Chỉ ngày ngày đi chơi phố sầm đồ — mà sầm đồ thời bọn nhàn-buôn ở đây chẹt bà-con dữ quá. — chiều chiều đi dạo xe bờ bờ (vòng

đường *Corniche*, đi xe điện hay xe hơi cũng được), tối tối đi xem trò ở « Thủy-tinh-cung » (*Palais de Cristal*). Thủy-tinh-cung đây không phải là cái lâu-các ở Bồng-lai Tiên-đảo nào đâu, chính là một nơi hí-trường, đêm nào cũng có trò đàn-dịch, ca-xướng, múa đối, leo giầy đủ thứ, mà các vị tiên-nữ ở đây thời toàn là một hàng má phấn môi son, nhõn-nhờ đợi khách, trong đám khói thuốc nồng-nàn, dầu thơm sực-nức; cũng là cái cảnh yên-hoa đấy, mà là yên-hoa đầy những trần-cầu. Khách làng chơi bước chân vào đây phải cho cẩn-thận lắm mới được.

Mấy hôm nay cũng đi xem lại Đấu-xảo hai ba lần. Lại đi hỏi ngày giờ tàu chạy và lấy giấy đi tàu. Được dịch tin rằng hiệu tàu sắp chạy là hiệu *Angers* và chạy vào ngày 11 tháng 8, chưa rõ giờ nào. Hôm ở *Paris* sắp đi đã nghe mang-máng rằng Hoàng-thượng cũng sắp về, nhưng chưa lấy gì làm đích. Về đến đây mới rõ rằng ngài không phục thủy-thỏ, bị se mình, quan thầy thuốc khuyên phải về ngay, nên nay mai sẽ xuống *Marseille* để cùng đáp chuyến tàu *Angers* về nước. Được tin này ai cũng lấy làm lạ, vì trước vẫn định rằng Hoàng-thượng đi Tây chuyển này là ở năm sáu tháng, du-lich khắp mọi nơi rồi mới về, không ngờ chưa được vài tháng đã về ngay, và về gấp như thế.

Thế ra bọn mình về chuyến này sẽ tình-cờ được đi với Hoàng-đế một chuyến tàu : vinh-hạnh thay !

Thứ tư, mồng 9.

3 giờ chiều hôm nay, Hoàng-thượng đến *Marseille*, ở *Lyon* xuống. Chắc từ *Paris* đi làm hai chặng, có nghỉ ở *Lyon* một vài ngày. Đón vào dinh quan quận-trưởng (*préfecture*) ở.

9 giờ sáng mai thì Hoàng-thượng vào xem Đấu-xảo. Sở Đông-Pháp ở Đấu-xảo có giấy đặt mời cả các phái-

viên Trung Nam Bắc sớm mai tựu-tại ở khu Đông-Pháp để đón.

Tối hôm nay nghe đâu có ông P.C.T. đặt một cuộc diễn-thuyết bằng tiếng ta cho người An-Nam làm việc ở Đấu-xảo đến nghe, nói về quân-chủ và sự chính-trị bên Đông-Pháp; tiếc được tin muộn quá, không kịp đi. Nhưng sau có người thuật rằng cuộc diễn-thuyết không thành, vì cảnh-sát cấm và những người trong Đấu-xảo cũng không được ra nghe.

Thứ năm, mồng 10.

Hôm nay vào Đấu-xảo đón vua.

Các phái-viên đều mặc quốc-phục hết cả, mình cũng đánh cái áo sa tron.

Hoàng-thượng cùng với ông Toàn-quyền Long đi xem khắp trong khu Đông-Pháp. Các phái-viên thời đứng chực sẵn ở trong dinh « phố An-Nam » (*la rue annamite*). Khi đi xem xong cả mọi nơi, Hoàng-thượng vào dinh để cho các phái-viên yết chào. Ông Tây phần việc ở Đấu-xảo xưng tên giới-thiệu từng người, ra đứng trước mặt cúi đầu vái một cái.

Lễ xong, ra chơi bên ngoài, gặp ông Tây quen vỗ vai hỏi : « Thế nào, tôi tưởng ông là đảng dân-chủ, sao cũng lạy vua lúc này thế ? » — Minh trả lời : « Đảng gì thì đảng, chứ ở nơi đất khách cũng phải tỏ lòng cung-kính ông quốc-trưởng ; cách lễ-phép phải như thế. » Rồi cùng cười.

— Chiều đánh giầy thép về cho nhà biết mai xuống tàu; rồi ở trọ thu-xếp các hành-lý, đóng chặt các hòm-xương, để mai thuê người đem xuống tàu sớm.

Được tin dịch 4 giờ chiều mai thì tàu *Angers* chạy ở bến *Joliette*.

Thứ sáu, 11 tháng 8

Thôi, thế là dời đất Pháp từ hôm nay.

Tàu *Angers* này rộng đẹp hơn tàu, *Armand Béhic* nhiều.

2 giờ 1/2, anh em đã xuống tàu cả. Cùng về chuyến này có quan Tuần Vi Văn-Định, quan huyện Trần Lưu-Vi, ông Trần Lê-Chất, và ba ông phái-viên Nam-kỳ Võ Văn-Chiêu, Trương Vinh-Quí, Cao Triều-Phát; không kể vua quan ngoài. Minh ở buồng số 231, cùng với ông huyện Vi và ông Trần Lê-Chất.

Gần bốn giờ thì Hoàng - thượng xuống tàu, kèn trống thổi mừng, quân quan đứng tiễn. — Ngài đi Tây chuyến này sắm được vô-số đồ, chở xuống tàu từ 2 giờ đến 4 giờ, hết kiện ấy đến kiện khác, cái cần máy trục cứ dơ lên hạ xuống hoài mà không dứt.

Tàu vừa ra khỏi bến, sóng chưa có mấy tí, bữa cơm tối hôm nay, mấy anh em Nam-Việt ngồi ăn cùng một bàn, chuyện-trò vui-vẻ quá. Đắt khách quê người, dẫu quyền-luyến đến đâu, khi bỏ ra về, cũng không ngậm-ngùi nhớ tiếc bằng khi tự nhà ra đi. Từ ngày nay thời qua mỗi ngày là gần nhà một ngày, lòng những mong-mỏi đợi chờ. Chỉ nguyện sao cho bề yên gió lặng, cho khỏi nổi say sóng như lần trước. Có lẽ lần này đã quen sẽ bớt được ít nhiều chẳng, nhưng mà cũng vị-tất.

Thứ ba, 15 tháng 8

Thứ bảy, chủ-nhật, bề tốt.

Thứ hai, bữa cơm chiều đã thấy hơi lão-đảo một chút.

Ngày hôm nay thời suốt ngày được khá cả, vì tàu đã đi gần vào bờ, nghe đâu ngày mai thời rẽ vào *Beyrouth*, ở bờ bển *Syrie*, để Hoàng-thượng tiếp ông nguyên-soái GOURAUD làm Tổng-dốc đấy. Cái hành-trình này có khác thường một chút, vì lệ thường tàu chạy Á-Đông không đáp vào *Syrie* bao giờ.

Thứ tư, 16.

2 giờ trưa, tàu đến *Beyrouth*, nhưng đứng tận ngoài xa không vào áp bờ.

Beyrouth là thủ-phủ đất *Syrie* ở Tiểu-Á-tế-á, là một xứ trước thuộc Thổ-nhĩ-kỳ đế-quốc, sau khi chiến-tranh Hội

Vạn-quốc ủy-nhiệm cho nước Pháp bảo-hộ. Nước Pháp có đặt quan cai trị, và đầu hết thời có nguyên-sứ GOURAUD làm chức cao-dãng-ủy-nhiệm (*haut-commissaire*). Nguyên-soái một vì thượng-tướng có công to b chiến-tranh, lại bị trọng-thương g mất một cánh tay.

Tàu đến trước *Beyrouth* rúc còi báo hiệu, trong nổi sùng mừng. Nguyên soái GOURAUD cùng với tham-mưu đi sà-lúp ra, lên tàu yết Hoàng-thượng chừng nửa giờ rồi về. Được một thời Hoàng-thượng cùng quan Khâm-sứ và các quan hộ-giá cũng đi sà-lúp vào thành đáp lễ lại Nguyên-soái.

Nguyên ở *Syrie* này có mấy d lính tập An-Nam ta đóng đấy, có to đã mãn-hạn được về nước, tàu đáp đ có lẽ là chủ để đón bọn đó. Cả th chừng vài ba trăm người.

6 giờ chiều thời tâu cất neo chạy *Port-Saïd*.

Thứ năm, 17.

11 giờ trưa đến *Port-Saïd*.

Anh em đều xuống phố đi chơi.

Hoàng-thượng cũng xuống phố, m lãnh-sự Pháp thời cơm ở khách-sa Đoạn rồi ngài đi dạo các cửa hàng s đồ. Có thấy ngài mua một cái mũ t Ngài bận thường-phục cũng thườn đội mũ.

7 giờ tối tàu chạy về *Suez*. Cả d đi trong vận-hà, đi từ - từ, nhưng t trời chẳng trông thấy gì.

Thứ sáu, 18

Sáng hôm nay, tàu hãy còn ch đi khỏi vận-hà. Phong-cảnh hai b bờ, thời tịt-mù những sa-mạc, thỉ thoảng có đàn lạc-dã với mấy ch đ đen. Trong sông thời cách từng ch lại có chỗ vùng ra để cho tàu đi tránh nhau. Hôm nay tàu nhi thường phải tránh nhau luôn, ch nên đi rất chậm.

11 giờ đến *Suez*. Chỗ này lèo-t chẳng có gì, chỉ có những xưởng th

và nhà giấy của công-ti Vạn-hà. Đổ có một giờ, đến 12 giờ trưa thì đi vào Hồng-hải.

Thứ hai, 21

Ba ngày hôm nay đi qua Hồng-hải, nóng quá, như thiêu như đốt, thật là « bễ lửa », chứ không sai. Trong tàu ai nấy cũng nhễ-nhại lư-dừ. Đêm cũng không mát được mấy tí.

Thứ ba, 22.

10 giờ đến *Djibouti*. Đổ đây lâu.

Cảnh đây là cảnh đốt cháy, người cháy. Xuống dạo chơi phố một tí, nhưng nóng quá, lại phải trở về tàu ngay. Cũng muốn ăn cơm dưới phố cho đổi bữa, nhưng có cái khách-sạn lèo-tèo, coi không hứng-thú gì, nên anh em đều về tàu ăn cơm cả. Hoàng-thượng cũng mời ông Thống-đốc Pháp ở *Djibouti* thời cơm trưa ở tàu.

Đây là thuộc-địa Pháp nên tàu đậu lâu quá, chán - chê mãi đến nửa đêm mới chạy.

Hôm nay lại được xem những thắng « người nhái » lội qua gầm tàu.

Đêm trời có mát một chút, ngủ được.

Từ đây trở đi là ra đến n-độ-dương, chưa biết nóng-nổi say sòng thế nào đây.

Thứ tư, 23.

Hôm nay bắt đầu say sòng, người hơi lão-đảo, thấy khó chịu rồi.

Thứ hai, 28.

Khô quá. Bốn năm hôm nay khô quá. Nhất là ngày thứ sáu, thứ bảy, chủ-nhật, nắng liệ-vị trong buồng, bữa cơm cũng không ra bàn ăn được.

Hôm nay mới hơi kha-khả một chút, dám thò đầu ra ngoài.

Nghĩ đi bè mà cứ như thế này thì cực quá.

Thứ ba, 29.

9 giờ sáng hôm nay đến *Colombo*.

Đêm hôm qua dễ chịu, vì đến gần đất thì sóng yên.

Cơm sáng trên tàu xong mới xuống bộ chơi. Tàu đỗ bên ngoài, phải đáp thuyền vào bến. Các chủ lái Chà lần này không những-những như lần trước, nhưng coi cái dáng-bộ nhần-nhở vẫn khả-ố.

Cửa *Colombo* này thật là một cửa bè to lớn, tàu bè các nước đậu xan-xát, thuyền thời ngồn-ngang như lá tre.

Cùng anh em đi chơi phố, vào các cửa hàng bán ngọc-thạch, xem được nhiều thứ ngọc xanh, biếc, đỏ, vàng, màu sắc rất đẹp mà giá tiền cũng rẻ. — Hoàng-thượng cũng xuống bộ, thời cơm với lãnh-sự Pháp, nghe đầu ngài sắm được nhiều đồ chơi và ngọc-thạch.

2 giờ đêm tàu mới chạy.

Thứ tư, 30.

Hôm nay lại thấy say sòng, nhưng còn dễ chịu hơn mấy bữa trước.

Khi-hậu cũng mát dễ chịu.

Thứ sáu, mồng 1 tháng 9.

Hai hôm nay, vẫn lão-đảo, nhưng cũng không đến nỗi khổ lắm.

Thứ bảy, mồng 2.

Cả ngày hôm nay đã dễ chịu, vì tàu gần đến đất.

6 giờ chiều tới *Penang*, trời đã tối không xuống chơi phố.

12 giờ đêm chạy về *Singapore*.

Đi được một lát, trời đổ trận mưa to, mưa như trút nước. Lần này mới biết mưa bè là một. Nước đổ vào tàu như thác, tưởng chúi dụi cả cái tàu đi. Tàu không dám đi mau nữa, cứ phải rúc còi liên-thanh như gặp sự nguy-hiểm gì, đề phòng có cái khác đi gần đấy khỏi đụng vào, vì trời mù-mịt cả, hiệu lửa không trông thấy. Nghe tiếng còi rền mà lăm lăm lúc rùng mình lên.

Chủ nhật, mồng 3.

Cả ngày hôm nay, tàu đi trong eo bè *Malacca*, sóng gió bình-tĩnh, mát trời dễ chịu, bù lại với mấy bữa say sòng trước.

Thứ hai, mồng 4

7 giờ sáng đến Singapore.

Tàu tới bến, trông thấy người đàn bà An-Nam lên đón người quen, bóng hồng thấp-thoảng, lên xuống bậc thang, bất-giác trong lòng cảm-dộng xôn-xao, như thấy cái hình-ảnh đất nước quê nhà, cảm-tình chan-chứa. Thật có đi xa mới biết yêu người đồng-quận.

Ông Võ Văn-Chiêu có người bạn làm việc sở buôn ở đây, nhờ mượn xe ô-tô đi dạo chơi các phố. Xe người Mã-lai cầm máy, đi bọ quá không biết chừng tay nữa, đến một đầu phố đánh ngã một người phu Khách, lăn ngửa ra giữa đường, thế mà xe cứ chạy bừa không thèm dừng lại. Đi đến một thời rồi ngoảnh lại vẫn thấy tên Khách nằm sóng-sượt, không biết bị-thương thế nào, hay là chết ngất đi cũng có.

Ăn cơm tàu ở hiệu Hương-giang-khách-sạn.

Hoàng-thượng cũng xuống chơi phố, nghe đâu có vào thăm ông Tổng-đốc Anh ở Singapore, nhưng không được gặp.

1 giờ trưa tàu chạy về Sài-gòn. Đây đã gần đến hải-phận nước nhà, anh em ra chiều vui-vẻ hơn-hở cả.

Thứ ba, mồng 5.

Hôm nay tàu chạy trong Vịnh Xiêm-la. Trời nóng-nực hơn mọi ngày. Hai giờ chiều đổ một trận mưa to.

Thứ tư, mồng 6.

8 giờ sáng đến Vũng Tàu (*Cap Saint Jacques*), thế là đã vào đất nước nhà rồi, vui mừng khôn xiết kể, nhất là các ông bạn Nam-kỳ, vì nội-nhật hôm nay các ông đã về nhà.

Tàu đỗ ở *Cap* mãi đến 12 giờ trưa mới vào sông Sài-gòn.

4 giờ chiều đến Sài-gòn. Quan quân ra đón Hoàng-thượng về ở phủ Toàn-

quyền, vì tàu còn đậu ở Sài-gòn hai đêm hai ngày nữa.

Anh em cũng tiễn-biệt các bạn Nam-kỳ, ăn cơm tối ở cao-lâu khách, đi chơi phố, rồi khuya về tàu ngủ.

Thứ năm, mồng 7.

9 giờ sáng vào thăm quan Thống-đốc Nam-kỳ, D. COGNACQ. Đoàn rồi đi thăm các bạn làm báo ở đây. Trưa ăn cơm với ông Trần Lê-Chất ở hội-sở công-ti Liên-thành, ở Khánh-hội. Nhân trời mưa to sấm sét, nghỉ ở đây cho mãi đến 6 giờ chiều, rồi thuê hai cái xe ô-tô đi chơi Chợ-lớn. Ăn cơm tối ở hiệu cao-lâu Đức-lợi.

Khuya về ngủ trên tàu, vì đồ-dạ đi cả đây.

Thứ sáu, mồng 8.

Buổi sáng đi chơi phố, mua một ít đồ tơ lụa về làm quà. Lại đánh giầy thép cho nhà biết nội-nhật ngày 12 sẽ tới Hải-phòng.

Đi thăm nốt mấy ông bạn đồng-nghiep, rồi trưa ăn cơm ở nhà quan huyện Cửa chủ báo *Lục-tỉnh-tân-văn* và chủ nhà in *Union*.

3 giờ chiều tàu rời Sài-gòn, chạy về Tourane.

Thứ bảy, mồng 9.

Suốt ngày hôm nay tàu chạy men bờ bể Trung-kỳ, trông thấy đường núi và bãi cát ở đằng xa.

Chủ-nhật, mồng 10.

11 giờ trưa đến Tourane. Tàu đi tận ngoài xa. Có sà-lúp ở trong ra đón vua quan vào bến. Đậu đủ thì giờ cắt hết các đồ của Hoàng-thượng xuống thuyền, rồi đứng 2 giờ thì chạy ra Bắc. — Còn có một ngày nữa sẽ đến nhà rồi, trong bụng đã thấy nôn nao phấp-phồng. Ai nấy soạn lại hành-li, cho đem sẵn các hòm-xương ở dưới kho lên. Lại chi tiền thưởng

cho các bồi tàu. Có một tên bồi người *Martinique*, da đen, hầu-hạ tận-tâm lắm, những bữa say sòng đem đồ ăn đồ uống vào tận buồng cho, sai bảo gì cũng dễ lắm.

Thứ hai, 11.

Tàu ở *Tourane* ra đi rất mau, 12 giờ rưỡi đến Hải-phòng.

Vào gần bến vừa trông thấy me con Giao ở Hà-nội xuống đón. Tàu còn từ-từ vào, mỗi phút trông lâu bằng mấy giờ. Cầu vừa bắc xong, kẻ trên chạy xuống, người dưới bước lên, nửa mừng nửa cảm, khôn nói nên lời. Bà già mạnh khỏe, con trẻ bình-yên, cửa nhà vô-sự.

thế là yên lòng. Thăm-thoắt sáu tháng, tưởng như mới đây.

Đem hành-lí vào khách-sạn, rồi ông Nguyễn Hữu-Thu cho ô-tô đưa đi chơi.

Tối ăn tiệc với ông Bạch Thái-Bưởi và ông Nguyễn Hữu-Thu ở hàng cơm Tây; rồi chuyển xe lửa 8 giờ 1/4 lên Hà-nội.

Đến ga đã thấy các bạn quen và các ông đại-biểu Hội Khai-Trí đứng đón.

Thế là xong cuộc Pháp-du vừa tròn sáu tháng trời, và cũng chung-tất quyển « *Hành-trình nhật-ký* » biên chép đây.

P. - Q.

CÁC NHÂN VẬT TRONG CUỘC CỜ NƯỚC TÀU

Quốc-dân ta đối với thời-cục Trung-hoa, chẳng qua là kẻ bàng-quan đầy thôi. Câu rằng : « Bàng-quan giả liễu, đương-cục giả mê. » Đương-cục như người Tàu. Chứa tất đã toàn là mê, mà bàng-quan như người mình chứa tất đã toàn là liễu. Duy cuộc nước Tàu ngày nay chẳng khác gì cuộc cờ đương bời-rối. Mà đương khi bàng-quan đó, người mình cũng chứa tất đã toàn là ngu, biết đâu lại không vọc-vạch được đôi ba nước. Cũng bắt-chước như truyện ngựa mất mà trông, ngựa miệng mà bàn, ngựa nghề mà cầm bút viết chơi, mà luận-giả cũng thiết-tưởng rằng con người ta cũng nên biết « ngựa » mới được. Vậy có mấy lời so-sánh các nhân-vật Trung-hoa với quân cờ trong cuộc cờ như sau rằng.

Tôn Dật-Tiên ví như con mã-biên, bấy lâu bị cản, nhất-đán bay lên mặt hà, lại bị cản; tuy chưa đạt được cái mục-dích độ-hà, nhưng thế cờ đã thay đổi đi nhiều lắm.

Lê Nguyên-Hồng ví như con pháo-dầu, bắt đầu nổ lên được một tiếng, thật là thanh-thế, thật là lừng-lẫy; chẳng may thất-thế, mất ngòi, thành ra con pháo vô-dụng.

Viên Thế-Khải ví như con xe, thế-lực con xe trong cuộc cờ, thật là vô-dịch, vô-phục, đi lách, bị mắc nước, chết toi ngay.

Hoàng Hưng ví như con tốt đầu, hi-sinh cái thân, đứng vào chỗ tử-chiến, kỳ-thủy làm tiên-phong cho con mã-dội, kỳ-kế giúp cho con pháo đầu để thành công, thế là trọn được nghĩa-vụ con tốt đầu, chứ xưa nay con tốt đầu có giữ được địa-vị thủy-chung bao giờ.

Từ Thế-Xương ví như con sĩ, khi tới khi lui, bán-ấn bán-hiến, chỉ những nhằng trong nước hoa-thị, nhưng cờ mà có sĩ, cũng vẫn là cờ hay.

Ngô Bội-Phu ví như con tốt ba, hăng-hái độ-hà, kẻ cũng là khả-úy; duy cái tư-cách con tốt ba, không phải là cái tư-cách hoành-hành; cho nên nhất-dán bị đuổi thì phải chạy ngay; nhưng xem ra còn rộng nước lắm, chưa phải là con tốt lụt.

Trương Tác-Lâm ví như con tốt biên, xưa nay đánh cờ, vẫn không ai chú ý gì con tốt biên; duy cờ lúc đã gần tàn, thì con tốt biên hình như lại có giá-trị; nhưng giá-trị thế nào mặc lòng, chứ con tốt biên bao giờ cũng vẫn là tư-cách con tốt biên.

Phùng Ngọc - Tường cũng lại là con tốt biên nữa, đã có một phen thừa-cơ nhập-cung, bắt nạt được con sĩ què, rồi bất-đắc-di lại phải lảng ra. Nếu hai con tốt biên ấy mà hiệp-lực với nhau, thì cuộc cờ hay dở thế nào không biết, nhưng há lại chẳng vui mắt; duy hai con tốt biên ấy lại lảng nhau xa, ấy mới chán ngán!

Đoàn Kỳ-Thụy ví như con tượng, con tượng ở trong cuộc cờ, cũng được nhiều việc lắm; lúc vô-sự thì gánh vác con pháo đằng, lúc hữu-sự thì nối gót con pháo đầu, có sức giữ-gìn cho con mã, ngăn-ngừa cho con tốt, lại có sức che-chở được chung-cung cho vừng cờ; khi đứng hàng chữ nhất, khi lập thành chữ điền, đều có quan-hệ cả. Tuy hiện nay xét về tám nước chữ điền trong cuộc cờ, hình như đều bị cản cả, con tượng cơ-hồ không có nước đi. Kẻ bàng-quan chỉ nên yêu cho con tượng, tiếc cho con tượng, tức mình cho con tượng, không nên trách gì cho con tượng, mà mong cho một ngày kìa con tượng hoặc có nước mà đi chẳng.

TÙNG-VÂN

XỨ BẮC-KỲ CÓ PHẢI CÁI HOẠN DÂN-MÃN KHÔNG ? (1)

Mấy tuần trước đây các ông có nghe một bài diễn-thuyết có nhiều câu lạ lùng, lắm người lấy làm trái tai. Bài diễn-thuyết ấy là của ông MARQUET. Ông nói rằng : « Tinh-thần như cái gió thổi, muốn thổi đâu thì thổi », ý ông nói là nhà làm văn, nhà diễn-thuyết, tùy cao hứng muốn viết gì nói gì cũng được. Câu ấy là lấy trong Thánh-thư đạo Thiên-chúa, và là ám-chỉ về Thiên-chúa, nay ông MARQUET dẫn ra có lẽ muốn tự sánh mình với Thiên-chúa chăng ?

Tôi là người đồng-bang ông, tôi xin phép ông cho tôi nói rằng nhà thơ nhà văn, dẫu cao-hứng đến đâu cũng không có quyền muốn nói gì cũng được. Có một phải không chịu công-nhận cho những người có tài văn-chương có quyền muốn truyền-bá ra cái ý-kiến gì cũng được, không ngại đến cái kết-quả về sau thế nào. Nhiều người còn lấy Thập điều của thánh Môi-sách Moïse làm một cái luật tuyệt-đích, cho rằng Thiên-chúa đã phú-dữ cho người nào có tài-năng hơn người, thời không phải là được quyền-lợi hơn người, mà lại có nghĩa-vụ, có trách-nhiệm hơn người. Có người dẫu không có lòng tin-ngưỡng về đạo nào, cứ theo cái lương-tâm của mình mà thôi, cũng cho rằng một lời nói sơ-suất có ảnh-hưởng ra ngoài, ấy cũng là trách-nhiệm ở mình.

Ông MARQUET nói rằng : « Nhà làm văn, nhà diễn-thuyết, nhà bác-học, truyền-bá cái tư-tưởng ra trong thế-giới, rồi nó nảy-nở ra thế nào, có hề chi cho mình ? » Những người ấy trả lời rằng : « Có quan-hệ lắm chứ, truyền-bá ra điều gì là phải có trách-nhiệm đối với Thiên-chúa, đối với người ta, đối với lương-tâm mình. »

Đối với người ta. Nói ngay cái đoàn-thể của chúng tôi là nước Pháp, trong lời Tuyên-ngôn về Nhân-quyền, có điều thứ hai nói rằng : « Phàm kẻ công-dân trong nước có quyền tự-do được nói, được viết, được in sách, trừ khi nào lạm-dụng cái quyền tự-do ấy thời phải chịu trách-nhiệm theo như trong luật đã định. » Ấy là lời tuyên-ngôn như thế, mà trong luật lại định rõ-ràng : Phàm những điều tội-ác mà tán-dương lên, thời sự tán-dương ấy cũng coi là một tội, pháp-luật có quyền trừng-tri.

Nay ông MARQUET trong bài diễn-thuyết có bàn hai điều, người Pháp chúng tôi cho là hai cái tội-ác : Một là tiêu-diệt những người già, người tàn-tật ; hai là cướp đất của những kẻ hiền-lành vô-tội.

Ông cũng biết ông xướng lên những điều đó là có lỗi, nên ông lại dẫn lời Thánh-thư rằng : « Nguyên cho kẻ nào có bụng tốt được bằng-yên, » để tự-giải.

(1) Bài này là dịch một bài diễn-thuyết bằng pháp-văn của ông HENRI CUCHEROUSET, chủ báo *Eveil économique*, đọc tại Hội Tri-tri Hà-nội ngày 12 *Novembre* 1925. Bài này có thảo-luận về mấy cái ý-kiến trong bài « Tiên-dở nước Nam » của ông văn-sĩ J. MARQUET đã đăng một kỳ trước (*N.-P.* số 98). Hai ông cũng là có hung với người Nam ta cũ, cùng là bán-khoản về cái vấn-đề sinh-kế của người Nam ta cũ, nhưng mỗi ông bàn nên giải-quyết ra một đường. Vấn-đề này là một vấn-đề quan-trọng, càng được nhiều người bàn đi nói lại càng hay. Có thảo-luận, có nghiên-cứu về khắp các phương-diện, thời mới mong phát-minh được lẽ phải nên theo. Vậy ta cũng nên cảm ơn cả hai ông, và mong rằng trong những điều hai ông bàn có nhiều điều quốc-dân ta thì-hành được, thì thật may cho tiên-dở nước này lắm. — Nguyên-văn chữ pháp bài diễn-thuyết của ông CUCHEROUSET đã in trong báo *Eveil économique* ngày 22 và 29 *Novembre* 1925.

Bụng tốt ông thì ai cũng đã biết cả rồi. Cứ xem toàn-thể bài diễn-thuyết của ông thì đủ rõ, và cũng đủ tha-thứ cho những lời bàn bất-lương của ông. Cái tình-cảnh ông tả ra đó thật cũng nguy-thảm, đủ động lòng một người có bụng tốt. Những người trong bụng không biết thương đến kẻ bần-dân, trông thấy cái tình-cảnh khốn-nạn không biết cảm, thời không khi nào bày ra những cách quá bạo để bỗ-cửu cho được.

Duy kẻ đồng-bang của ông MARQUET đọc bài diễn-thuyết của ông, tưởng như mình cũng có trách-cửu đối với An-Nam, và muốn tỏ ra không chịu liên-dải với diễn-giả, không phải là không liên-dải với người đã có công đi đánh trận để chống giữ cho nước nhà (vì ông MARQUET là người đã đi trận bị trọng-thương), nhưng là không liên-dải với mấy cái lý-thuyết quá-đáng của ông.

Phải nên cho người An-Nam biết rằng những điều mình lấy làm mếch lòng, nhiều người Pháp cũng lấy làm chướng tai ! chứ không phải không.

Ông MARQUET đã nói trước rằng về bài diễn-thuyết của ông chắc thế nào cũng có kẻ thóa-mạ. Tôi đây không dám thóa-mạ, mà lại phục cái bụng tốt của ông lắm.

Tôi chỉ xin cãi lẽ với ông mà thôi, tôi đây và có lẽ cũng có nhiều người khác nữa. Đã có một bậc lão-thành như quan năm BONIFACY, tuổi cụ đã cao, cụ đọc bài diễn-thuyết ấy, đáng cũng lấy làm tức mình thì phải, mới rồi cụ có lấy lời êm-ái mà bẻ ông một điều ông nói sai : là ông nói rằng ở các nhà quê người An-Nam vừa ăn vừa rửa bằng nước ao, nói thế là nói sai, vì người nhà quê ăn bằng nước giếng chứ không ăn bằng nước ao bao giờ. Song điều đó là điều nhỏ, cũng không quan-hệ gì.

Điều làm thứt nhất của ông MARQUET, ngay từ ông đã nói ra. Ông nói rằng : « Tây-phương được tiến-bộ hơn các phương khác là bởi hai cái nguyên-nhân như sau này : 1^o là bởi cái ảnh-hưởng vô-cùng của những lý-tưởng đạo Thiên-chúa truyền-bá ra trong vùng Địa-trung-hải từ xưa đến nay ; 2^o là bởi cái lẽ lợi hại. »

Ông nói thế rồi, ông vội gạt ngay cái nguyên-nhân thứ nhất đi, mà chỉ nói đến cái nguyên-nhân thứ nhì, ông gọi là sự lợi hại, chắc ý ông muốn nói là sự tiến-bộ về đường vật-chất.

Nhưng mà người Á-châu ngày nay đã có mấy nhà tư-tưởng tỏ lòng chán-ngán về cái văn-minh vật-chất của Thái-tây, có lẽ cũng lấy làm lạ rằng ông MARQUET đã kể ra hai cái nguyên-nhân rõ-ràng như thế mà có sao lại bỏ hẳn cái thứ nhất không nói đến.

Lại lấy làm lạ nữa rằng ông sợ không dám nghị-luận đến những truyền-tô-giáo mà đầu bài diễn-thuyết, cuối bài diễn-thuyết của ông đều có dẫn lời trong Thánh-thư cả.

Cái thái-dộ của ông đối với một cái đạo đã tiêm-nhiễm sâu vào văn-hóa Tây-phương của chúng tôi, thật cũng kỳ. Vậy ông đã không nói thì tôi đây xin nói nốt về phương-diện kia trong cái vấn-đề đó và xét xem thuộc về phương-diện ấy giải-quyết ra thế nào.

Những việc ông MARQUET thuật trong bài diễn-thuyết đại-đề cũng là đúng cả, duy có một điều sai nho-nhỏ như quan năm BONIFACY đã trích ra đó, thì cũng không có quan-hệ gì. Còn phần nhiều bài diễn-thuyết ấy, thời giá tôi được đứng tên tác-giả, tôi cũng tự lấy làm danh-giá, vì trong đó có nhiều cái kiến mà báo *Eveil Économique* của tôi vẫn thường truyền-bá xưa nay. Nhưng mà tôi tuy công-nhận lời nói của ông là phải, mà tôi suy-luận khác ông.

Nhưng trong bài diễn-thuyết của ông có một đoạn tôi không khi nào chịu ký tên, dấu phải chặt tay thì chặt chữ cũng không chịu cầm bút ký tên, là đoạn ông thóa-ma người già-cả, là bậc người các ông là người An-Nam, chúng tôi là người Tây, ta đều một lòng tôn-kính cả; lại đoạn bàn xử bạc-dãi những kẻ yếu-hèn tàn-tật, là những kẻ đức Gia-tô Cơ-đốc đã truyền cho ta phải thương yêu, phải giúp đỡ.

Năm 1911, đảng cách-mệnh Tân ở Quảng-dông hạ-lệnh diệt những kẻ bị bệnh hủi, thế là họ theo cái lý của ông MARQUET đó. Cứ lý mà nói, thì không gì chính-dáng bằng. Sau người Pháp can-thiệp vào để ngăn cái tội-ác đó, thời là người Pháp chỉ theo cái hủ-tục của nước mình mà thôi, cái tục tin-tưởng về đạo-giáo có kẻ cho là nên giấu đi chứ không nên phô ra. Nhưng mà có lẽ cái lý ở trong lòng người không được mạnh cho lắm, cho nên người Tân không những phải nghe lời người Pháp can, mà lại thuận giao những kẻ mắc bệnh hủi cho các cố đạo, và từ đây thường thường trợ-cấp để cho các cố đạo chăm nuôi.

Nói đến người già, tôi không biết ông MARQUET có từng được biết cha mẹ ông bà già không, nếu không thì tôi thật phân-nân cho ông; nhưng về phần tôi thời tôi xin nói về các ông biết như sau này, mà nhiều người Pháp cũng giống như tôi.

Tôi mồ-côi cha từ thừa còn nhỏ, nhưng tôi có hai ông bác. Tôi thường thờ kính như cha. Một ông hãy còn, năm nay 83 tuổi. Nhà chúng tôi bây giờ, trai, gái, dân, rề, cháu, chắt, cả thảy bảy mươi tám người, hết thảy đều một lòng kính-trọng ông, và cầu chúc cho ông với bà được sống lâu song-toàn cho cặp-kiến một lớp chắt nhỏ nữa. Về bên ngoại thời tôi có biết bà ngoại tôi mới mất được năm năm nay, thọ 85 tuổi, với lại hai bà chị

gái ông ngoại tôi cũng đã mất rồi, một bà 85 tuổi, một bà 94 tuổi. Ba bà cho đến khi chết đều được con cháu thờ kính phụng-duỡng biết dường nào.

Có lẽ cũng có người Tây không biết yêu kính người già như thế; chắc là có; nhưng về phần riêng tôi thì mãi đến năm nay tôi 47 tuổi mới được biết một người như thế. Còn các ông là người An-Nam đã từng biết nhiều người Pháp, người xấu cũng có, người tốt cũng có, tôi thử hỏi các ông đã từng thấy một người nào thất-kính với ông cụ già ở nước các ông bao giờ chưa? và các ông có từng nghe thấy người Pháp trông thấy ông cụ già nào râu tóc bạc liên chào hỏi là *papa* một cách tự-nhiên không?

Thế mà sao ông MARQUET dám nói lên, dám in ra một câu như thế này. « Hiện đã làm được nhiều, nhờ về người già-cả mỗi ngày một mất dần đi, vì người già ở bên Tây cũng như ở bên Nam này, thấy cái gì lạ thường coi như là một cái tội-ác. »

Ông nói rằng người già ở nước Pháp đã mất cả, không có người già nào có sự-nghiệp gì nữa, không có người già nào làm việc chính-trị nữa hay sao? mất tự bao giờ vậy? Ông nói sai, ông nói quá sai, ông thật mơ ngủ vậy. Cứ xem như các hội công-nghệ, hội buôn-bán, hội lý-tải, trong hội-dồng trị-sự, phần nhiều là các ông già cả; lại các hội học, hội-thiện, hội-viên cũng vô-số là người già; lại các nhà chính-trị thường thường là người có tuổi cả, ở nước Pháp lại nhiều hơn là ở các nước khác.

Ở Pháp một tòa Nội-các có những người từ 40 đến 60 tuổi, thiên-hạ đã nức-nở khen là trẻ lắm. Một ông thượng-thư 55 tuổi hãy còn cho là trẻ. Lại những khi quốc-gia đa-sự, quyền chính-trị thường ở tay những ông già bạc đầu cả, như ông RIBOT, ông CLÉ-MENCEAU. Lại ông Giám-quốc bây giờ

là ông DOUMERGUE các ông có biết bao nhiêu tuổi không ? Lại mấy ông Giám-quốc trước, như ông LOUBET, ông FALLIÈRES, cả quốc-dân Pháp, dù kẻ thù khi xưa, cũng đều một lòng kính-trọng cả ?

Lại khắp trong văn-chương nước Pháp đều có cái khí-vị tôn-trọng kẻ tuổi già. Như trong bài anh-hùng-ca *Koland* có vua Xá-lê-ma-dại-đế thường gọi là ông vua râu bạc ; lại trong bài tuồng *Lôi-xích*, chàng *Lô-dịch* đánh hi-sinh cái ái-tình của mình với nàng Xi-miên để làm trọn cái nghĩa-vụ báo-thù cho cha già. Còn như trong tuồng *MO-LIÈRE* hay giễu-cợt người già cả, thời người đương-thời cũng đã lấy làm trái tai, mà hậu-thế thường trách ông cái khuyết-diễm ấy.

Đến như các ông giáo-hoàng là những bậc kẻ có hàng triệu người phượng Tây sùng-phục, hầu hết là người già cả. Như giáo-hoàng *LÉON* thứ 13, năm mất 93 tuổi, tinh thần còn tỉnh-táo lắm, mấy năm trước khi mất có ban cái sắc-dụ trừ-danh về thân-phận kẻ thợ-thuyền lao-dộng.

Lại Hội-Hàn-lâm, hội-Bác-sĩ nước Pháp kia, thanh-danh lừng-lẫy khắp trong nước, há chẳng phải là những hội người già đó ư ? Kẻ thanh-niên nước Pháp bao giờ cũng một niềm kính-mến những bậc đó, dầu tuổi cao đến 80, 90, 100, cũng vẫn còn nghiên-cứu, vẫn còn làm sách, vẫn còn dạy học. Như bác-sĩ *BERTHELOT* năm mất 80 tuổi ; bác-sĩ *BECQUEREL* năm mất 90 tuổi ; nhà hóa-học *CHEYREUIL* năm mất một trăm linh ba tuổi ; bác-sĩ *MILNE EDWARDS* 85 tuổi ; nhà côn-trùng-học *FABRE* 93 tuổi ; văn-sĩ *ARSÈNE HOUSSAYE* 81 tuổi ; *VICTOR HUGO* 83 tuổi, bác-sĩ *BRANLY* người ta mới kỷ-niệm 80 tuổi vừa rồi ; bác-sĩ *DE LAPPARENT* mất 79 tuổi ; hàn-lâm *DE VOGUÉ* 87 tuổi ; nhà kinh-tế-học *STOURM* 80 tuổi ; nhà triết-học *JULES SIMON* 82 tuổi ; nhà làm báo *ROCHEFORAT* 87 tuổi ;

nhà triết-học *RENOUVIER* 88 tuổi ; nhà địa-dư-học *ONESIME RECLUS* 79 tuổi và em là *ELISÉE* 75 tuổi ; nguyên thượng-thư kiêm hàn-lâm *ÉMILE OLLIVIER* 88 tuổi ; hàn-lâm *GASTON BOISSIER* 85 tuổi ; cứ nói một thời-dại ta này, còn có thể kể được vài chục người như thế nữa.

Lại các ông chắc cũng còn nhớ năm trước đây làm lễ khánh-thành sông máng ở tỉnh *Vinh-yên*. Nhà nước có tổ lòng kính-trọng một ông cụ già một trăm tuổi.

Lại ngay ở Đông-Pháp này, các ông có từng thấy người Pháp nào đối với người già nước mình mà thất-lễ không ? Tháng trước đây chắc các ông đã đọc thấy trong báo thuật cái lễ thượng-thọ của đức cha *ALLYS* ở Huế, chính quan Khâm-sứ *PASQUIER* diễn-thuyết chúc mừng. Người Pháp qua tuổi già ở Đông-Pháp đây thì cũng ít, nhưng càng có ít, càng được tôn-trọng hơn.

Như trong báo-giới chúng tôi, vì theo tục An Nam cho 60 tuổi là lão-hạng, thời chúng tôi lấy làm danh-giá có được ở Bắc-kỳ này hai tay làm báo lão-luyện, ngọn bút văn nhẹ-nhàng mà ký-lực vẫn mạnh-mẽ, thường viết được nhiều bài có giá-trị. Một là ông *PIGLOWSKI*, chủ-bút báo *Indépendance Tonkinoise*, từ hai năm nay thường viết những bài ký-sự đề là « Bốn mươi năm ở Bắc-kỳ. » Một ông là quan năm *TONIFACY* thường viết khi ở báo *Avenir*, khi ở báo *Eveil*, khi ở báo *Revue Indochinoise*, nghiên-cứu về các vấn-đề khảo-cổ, kỹ-thuật một cách vui-vẻ, chứ không có cái giọng chán ngắt như các bậc thiếu-niên-bác-học khác.

Ở nước Pháp không bao giờ có một nhà văn nào cho người già là phiền-bận. Ông *MARQUET* là người thứ nhất vậy: cái danh-dự ấy cũng buồn thay. Vẫn biết ông đã nói rằng ông diễn ra những lời như thế là không phải ông lấy cái tình-tình

người Pháp mà nói ; nhưng tôi tưởng tình-tình người An-Nam cũng không có đâu như thế.

Tôi đã nói rằng tôi không muốn chỉ-trích ông những điều tỉ-mỉ làm gì. Phàm muốn kích-thích người ta thời thường có khi cần phải nói cho quá đi. Vậy như đoạn ông nói rằng không nên tin ở sự học quá, không nên cho sự học là có cái công-đức tuyệt-dịch, thời tôi xin vui lòng biểu đồng-tình với ông. Sự học chẳng qua là một cái khí-cụ mà thôi, cái khí-cụ ấy, dùng hay cũng được mà dùng dở cũng được, mà bỏ xó dấy không dùng đến cũng được. Nhà trường không luyện được nhân-cách, mà ở đời nhân-cách mới là trọng hơn cả. Nhân-cách gây nên trong khi ăn-ở trong gia-đình, trong khi giao-tiếp với xã-hội, trong khi cạnh-tranh, trong khi cực-khổ, trong lúc gian-nan nguy-hiểm mà vượt qua được. Lẽ đó thì tôi biểu đồng-tình với ông MARQUET, nhưng ông nói về người An-Nam một câu như sau này, thì tôi không biểu đồng-tình với ông được ; nói rằng : « Người An-Nam ngày xưa ngày nay đã được ai là người có thiên-tài, không nói đến thiên-tài nữa, đã được ai là người có tài-năng lỗi-lạc ? » — Vậy tôi chỉ xin kể cho ông tên hai người, đủ chứng rằng dân-tộc An-Nam không phải là không có người tài, là cụ Sáu ở Phát-diêm, và ông Trương Vĩnh-Ký ở Sài-gòn, hiện nay người Nam-kỳ đương quyền liền để làm tượng kỷ-niệm.

Nhưng mà ông MARQUET nói rằng không nên mong cứ lập ra nhiều trường mà dạy được nhiều người có tài-năng, có nhân-cách, thời câu ấy ông nói phải.

Tưởng cũng nên bàn kỹ về câu đó.

Sự học ở nhà trường có khi đào-tạo nên nhân-tài và nhân-cách, mà cũng có khi làm cho bại-hoại đi.

Trong báo *France Indochine* có một bài của người An-Nam ký tên là R.,

binh-phẩm về bài diễn-thuyết của ông MARQUET, cũng nói rõ về cái ý đó :

« Cái ngộ-diễm của phép giáo-dục « đời nay, là cho sự học là một môn « thuốc bách-giải, cho trường học là « nơi đào-tạo ra được hết thảy những « người cần cho sự hoạt-động trong « xã-hội.

« Đối với một dân-tộc đã sẵn lòng « tin rằng ở đời duy có cái trí-thức « thuần-túy là cao hơn cả, thời cái ngộ-diễm ấy lại hại hơn nữa. Ở nước chúng « tôi thiếu nhất bây giờ là những người « có nhân-cách. Vậy cần nhất bây giờ « là luyện lấy nhân-cách để ra tranh « đua với đời. »

Lại xem như sau này thì biết rằng cái tư-tưởng ấy hình như nó đương phảng-phất ở trong không-khí vậy.

Tôi mới đọc thấy trong tạp-chí *La Science et la Vie* số xuất-hản mới rồi có mấy cái ý-kiến của bác-sĩ GUSTAVE LE BON là một nhà tư-tưởng trứ-danh đời nay, ta nên đem ra mà suy nghĩ. Bác-sĩ nói rằng : « Tôi tưởng không phải « sự thông-minh, sự học-thức giúp cho « khoa-học truyền-bá ra rộng được. « Vì rằng cái tinh-thần khoa-học không « thể truyền ra cho công-chúng được. « Cái đó là một cái mối thiên-bẩm, « cũng như cái tài nhà văn-thơ hay nhà « mĩ-thuật vậy. Tinh-thần khoa-học « cũng như cái thiên-tài sáng-nghĩ, có « khi ở người rất tầm-thường mộc-« mạc lại có, mà ở những bậc học-vấn « yêm-bác thường lại không. Có thông-« minh, có học-thức, thời có thể phát-« đạt thêm nó ra, nhưng không thể « không mà làm ra có được. » — Rồi Bác-sĩ lại nói thêm rằng :

« Những bậc tài cao trí mới, hầu « hết không phải đào-tạo ở học-đường « ra, có thể nói rằng nhiều khi lại phản-« đối với học-đường mà sinh ra. Về « mĩ-thuật, cái người học-trò giỏi bao « giờ cũng là kẻ không có tư-cách lỗi-

« lạc; về khoa-học cũng vậy, học-đường
 « thường làm tiêu-diệt mất cái tư-cách
 « đặc-biệt của người ta. »

Nói thế không phải là khuyên các ông không nên cho con đi học; chỉ là nói để các ông biết rằng sự học, ở nhà trường không phải là sự cốt-yếu ở đời, chẳng qua là một phần phụ-thuộc mà thôi.

Cứ một cái học ở nhà trường mà thôi thời chỉ gây được những người vào bậc trung-thường, những kẻ làm công giúp việc, những tay thầy nghề tâm-thuởng; chứ không gây ra được những kẻ có tài chủ-trương đốc-suất. Hạng ấy là bởi kinh-lịch sự đời mà làm nên, đối với những người ấy thời sự học chẳng qua là một cái đồ dùng có ích, cũng cần như là con trâu cần cho người làm ruộng, thế mà thôi. Anh nhà quê lười thì đâu có trâu tốt cũng không cày nổi thửa ruộng của mình; anh nhà quê chăm-chỉ chịu khó thời không có trâu tự mình kéo cày lấy, đợi có tiền sẽ mua trâu của anh lười.

Song đến đoạn ông MARQUET nói rằng vì khí-hậu cõi Đông-Pháp không tốt, cho nên người ta và giống vật bé nhỏ hơn ở Âu-châu, thời tôi không đồng-ý hẳn với ông. Điều đó chưa chắc đã là đúng hẳn. Ở Âu-châu có giống ngựa lớn nhưng mà cũng có giống ngựa nhỏ; như giống ngựa đất *Shetland* nước Anh cái-lợi chỉ bằng con chó lớn; lại ở đất *Bretagne* nước Pháp có giống bò cái nhỏ hơn bò cái An-Nam nhiều; mà ở đây thời nhu con bò rừng Nam-kỳ kẻ cũng to lớn lực-lượng lắm. Phía bắc Âu-châu có một giống người rất nhỏ, là giống *Lapons*. Mà ở Bắc-kỳ đây có lắm anh cũng sức-lực lắm, có thể cho vào đội pháo-binh được.

Vậy trước khi đổ tội cho khí-hậu, phải xét xem còn có nguyên-nhân nào khác nữa không. Trong các nguyên-nhân làm cho nhiều giống người ở

Đông-Pháp này thân-thể yếu-duối, thời khí-hậu có lẽ không phải là cái nguyên-nhân khó trừ hơn nhất. Cái vấn-đề đây cốt nhất là một vấn-đề thuộc về tâm-tình, thuộc về ý-chí người ta.

Những nơi giống da trắng ngày nay truyền-bá ra phồn-thịnh như thế là những xứ lạnh, các tiên-tổ người Âu-châu ngày xưa cho là không thể ở được, hồi trước chỉ có mấy rợ *Indiens*, *Esquimeaux*, *Samoyèdes*, *Toungouses*, lèo-tèo và ăn ở một cách khốn-nạn. Ngày nay còn có những nhà thám-hiềm liều chết mà đi thám xét những đất Bắc-cực, những kẻ có tinh vụ-thực thường lấy làm lạ-lùng không hiểu đi tìm đất thế để làm gì.

Đến cái lý-thuyết của MALTHUS thời cứ sự thực nghiệm ra không đâu thấy đúng cả, vậy mà ngày nay còn có người có học-thức bằng-cử ở đây mà nghị-luận, thời tôi cũng lấy làm lạ thực.

MALTHUS là một nhà làm sách nước Anh, chết đã một trăm năm nay, xướng lên cái lý-thuyết rằng ở một xứ nào nếu không xảy ra sự tai-biến gì khác thường thời dân-số cứ tăng mãi lên, mà tài-sản không đủ cung-cấp nữa. Đó chẳng qua là một sự kinh-nghiệm ở mấy xứ vào một thời-kỳ bấy giờ mà thôi, và là cho những sự thông-thường trong nhận-loại là những sự tai-biến bất-thường, như những cái tai-hại bởi lòng người mà ra, như cái tình-dục, vật-dục, thời đâu có thể nhất-thời trở-át nó đi hay sai-khiến nó được, nhưng mà không thể tiết-diệt được hẳn.

Và lại cái lý-thuyết MALTHUS ấy, ngay thời-kỳ tiếp sau, đã thấy sai rồi: Một trăm hai mươi năm về trước, nước Anh - cát - lợi có 16 triệu người, mà ngày nay có 48 triệu, mà 48 triệu người ấy ăn ở sung-túc hơn ông cha ngày xưa nhiều. Xét nước Đức cũng thế, và biết bao nhiêu nước khác nữa cũng thế. Là bởi cái lẽ rằng từ MALTHUS đến giờ, các

khoa-học đem ứng-dụng ra sự làm ăn khiến cho cái hiệu-lực của người ta ngày một tăng-tiến, cách trồng - trọt ngày một cải-lương, những tài-sản mới ngày một mở-mang thêm ra mãi. Tôi vừa nói trên kia có lắm xứ lạnh về đời MALTHUS còn cho là người ta không thể ở được. Nay thí-dụ ngay đất Canada xưa là thuộc-địa của Pháp, VOLTAIRE khuyên vua Louis thứ 15 bỏ đi vì cho là vô-dụng, thế mà ngày nay trở nên một nước cường-thịnh là dường nào. Lại tỉ như đất nước Mỹ, xưa kia là đất bỏ hoang, về thế-kỷ trước có nhiều nơi khách đi đường đến phải chết đói chết khát, thế mà ngày nay nhờ cách dẫn-thủy nhập-diễn và cách trồng lúa cạn, những đồng lúa vườn-tục bát-ngát mênh-mông cả. Lại tỉ như xứ Tunisie, một nghìn năm trăm năm trước, về đời ông thánh AUGUSTIN, ruộng đất tốt lắm, vẫn có tiếng là cái lắm thóc ; rồi qua mấy thế-kỷ bị người Ả-rập chiếm-cứ thành ra đất hoang, nay mới thấy phục-hồi lại mau lắm, không khác gì cái cảnh-sắc đời xưa. Như của Sfax 40 năm trước là một cái cửa bể nhỏ ở giữa nơi sa-mạc, không có tàu bè buôn bán gì cả : ngày nay thành một cái thương-cảng to nhất trong thế-giới, chỉ vì số xuất-cảng rất nhiều ; chung quanh đây, trong một vòng 50 cây-lô-mét, rất những vườn - tục xanh rì ; số dân tăng lên gấp ba trước, mà sản-vật thời tăng lên đến gấp trăm lần. Thành Sfax nhờ sản được nhiều quả chà và quả chà, lại cả vùng sau đây có nhiều hóa-chất để bón đất, nên có thể nuôi được hàng triệu người ở nơi khác nữa.

Ngay ở Bắc-kỳ đây, cái thuyết của MALTHUS nghiệm ra cũng không đúng. Cái câu ông MARQUET nói rằng : « Người Pháp đến đây để vệ-sinh, mà kết-quả đến nỗi mỗi năm người Bắc-kỳ lại thêm chết đói. » Câu ấy, tôi đây không chịu.

Tôi tưởng người nào đã từng quan-sát ở quanh mình trong một khoảng

mười mười lăm năm nay, chứ không nói đến hai-mươi ba-mươi năm nữa, tất nghiệm thấy rằng một là người dân có đông lên nhiều, hai là đại-đề cách ăn ở có thấy sung-lúc hơn trước ; ngày nay có nhiều người ăn no, mặc ấm, ở nơi cao ráo sạch-sẽ hơn là mười lăm năm trước, dầu ở những chốn thôn-quê xa-xôi cũng vậy. Là bởi lẽ rằng trong xứ sản được nhiều gạo hơn, bán ra ngoài được nhiều, mà mua của ngoài cũng nhiều, như bột, như sữa, như bánh, như mứt, như các thứ rượu mạnh, đến những nơi nhà quê bây giờ cũng biết dùng ; như dầu hỏa, các thứ vải, các khi-cụ, xe đẹp, máy khâu, khiến cho những nơi dân-thôn cùng-tịch cũng được hưởng sự sung sướng đời nay.

Đó là những điều hiển-nhiên trước mắt, ai cũng biết vậy.

Về một phương-diện khác thì những người Tây đồn-diễn ở đây đã gia-công khai-khẩn được vô - số những đất bỏ hoang, sẵn lòng thuê những dân-phu nhà quê làm cho mình mỗi ngày hai ba hào, khỏi phải ở trong xô làng ăn đói chịu rét ; nhưng xét ra bọn dân quê ấy thường lại lười biếng, muốn chịu đói còn hơn là đi làm thuê.

Mấy năm trước các báo ở Bắc-kỳ có thảo-luận về một cái vấn-đề rất hay, là vấn-đề bần dân ở Bắc-kỳ. Những người quan-sát đến nơi và không có cái chủ-y cố-dộng cho một cái công-cuộc từ-thiện nào, thời đều kết luận rằng ở các dân-thôn xứ này tuy có lắm kẻ bần-khốn thật, nhưng mà cái tình-cảnh ấy chưa phải gây nên một cái vấn-đề bần-dân như các nước, vì rằng phạm khởi ra cái vấn-đề như thế là khi nào những kẻ bần-khốn có cái chí muốn vận-dộng cho được bớt nghèo khổ đi.

Tuy vậy nhưng cũng chắc rằng còn nhiều tỉnh trung-châu bây giờ, thứ nhất là Nam-định Thái-bình, dân-số đã lên đến quá-độ, cứ hiện-tình dầu cam chịu đói khát cũng không sao nuôi cho đủ

được. Ông MARQUET nói phải : Số dân các tỉnh ấy bây giờ thật là gấp hai cái số có thể nuôi cho no đủ được.

Nhưng mà cái phần bản-dân ấy, hoặc bởi lười biếng, hoặc bởi dốt-nát, hoặc bởi mê-tín về vận-mệnh, dối-rách thế nào cũng cam chịu được, nếu không thì những tỉnh Nam-dịnh Thái-bình như bây giờ không thể nào dung được mỗi tỉnh tới một triệu người. Nhưng mà cứ nói số dân ấy, nếu khéo biết mở-mang thêm các tài-sản thời cũng có cách kiếm cho được tiệm-tiệm no đủ.

Như nay ở tỉnh Nam-dịnh có bốn vạn mẫu tây ruộng, hiện đương trừ-tính thảo nước đi, thời mười phần có thể được đến chín phần cấy được vụ tháng mười, chứ hiện nay thì chỉ là ruộng một mùa mà thôi, đó là điều thứ nhất. Điều thứ nhì thời những đất mặn ngoài bể có thể đặt những công-trình to-tát mà biến ra thành ruộng được.

Điều thứ ba là các phương-pháp cày cấy bây giờ có thể cải-lương lên, cùng những hóa-chất dùng để bón ruộng cũng có thể mỗi ngày một thông-dụng ra được.

Điều thứ tư là tỉnh Thái-bình là một tỉnh miền bể, thế mà người dân ít biết sinh-hoạt về bể, bọn đánh cá chỉ có những cái thuyền nhỏ không dám ra xa bờ. Nay nghề đánh cá có thể mở ra to-tát được, là phải dùng những thứ tàu lớn, hoặc chạy bằng hơi nước, hoặc chạy bằng dầu hỏa, nếu trong tàu lại đặt được những hòm chứa nước-đá để ướp lấy cá tươi có thể đem thẳng lên tỉnh-lỵ được thì lại càng hay lắm ; bây giờ tỉnh Nam sẽ làm một nơi thành-thị lớn mười mười-lăm vạn người.

Vì rằng tỉnh Nam nếu biết mở-mang ra thời có thể thành một cái bến to hơn bây giờ, tàu thuyền các nơi đi lại đông, dùng các thủy-thủ cũng tới được hàng nghìn hàng vạn người.

Sau nữa tỉnh Nam lại là một tỉnh công-nghệ phát-dạt to. Cứ lẽ ra thì Nam-dịnh phải có các nhà máy xưởng thợ nhiều gấp ba bây giờ mới phải, và Lạc-quần về đường công-nghệ đáng lẽ phải mở-mang to bằng tỉnh Nam bây giờ mới phải.

Ngoại-giả, còn có nhiều những công-nghệ nhỏ có thể khuếch-trương thêm ra được ; cứ xem ngay hội chợ tỉnh Nam vừa rồi, thì biết cái tài khéo của dân về các nghề.

Đến như tỉnh Thái-bình cũng vậy. Như vậy thời hai tỉnh ấy có thể nuôi được triệu người dân biết chăm-chỉ làm ăn sung-túc được, trong số hai triệu đó thì ở tỉnh-lỵ Nam-dịnh được mười lăm vạn, tỉnh-lỵ Thái-bình, và những nơi như Lạc-quần, Diêm-diễn, được bốn năm vạn người, và mười nơi khác nữa cũng mỗi nơi được hai vạn rưỡi người.

Song cái số hai triệu ấy là cái số cực-diễm rồi, không còn thể nào tăng hơn được nữa.

Vậy thời ngay từ bây giờ đã phải cần cho thực-dân ra ngoài ; cứ thực ra thì cái phong-trào thực-dân ấy bắt đầu đã lâu. Những dân phu đi làm các mỏ Hon-gay, các đồn-diễn Nam-kỳ, và từ năm năm nay sang cả các đảo ở Nam-dương, như *Nouvelle Calédonie* về *Hébrides*, đi làm đất và làm mỏ, phần nhiều là người ở hai tỉnh ấy cả. Dưới đây ta sẽ bàn về cách nên làm thế nào để khuếch-trương cái phong-trào di-dân đó. Tôi đã từng nói chuyện với mấy ông quan An-Nam có chú-ý về cái vấn-đề này, thì mấy ông cũng đồng-ý như tôi cả. Dù thế nào mặc lòng, có một điều chắc hẳn, là hiện nay trong hai tỉnh Nam-dịnh Thái-bình, số dân hơn lên số bây giờ bao nhiêu thời phải đi ra ngoài bấy nhiêu.

Tỉnh Hưng-yên chẳng bao lâu nữa rồi cũng đến thế, còn tỉnh Hà-dông và tỉnh Bắc-ninh, thời cũng chưa đến nỗi gấp lắm.

Vì rằng nhờ có những công-trình tháo nước và tưới ruộng đã dự-định và nay mai sắp thi-hành ở trong lưu-vực sông Đáy, đất ruộng hai tỉnh ấy có thể tăng-tiến được nhiều và sản-xuất được hơn trước. Hai tỉnh Bắc-ninh và Hà-đông lại giáp với Hà-nội, có nhiều nơi hiện nay và sau này dặt ra nhiều các nhà máy, các xưởng thợ về công-nghệ, như thuộc về Hà-đông thì có Thái-hà-ấp, Bạch-mai, Thanh-trì, Thụy-khuê; thuộc về Bắc-ninh thì có Gia-lâm, là những chỗ sau này có thể mở-mang ra to cả. Kinh-dô Hà-nội rồi có ngày được đến ba mươi nhăm bốn-mươi vạn người, trong số đó, phần nhiều sẽ là người dân hai tỉnh Hà-đông và Bắc-ninh cả. Số dân đông như thế là có các công-nghệ, các nhà buôn, các sở tàu, nhà Ga trung-ương Bắc-kỳ phân-phát đồ hàng đi các nơi, các sở nhà nước, các trại lính, các trường học, cũng đủ công việc mà dùng được bấy nhiêu con người, nếu gạo ăn ở miền chung-quanh không đủ, thời đem gạo ở Nam-kỳ ra, không lo gì.

Nay xét đến các tỉnh khác ở Trung-châu: Ninh-bình, Hà-nam, Sơn-tây, Phú-thọ, Vĩnh-yên, Phúc-yên, Bắc-giang, Hải-dương, Kiến-an.

Cái đặc-sắc của mấy tỉnh này là một phần địa-hạt thì nhiều người ở quá, mà một phần thời lại ít quá.

Vậy thời những tỉnh ấy ngay trong địa-hạt cũng có thể san-sẻ chỗ nhiều sang chỗ ít được.

Nhất là tỉnh Kiến-an thời có nhiều đất mặn ngoài bề và đất đồi trên núi; lại có cách mở-mang nghề đánh cá và nghề làm muối; nhưng Kiến-an lại ở gần Hải-phòng là nơi công-nghệ nhiều, lâu bề đi lại lắm, lại cửa bể mỗi ngày một mở-mang rộng ra, bao nhiêu dân-phu một hạt Kiến-an chắc cũng có thể dùng được hết cả. Còn những tỉnh khác, đều có đất rộng bỏ không, đem ra khai-

khẩn có thể nuôi một số dân nhiều được sung-túc. Những công-trình dẫn-thủy nhập-diễn ở mấy tỉnh Bắc-giang, Vĩnh-yên, Phúc-yên, Sơn-tây, khi nào làm xong sẽ được 50.000 + 17.000 + 14.000, tức là hơn tám vạn mẫu tây đất cây cấy được, cứ tính ra mỗi mẫu nuôi thêm được hai người nữa, thì cộng lại cũng được mười sáu vạn người. Nhưng mà những tỉnh ấy lại còn những đất đồi đất núi ngày nay còn bỏ cỏ mọc hoang, hiện đã có ít nhiều người Tây và người Nam gia-công khai-khẩn thì đủ chứng rằng nếu mở-mang được hết còn có thể dung được một số dân nhiều hơn nữa.

Thí-dụ như dãy núi Tam-đảo, diện-tích hơn một nghìn cây-lô-mét vuông, thế mà trong các thung-lũng, trên các sườn núi chỉ có rầm ba cái thôn-lạc người Mán, tính ra không được nghìn người cả thấy, nghĩa là mỗi cây-lô-mét vuông không được một người. Ở Âu-châu những núi như thế có thể dung được ít ra là mỗi cây-lô-mét ba mươi người nghĩa, là cộng cả cũng được ba vạn người.

Những tổng Phúc-yên Vĩnh-yên ở chân núi Tam-đảo cũng giống như những tổng *Alsace* ở dưới chân núi *Vosges*; nhưng mà ở Bắc-kỳ thời những tổng đó mỗi cây-lô-mét vuông không được 20 người mà ở *Alsace* mỗi cây-lô-mét vuông được ít ra là 160 người, nghĩa là đến tám lần nhiều hơn ở đây. Mùa hè tôi thường lên nghỉ mát ở Tam-đảo, đứng ở cửa sổ trông ra thấy bát-ngát hàng mấy vạn mẫu đồi đầy những cỏ hoang; không có một cái làng nào, không có một cái trại nào, nghĩ mà tiếc không biết đường nào.

Giá vào xứ tôi, có núi *Jura*, thời bốn bề đã trông thấy những làng xóm đông-dúc, mái ngói đỏ ối, cùng những vườn những trại rải-rắc ở giữa đám đồng cỏ, mà trong đồng thì từng đàn bò đàn ngựa ăn cỏ vui-vẻ.

May ở đây đã có mấy người Tây chủ đồn-diễn, như bọn FOREL, BERNARD, LECOMTE, đã làm gương cho người An-Nam bắt-chuộc, con cháu các ông sau này nếu biết ơn thời cũng nên làm đền mà thờ bọn đó mới phải. Những người Tây đồn-diễn ấy mới thực là những tay chiếm đất, nghĩa là không phải đi cướp của ai, mà là đưa đường chỉ lối cho các ông khai-khẩn những đất hoang hiện bỏ không chưa dùng được việc gì. Ấy có muốn đi chiếm đất thì đi chiếm cách như thế, chứ đừng với cướp đất của người Lào.

Nhiều người đồng-bang các ông cũng biết theo gương người Tây rồi, hiện ở chân núi Tam-đảo đã phá hoang mà làm thành những đồng ruộng tốt tươi, mỗi năm lại mở rộng thêm ra mãi. Ở tỉnh Phú-thọ, người đồng-bang các ông không những làm ruộng cấy lúa mà thôi, lại trồng chè, trồng sơn, trồng dưa ở các đồi núi nữa. Ở gần Vinh-yên tôi lại nhận thấy người An-Nam cấy rừng ở những đồi núi nào không trồng-trọt gì được.

Vì từ Hon-gay cho đến Việt-tri có một dãy đồi nhỏ, xưa kia đầy những rừng thông. Mà cây thông là thứ cây có ích lắm, nhựa nó, gỗ nó, dùng được việc, mà rễ nó cành nó cũng chế ra được nhiều chất hữu-dụng. Ấy là thí-dụ một vài cái lâm-sản thổ-sản mà người dân chịu khó làm ăn, lại nhờ được kẻ đàn anh đưa đường chỉ-báo, thời những vùng hiện nay bỏ hoang vô-dụng, cũng có thể làm cho có lợi được.

Nhưng mà khoáng-sản lại nhiều hơn nữa.

Ở Đông-triều và hai tỉnh Ninh-bình Hà-nam có mỏ than to lắm, hiện đã bắt đầu khai; ở chân núi Tam-đảo thì có sắt nhiều, và giá thám-xét kỹ hơn nữa, có lẽ còn thấy nhiều loại kim khác. Khi nào các mỏ khai ra nhiều thì có thể dùng được hàng vạn phu và thợ.

Ấy đó là một hạng các tỉnh chỉ có một phần là đông người ở, vậy cũng còn phải mấy đời nữa chưa phải lo đến cái hoạn dân-mãn.

Nhưng mà hai hạng các tỉnh Trung-châu và ở quanh Trung-châu vừa kể trên đó, chẳng qua mới chiếm có một phần nhỏ trong toàn-hạt Bắc-kỳ; lên đến miền Trung-du, là một miền núi non thâm-thấp mà thung-lũng tốt tươi, thời dân-số lại càng ít lắm.

Ta hãy xét một hạng thứ ba, là gồm những tỉnh người dân phần nhiều là người An-Nam, như Yên-bái, Tuyên-quang, Thái-nguyên, Lạng-sơn, Quảng-yên, thời nếu chịu khó phá hoang khai-khẩn, đất nào tốt thì cây-cấy trồng-trọt, vùng nào có rừng thì đặt cách chỉnh-dốn để lợi-dụng lấy các lâm-sản, và đặt ra những công-nghệ để chế-dụng các thổ-sản khoáng-sản, như thế thì những tỉnh ấy cũng có thể dùng được hai trăm vạn di-dân ở miền dưới lên.

Sau hết, chỉ nói riêng về một xứ Bắc-kỳ, còn một hạng mấy tỉnh nữa diện-tích rất rộng, mà người dân không phải thuộc giống An-Nam : Hòa-bình, Sơn-la, Lai-châu, Hà-giang, Cao-bằng, Hải-ninh.

Những tỉnh ấy đất cũng tốt bằng các miền núi Âu-châu, dân-số hai - mươi lần nhiều hơn. Còn người thổ-dân, như Thổ, Tày, Mán, Mèo, Nùng, thời là những dân hiền-lành, giá có di-dân ở miền dưới lên thì cũng sẵn lòng hoan-ngênh, chẳng khác gì như ở nước Pháp chúng tôi vào khoảng 1500 năm về trước, thổ-dân là người Gaulois cũng sẵn lòng thâu-nhận những di-dân về rợ Burgondes. Trong sử nước Pháp, thường có dùng chữ « các rợ xâm-lấn », các ông đừng nên ngộ-nhận, sự xâm-lấn đây, chẳng qua là một cuộc di-dân to-tát mà thôi, và di-dân cũng một cách hòa-bình, chứ không có dữ-dối gì cho lắm. Người Gaulois đã được hưởng văn-minh La-mã là một cái văn-minh tinh-túy nhất

trong thế-giới đời bấy giờ, thành ra tính-cách nhu-nhược đi, cho nên thấy người ngoài di-dân vào cũng chịu lui, nhường cho chia ba một phần đất trong nước, lại hậu-dãi đến nỗi bề ngoài giao-phó cho cả quyền cai-trị trong nước nữa. Nói rằng bề ngoài, vì *rợ Burgondes*, nhất-danh là *rợ Francs*, tuy có làm vua, mà các quan đại-thần cùng với quan-lại trong nước đều chọn ở người *Gaulois* có học-thức, còn cả bọn tăng-lữ và khắp hết các thầy tu toàn là người *Gaulois* cả.

Vậy thì một dân-tộc bị chặt đứt ở nhà mình, không cần phải đi chiếm-đoạt của ai, không cần phải giết-tróc khu-trục người ta đi, cũng có thể đem cái số dân thừa của mình di-cư sang một xứ khác ít người hơn. Hiện nay ở Nam-Mĩ, hằng ngày vẫn như thế, mới rồi nước Nhật-bản mới ký ước với nước *Brésil* để cấp đất cho chín vạn người nông-dân Nhật-bản sang làm ăn.

Cứ thực ra thời hiện nay đường giao-thông, cách vận-tải tiện-lợi, những chủ ruộng Thổ Mán có của ở mạn ngược vẫn thường nuôi các nông-phu miền xuôi, mà trả công cũng hậu. Vậy thời Chính - phủ chỉ nên đặt cách trông nom cho bọn nông-phu ấy làm ăn thật-thà tử-tế, thế là đủ giúp cho cái phong-trào di-dân lên mạn ngược ngày một rộng thêm ra, và rồi dần-dần người miền xuôi sẽ đem vợ con lên ở, trước còn làm tá-diễn lĩnh-canh cho các chủ ruộng người bản-thổ, sau dần rồi cũng có ruộng có đất mà sinh-cơ lập-nghiệp ở đấy. Lại có người lên đấy buôn bán nữa.

Vậy thì xứ Bắc-kỳ không cần phải di-dân ra ngoài, cứ mở-mang cho khắp trong bản-xứ cũng có thể nuôi được gấp đôi số dân bấy giờ. Trung-kỳ cũng vậy, hướng Nam-kỳ lại còn nhiều đất bỏ không, mà đất phì-nhiều biết dường

nào. Như ở Trung-kỳ thời hai tỉnh Thanh Nghệ chỉ có một phần là đồng người ở mà thôi, còn phần nhiều đất bỏ hoang, dân-cư không có mấy tí, cũng chỉ vì một lẽ như trên, nghĩa là không chịu khó mở-mang.

Ấy chính vì cái lẽ tự-nhiên là người ta vốn lười biếng không muốn gia-công gắng sức mở-mang, mới có dân-tộc nọ xâm-lấn đánh giết những dân-tộc yếu kém mình để chiếm lấy đất ruộng của người ta, vì các ông nên nhớ lời ông MARQUET bàn với các ông là bản khu-trục người Lào đi để chiếm lấy những đất của người ta đã thành ruộng rồi. Như thế thì chẳng dễ hơn là khai-hoang, thoát nước, dẫn-thủy nhập-diễn, biến đất hoang thành đồng ruộng; tức cũng như có kẻ cho đi ăn trộm của người ta còn dễ hơn là chịu khó làm ăn, hà tấn hà tiện.

Thừa được người Lào có tính hiền-lành biếng nhác mà đến khu-trục người ta đi để cướp lấy ruộng đất nhà cửa, có lẽ cướp lấy cả trâu bò gà lợn của người ta nữa, cách đó kẻ cũng dễ-dàng thật, chắc còn dễ hơn là phá hoang khai-khẩn mấy tỉnh như Thái-nguyên, Tuyên-quang, Yên-bái vậy.

Cái cách chiếm đất ấy vẫn dễ hơn, nhưng mà hiện nay và trong một thời-kỳ cũng còn khá lâu nữa, còn một cách chiếm đất khác, là không phải đi cướp ruộng của người ta, không phải đuổi người ta đi hay là giết-tróc người ta, mà là giữ-gìn cho trong xứ được yên-ổn, mở-mang cho ruộng đất được tốt thêm, khiến cho người dân có cách sinh-sản thêm ra, và cũng dần-dần được sung-sướng hơn lên nữa. Tôi xin các ông thử đề ý nghĩ về hai cách chiếm đất ấy xem dạng nào là hơn.

Những người theo về cách thứ hai ấy, tức cũng là thi-hành cái đế-quốc-chủ-nghĩa đấy; những người ấy bảo các ông rằng: hằng khoan khoan, trước hết hãy khai-khẩn đất của mình đã và

cứ dễ yên cho các dân-tộc yếu kém mình, là người Cao-miên, người Mọi, người Lào. Nước Pháp không có giúp cho các ông bóc-lột, xô-dẩy hay là ngược-dãi những dân-tộc đó đâu; nước Pháp sẽ bắt các ông còn lâu nữa và sẽ giúp đỡ cho các ông tự lực mình mà chiếm lấy đất ở ngay trong nước mình; nước Pháp cũng dễ cho các ông được đi kiếm đất mới ở xứ người Mọi, người Lào, người Thổ, người Mên, nhưng mà là dần dần, và di-dân sang một cách yên-đón, chứ không phải là dùng mưu-mẹo hay là dùng sức mạnh mà cướp bóc của người ta đâu. — Ấy cái đế-quốc-chủ-nghĩa nó cũng có điều hay như thế. Nhờ có cái đế-quốc-chủ-nghĩa của nước Pháp và nước Anh, mà cái bán-đảo Ấn-độ-Chi-na này đã trở nên như một cái tổ ong lớn vui-vẻ sầm-uất, chứ không phải là một nơi chiến-trường giết-tróc lẫn nhau, vì nếu vạn-nhất nước Pháp và nước Anh rút về thời côi này tức-thì đến như thế thật.

Vậy thì có một điều đã rõ-ràng rồi, là hiện nay ở Bắc-kỳ và Trung-kỳ có nhiều tỉnh ngay trong hàng tỉnh cũng đủ sản-sẽ mà dung được thừa người; lại có tỉnh thời dân-cur lơ-thơ quá, thật là một cái trường-sở to-tát cho dân các tỉnh khác đông quá đến đấy mà làm ăn lập-nghiệp. Sự di-dân về Nam-kỳ hiện nay chưa lấy gì làm gấp lắm, còn di-dân sang Lào và ra ngoại-quốc thời lại càng chưa cần lắm nữa. Tuy vậy cũng không nên cứ nhất-định theo cái thứ-tự như thế, là cái thứ-tự phòng phải di-dân từng đám đông thời mới cần phải theo lần-lượt cho đúng. Chứ còn những cái phong-trào di-dân nho-nhỏ, hoặc từng người, hoặc từng họ, hoặc từng làng, đi tản-cur ra các nơi thời bất-cứ đi đâu cũng là một sự hay. Và-lại cũng có khi đi vào Nam-kỳ, đi xuống các Nam-dương-quần-đảo mà gặp được dịp tốt dễ làm ăn, thời còn tiện-lợi hơn là đi phá hoang những đất lam-chướng ở ngay gần

mình. Cốt nhất là cũng nên chiếm lấy cái địa-thế, giữ lấy quyền-lợi sẵn cho cuộc di-dân về tương-lai này.

Hiện nay sự di-dân đi xa đó, gây ra cái sức mạnh cho nội giồng, đã thấy bắt đầu rồi, có kẻ không hiểu trông thấy thế mà kêu ó lên. Cái việc đem một triệu người Bắc-kỳ sang di-cư ở đảo *Madagascar* còn là chuyện mơ-màng viễn-vọng, chứ nay mai đây sẽ có sáu nghìn người ở các Nam-dương-quần-đảo, như *Nouvelle Calédonie*, *Hébrides*, *Tahiti*. Thuộc về *Tahiti*, thời tôi tưởng không nên, vì cái quần-đảo này xa quá; nhưng mà ở *Nouvelle Calédonie* và *Hébrides* thời Bắc-kỳ ta không những nên cho năm sáu nghìn người đi mà lại nên cho năm sáu vạn người sang đấy mà làm ăn, kéo chẳng bao lâu nữa người Mã-lai sẽ tràn sang chiếm mất hết chỗ. Mấy cái đảo ấy có tàu chạy thẳng chỉ cách Đông-Pháp ta chừng mười-lăm hay mười-tám ngày mà thôi. Đại-dễ người Bắc-kỳ hiện ở đấy bây giờ xem ra cũng dễ chịu; và nay mai đây ta sẽ biết rõ tình-hình. Mấy tuần nữa thì quan thanh-tra DELAMARRE đi sang khám xét bên ấy sẽ trở về đây và sẽ công-bố lời bá-cáo cho Chính-phủ; không những thế; lại còn lớp người đi năm thứ nhất, nay đã hết hạn sắp trở về. Nếu bọn đó lại xin sang lần nữa, hay là rủ anh em bà con đi, thời sẽ đủ rõ rằng ở bên đó không khổn-khó gì, và như thế là có hai cái đất thực-dân tốt sẵn-sàng cho người Bắc-kỳ ta sang đấy mà làm ăn vậy. Ấy cũng là cái hạnh-phúc mà có lắm dân-tộc khác không được tạo-vật ưu-đãi muốn mua lấy đất tiền mà không được đó.

Còn sự di-dân về Nam-kỳ thời có thể khuếch-trương ra thêm được; từ trước đến nay chỉ mới có những người buôn-bán nhỏ, những thợ-thuyền làm công đi vào trong đó mà thôi. Nhưng mà tôi tưởng rằng nếu muốn gây lấy

một cái phong-trào di-dân to-tát hẳn-hoi, thì không thể dùng cái phương-pháp cá-nhân như thế được. Phải dùng cái phương-pháp công-cộng, vì rằng cái công - cộng - chế - độ còn là cái chế-độ hầu như độc-nhất vô-nhị của xã-hội xứ này. Thí-dụ như một làng nào to ở Nam-dịnh xin được cái đồn-diền nào nghìn mẫu tây ở Nam-kỳ, sẽ lập thành một cái ấp cũng đồng tên với nguyên-quân ở ngoài này, các họ ngoài này cử lấy một trăm người trai-trẻ có vợ con cho đem cả nhà vào trong ấy mà lập ấp. Đứng đầu bọn di-dân đó, có thể chọn một người có vật-lực, được cái danh-dự làm thủ-chỉ thời phải chịu tất cả hay là một phần tiền tàu và ngư-canh điền-khi lúc đầu.

Ở Lào cũng nên làm như thế, ở các đất chưa cây-cấy, hay là ở những ruộng người Lào đã bỏ không cây cấy nữa; nhưng mà việc di-dân sang Lào thời tôi bàn nên lập những cái ấp nhỏ cho con trai sang ở và đặt cách cho họ lấy vợ người Lào. Ấy dân Pháp ngày nay cũng thành-lập theo cách đó. Sau khi các rợ tràn vào thì ở đất nước Pháp vô-số những người các giống ở gần nhau mà không hòa lẫn với nhau. Giáo-hội bấy giờ đặt lệ nghiêm-cấm người trong một họ không được lấy nhau, thành ra các rợ vào ở lẫn với người *Gaulois* không thể không lấy vợ lấy chồng ở ngoài rợ mình, tức là hoặc lấy người *Gaulois*, hoặc lấy người các rợ khác. Ở đây thời lại dễ lắm nữa, vì tục nước các ông vẫn đã cấm người một họ không được lấy lẫn nhau.

...

Nay tôi đã giải rõ cái lẽ di-dân từng đám đông, hàng nghìn vạn người một lúc, chưa phải là một sự khẩn-cấp, và còn lâu đời nữa cũng chưa cần cho lắm, chưa phải đến nỗi nào bất-chước mấy dân dã-man nọ ở Phi-châu và Úc-

châu, đến giết và ăn thịt những người già và người yếu; tôi đã giải rõ rằng còn lâu nữa dân bản-xứ có thể cứ sinh-sản thêm ra không nguy-hiểm gì, tôi đã phân-trần rõ về các lẽ đó, thời nay cũng xin nói lời với ông MARQUET mà khấn-khoản nói về sự cần cho người dân ở đây phải làm thế nào cho mỗi ngày một khỏe-mạnh cần-mẫn thêm lên. Dân phải có mạnh-mẽ siêng-năng, không bệnh-lật, thời mới làm cho đất sinh-sản thêm ra được, thời mới dần-dần chiếm được hết những đất bỏ hoang, thời mới có đủ sức hoạt-động mà làm cho tài-sản trong nước tăng-tiến lên.

Người tàn-tật, kẻ yếu-duối không nên bãi-bỏ đi mà lại nên chữa-chạy chăm-chút cho, để cho bớt đau bớt yếu đi, thứ nhất là phải làm thế nào cho cái số những người ấy mỗi ngày mỗi giảm đi, và không có người mới thêm vào nữa.

Vậy thời phải làm thế nào cho người dân được ăn no, mặc ấm, ở lành, cho con-cái sinh ra được nuôi-nấng chăm-nom từ thửa nhỏ để cho lớn lên được tốt-lành.

Muốn cho được như thế thời phải gia-công làm hơn lên, và làm ăn cho có phương-pháp hơn lên, để cho tài-sản mỗi ngày một tăng-tiến, nhờ có công-nghệ trong nước và số gạo thừa xuất-cảng ra bán ở ngoài, có thể mua của ngoài những đồ ăn bổ hơn để ăn thêm với gạo; có ba thứ tốt hơn nhất, là bột mì, sữa hộp và sô-cô-la, nên truyền-bá cho dân-gian thông-dụng. Lại chăn nuôi trâu bò ở những miền có cỏ tốt, và nuôi theo phép cách-trị cho các bệnh dịch bệnh toi ngày một ít đi và bớt hại; lại khuếch-trương nghề đánh cá và chỉnh - đốn những cách vạ - tải cá tươi đi các nơi, như thế là đủ cung-cấp cho người dân được thêm nhiều thứ đồ ăn bổ tốt hơn là độc một thứ gạo.

Nhân đây cũng nên nhắc qua về một cái công-nghệ rất hay của đời nay, là nghề ướp thịt bằng nước đá. Nghề này đáng lẽ ở Đông-Pháp phải phát-dạt lắm mới phải; tỉnh nào, chợ nào hơi to to ở dọc các đường xe lửa, cũng phải hằng ngày nhận được đủ thịt cá tươi mà ăn mới phải.

Về nghề đánh cá ở các miền bề gần đây, bọn đánh cá bản-xứ không có tàu to không dám đi đến, thì hiện sở cách-trí ở Nha-trang có ông bác-sĩ KREMPF đứng đầu, dùng một cái tàu đánh cá làm phòng thí-nghiệm tên là tàu *De Lanes-san*, đã từng thí-nghiệm được nhiều, ta cũng nên chú-ý; lại có nhiều hội công-nghệ lập ra để lợi-dụng về nghề đánh cá nữa. Có mấy nhà làm báo chỉ biết chỉ-trích người ta mà giá phải chế-tạo ra một trăm cân đồ ăn cũng không nổi, nói phao lên rằng đó lại là cái mưu của bọn tư-bản muốn làm hại kẻ dân đen nước Nam.

Các ông đừng nên làm tai nghe những kẻ báo tin khủng-hoảng đó. Kẻ lý-tài, kẻ tư-bản, kẻ doanh-nghiệp, là những người có ích lắm; chỉ có làm quá thì mới hại mà thôi. Những kẻ ấy thường là người sáng-tạo ra nghề-nghiệp mới, và cũng phải mạo-hiêm nhiều lắm. Có người làm nên giàu có, còn những kẻ thất-cơ lợ-vận thì không ai nói đến. Chưa được bao lâu đây có một công-ti lớn người Pháp ở Bến-thủy vừa phá-sản đây, lỗ mất hơn một trăm vạn đồng-bạc. Bạc ấy là ai mất? là người Pháp và người Anh, không phải người An-Nam.

Những người có công sáng-lập có khi muốn được thưởng-công quá-đáng; nhưng mà công ấy rút lại cũng là có ích-lợi cho cả công-chúng. Không có những người có công sáng-khởi, thì không có sự gì tấn-tối cho được, và hàng triệu người An-Nam, tuy ở cạnh một cái bể rất giàu các thứ cá, ở cạnh những rừng

to có thể biến thành ruộng tốt, mà vẫn phải bó tay chịu chết đói.

Lại nghề nuôi lợn gà cũng có thể pha với các giống tốt ở ngoài, mà cải-lương được nhiều. Ông chủ đồn-diên BOREL đã chịu tốn tiền thử pha một giống gà giá thành được thì ích-lợi cho xứ này nhiều lắm, nhưng mà chẳng ai thiết đến, và con gà sống của ông mua mất bảy-mười-năm đồng để làm giống, bọn cu-li gần đấy bắt trộm để ăn thịt. Báo *Eveil Economique* của tôi đã nhiều lần bàn nên đặt cuộc thi súc-vật mà có phát thưởng; nhưng việc đó Nhà-nước không làm thì các hội riêng cũng có thể làm được. Các ông không nên yêu-cầu ở Nhà-nước quá.

Các điền-chủ, thứ nhất là những người nào có đất cao quá không thể làm ruộng cấy lúa được, thời nên nghĩ cách chọn các giống cây có quả mà pha chiết cho giống thêm tốt lên.

Quan Tổng-dốc Hà-dông đã có khởi-xương ra một việc như thế cũng hay lắm. Ước gì những người có của mà thích chơi cây ở các nơi cũng nên bắt-chước mà theo cái gương đó. Như giống dưa người ta trồng đã nhiều, có hai thứ, một thứ chua và nhạt là thứ thường trồng nhất, một thứ vừa ngọt vừa ngon của vườn thí-nghiệm Phú-thọ đã thử đem giống vào đây, thứ sau ấy trồng cũng chẳng phí-tồn và khó-khăn gì hơn thứ trước. Những sườn núi Tam-đảo và thứ nhất là sườn núi Ba-vi, trồng các giống ấy lại tiện-lợi lắm. Còn những dãy núi xanh tốt về phía Tây, có người đã gọi là núi *Pyrénées* của xứ Bắc-kỳ, ở về giữa khoảng sông Hồng-hà và sông Đà-giang, lại dãy núi ở về giữa khoảng sông Đà-giang và sông Mã-giang, có người đã ví với núi *Jura* ở nước Pháp, thì các núi ấy có thể trồng được đủ các thứ rau quả của Âu-châu, như tào, đào, mận, cam, vả, hạt giẻ, vắn-vắn,

mỗi tuần-lễ có thể chở xuống từng toa đầy được.

Như vậy thì xứ Bắc-kỳ không những dung được gấp đôi số dân bây giờ, mà lại cho ăn, cho ở, cho mặc được thập-phần sung-túc nữa.

Nhưng mà chắc các ông bẽ đi rằng: Khi nào xứ Bắc-kỳ đến 15 triệu người và Đông-Pháp tới 75 triệu, cái mật-độ dân-số cũng ngang bằng nước Ý-dại-lợi, mà đã di-dân ra khắp cả các phương xa rồi, như Nam - dương - quần-đảo, Madagascar, mà đến bây giờ số dân hãy còn nhiều quá, thì phải làm thế nào ? Nhưng mà lo thế tôi gọi là lo xa quá. Từ nay đến bây giờ, cái thời-giờ nó còn rộng lắm, chắc chế-độ phong-tục trong nước các ông biến-cải đi cũng nhiều.

Thứ nhất là có một cái tục hại cho nòi giống, là cái tục lấy vợ sớm, tục ấy chắc các ông rồi cũng sẽ bỏ, và sẽ định một cái tuổi hôn-nhân cao hơn.

Lại có thể bắt-chước đạo Gia-tô, đạo Phật, định cho một phần người trong dân-gian cho phép không lấy vợ lấy chồng để đi tu hành mà làm việc công-ích hay là việc từ-thiện cho xã-hội, như là giáo-dục con trẻ, dạy học luân-lý, khảo-cứu về đạo-học, về khoa-học, chăm nom cho kẻ mù lòa, tàn-tật, đau yếu, dạy-dỗ những con trẻ mồ-côi, v.v....

Ở các tỉnh bên Pháp chúng tôi phong-tục hãy còn thuần-hậu, thứ nhất là những nhà còn tông-cổ, có nhiều con thường lấy làm danh-giá cho một người con trai đi tu làm giáo-sur, người con gái làm bà phước, thường lại có người không chịu đi lấy chồng để ở nhà phụng-dưỡng cha mẹ già hay là trông nom cho con-cái người anh người chị mất sớm. Nhiều nhà ở vùng quê tôi thường thế. Như thế thời chúng-tộc vẫn được mạnh-mẽ, và dân-số có quá tăng lên nhưng không đến nỗi nhiều.

Người Mông-cổ họ lại còn làm quá hơn nữa : một số nhiều người đàn ông trong dân-gian không lấy vợ mà đi tu cả, gọi là đi làm « lát-ma ». Nhờ có cái tục đó mà những dân-tộc ấy không đến nỗi tăng lên nhiều quá, khiến cho nghề canh-nông và tài-sản trong xứ không có đủ mà nuôi được. Chính người Mông-cổ ngày xưa vì sinh-sản ra nhiều quá, đất không đủ nuôi được, lại không biết chịu khó làm ăn, nên những quân của ATTILA và Hốt-tất-liệt mới tràn sang Âu-châu và nước Tàu để tàn-phá dân các nơi ấy.

Giống Mông-cổ vốn là dân-tộc tốt lắm, là một dân-tộc rất đáng yêu ở trong thế-giới này. Nếu biết mở-mang đất nước mình, nếu biết lợi-dụng những sữa bò sữa dê trong nước nhiều lắm mà chế ra sữa đặc, ra bánh sữa để xuất-cảng ra ngoài mà bán, nếu có đường xe-lửa mà vận-tải lông cừu, lông lạc đà, da giống vật và các sản-vật khác để đem bán ra ngoài, rồi lại mua thóc gạo, lúa mì, đường cùng các thực-phẩm khác ở nước ngoài đem về mà dùng, thời số dân trong nước tăng nhiều lên lại là một sự hay cho nhân-loại. Và lại ở chung-quanh còn vô số là đất bỏ hoang, người Mông-cổ cứ việc di-dân sang mà ở, có hại gì cho ai.

Nhưng mà sự mở-mang tài-sản, khai-khản ruộng đất một cách hòa-bình như thế, thời phải chăm-chỉ khó-nhoc, lao-động cần-cù, chứ còn hò nhau mà kéo ủa đi đánh phá đất nước người ta, để cướp lấy công-của làm ăn của người ta, lấy sự chiến-tranh làm một cái khoái-lạc như người Phồ-lỗ-sĩ, thời như thế vẫn dễ hơn và vẫn thú hơn.

Cái cách chiến-tranh đó không giống gì với cái chủ-nghĩa đế-quốc mà có nhiều kẻ ngày nay hay đem lời bài-bác.

Chủ-nghĩa đế-quốc như của nước Pháp nước Anh, làm cho các dân-tộc phồn-tạp ở trong cái bán-đảo Ấn-độ

Chi-na rộng-rãi mệnh-mông này, ở với nhau được yên-ổn hòa-thuận, vui-vẻ thái-bình, chủ-nghĩa ấy thật là một cái hạnh-phước cho xứ này. Nhờ có chủ-nghĩa ấy các ông mới có cái kỷ-luật khôn-ngoa, nếu biết hiểu mà theo thì sau này sẽ trở lên một dân giàu và mạnh.

Tôi nói thế, chắc có người bẻ tôi, như ông MARQUET đã khéo đoán trước vậy. Bẻ rằng: "Muốn làm nên cái sự-nghiệp to tát như thế, thời phải có tài-năng, có học-thức nhiều, vậy mà phần nhiều người dân xứ này ăn uống còn không được no đủ, ốm yếu về các thứ bệnh tật, lại từng qua mấy mươi đời bị nghèo khổ áp-chế, không hề nghĩ đến cái cách cho thoát khỏi cái khổ-cảnh ấy nữa, như vậy mà bảo phải phấn-phát tự-cường làm sao được?"

Bởi thế nên các ông phải biết cho rằng tôi nói đây không phải là nói với cả bản-dân An-Nam, chính là nói với những người tự-xưng là kẻ thượng-lưu trong nước, mà đơng yêu-cầu được cái quyền-lợi tham-dự vào cuộc chính-trị nước nhà.

Vậy tôi xin nói với những bậc thượng-lưu ấy rằng: đó không những là một cái quyền-lợi, mà lại là một cái nghĩa-vụ nữa; nhưng mà làm kẻ hướng-dạo cho dân, không phải là bác-tước dân để lợi lấy mình.

Người ta mong ở các ông, là phải làm thế nào chứ không phải là

cứ bắt-nạt người dân quê, dùng những cách hối-lộ hay là cách cho vay nặng lãi để mà ăn hại đồng-bào đầu, các ông phải tỏ ra rằng các ông biết làm hướng-dạo cho dân để mưu sự lợi-ích cho dân, chứ không phải làm cho riêng mình. Cái nghĩa-vụ của các ông đã rõ-ràng đó. Các ông phải đưa đường chỉ lối cho người dân, phải chỉnh-dốn cách làm ăn, phải mở-mang các sự-nghiệp để tăng-tiến cho tài-sản trong nước. Các ông phải theo gương những người Tây đồn-diễn ở đây, phải theo cách thí-nghiệm của các sở canh-nông, phải đọc sách đọc báo, phải du-lịch các xứ, để cho tự mình có đủ tư-cách làm một đội quân tiên-phong trong cái cuộc chiếm đất hoang ở nước nhà.

Hễ các ông làm được như thế, thì các ông sẽ tự-nhiên thành bọn chủ-trương trong nước.

Các ông làm được như thế thì các ông sẽ biết rằng không cần phải cải-cách chính-trị mới có quyền chủ-trương công việc, tôi khuyên các ông nên gia công gắng sức, làm thế nào mà thắng-đoạt được mình, thắng-đoạt được thổ-dịa khí-hậu trong nước thì bấy giờ cái quyền chủ-trương sẽ tự-khắc vào trong tay các ông.

Nguyễn pháp-văn
của HENRI CUCHEROUSSET
bản-chi dịch ra quốc-ngữ





Hội « Đông-Pháp Hỗ-trợ » (*Foyer des Indochinois*) ở Paris nghênh-tiếp quan Toàn-quyền VARENNE



Kính ảnh hiệu Hương-kỳ

Bà Toàn-quyền VARENNE tiếp các cô nữ-học-sinh trường Sư-phạm Hà-nội

NAM-SỬ LIỆT-TRUYỆN KHẢO CỨU

I

Khai dân-trí chẳng chỉ bằng quốc-sử, quốc-sử vốn là chuồng cảnh-tình, hoàn cầu các nước văn-minh, học-qui dạy trẻ con đầu phải học quốc-sử, khiến cho biết thổ-địa là của tổ-tiên khai-thác, rồi mới biết ái-quốc, biết hợp-quần. Nước Nam ta thừa xưa, sĩ-tử từ tuổi trẻ đến hạc đầu chuyên học Bắc-sử, chỉ bàn việc Hán-Cao Đường-Thái, hỏi đến việc Đinh Lý Trần Lê, với núi kia sông nọ, đều chẳng biết gì cả. Tuy rằng Bắc-sử cũng là tăng tri-lự lắm, nhưng mà bỏ quốc-sử chẳng học, thật là mờ cha không khóc khóc đồng mối, bụt nhà chẳng cần, cần Thích-ca ngoài đường.

Nay Nhà nước mở trường tiểu-học, trường ấu-học, dạy học quốc-sử địa-dư, vẫn là mở đường khai-hóa. Nhưng mà quốc-sử ta, vẫn nhiều điều sai-thác lắm. Nước ta từ Kinh-dương-vương, đến An-dương-vương, vốn rằng đã có văn-tự, mà chưa có sử-quan, lấy ai mà kỷ-sự, vậy nên lắm sự hoang-dân vô-kê, như: Nhất-bảo bách-noãn, Sơn-tinh Thủy-tinh, Kim-qui Thanh-giang-sử các việc.

Đến buổi nội-thuộc Triệu Đà dạy lấy Thi Thư, khi ấy mới có thiên-thư dã-sử, với các nhà sĩ-hoạn tư-phổ, và các sự thực cũng có chép trong Bắc-sử. Vào đời nhà Trần sử-quan có Lê Văn-Hưu đầu làm sử-ký, từ ấy về sau đời đời đều có sử-quan, quốc-sử ta càng được tường-tất. Nhưng mà Mã Viện dựng đồng-trụ, có kẻ nói ở Khâm-châu Cỗ-sâm-dộng, có kẻ nói ở Phú-yên Cư-phong-huyện, có kẻ nói đã lỡ mất xuống bể rồi, có kẻ nói ở Nghệ-an Lam-thanh-sơn, chẳng biết theo đâu làm cứ; với Lê Đại-Hành cư-lý, có kẻ nói người ở Ai-châu, có kẻ nói người ở huyện

Thanh-liêm, chẳng biết theo lời nói nào làm tin. Nay lại tới việc mới hơn trăm năm mà nói, việc Vũ Trần-Thiệu 武陳紹 ở buổi Lê Cảnh-hưng, sách Sử chép rằng Trịnh-chùa muốn cướp nhà Lê, sai Trần-Thiệu đi sứ Tàu, giao cho tờ mật-biểu cầu-phong, Vũ Trần-Thiệu giả hư-ứng cầm đi, đến Động-dinh-hồ Trần-Thiệu bèn đốt tờ mật-biểu rồi uống thuốc tự-tử; mà sách *Thoái-thực-kỷ-văn* với sách *Nhất-thống-chi* đều nói rằng Trần Thiệu đến Động-dinh-hồ, nhân bệnh phong chết, khi ấy quan phó-sứ là Hồ Sĩ-Đồng bèn đốt tờ mật-biểu. Nay người ta có thơ vịnh Trần-Thiệu rằng

Tình trung vinh bá nự phê từ,

情忠榮播御批詞

Khuốc kiến tha thư bán tín nghi.

却見他書半信疑。

Nhất dạ Động-dinh phần mật-biểu,

一夜洞庭焚密表。

Mang mang duy hữu thủy-thần tri.

茫茫唯有水神知。

Lại việc Nguyễn Huy-Trạc 阮鵬澤 ở đời Lê Mãn-đế, sử chép rằng: Tây-sơn đã được Thảng-long, với các cự-thần nhà Lê, bức khiến hợp-biểu khuyến-tiến, Huy-Trạc chẳng chịu, bèn uống thuốc chết, mà Tham-tụng Bùi Huy-Bích trong thi-tập chú-thích rằng: Tây-sơn với các hào-mục đến, Huy-Trạc vừa đến ngụ-quán, trời đã tối, nhân ban đêm cảm bệnh phong chết. việc ấy cũng bán-tin bán-nghi, người ta có thơ vịnh Huy-Trạc rằng:

Quyên sinh tuấn nghĩa tối vì nan,

捐生殉義最爲難。

Sử bút miêu lai nhất thốn đan.

史筆描來一寸丹。

Tế ngoạn Tồn-âm Nhân-vịnh-lập,

細玩存庵閒詠集。

Tri công thiên dữ phúc danh hoàn.

知公大興福名完。

Việc Trần-Thiệu và Huy-Trạc là hai việc quan hệ về cương-thường danh-phân, mà ký-tải khác nhau, tin-nghi không định, hưởng-chi các việc khác hẳn còn sai-lầm lắm.

Vả ba việc lớn trong nước, việc chép sử là đầu, chức-trách sử-quan rất trọng, một lời bao, một lời biếm dè lại muôn đời. Kẻ có điều tốt dè lại, thời được danh-giá tốt, chẳng may mà mang tiếng xấu dè lại thời nghìn năm cũng khó rửa được nào, sử-bút nên công-bình là phải, thế mà sử-bút cũng khó công lắm, bởi vì sử-quan với công-khanh đại-thần là nhiều tình-nghĩ thân-mật lắm, vậy nên việc tốt thời phớt-trương cho rõ, việc chẳng tốt thì cũng phải ẩn-huy đi, sử-bút khó công-bình là bởi thế. Người đời xưa có nói: « Sử-quan đa kỳ họa », xem như Tả Khâu-Minh thời minh, Tư-Mã Thiên thời cung (1), Hàn Cố thời ngục, bởi vì sử-bút cứ sự thực mà chép, người ta mang tiếng oan cũng nhiều, trong u-minh chẳng khỏi âm-trách, cho nên sử-quan nhiều họa-báo, lời ấy cũng theo đường báo-ứng mà nói, nhưng mà sử-bút hay bỉnh-công là phải.

Nay đương buổi đời khai thông, muốn khảo-cứu các sự-tích nước ta để làm pho sách, tôi xin khảo-tầm cổ-diễn, cứ theo các lời sách cựu-thư dã-sử, với phụ-lão truyền-văn, vốn có điều quái-dẫn vô-bằng cũng cứ thực mà thuật lại, chớ không dám có lòng tự-y mà xuyên-tạc phụ-hội, còn như đường nghị-luận, tôi xin lấy thiên-kiến mà bỏ vào, văn-thể thời theo buổi nay, hợp cả hán-tự với quốc-âm, xin rộng hỏi

các đại-gia tư-tàng mà khảo-cứu cho tinh, khiến quốc-sử nước ta làm thành một pho tín-sử rõ-ràng, quốc-lũy quốc-hoa treo gương nhiếp-ảnh cho muôn đời sau, may lắm, trông lắm.

Triệu Âu

趙姬

Nước Nam ta xưa nay bàn kẻ nữ trung hào kiệt, ai cũng khen bà Trưng-vương, nay xem sự-tích bà Triệu, cũng là một hào-kiệt nữ-trung.

Sách sử ngoại-kỷ chép rằng: Triệu Âu người ở quận Cửu-chân, huyện Nông-cống, sinh ra mình cao chín thước, yêu rộng mười vi, vú dài ba thước, tiếng nói như chuông, một ngày đi năm trăm dặm, tuổi hai-mươi chẳng chịu lấy chồng, ở với anh là Triệu Quốc-Đạt, giận chị dâu chẳng hiền, bèn giết đi, trốn vào ở trong núi, cũ-tập được hai nghìn tráng-sĩ, khi ấy vua nước Tàu là Ngô Tôn-Quyền, kỷ-nguyên năm thứ mười-ba, đương tây-lịch năm thứ 226, quan nước Ngô quản-trị nước ta, độc dữ lắm, bà Triệu bèn khởi-binh, người nước theo càng nhiều, anh là Quốc-Đạt nghe em khởi-binh mừng lắm, bèn đem quân hợp với bà Triệu chống nước Ngô, chẳng mấy lâu Quốc-Đạt chết, bà Triệu cầm quân, mặc áo vàng đi giày guốc, giữ núi Đầu-voi (2) cùng với quân nước Ngô đánh nhau, quân-sĩ gọi bà Triệu rằng « Nhị-kiều tướng-quân 燕姬將軍 ». Khi ấy người nước ta có câu hát rằng:

Vú dài ba thước vắt lưng,

Cưỡi voi gióng trống trong rừng kéo-ra.

Một tay gánh vác sơn-hà,

Cho Ngô biết mặt đàn-bà nước Nam.

(1) Cung là cung-bình, cái bô dương-vật.

(2) Núi này đương gọi là Thị-sơn, nay xem về hạt Thành Nghệ còn có nhiều núi Đầu-voi khác nữa.

Lại có câu hát rằng :

*Ru con con ngáy cho lành,
Cho mẹ gánh nước rửa bánh con voi.
Ai coi lên núi mà coi,
Coi bà quân-tượng cười voi bánh vàng.*

Sau nước Ngô sai Lục Dận sang đánh, khiến quân-sĩ đều cởi áo quần, lộ thân-thề, bà Triệu thấy mà hổ - then, chẳng đánh nữa phải chịu thua, chết rồi là thần, người nước ta lập miếu thờ ở làng Phúc-diên (thuộc tỉnh Thanh-hóa) gọi rằng Lệ-Hải-bà-vương 麗海婆王。

Ngô Ngô-phong có khen Trưng-vương rằng : « Vũ trụ linh anh chỉ khi bất chung ư nam nhi chung ư nữ 宇宙精英之氣。不歸於男而歸於女。(1) ». Nay, xem bà Triệu khi-khải đường ấy, cũng là giang-sơn-kỳ-khí.

Nguyên nước ta sơn thanh thủy lục, anh-hùng nhiều, mà anh-thư cũng chẳng ít. Như Bùi Thị-Xuân 裴氏春 là vợ Nguyễn Văn-Diệu, thường phàn-nàn chồng chẳng biết theo dục Cao-hoàng mà đi theo Tây-sơn, có hát rằng :

*Chim khôn không khéo lựa ngành,
Trách người sao phải, trách mình là hơn!*

Đến khi Tây-sơn thua, Thị-Xuân phản-đối với bản-triều vốn rằng dặc-tội, nhưng mà cũng là trả nghĩa cho chồng, người ta có thơ vịnh rằng :

*Muội hận lang-quân thác trạch quân,
妹恨郎君錯擇君。*

*Tông phu nhất tiết bạo 風塵。
從夫一節暴風塵。*

*Nữ-nhi tự hữu anh-hùng đảm,
女兒自有英雄胆。*

*Trưng, Triệu thiên thu hựu nhất nhân。
徵趙千秋又一人。*

Lại như Hoàng Thị-Hân 黃氏欣 người ở đất Đông thành là vợ Vũ Nguyên-Lượng, buổi dục Cao-hoàng trung-hung, Nguyên-Lượng theo ứng-nghĩa, phụng chỉ về đồ tặc-tình, bị giặc nó giết. Thị-Hân lại xin đi thám-thình, để trả nghĩa cho chồng cũng bị giặc nó giết, người ta có thơ khen rằng :

*Phong-vân vô tâm cớ nhĩ Trưng,
風韻無慚右二徵。*

*Tiêm cứu khí tiết bội lẫm-lẫm,
殲仇氣節倍凌凌。*

*Nhân-gian nan đắc thử phu-phụ,
人間難得此夫婦。*

*Dục tán hoàng-dồ bá mỹ xưng。
翊贊皇圖播美稱。*

Các nàng ấy đều là biểu-biểu nữ-giới, song mà chẳng bằng bà Trưng bà Triệu. Bà Triệu vốn canh-liệt mà bà Trưng lại canh-liệt hơn. Bà Trưng vì chồng trả thù, chị cùng em khởi-bình phản-đối nhà Hán, người nước ta có câu hát rằng :

*Thương chồng nên phải gắng công,
Nào ai xưng sắt đá đồng chí đây.*

Là Trưng chết rồi làm thần, miếu ở sông Hát-giang, thật là linh-dị. Buổi giặc Minh quận-huyện nước ta, bà Trưng có báo mộng cho ông Nguyễn Trãi rằng : « Sơn thanh thủy hắc, hữu thánh-nhân xuất (2) ». Nguyễn Trãi bèn vào Lôi-giang tìm Lê - tở, dâng chước bình Ngô, rõ là anh-hùng chính-khí, vạn-cổ thường-linh.

Việc bà Trưng xưa nay kể sĩ-phu đề-vịnh đều là khen cả, cố-Lê tiến-sĩ Đặng Minh-Khiêm có thơ rằng :

*Đương niên khởi dặc bình Tô-Định,
當年豈特平蘇定。*

(1) Khi thiêng liêng trong trời đất, chẳng chung-dục cho con trai, mà chung-dục cho con gái.

(2) Câu này nguyên chép ở sách An-nam Vũ-cống, nghĩa là : trong non xanh nước trắng, sẽ có ông thánh-nhân ra.

Mã Viên cơ phi quốc-thước ông
馬援幾非嬰鑠翁。

Lại có người vịnh thơ rằng:

Tu mi nam-tử cánh đề đầu,
鬚眉男子竟低頭。

Tỉ muội ngang-nhiên báo quốc-thù.
姊妹昂然報國讎。

Đông-Hán lữ phiên Văn Thúc lự,
東漢屢煩文叔慮。

Tây-hồ vô hạn Mã-ông sầu.
西湖無限馬翁愁。

Khả thân trung nhượng phu-quân hận,
可中重壤夫君恨。

Túc tây kinh niên thần thiếp tu.
足洗經年臣妾羞。

Đồng-trụ mạc đàm thiên-số định,
銅柱莫談天數定。

Anh-thư vạn cổ chấn hoàn-cầu.
英雄萬古振寰球。

Lời thơ ấy vốn nói Trưng-vương, công việc chẳng nên, bởi vì thiên-số. Nhưng mà tôi tiếc cho bà Trưng lắm, sáu-mươi thành đã lược-dịnh được rồi, khi Phục-ba kéo quân sang, bà Trưng mà có học-thức, có cơ-quyền, thời làm như Lê-tổ thiết phục mà bắt Liễu-Thắng, Trần Khánh-Dur tiết hậu mà cướp lương giặc, không thời sẽ khoan đánh mà kiên-bích cố-thủ, để cho Hán quân bị-quyền, thế thì Phục-ba đâu là quốc-thước, hồ dễ mà dựng cột đồng ở nước ta được. Bà Trưng công-nghiệp chẳng nên, bởi vì không có học-thức.

Nguyên việc học nó bổ-ích trí khôn cho người ta. Nga nữ-hoàng mà chấn-hưng quốc-thế, gái Nhật-bản mà trừ nghị-quân-cơ, nay Triều-tiên Lý nữ-sĩ cũng lo độc-lập, đều bởi theo nghề học cả. Nước ta xưa nay cứ nệ câu «nữ-tử vô tài nguyên thị đức» mà chẳng cho đi học, bởi vậy cư-xử chẳng biết điều,

kiến-thức càng thiên-lậu. Nay Nhà nước Bảo-hộ đặt nữ-trường dạy nữ-sinh thật là rộng đường khai-hóa, rầy xin làm lệnh cưỡng-bức, hương-thôn nào con gái sáu bảy tuổi, đều sức đi học, chương trình trước học chữ nho, sách Luận-ngữ, sách Mạnh-tử, rồi sẽ học quốc-ngữ, toán-pháp, học chữ Tây, đến tuổi mười bốn mười-lăm thời cho tập nữ-công, ai mà tình-nguyện ở trường theo học cũng cho, thế thời phụ-nhụ đều biết chữ, thoa-quần chẳng kém khách chương-phùng (1), ở trong nhà thời phụ-nhụ mà thành bằng hữu, cũng hưng được gia-đạo, ra việc nước, thời nuông-tử mà gánh việc gian-nan, cũng cường được quốc-thế, rồi mà nữ-giới lắm kẻ hào, lại hơn bà Triệu bà Trưng ngày trước.

Mai Hắc-đế

枚黑帝

Sách Đại-Việt-sử ngoại-kỷ có chép rằng: «Tặc-sủy, Mai Thúc-Loan cứ chu xưng Hắc-đế», vốn rằng kỷ-sự, mà lấy hai chữ: «tặc-sủy» gia cho ông Mai, là lấy công việc chẳng nên, cho nên gọi làm giặc. Nhưng mà cuộc đời có phá-hoại rồi mới có thành-lập, thành vốn là anh-hùng mà bại cũng là anh-hùng, ông Mai nào phải giặc đâu?

Sách Ngoại-thư chép rằng: Mẹ ông Mai Thúc-Loan người ở Nhật-nam, huyện Thiên-lộc, làng Mai-phụ (thuộc tỉnh Hà-tĩnh), khi đi hái dâu giữa bãi cát, gặp mây hắc-long vờn xuống, mình động mà có thai, sinh ra ông Mai mình đen như sắt, trạng-mạo hùng-dũng, không có cha, lấy ở đất Mai phụ gọi làm họ Mai, đến lớn rồi mẹ con đưa nhau ra ở đất Nam-dân, làng Khả-lâm, thuộc tỉnh Nghệ-an. Buổi ấy nước ta nội-thuộc vào nước Tàu nhà Đường,

(1) Chương là mã chương phủ, Phùng là áo phùng-dịch, là bộ mũ áo nhà nho khi xưa.

mà quan Đô-hộ là Nguyễn Sở-Khách, chính-sự tàn hại, ông Mai tức-tối lắm, bèn chiêu-tập binh-mã, lại khiến con là Thiệu-đế Mai Thúc-Huy vào dụ nước Lâm-ấp, nước Chân-lạp, quân hiệu ba-mươi vạn, đắp thành Vạn-an, kéo cờ Hắc-đế, phản-dối với nhà Đường, Buổi ấy đương buổi vua Đường Huyền-tôn, kỹ-hiệu Khai-nguyên năm thứ mười, bèn sai quan nội thị là Dương Tư Húc cùng với Sở-Khách, đem quân sang đánh, ông Mai thua, lui vào núi Hùng-sơn (tục gọi núi Đụn ở địa-phận Nam-dân), vài năm rồi chết, quân sĩ dư-dãng lại sai người vào Lâm-ấp rước Thúc-Huy về, cõ-hợp binh-mã chống với nhà Đường, sau cũng thua mà chết.

Sách Ngoại-thư lại có nói rằng: Ông Mai khởi quân chống nhà Đường thanh-thế như-dộng, vua Đường lo lắm, bèn tha cho nước ta khỏi cống lệ-chi (tức là quả vải), để trấn-tĩnh nhân-tâm. Lại nói: Mẹ ông Mai táng ở Đụn-sơn là đất đại-địa, phát ra ông Mai anh-hùng, chỉ vì bãi cát Sa-nam triều lên, là hoàng-xà nhập-trạch, cho nên ông Mai thua, lui vào núi Đụn, ban đêm kéo quân đi tuần bị con rắn cò cắn mà chết. Lời ấy chẳng qua nhà phong-thủy xuyên-tạc, chẳng đủ tin, nhưng mà truyện cổ có dễ lại.

Xã Khả-lâm, trước gọi là Vạn-an-vệ, có miếu Mai Đại-đế, miếu Mai Thiệu-đế, lại có vọng-lăng, tuế-thời phụng-tự. Nay sách Bảo-huấn chân-kinh có nói rằng: Đại-đế Thiệu-đế có ứng vào đồng-tử làm thơ, chẳng biết thật linh-ứng hay không, mà Đại-đế thơ rằng:

Cát cứ Hoan-châu địa nhất phương,

割據驪州地一方。

Vạn-an thành lũy Vạn-an hương,

萬安城壘萬安鄉。

Lệ-chi tuyệt cống Đường nhi hậu,

荔枝絕貢唐而後。

Dân đáo vu kim thu tứ trường,

民到于今受賜長。

Thiệu-đế thơ rằng:

Lâm-ấp Chiêm-thành thụ chức-phương,

林邑占城受職方。

Vạn dân giả đạo dinh phần hương,

萬民遮道頂焚香。

Lệ-chi vũ trạch thiên kha Việt,

荔枝雨澤千柯結。

Hào lý sương phiêu bát diệp Đường,

桃李霜飄八葉唐。

Việc ông Mai, thấy Nguyễn Taiếp có thơ rằng:

Anh-hùng Mai Thúc-Loan,

英雄梅叔鸞。

Nam-dân huyền-chi có nói rằng:

Giang lưu cồn-cồn, Mai Hắc-đế chi sự-
[ngiệp vô-cùng.

江流滾滾, 梅黑帝之事業無窮。

đều là khen cả, mà lại có người bàn rằng: Ông Mai vốn là oanh-liệt, chẳng hay biết khuất-thân tiến-thoái như Lê-tử mới nên việc, vậy có thơ rằng:

Điều thị Đường-binh bách vạn hùng,

藐視唐兵百萬雄。

Ngô-châu độc-lập thử tiên phong,

吾州獨立此先鋒。

Khi đương Hùng-linh kỳ phiêu hắc,

氣揚雄嶺旗飄黑。

Nộ đảo Lam-giang kiếm dục hồng,

怒倒藍江劍欲紅。

Thiên dữ dầu lỗ đương lôi-lạc,

天與雷轟當磊落。

Nhân phi cầm điều khẳng lao-lung,

人非禽鳥肯牢籠。

Khuất thân nhược hữu Lê-hoàng trí,

屈伸若有黎皇智。

Ngũ linh hà nan nhập tị trung,

五靈何難入袖中。

Lời ấy nói cũng phải, nhưng mà chưa thâm-thời thức-thế. Nguyên nhà Đường buổi ấy toàn-thịnh, quân ông Mai chẳng qua là phường ô-hợp, nào có tướng-lá như Nguyễn Trãi, Nguyễn Xí đâu, vả lại ân-trạch nhà Đường

thiếp-hợp, dân nước ta đều là Âu-Sa, chẳng phải như buổi Lê-tở, chính-sự nhà Minh bạo-ngược, dân đều ta-oán, có một người vỗ tay thời đều theo cả; còn ngoại-giới có Lâm-ấp, Chân-lạp, chẳng qua là nước dã-man, nên đương được trung-quốc trường-kỷ, ông Mai thua là phải.

Lại có người chê ông Mai rằng: Nước đương buổi nội-tauộc thời-kỷ, dân tộc còn Âu-trĩ, nhờ Hán-Tây khai-hóa mới có văn-phong, buổi ông Mai ấy, nhà Đường vẫn trị nước đây, ta nên một niềm phục-tông, nhờ đó khai-hóa là phải, xem như Lý Cầm, Lý Tiễn, Khương Công-Phụ, vẫn là tùy thế tạo công-danh, song mà có các người ấy phục-tông, rồi mới có ông Đinh-hoàng, ông Lê-tở tự-lập, ông Mai chẳng hay hướng-lực, mà đem lòng phản-dối, rồi cũng như câu ngạn rằng:

*Chim chích mà gieo bồ-nóng,
Nó giờ mổ cần tay ông xin chừa.*

Lời ban ấy vốn phải, nhưng mà ông Mai nghĩ rằng: Một Sô-Khách dân dã khổ, trăm Sô-Khách dân nào chịu được. Vẫn biết là thế-lực phất-dịch, thà là thịt nát xương tan, làm một trận tan-hoang, cho nhà Đường biết nước ta có người mà chẳng dám hạ áp-chế độc-thủ, ông Mai thật là khổ-lâm lắm, vậy nên người ta có thơ khen rằng:

*Dám đấu châu châu đấu ông voi,
Tức với non sông phải rúc còi.
Quê-hải thử khua chuông thức dậy,
Lê-viên vắng thấy ngựa giông đời.
Sấm vang núi Đụn lòng muốn dậm,
Sóng rợn sông Lam trái mấy hồi.
Thành bại chẳng qua là vận-hội,
Ngàn năm còn để tiếng ông Mai.*

Buổi Hậu-Lê Nguyễn Giám-sinh có làm lời hát đề dâng rượu khi tế rằng: Người tái mặt đã dừng trong trời đất, Nợ tang-dòng phải trả với non sông. Gấm xưa nay mấy kẻ anh-hùng, Mai đại-đế vẫn có lòng ái-quốc

*Thừa bờ cõi đương cơn nội-thuộc,
Tức gan lên nhai ngựa mùa giông.
Trả phong-sương mây độ Hồng Lam,
Khua chuông đề quốc-hiến tỉnh biết.*

*Có hận khi thành tâm hữu Việt,
Cạnh-tranh đời đại mục vô Đường;
競爭那大目無唐。*

*Rằng oanh-oanh liệt-liệt tổ nhất trường,
轟轟烈烈做一場。*

*Dẫu rằng được dẫu rằng thua nào kể,
Cuộc tang-hải trời mấy lần hưng-thế,
Thành Vạn-an còn để tiếng hào-hùng.
Sóng sông Giang thấp-thoảng trống rong,
Cây núi Đụn lơ-mờ cỏ phất.
Chín suối hãy hương-hồn kịch-liệt,
Một châu từng miếu mạo vinh-quang,
Thật rằng vận-cổ lưu-phương!*

Xem thế thời biết ông Mai vẫn rằng không thờ-thời thức-thế, nhưng mà có lòng ái-quốc, chẳng phải là giặc đầu. Sách sử chép rằng « tức-sủy » thật là quá-khắc!

Trần Thời-Kiến 陳 晨 見

Nam sử Lê Văn-Hưu bản việc lịch-triều, khen rằng Trần-triều là nhân-tài thịnh lắm. Nay xem đời Trần có văn-thần là Trần Thời-Kiến, thật là kẻ liêm-khiết chính-sĩ.

Trần Thời-Kiến người ở làng Cư-sa, huyện Đông-triều (thửa cũ thuộc về tỉnh Hải-dương), làm người cương-trực, dẫu làm môn khách ông Hưng đạo, rồi ông Hưng đạo cử lên, vua Nhân-tôn cho làm An-phủ-sứ phủ Thiên trường. Buổi ấy giặc Nguyên sang cướp, vua khiến Thời-Kiến lời quế, được quế lời địa Dự biến sang bát-thuần Chấn, đoán rằng giặc Nguyên thua, rồi hãm nhâm. Đến niên-hiệu Trùng-hung năm thứ hai, giặc Nguyên lại sang cướp, vua lại khiến Thời-Kiến

hỏi được quẻ phong-dịa Quán, hiển sang phong-thủy Hoán. Thời-Kiến đoán rằng: Hoán là ly-tán chi tượng, rồi giặc Nguyên cả thua ở sông Bạch-dăng Nhân-tôn khen có tài, cho làm An-phủ-sứ đất An-khang. Đến đời Anh-tôn, làm quac Kiểm-pháp xử kiện công-bình minh-đoán, người đều khen rằng: khả-dĩ chiết-ngục. Trãi làm chức Hành-khiển giặc nghị, vua ban cho hốt, có lời mình rằng:

Thái sơn trình cao,

秦山貞高。

Tượng hốt trình liệt,

象筭身烈。

Chẳng mấy lâu mắc tội ăn-nặc dân đình phải truất. Anh-tôn biết rằng không phải bản-tâm, lại cho làm Tham-tri chính-sự, sau thăng đến chức Tá-bộc-xa.

Thời-Kiến khi làm An-phủ Thiên-trường, có một tên dân, ngày kỵ đưa bản-soan tiến kính, Thời-Kiến hỏi có việc gì hay không, tên dân thưa rằng: Ở gần li-sơ, nhân có kỵ-nhật xin dâng, không dám có xin việc gì. Cách mấy ngày tên dân ấy, lấy việc thỉnh-thác, Thời-Kiến bèn móc họng nhả ra; sau rồi người ta chẳng ai dám thỉnh-thác việc gì, mà dân cũng đều là kính sợ.

Thời-Kiến sinh-bình, sĩ-hoạn có tiếng thanh-bạch, mà có người lại chê rằng: Trong-Ni bất vi di thậm 仲尼不爲己甚 (1), người ta có thỉnh-thác, nên lấy công-lý mà nói, lẽ nào móc họng mà nhả, thật là bất-cận nhân-thân, cũng là một phái hương-nguyên (2). Nhưng mà chẳng biết Thời-Kiến làm ra thế để mà thao-thủ cho kiên, sau dầu gặp việc lợi hại lớn, thời nhớ đến việc

móc họng ấy, dầu nghìn vàng cũng chẳng chuyển lòng này. Đức Đức-tôn vịnh sử khen rằng:

Bản xon nhất ngộ do thâm thò,

盤餐一誤猶探吐。

Thằng chi tham-tuyền tất địch trính,

餽至貪泉必易墮。

Cổ-Le Tiên-sĩ Đặng Minh-Khiêm có thơ rằng:

Thâm hầu tiết-thảo lâm nan khê,

探喉節操淪難歎。

Chiết ngục duy lương chúng sở suy,

折獄惟良衆所推。

Cũng đều là khen liêm khiết cả. Lại người trong đời có thơ quốc-ngữ khen rằng:

Mặn lạt mùi dòi nếm đã từng,

Thối nhả nuốt bạch giữ **khăng-khăng**.

Lật-lừa miệng thể dôi mùi ngọt,

Trong-trẻo lòng ta một tấm băng.

Tà cuốn thanh-phong nâng hốt ngọc,

Án treo minh-nguyệt rơi cầm trắng.

Mấy người cân-dải nên ghi dụ,

Chớ để hoàng-kim giắt khoe rằng.

Vậy có kẻ bàn cảnh-tượng nước ta ngày nay gặp hội văn-minh, nhà nước hảo-hộ, trên thời thứ-sự canh-tân, dưới thời tứ-dân lạc-nghiệp, phỏng khiến quan phủ huyện, cứ giữ điều liêm-khiết, dân hương-thôn hay biết điều lễ-nghĩa, thời thiệt là một nước thái-bình, nguyên rằng phủ huyện là chức thân-dân, mình hay liêm-khiết, thời hảo-lý cũng chẳng dám tạ-sự tư-niêu (2), thân-cổ cũng chẳng dám tư-tình thỉnh-thác, chốn tứ-tri là mật, mà ảnh-hưởng rất to, nhưng mà không muốn hoàng-kim bắc tâm, thời phải như Trâu Kiến thủ-khẩu mới được.

(1) Nghĩa là ông Khổng-tử không cự-tuyệt người ta quá lắm.

(2) Là người giữ đạo-đức, giữ cách cẩn-thận.

(3) Tư sự tư-niêu 藉事滋擾 = nhờ có việc gì đã quấy rối thêm.

Hàn Thuyên

韓 詮

Cảm-dộng lòng người chẳng chỉ bằng văn-tự, khua kêu hồn nước, không chỉ bằng quốc-âm. Nguyên quốc-âm là thiên-địa phong-khí đúc ra, sơn-xuyên tinh-huyết chảy ra, trong hoàn-cầu, đã có nước thì có thổ-âm, từ tổ-tiên đến đời mình, cũng nói một thổ-âm ấy, từ lúc nhỏ đến già-cả cũng nói một thổ-âm ấy, văn-thê mà làm thê quốc-cảm, thời hạ-lưu xã-hội với nhi-dòng phụ-nữ đều tỏ cả. Quốc sử ta nói văn-sĩ đời nhà Trần, Hàn Thuyên, Nguyễn Sĩ-Cố 阮士固 hay làm thi-phú quốc-ngữ, văn-thê quốc-ngữ nước ta bắt đầu từ đây, sử-gia vốn cứ thực mà chép, cho Hàn Thuyên là văn-sĩ, mà tôi thì cho làm có công thế-giáo lắm lắm.

Hàn Thuyên nguyên họ Nguyễn, người ở làng Thanh-khe, huyện Thanh-lâm (xưa thuộc về phủ Nam-sách Hải-dương), đời Trần Thái-tôn đỗ Thái học-sinh, trải đời Nhân-tôn làm Hình-bộ Thượng-thư, buổi ấy sông Lô-giang có cá ngac, Nguyễn Thuyên làm bài văn thả xuống sông, cá ngac bỏ đi, vua Nhân-tôn lấy làm việc giống Hàn Dũ, bèn cho họ rằng họ Hàn. Lại có làm ra *Phi-sa dân-lập* để truyền đời.

Tôi thiên-nghĩ rằng: Hàn Thuyên sinh - bình hạnh - kiem chẳng biết là nhân-cách bậc nào, làm văn mà cá ngac đi, cũng là ngẫu-nhĩ mà may, chưa dám chắc là tin-thành cảm-dộng, nhưng mà xướng làm quốc-ngữ văn-thê mở đường cho kẻ đời sau, thời Hàn Thuyên thật là Nam-giao học-tổ.

Kể từ Hàn Thuyên làm quốc-ngữ, rồi mà quốc-ngữ văn-thê, lạn-trương (1) buổi Hồ Quý-Ly, buổi Lê Thánh-tôn,

đến Hậu-Lê, mà quốc-ngữ thao-thiên (2), xem như Nguyễn Nghiễm thi đình đỗ Hoàng-giáp, bởi quốc-ngữ mà nổi tiếng (có làm bài phú Không-lử mộng Chu-công) Trần Danh-Đào dâng thư nói thời-chính dùng quốc-ngữ mà trần-tình, Phạm Huy-Khiêm dịch lời quốc-ngữ mà dạy quân-sĩ. Lê Duy-Mật, Nguyễn Hữu-Chỉnh làm lịch quốc-ngữ mà cổ-dộng nhân-tâm, bản-triều Tiên-diễn Nguyễn Du *Thúy Kiều* một lực, vẫn rằng phong-hoa tuyết nguyệt là giọng phong-tình, nhưng mà vốn là tâm-sự mình bất-sự nhĩ-tình, lời trung-hiếu, lời tiết-liệt, nhiều câu khuyên người làm thiện, trải đời nay nhà nào cũng có, người nào cũng đọc, cũng có kẻ biết giữ-gìn bản-linh, thật là có công với thế-giáo lắm, thi cũng bởi Hàn Thuyên dựng cơ xich-xi ở tạo-dân buổi trước.

Nguyên các nước, đều cũng biết-chế văn-tự cả, xem như thừa trước, nước Tây-hạ, nguyên hiệu cũng biệt chế tiền-di văn-tự, nay Nhật-bản cũng biệt làm một cách chữ, nước ta là nước văn hiển, nay xin lấy chữ quốc-âm (bản quốc-âm cộng mười bảy vạn (170,000) chữ). Các sách *Phan-Trần, Thúy-Kiều* định-chính lại làm một cách chữ quốc-ngữ, không thời theo phép viết tượng-hình, như 〇 là chữ mặt trời, 月 là chữ mặt trăng, 山 là chữ núi, 水 là chữ nước, 草 là chữ cỏ, 木 là chữ cây, 鳥 là chữ chim, 虫 là chữ con thỏ, lại gia thêm giả-tả phiên-thiết thành luật để làm một pho sách Nam-quốc tự-diễn, chữ Thái-Tây thời tông tá chỉ hữu, nước ta ở Á-Đông tự-hoạch thời nên theo Thư-tụng tự-hữu chỉ tá, sau có buổi may ra, chữ Nam cùng chữ Hán chữ Tây, mà biến khắp hoàn-cầu.

(1) Lạn-trương 瀾 旌 = nghìn đóa là nước chảy, ngàn phướn, nghĩa bóng là mới trước.

(2) Thao-thiên 滔 天 = nghĩa là đầy-dẫy lên đến trời, nghìn trùng là thiên-trượng.

Vả nước ta là đồng hoàng-tộc, vốn
răng minh-mẫn, nhưng mà điển-phu
đã-lão, nhi-dồng phụ-nữ ít kẻ đi học,
vậy nên nhân-cách có kẻ đê-liệt lắm,
chưa nói rằng khi-cơ kỹ-nghệ, chẳng
bằng Thái-Tây, mà tâm-địa cư-xử cũng
chẳng bằng Thái-Tây, mấy lâu nay theo
văn-minh chính-thể, hậu-dãi nhân-
cách, mà thói lộn roi vọt, rồi ra dân-
gian đã không học-thức, càng thêm
kiêu-ngạo, cứ thói tư-hiềm tiều-lợi,
quen lẽ bất-hiểu bất-mục, cũng có kẻ
bất-chước Thái-Tây tự-do, mà chẳng
biết người Thái-Tây học hành lắm rồi
mới biết nẻo tự-do, người nước ta chưa
biết cách học, chỉ sợ rằng họa-hổ bất-
thành; nay nói đến phong-tục nước ta,
Giáo-sinh phòng ở huêi chừ, biết bao
nhiều thái-tức, nay muốn di-phương dịch-
tục, nên lấy quốc-ngữ văn-thể hiệu-
thị làm dấu, dám xin lấy *Dục-tôn Luận-
ngữ* quốc-âm, lại diễn thêm một bản
Hại học Mạnh-tử quốc-ngữ ban-bố ra,
hễ đến ngày thứ nhất thứ năm, thầy
giáo các trường học, cứ đi khắp xã-
thôn, ngồi đình-trung tuyên-giảng, đòi
dân-thôn ra nghe, hảo-lý chẳng được
hư-ứng, thế thời cách-diện cách-tâm
(1), tự nhiên tự hiểu, rồi xem *Viêm-
hạng* quốc-ngữ vang lừng tịch-hạng
cùng-lư, mà tị-độc khả-phong, lại thói
ca-cù kích-nhường (2).

HS Qm-Ly

藥 案 錄

Sử Tàu Hứa Thiệu có nói Tào Tháo rằng: « Người là bậc năng thần ở đời trị, mà là tay gian-hung ở đời loạn 子治世之能經。亂世之奸雄。», bây giờ ai cũng cho là phạm-bình-dịch-dương. Nhưng mà xem xưa nay đã năng-thần thời có phải gian-hung đâu, đã

gian-hung thời có được năng-thần đâu, há có lẽ một người mà gồm cả năng-thần gian-hung được ru? Nước ta kẻ sĩ-phu đều lấy gian-hung mà mục cho Quí-Lý, tôi thiên-nghĩ cho Quí-Lý là kẻ năng-thần, nào phải gian-hung đâu.

Hồ Qui-lý người làng Đại-lại, huyện Vĩnh-phước (nay thuộc phủ Quảng-hóa tỉnh Thanh-hóa). Nguyên tổ-tiên là Hồ Hưng-Dật, người nước Tàn đất Chiết-giang, buổi Ngũ-qui sang làm Thái-thủ Diên-châu sinh hạ con cháu, chia ở làng Bào-dột, làng Thử-thành (thuộc huyện Đông-thành). Một chi Thử-thành sinh ra Hồ Tôn-Thốc, Hồ Đồn, Hồ Thành, cha con đều trạng-nguyên, Trần thượng-tướng Quang - Khải có mừng thơ rằng :

Lộ phi Hồi dã mi nan kế,
路非回也美難繼。

Tịch hữu Sâm hồ đạo dĩ tồn.
哲有參乎道愈尊。

Một chi Tào-dột cháu là Hồ Liêm ra Thanh-hóa làm con nuôi Lê Huấn, đổi làm họ Lê, trải bốn đời sinh ra Qui-Ly. Đời truyền Qui-Ly là con cừu vĩ hồ tinh ở thành Thăng-lông hóa sinh ra, Qui-Ly làm người thông-tuệ khác thường, thuở trẻ học võ-ngệ với Sư Hiền, đủ cả tài văn võ, ở với chị đều làm cung-phủ Trần Minh-tôn, buổi đời Trần Nghệ-tôn cho Qui-Ly làm quan Chi-hậu, gả cho Huy-ninh công-chúa, lại gia chức Xu-mật, khi ấy Xiêm-thành ra cướp Thanh-hóa, Qui-Ly lĩnh thủy-quân, hộ-tướng là Kim-Ngao, tới trận thoắt sức, Qui-Ly bèn chém ngay, quân-sĩ đều kinh sợ, ra sức đánh, giặc Xiêm bèn thua chạy, bởi ấy có công lĩnh chức Nguyên-nhung, ban cho kỳ-kiếm, đến buổi Phế-đế thấy Qui-Ly uy-quyền thái-trọng, muốn ám mưu để giết Qui-

(1) Cách dùng cách này 點 數 第 一 = đời một đời lòng

(t) 76 nhà phông, ca cũ kích thước 地屋可樂, 歌術型房 = nhiều nhà có phông tục
nhà, đều sẽ đẹp mà bất chừa ở đường.

Ly, Qui-Ly bèn nói với Thượng-hoàng bỏ Phế-đế mà lập Thuận-tôn, thượng-hoàng lại khiến Qui-Ly phụ-chính, ban cho đồ Tử-phụ, Qui-Ly bèn dịch thiên Vô-dật làm quốc-ngữ để dạy quan-gia, dịch nghĩa kinh Thi làm quốc-ngữ để dạy cung-phi, lại sai Đậu Mẫn về Thanh-hóa xây thành Yên-tôn, để rước vua về đóng-kê chơ. khi ấy Qui-Ly thấy nhân-tình nhiều qui-phụ mình, bèn bức Thuận-tôn truyền vị cho Thiếu-đế, mình nhiếp-chính, tự-xưng quốc-tổ, chưa mấy lâu, Qui-Ly sợ các tôi nhà Trần phản-đối mình, bèn bỏ Thiếu-đế mà tự-lập, cải hiệu rằng nước Đại-Ngu, trở lại làm họ Hồ.

Nguyên nhà Minh nước Tàu muốn lấy nước Nam ta đã lâu, buổi ấy vua Minh là Thành-tổ, niên-hiệu Vĩnh-lạc, vừa buổi cường-thịnh, thấy Qui-Ly cướp Trần, muốn tương-kế tự-kế, giả lấy thảo Hồ phục Trần làm tiếng, mà quân-huyện nước ta, bèn sai quân giả đem Trần Thiêm-Bình về nước, chẳng may bị thua mà về, lại có người nước ta là Đậu Bá-Kỳ sang kêu với nhà Minh tự xưng Nam-triều nghĩa-sĩ, xin làm hướng-dạo đưa quân về phục-thù, nhà Minh bèn khiến Trương-Phụ, Mộc-Thạnh kéo quân vào cửa quan, thừa-thắng thẳng đến Đông-dô, cha con Qui-Ly vượt bể chạy về Thanh-hóa, khi ấy người nước ta, thấy quân Minh yếu bằng nói lập con cháu nhà Trần, tưởng là thực, bèn nửa phần về phụ nhà Minh, Qui-Ly thế cô, đánh chẳng được, chạy về Nhật-nam, bến Kỳ-la, xứ Cơ-lê, núi Thiên-cầm, cha con đều bị giặc bắt giải về Kiêu-lăng.

Việc Qui-Ly xưa nay ai cũng chê rằng gian-hung, lời phong-dao hát rằng:

Mẹ gà con vịt chít-chiu,

Mấy đời mẹ ghẻ nâng-niêu con chồng,

cũng là cười Qui-Ly cả; nay trong đời

có người lại suy nguyên công việc làm

của Qui-Ly mà khen rằng: kể từ khi

Qui-Ly giúp Thuận-đế làm các việc là phải làm, chẳng những đặt giang-quan tuần-thủ, cấp học-diễn cho các xứ, đặt giám-thị để thông-thương mậu-dịch, lập thường-bình để cứu dân cơ-cận là phải, mà lại làm tiền giấy thông-báo, hội-phiếu họa hình long lân qui phượng, ấy là chước Thái-Tây ngàn - phiêu; định - bạ thì hai tuổi đã trước-bạ, cuối năm xem xét, ấy là chước Thái-Tây sinh-tử-bạ; lập lệ hạn-diễn, bình-dân chỉ mười mẫu, ấy là chước Thái-Tây quân-diễn, sức điền-chủ cấm nề họ tên ở trên các ruộng cho khỏi điều tranh-tung ấy là chước Thái-Tây trình tòa trước-bạ; đắp đê-yên ngự nước mận để lợi điền-hóa, ấy là chước Thái-Tây khai cừ xây cống; đặt quảng-tế-viện y-quan, ấy là chước Thái-tây y-viện; di-dân vào Thăng-hoa Tư-nghĩa, ấy là chước Thái-Tây thực-dân; và lại phép thi lấy thư-toán, mở đường toán-pháp cho ông trạng Lương Cửu-Chương; đắp đường thiên lý từ Thanh-hóa vào Thuận-hóa, mở đường cho nhà Lê về sau làm quan-lộ; kẻ sĩ phò Nguyễn Dạng-Phủ dâng thư cưỡi mặc áo hồ-hoàng, mà chẳng làm tội, thật là có lượng bao-dung. Xem Qui-Ly đương buổi tây-lịch 1411, khi ấy các nước Âu-châu, chưa đến trình-đồ bán-khai, mà nước ta đã có Qui-Ly bày đặt các việc, trước đã khêu đèn văn-minh, phỏng Bá-Kỳ chẳng đưa quân Minh về trở-nganh, để cho Qui-Ly hết sức kinh-lý giang-sơn, trăng-tán nhật-nguyệt, nước ta hẳn kéo cờ văn-minh thủ-xuất trước các nước ở bên Đông-Á. Chẳng hay Bá-Kỳ cố-chấp phục-thù chủ-ngĩa đem quân Minh về phá đám, khiến cho Qui-Ly chẳng được thỏa chí kinh-luân, nước ta chẳng được mau đường tiến-hóa. Văn hay rằng: «Bát nguyệt sơn-ha, thập nguyệt long-xa», nhằm như lời thần mộng, «Bắc-vọng đồ cùng, Kỳ-la hồn đoạn», hẳn như lời thủy tổ Na-sơn, vốn là

thiên-số, mà cũng bởi Bá-Kỳ đayễn-dẫn. Nhưng mà nhà Minh được nước ta chẳng mấy năm rồi phải thua ông Lê-tổ, từ-di đều khinh rẻ cả. Sách Minh-sử nói nhà Minh mất nước, bởi vì năm Vĩnh-lạc lấy nước Nam là thất sách, thời Bá-Kỳ làm, mà nhà Minh cũng là một kẻ lầm.

Và nê chữ cương-thường mà chẳng biết quyền-biến, xưa nay vốn là thông-bệnh, xem như người Cáp người Tho, theo loạn-mệnh mà chết, Nhạc Vũ-Mục cứ chấp-kinh mà thua là thế. Nay trong hoàn-cầu có một vài nước dã-man, chẳng muốn người nước khác đến khai-hóa cứ lấy ngoại-nhương (1) làm chủ-nghĩa, ra sức đả-trử, rồi cứ dã-man mãi mãi cũng là một môn phái Bá-Kỳ cả, vậy nên người ta có thơ chê Bá-Kỳ mà tiếc cho Qui-Lý rằng:

Vì chữ cương-thường phải phục thù,
Rước voi giẫy mà kéo bầy trở!
Văn-minh chẳng để cho người Việt,
Tàn-hại rồi ra mặc chủ Ngô.
Tư-nghĩa mở-mang nhờ kẻ lầm,
Cò-lâu mất-mát bởi ai mớ? (2)
Biết rằng binh-trị trời chưa muốn,
Thịnh-sử nghìn năm tiếng Nhượng-Hồ

Và Qui-Lý vốn là tay chính-trị giỏi, và cũng là một nhà nghị-luân giỏi. Qui-Lý thường chê tiên Dũ là đạo-nho (3), Chu, Trình Trương Chu là không thiết sự thực, cũng có lẽ phải; lại bàn Luận-ngữ từ-nghĩ, như: "Tứ kiến Nam tử, 子見南子, - Tứ tuyệt lương tại Trần 子絕糧在陳, - Công-Son, Phất-Bật triều, 欲往公山佛肸召欲往 (4)", mà lại muốn lập Văn-miến tôn Chu-công làm tiên-thành, Khổng-tử mà làm tiên-sư là sai. Nguyên Qui-Lý chỉ nghiêng-cửu về đường chính-trị, thấy

ông Chu chế-tác có thực-hiệu, cho nên tôn ông Chu, chẳng biết đạo-pháp Khổng-lữ là vạn-thế vô-tệ.

Có kẻ lại suy-nguyên đến cảnh-ngộ Qui-Lý mà bàn rằng: Qui-Lý phỏng gặp được Trần thịnh-thời về buổi Nhân-tôn, Thành-tôn, thời kinh-hoạch thất-tri, rõ-ràng là kẻ năng thần nước ta, chẳng may mà gặp Phế-đế. Thuận-tôn lại là hôn-âm, dầu muốn làm các việc lợi-ích, lại không được theo-túng tự-do, mà lại xem nhân-tình xu-phụ mình nhiều, thế thành kỳ hổ, bên theo sách Mạnh-tử bảo rằng: "Hữu Y-Doãn chỉ chi tắc khả" (5), bất-đắc dĩ phải mang tiếng theo-doat, để mà ra tay kinh-tế; và nhà Trần khi ấy ách-văn, Qui-Lý không cướp, cũng vào tay người khác; cứ chữ kinh-thường mà nói, thời Thang Vũ cũng chẳng khỏi phùng-phạt, Đường Thái, Tống Tể, Minh Thành-tổ, với nước ta Lê Đại-hành, Lý Công-Uân cũng là thế cả, cho nên người ta có thơ vinh Qui-Lý rằng:

Ngư gia tuy bại hữu thủy liên,
誰家盡敗有誰憐.
Xích chủy phùng thời ác đại quyền,
赤鯀逢時握大權.
Học thức càng năng kinh hoach hảo,
學識更能經畫好.
Văn hà biếm Khổng tác trung hiền,
文何貶孔作中賢.

Và Qui-Lý đặt lệ nạp ngư từ tước, nạp điền thực-tội, nhà cựu-sử nhà tân-sử đều chê cả, mà chúng tôi lấy làm phải lắm. Nay văn-minh chính-thể có cho nộp ngân chuộc tội, nhưng ngân lợi ít, mà ruộng lợi nhiều. Nay cho tước cũng cho nộp trâu nộp ruộng, chuộc tội cũng cho nộp trâu nộp ruộng, mộ dân mà

(1) Ngoại nhương 外攘 = hướng đuổi nước ngoài.

(2) Bối Hoàng Hối-Khưu hứa cho nhà Minh mắc lưới Cò-lâu.

(3) Bao là trộm, chớ Hán Dũ không được là chủ-nho.

(4) Như việc Khổng-tử yết-kiến nàng Nam tử, và tước tuyệt lương ở nước Trần-Công-Son, Phất-Bật làm phản triều ngai, mà ngài muốn đi, đều là việc đáng ngờ cả.

(5) Tả Mạnh bảo rằng: "Có cái chi như ông Y-Doãn thì mới nên cướp lấy."

cây ruộng ấy, trừ lăm lăm một kho dự bị để cứu khi hung hoang thủy hạn, thời là lợi-ích lăm lăm.

Xưa nay văn sĩ tiết-doan, ham làm cao luận như Minh-nho khen Tần Cối hòa Kim là tái-tạo chí công, Thanh-sứ khen Trịnh-chúa giúp Lê, là khai-tịch vi hữu, đều là nghị luận câu-kỳ, chúng tôi học thức tầm thường, chẳng dám làm xử sĩ hoạnh nghị, bỏ điều cương-thường mà mở đường loạn-tặc, nhưng mà tới chính-trị-giới mà bàn, thì Qui-Ly khai-hạp vận-dộng các việc thật là trên lịch-sử chính-trị có vẻ-vang. Kể sĩ-phu trong đời làm quan một châu một huyện, chính-trị chẳng có gì xuất-sắc, một mai thành phá bị giặc bắn, trận thua bị giặc giết, cũng được tiếng trung-nghĩa, Qui-Ly chính-trị như thế, lại mang tiếng gian-hùng, chẳng biết một mình được tiếng trung-nghĩa hơn, hay là muốn dần được nhờ lợi-ích ấy là hơn. Và xem Qui-Ly Minh-đạo mười bốn thiên, đức Dục-tôn Việt-sử ngữ phê rằng : « Ly sở ngôn vị vi tuyền

phi 離所言未為益非 » (1), là biết Qui-Ly vẫn chẳng muốn làm trung-thần, mà cũng là kẻ năng-thần. Người nước ta có vịnh ông Phạm Đình-Trọng rằng : « Đại tài sinh tiền bang 大才生小邦 » (2), xem như Qui-Ly; Nguyễn Hữu-Chỉnh, cũng là đại-tài cả, các nước cười nước ta rằng « Thủy mẫu vô mục, phạn-đãi vô tri 水母無目,飯袋無知 » (3), xem như Qui-Ly, Nguyễn Hữu-Chỉnh, các nước được mấy người như thế. Phỏng khiến các người ấy sinh ra Âu-châu, mà nghiên-cứu thực-học, gặp được vận-hội, cũng chẳng kém gì Hoa-thịnh-đốn, Nã-phá-luân. Con Qui-Ly là Nguyễn-Trừng bắt về nước Minh, chề sông thần-cơ, thất là xáo-tiếp, mới biết nước ta giàu-sơn-chung-tú, chẳng thiếu chi nhân-tài; năm trước Nga Thái-tử dụ-lãm nước ta, khen rằng sơn-thủy thanh-kỳ, nhân-vật tuấn-tú, vốn là phải.

(Còn nữa)

LÊ THỨC-THƯỜNG (Nghệ-an)

LỜI CẢM-CỰU VỀ MẤY NGÀY CHƠI BẮC-NINH

Phạm đi chơi, chỗ nào là chỗ chẳng giang-sơn ấy, thành-quách ấy, nhân-vật ấy, phong-cảnh ấy, duy về sự cảm-tưởng, thì mỗi người mỗi khác, mà trong một người khi đi chơi cũng mỗi chỗ mỗi khác.

Tỉnh-thành Bắc-ninh kia, có xa gì đâu. Tự Hà-nội sang Bắc-ninh, đi xe máy xe lửa chỉ trong một vài giờ, đi xe tay chỉ trong nửa ngày. Già chân nhà nho, gặp buổi mát trời, thùng-thỉnh đi đất, lăm bấu lăm bấu với mấy

chú lao-động, chia bài xẻ ngọt với mấy cô hàng nước, gửi tình gửi tình với cây cỏ để giần, đem tâm đem sự với non sông vũ-trụ, mà vừa đi vừa chơi, thì cũng chỉ trong một ngày là tới nơi. Và lại, kỳ-giả cũng không phải là con nhà sinh-trưởng an-lạc, đủ được ham-mơi sân bãi nấu-nướng, mà không phải bước chân ra khỏi cửa bao giờ. Nhưng cũng vì cái tình hay tu, đã tu thì cũng muốn tu cho trót; mà lại hay chơi, đã chơi thì cũng muốn chơi cho

(1) Những lời Qui-Ly nói chưa đủ trái cả.

(2) Tài lớn sinh ở nước nhỏ.

(3) Con sữa không có mắt. Cái túi đựng cơm không biết gì.

phỉ. Cái thân âu cũng là cái thân nửa lâm-toàn, nửa thành-thị, nửa thung-dung vô-sự, nửa đàm-tiểu phong-trần. Há như tỉnh Bắc-ninh, lần này là lần mới đi đến hay sao, mà phong-cảnh tỉnh Bắc-ninh, há có lạ gì; ba ngày chơi tỉnh Bắc-ninh, há có cái vui-thú đặc-biệt gì, mà phải phiền đến làm văn đề kỷ-sự đó hay sao?

Duy trên kia tôi đã nói phạm đi chơi, sự cảm-tưởng mỗi người mỗi khác, mà trong một người khi đi chơi, cũng mỗi chỗ mỗi khác. Tỉnh Bắc-ninh, 北寧, phủ Từ-sơn, 慈山 huyện Đông-Anh 東英, tổng Xuân-canh 春耕, làng Uy-nỗ-thượng 威弩上, thôn Cầu-khê 求溪, họ hàng tôi ở đó, tổ-tiên phần-mộ tôi ở đó. Hạ-dương 夏陽, Phủ-ninh 扶寧, Đình-bảng 亭榜 chi-gian tôi thừa thiếu-thời đi học đi hành, đi cầu đi chơi ở đó. Tòa Không-miếu trên núi Phúc-đức 福德 (tức núi Nác) tôi thừa thiếu-thời lên cung-chiêm, lên viết văn khảo-hạch ở đó. Bức thành cổ Phong-khê 封溪 (tức Loa-thành), cánh rừng già Cổ-pháp, 古法 (tức rừng Bàng), tôi thừa thiếu-thời tìm hoa hái thuốc ở đó. Sông Thiên-đức 天德 (tức sông Đuống), sông Nguyệt-đức 月德 (tức sông Cầu), tôi thừa thiếu-thời chơi trăng ở đó. Núi Nguyệt-hằng 月恆 (tức núi Chè), núi Lãm sơn 覽山 (tức núi Dạm), tôi thừa thiếu-thời chơi mây ở đó. Phố Tiên-an, phố Vệ-an, tôi thừa thiếu-thời đứng mắng-cả với cô Ty, cô Thìn mua bút mua giấy, hỏi giá cùng chị Hai chị Tám mua nển mua áo-tơi, trả tiền cho chú Cam chú Quyết mua bánh-dây bánh-giò ở đó. Cửa thành Bắc-ninh, cửa tiền cửa hậu, cửa tả cửa hữu, trên lầu dưới công, trong lũy ngoài hào, tôi thừa thiếu-thời xem quan An-Nam trẩy lên núi Nác, trông giông cờ mở, gươm vàng áo nậu ở đó. Làng Niềm, xóm Bình-khang, tôi thừa thiếu-thời theo bậc phụ-chấp, bậc huynh-trưởng, các bậc nho-nhã phong-lưu, vào nghe những giọng Xích-bích, Tỳ-bà ở đó.

Trạm cầu Lim, phố chùa Dận, tôi thừa thiếu-thời cùng với bạn-bè mượn thú tích-xuân, nếm bánh thuốc lão, ngâm câu văn-nguyệt, ăn lá lộc hươu ở đó.

Ngót ba mươi năm nay, thì tôi đã là người tỉnh Hà-dông; có chè, pha nước Hà-dông; có mạ, cấy ruộng Hà-dông; có hoa, trồng vườn, Hà-dông; có rượu, thết khách Hà-dông; có thơ, vịnh trăng Hà-dông; có vợ, lên chùa niệm Phật Thích-ca Hà-dông; có con, ra chợ mua long-mã Hà-dông; có học-trò cấp-môn, lắng nem Hà-dông. Tôi sở dĩ làm người Hà-dông, là vì tôi phụng-thừa cái biệt nghiệp của tiên-nghiêm tôi ở La-dinh. Chỗ La-dinh ở Hà-dông đó, là cái quê-hương thứ hai của tôi. Mà chính ngay như cái quê-hương thứ nhất của tôi là chỗ Uy-nỗ Đông-anh đó, hiện nay cũng đã phân-sáp về tỉnh Phúc-an rồi, chứ cũng không còn thuộc về tỉnh Bắc-ninh nữa. Nhưng thế nào mặc dầu, cái cảm-tình của tôi đối với tỉnh Bắc-ninh, trăm năm nghìn năm cũng vẫn như một ngày. Vì cái lịch-sử tổ-tiên tôi, phụ-huynh tôi là lịch-sử tỉnh Bắc-ninh, mà cái lịch-sử thiếu-thời của tôi cũng là lịch-sử tỉnh Bắc-ninh. Tỉnh Bắc-ninh là một vị cố-nhân của tôi. Cố-nhân! cố-nhân! cố-nhân đã dễ mấy khi bàn-hoàn! Nay tôi cảm bút thảo ra bài văn này, chẳng qua là một hồi tôi nói chuyện với cố-nhân của tôi, dờ-dỏi những câu chuyện cũ-càng, dễ câu lấy chút thú-vị riêng. Chứ đối với cuộc đời cũng không ảnh-hưởng gì, đối với vẻ đời cũng không san-lan gì là mấy. Trong văn lại không hề có mach-lạc kết-cấu như bài văn khác, chẳng qua cảm-tình đến đâu thì viết ra đến đấy, dễ hợp về cái mối cảm-xúc tự-nhiên. Kể ra thì cũng không khỏi là rườm rà cho duyệt-giả. Duy bài văn này là bài văn thuộc về tình-cảm, thuộc về tâm-lý của cá-nhân, xin duyệt-giả cũng lượng cho. Vậy có mấy đoạn chấp nối như sau này.

* *

Nói qua về hình-thể tỉnh Bắc-ninh. Hình-thể tỉnh Bắc-ninh ngày xưa, có khác với hình-thể tỉnh Bắc-ninh ngày nay. Ngày nay là cuộc qui-quan sang bảo-hộ, sự đặt tỉnh phần nhiều là sự đổi-nội; sự đổi-nội chẳng qua những việc đề-diều cho vững-chãi, việc kiện-cáo cho ráo giầy ráo mực, việc sưu-thuế cho đủ, việc trộm cướp vặt cho yên; hoặc khi quan trên đi bầu-cử kỳ-hào tổng-lý, trong một ngày vừa đi vừa về có thể xong việc, vân vân, không cần gì hình-thể cho lắm; cho nên thường đặt thêm tỉnh ra cho nhỏ đi, để tiện về sự cai-trị. Tỉnh Bắc-ninh nguyên hai-mươi-một phủ huyện cả thảy, nay đã chia ra tám phủ huyện về phía đông làm tỉnh Bắc-giang, lại chia đi ba phủ huyện nữa về phía tây-bắc thuộc tỉnh Phúc-an. Hiện nay tỉnh Bắc-ninh còn có hai phủ và tám huyện ở trung-ương và phía tây-nam mà thôi; cho nên tỉnh-thành Bắc-ninh ở lệch về phía bắc, không phải là chỗ trung-tâm nữa; tỉnh Bắc-ninh bây giờ chẳng qua là cái danh-từ cũ đấy thôi, chứ hình-thể đã đổi đi cả rồi.

Tỉnh Bắc-ninh khi xưa là chỗ đại-trấn, ông Đồng-thiên-vương phá giặc Ân, ông Lý Thường - Kiệt phá quân Tống ở đó. Đời thượng-cổ gọi là Vũ-ninh 武寧, đời Trần gọi là Bắc-giang-lộ 北江路. Đời Lê đổi là Kinh-bắc-trấn 京北鎮, Nguyễn-triều đời Minh-mệnh ta đổi là Bắc-ninh, đặt chức tổng-đốc đó. Tỉnh Bắc-ninh, tây-bắc tiếp Sơn-tây Thái-nguyên, đông-bắc tiếp Lạng-sơn Hải-dương, tây-nam tiếp Hưng-yên Hà-nội. Hình-thể tỉnh Bắc-ninh tựa như con chim lớn xòe cánh ra tám gọi ở cái bề cạn Bắc-kỳ; tỉnh-thành Bắc-ninh tựa như cái riều con chim, phủ Đa-phúc, phủ Thuận-thành tựa như hai cái cánh con chim, phủ Lạng-giang tựa như cái đầu và mỏ con chim,

phủ Từ-sơn tựa như cái bụng con chim; mỏ lên cửa Chi-lăng, cánh xòe lên núi Tam-đảo, riều thông xuống sông Lục-dầu, lưng tựa vào sông Nhị-hà; phần thủy phần lục, đều có hình-thể mạnh-mẽ xón xỏ và quan-trọng cả.

Sự đặt tỉnh ngày xưa, đổi-nội lại kiêm cả đổi-ngoại. Về phần đổi-nội, thì mỗi tỉnh lớn lại có một hai tỉnh nhỏ kèm, gọi là tỉnh xép; các tỉnh lớn thì khiến-chế nhau, như tỉnh nọ xảy ra có việc gì thì tỉnh kia đủ thế-lực mà bang-trợ hoặc giải-quyết; lại tỉnh lớn cũng đủ quyền-lực mà khống-chế các tỉnh nhỏ, như quan tỉnh Sơn-tây thì gọi là Sơn-Hưng-Tuyên tổng-đốc, quan tỉnh Bắc-ninh thì gọi là Ninh-Thái tổng-đốc, vân vân. Về phần đổi-ngoại, thì nước ta khi xưa sự giao-thiệp, sự cạnh-tranh, chuyên chú-y về nước Tàu; tỉnh Bắc-ninh chính là đường lối quân Tàu họ tiến sang, thật là trọng-yếu. Nhưng cái địa-diểm trọng-yếu lại không ở tỉnh-thành Bắc-ninh, lục-đạo thì ở Lạng-giang, thủy-đạo thì ở Lục-dầu, tỉnh-thành Bắc-ninh chẳng qua lúc bình-thời tuyên-bá thanh-thể cho hùng-tráng đấy thôi, vì tỉnh-thành Bắc-ninh không phải là chiến-địa, cho nên tỉnh-thành Bắc-ninh ở trong lịch-sử ít có chiến-tích. Chức tổng-đốc ngày xưa kiêm cả cái chức-trách đối-ngoại và đổi-nội; cho nên cái phẩm-vọng ông tổng-đốc ngày xưa thật là long-trọng, cái tài-năng ông tổng-đốc ngày xưa thật là khó kén, cái đức-hạnh ông tổng-đốc ngày xưa thật là khó tu, cái nhân-vật ông tổng-đốc ngày xưa thật là đáng tin đáng cậy, đáng yêu đáng mến, đáng kính đáng tôn. Văn cụ Nguyễn Dư có câu rằng: « Có quan tổng-đốc trọng-trần. » Đọc lên sáu chữ ấy, cũng đủ tưởng thấy ra được cái chức-trách và cái phẩm-vọng, cái nhân-vật ông tổng-đốc ngày xưa.

Tỉnh-thành Bắc-ninh mới đây cũng có một cái chiến-tích, kỳ-diệu và mới-

mẻ đáng ghi. Hồi Tự-đức năm thứ 23 là năm canh-ngọ, có cánh giặc Tàu, tướng nó là Ngô Côn, đến vây thành Bắc-ninh. Quân rỏ thì sỏ-tràng về lối kỳ-mã, ngựa bay như gió, đao sắc như tuyết như sương. Quân ấy là quân cùng-khẩu ở nước Tàu, khi sang quấy nhiễu nước Nam, chỉ có tiến mà không có thoái, thật là mãnh-liệt, quan-quân chống lại không nổi. Cho nên phút chốc mà nó tự Cao-bằng Lạng-sơn, qua phủ Lạng-giang, xuống vây thành Bắc-ninh, thành Bắc-ninh đã có cơ nguy-hiểm. Triều-dinh sai quan tiêu-phủ là ông Ông Ích Khiêm ra Bắc-kỳ hội-tiên giải vây.

Sự ấy kỳ giả cũng chưa được trông thấy. Cứ nghe những người cổ-lão nói lại, thì ông Khiêm đi đến đâu sẽ kén quân đến đấy, kén những người can-đảm có chí tinh-nguyên mà luyện cho tinh. Nghĩa là binh vụ tinh, bất vụ đa. Quân-đội thuần là quân-đội cảm-tử, bấy giờ đã có tiếng là «quan quan Tiêu Khiêm». Ông thường đội cái nón nhỏ, mặc cái áo lụa xanh, thắt lưng ra ngoài, tay cầm thanh kiếm, tựa như người linh; cùng ăn với lính, cùng nằm với lính, cùng sĩ tốt cùng cam khổ; thường ngồi ở trên mình voi, lại thường có khi đi đất, không ai biết là ông đại-tướng, mà trị quân thì thật nghiêm, kẻ có công thì tất thưởng, kẻ có tội thì tất chém. Khi ông tự Hà-tộ sang giải vây Bắc-ninh, thì ông không đi đường Gia-lâm Ái-mô sang, mà đi đường Đông-anh Lại-nghĩa xuống. Nghĩa là bỏ đường chính, đi đường gián, để cho giặc bất ngờ. Qua xã Vạn-lộc, bắc cầu Hoàng-giang; đến trưa, nghỉ quân ở thành Cồ-loa, truyền lính cho quân thối cơm ăn; Cồ-loa có cái chợ to, mượn mấy trăm cái lều chợ của dân làm đồ thối. Rồi tiễn quân qua phủ Từ-sơn, thì trời vừa xẩm-xẩm tối, quân-đội người nào người ấy đều ngậm tăm mà đi, đi gần đến tỉnh Bắc-ninh, thì rẽ ngang xuống cánh đồng, phục quân ở mấy cái trái núi

đất mé đồng tỉnh - thành. Người nào người ấy đều ken vai nhau ngồi ở bên sườn núi, mà phải ngồi qui, ngàng lưng vào núi, mà chĩa giáo ra đằng trước mặt. Hạ lệnh rằng người nào đứng dậy mà nhò đầu lên, thì ở đằng sau tức-khắc chặt lấy đầu. Nghĩa là người nào người ấy đều phải chôn chân ở sườn núi mà không được chạy. Đến sáng sớm, phát súng bắn sang quân giặc, và kéo cờ ở trên núi. Rồi thấy quân giặc ở mé tỉnh-thành nó kéo ra đánh, cứ người nào người ấy, hăng-hà sa-sổ, nhảy ra như châu-chấu, tiến đến tận chân núi, xông lên đánh người. Quân ta thì vừa làm giáo đâm xuống, đâm chết ngựa ấy, thì ngựa khác nó lại xông lên. Nếu không có núi ở đằng sau và gươm ở trên đầu, thì cũng không ai có gan nào ngồi đó mà không chạy được. Gia-dĩ mặt trời mọc lên, quân giặc ở đằng tây chạy lại thì quang mắt, quân ta ở đằng đông trông xuống thì rõ-ràng; người với ngựa của giặc chết hại không biết đâu mà kể. Quân giặc thấy thế mình đã nùng, quay đầu ngựa chạy về tỉnh-thành. Tướng ta thấy thế, liền hạ-lệnh cho quân rằng mỗi một cái đuôi sam là thưởng cho một nén bạc. Liền thúc quân xuống đuổi vào đến tận tỉnh-thành, trận-thế của giặc vỡ, quân ta bấy giờ tha-hồ mà giết giặc. Trận ấy bắn chết được Ngô Côn, Ngô Côn tức là đưa bắt quan thống-đốc Phạm Chi-Hương, giết quan tham-tán Nguyễn Mại, đề-đốc Nguyễn Viết-Thành ở Lạng-sơn đó. Thế là chỉ trong một buổi sáng mà trừ được kẻ đại-dịch, giải được vây tỉnh-thành Bắc-ninh. Đến bây giờ qua chơi lên núi Phúc-đức, ngắm lại chỗ chiến-trường trước sau, còn tưởng thấy cái tài-trí, cái uy-phong quan tiêu-phủ Khiêm. Nhân có mấy vần hoài-cổ, chuyết-bút như sau :

Quan Tiêu cầm thanh kiếm,
Cưỡi voi mặc áo xanh.
Phục quân núi Phúc-đức,

Giải vây thành Bắc-ninh.
 Ngựa giặc dao như sương
 Quân ta một phát súng,
 Giết được thắng Ngõ Côn.
 Ấy thất tay tri-dũng.
 Tôi nay về đất Bắc,
 Thương nhớ kẻ anh hùng.
 Một bầu non nước đó,
 Quanh-cối bốn bên không.

Phong cảnh toàn-tỉnh Bắc-ninh ngày xưa, thì phải kể cả toàn-tỉnh Bắc-giang lẫn nửa tỉnh Phúc-an vào đấy. Sông, thì có sông Thiên-dức, sông Nguyệt-dức, sông Thương-giang, ba con sông đều chảy về Lục-dầu. Núi thì phía tây-bắc có núi Vệ-linh (lúc núi Mã), ông Đồng Thiên-vương giải hung-y ở đó; phía đông có núi Phồ-lại, người cao-tăng là ông Không Lộ khi xưa tu-hành ở đó; phía đông-bắc có núi Cửu-thập-cửu-phong, phía đông-nam có núi Đông-cửu, trung-ương có núi Lãm-sơn, núi Lạn-kha, núi Nguyệt-hằng, đều là trái núi có danh tiếng. Thành có thành Cồ-loa, rừng có rừng Cồ-pháp, đều là chỗ đế-vương cồ-tịch, chói-dọi trong sử xanh.

Tỉnh-thành Bắc-ninh tiếp cận ở hữu-ngạn con sông Cầu (tức Nguyệt-dức-giang), nhưng lại cách về mé dưới một quãng ở giữa chỗ bình-nguyên. Vì hữu-ngạn con sông Cầu có mấy trái núi đất thâm-thấp như Thanh-sơn với Mễ-sơn chẳng hạn, xin-xít liền nhau, địa-thế bức hẹp, chỉ có thể lập đồn lập bến được thôi, không có thể lập tỉnh được. Huống-chỉ tỉnh Bắc-ninh khi xưa là chỗ cư-trấn, phải có thành-quách có nhân-dân, lập tỉnh ở chỗ ấy, không phải là không có nhãn-quang, không có ý-thức. Duy chỗ ấy là chỗ cũng khi ti-thấp, nước đồng cho chí nước sông ở mạn tây-bắc thường dồn về; tỉnh-thành Bắc-ninh khi nào có nước lụt thì thường hay ngập sâu. Cho nên phía tây-bắc tỉnh Bắc-ninh thuộc về địa-hạt Kim-anh Đông-anh vẫn phải có một

cái đại-dê gọi là dê Vực-dê, để ngăn-ngừa cái nước sông ở Vĩnh-tường Bạch-hạc thuộc Đại-hà vỡ về, và làm giới-hạn cho nước đồng thuộc Ngũ-huyện-khê chảy đến. Cái dê ấy là cái dê cạn, chứ không phải là cái dê sông. Song cái cống Vực-dê khi đóng khi mở, thực có quan-hệ về tính-mệnh cho địa-hạt Bắc-ninh vậy.

Việc buôn-bán ở tỉnh Bắc-ninh, cũng không lấy gì làm phát-dạt lắm. Tỉnh-thành Bắc-ninh ở mé cửa tiền cũng có một vài dãy phố khá vui, cách vài dãy phố cũng có một cái chợ gọi là chợ Lớn, cũng là một cái chợ giao-dịch thông-thường, không lấy gì làm đặc-sắc. Vì những món thô-sản đại-tôn như món kén, món gỗ, món gạo, đều tụ-tập ở bờ con sông Cầu, chỗ ấy là chỗ Thị-Cầu. Còn như nước mắm thì Vạn-vân cũng là chỗ có tiếng. Mà nạn-ngón lại có câu rằng: *Lạng phủ thực, thiên hạ tức*. Nghĩa là phủ Lạng được mùa thì thiên-hạ no-nê. Cho nên gạo Bắc xưa nay vẫn có tiếng là gạo hơn, và gạo ngon, mà lại thường hay có gạo sớm, để tiếp-tục cho thiên-hạ về lúc thanh-hoàng (giáp hạt). Nói tóm lại, địa-diểm Bắc-ninh tự xưa đến nay, phần nhiều là chỗ binh-diểm, chỗ chinh-diểm, chỗ nông-diểm, phần ít là chỗ thương-diểm.

Ký-giả lâu nay cũng ít khi dạo gót đến tỉnh-thành Bắc-ninh, vì ký-giả đã là người Hà-dông, sự sinh-hoạt cho đến sự giao-thiệp, đối với tỉnh Bắc-ninh, không quan-hệ gì là mấy nữa, chẳng qua luyện-luyện cổ-nhân chí-ý đó thôi. Quanh năm trừ sự thăm quê-hương, tảo phồn-mộ, khánh-diệu cổ-cửu, ngoài ra cũng ít có sự gì quan-thiết cho lắm. Huống-chỉ thi-buổi là thi-buổi tân-cửu giao-thời, dầu ở đâu cũng vậy, chẳng những gì tỉnh-thành Bắc-ninh. Giản-hoặc cũng có khi có việc riêng, ngồi trên xe lửa qua tỉnh-thành Bắc-ninh, thì cũng chỉ hoảng-hốt tắm thành Bắc-ninh, trái núi Phúc-dức với con sông

Thị-cầu, tựa như trong nhà chớp ảnh trong giấc chiêm bao. Sẽ biết cái xe lửa, về phần giao-thông với cuộc đời, về phần sinh-hoạt, thì thật là tiện-lợi; song về phần cảm-giác với non sông vũ-trụ, về phần tâm-hồn, thì thật là hoảng-hốt tối-tăm.

Nhân dịp cuối tháng bảy mới rồi, thuộc về tháng mạnh-thu, khi trời đã hơi mát, lại gặp buổi mát trời, bộ-hành ra liêu-dao ở bờ sông Nhị-hà; trông lên trời, thấy đàn nhạn bay về phương bắc, chợt nghĩ đến phong-cảnh cổ-đó, chỉ ước gì mình cũng có cánh mà theo kịp đàn nhạn kia, thì hay lắm vậy. Đã toan rủ một ông thân-hữu ở Hà-thành cũng có khi-vị với tỉnh Bắc-ninh cùng đi, ông thân-hữu lại dở việc không đi được, mới nhảy lên xe ô-tô hàng đi một mình. Khi ngồi trong xe, chỉ nhằm trong bụng mà trách đàn nhạn rằng: đàn nhạn kia, mày vô-tình với ta lắm vậy, mày không đợi ta, mày không đợi ta!

Khi tới tỉnh-thành Bắc-ninh, thì trời đã xế chiều, mới xuống xe máy lên xe tay, dạo qua ngoài phố một chốc, rồi vòng về cửa hậu tìm người quen. Phàm cái quang-cảnh nơi tỉnh-thành trong nước ta mấy năm nay, đại-khải đều là cái quang-cảnh đổi cũ ra mới. Trước kia phần nhiều nhà tranh, bây giờ phần nhiều nhà ngói. Trước kia phần nhiều đường đất mà ít bụi, bây giờ phần nhiều đường đá mà nhiều bụi. Trước kia phần nhiều có những câu đối hồng-hoàng, tả cảnh sông cảnh núi cảnh hoa cảnh trăng, ngụ ý phong-nhã, bây giờ phần nhiều có những cái chiếu-bài bạc vàng xanh đỏ, vẽ ông sao ông sấm con hươu con cá, tỏ ý cạnh-tranh. Ấy cái quang-cảnh chỗ tỉnh-thành mọi nơi, đại-khải như vậy. Cho nên cái quang-cảnh tỉnh-thành Bắc-ninh, cũng không hề phải tả gì cho lắm. Duy tỉnh Bắc-ninh vẫn còn có một bức thành của

nguyên-triều bắng gạch, tiền-hậu tả-hữu, lầu, cổng, cổng, hào, vẫn còn y-nhiên, rêu gạch vẫn mốc-thối. Nước hào vẫn trong veo, mà phố-xá tỉnh Bắc-ninh, cũng không nào-nhiệt gì, vẫn còn có cái khi-vị êm đềm mát mẻ như xưa, ấy là cái thú riêng của kẻ hành-giả vậy.

Khi vào tiếp chuyện với người bạn tương-thức cũ thuộc về phái nhà nho, thì trời đã tối. Nhưng ký-giả còn tiếc cái thì giờ di chơi, mới rủ nhau cùng đi. Nghĩa là ký-giả còn muốn đi chơi tối, cùng với một vài người bạn thũng-thỉnh đi đêm, vừa đi vừa nói chuyện, để tập lại cái thú-vị thừa thiếu-thời. Khi ấy, trông ra đường xa xa, thỉnh-thoảng lại thấy có một ngọn đèn tù-mù; phần thì con đom-đóm lập-lõe ở bên bãi cỏ mé chân thành, phần thì tàu ba-tiên lác-đác ở bên trại, ngọn trúc phát-phơ ở bên làng, tiếng người ôn-ên ở bên phố; cái cảnh - sắc đi đêm, tưởng cũng không khác gì năm xưa. Hoặc vào chơi chỗ quen, quen thì thật là quen. Hoặc vào chơi chỗ lạ, lạ thì thật là lạ. Nhưng có lạ gì đâu, mình là con nhà văn, phàm những chỗ có thanh-khi bấy lâu, người tuy chưa đến nơi, nhưng vẫn đã đến nơi tự bao giờ rồi; trong khi tiếp chuyện, ai nấy đều tỏ lòng vui-vẻ, tựa như người quen biết nhau đã lâu rồi. Song mình lại xét mình vẫn nào đã ra văn, chẳng qua như bông lúa sót năm mất mùa, người chẳng trông thấy thì chớ, người đã trông thấy, thì cũng không ai nở bỏ dấy thôi. Mà thật. « Nghĩ mình xem có vẻ-vang gì, để cho khách có-tri chờ-đợi! » Chẳng thẹn lắm ru!

Chờ đến khuya rồi mới về, về rồi mới ăn cơm, ăn cơm rồi mới nói chuyện đến nhân-vật mới cũ, phong-vị lạ quen. Lại được nghe sĩ-phu ở tỉnh Bắc này, thường có cái cuộc chơi vui-vẻ lắm, gọi là cuộc binh-văn và luận-văn. Cuộc ấy đại-khải là những các ông giáo

phái tân-học, và các ông đồ phái cựu-học, hoặc nhân khi nghỉ hè nghỉ tết, hoặc nhân ngày chủ-nhật, ngồi chơi lại với nhau ở một nhà ông đồ hoặc ông giáo, pha ấm chè xuống, hút thuốc nhai, đem cái văn-chương trong thư-báo của các nhà ở hiện-thời thuộc về quốc-văn ra bình lên, rồi ngỏ lời phán-đoán phê-bình, cùng nhau trò-chuyện để làm vui. Cuộc chơi ấy thật là một cuộc chơi cao-thượng lý-thủ, có cái tinh-thần điều-hòa, mà ích-lợi vô-cùng; chỉ tiếc thay lần đi chơi này không phải là dịp nghỉ hè, các ông hoặc đi vắng, hoặc còn bận việc, mà thi-giờ đi chơi của mình cũng hơi ngặt-ngòi, cho nên không được dự cuộc. Nhưng trong bụng thực lấy làm kính-mộ thay!

Sáng mai cùng với một vài người thân-hữu lên cung-chiếm Không-miếu. Không-miếu ở trên núi Phúc-dức. Núi ở chênh vênh về phía đông-nam tỉnh-thành, cách tỉnh-thành độ năm trăm bước chân, có một con đường xe ở chợ tỉnh đi lên, hai bên thì là đồng lúa. Chán núi có một cái trại của người Khách mở ra, cây-cối xanh-um. Trên núi có một cây cổ-thụ, kẻ cũng là cái vật đã lâu ngày; gốc với rễ ra hình già-cổ, mà cành với lá vẫn ra dáng trẻ-trung. Kỳ-giả bồi-hồi ở dưới gốc cây ít lâu, nhân nghỉ đến thửa còn trái đào theo bậc huynh-trưởng lên đây viết văn khảo-hạch cách nay đã ngoài ba mươi năm. « *Tam-thập niên hồi thủ sự hà như* ». Nay mái đầu đã có một vài cái tóc hơi điểm bạc, mà cái cây thì hình như vẫn thế không thấy khác đi là mấy. Hay là vì cái cây kia nó không biết chi-chỉ, đối với cuộc vãng-lai trong vũ-trụ, lúc nào cũng vui; mà mình thì biết cái nọ lại muốn biết cái kia, chỉ đủ làm cho cái cảm-tình ở trong bụng trầm mỗi ngồn-ngang, rút lại cũng vẫn là kẻ không biết. Hoặc vì thế, mà mình với cây có khác nhau chăng. Song mình cũng chỉ biết rằng mình

đứng vào giữa luồng tư-tưởng trong cuộc đời, cũng như cái cây đứng vào giữa luồng gió mùa trong vũ-trụ đấy mà thôi.

Không-miếu thì cũng không nguy-nga gì cho lắm, chẳng qua thanh-nhã vững bền, ngoài sân lại có mấy cây bạch cây tùng; thiết-tưởng như thế thì lại hợp với chỗ thờ một vị triết-học vậy. Thánh-diện thì ở giữa, các vị hiền-triết thì ở giữa-vũ đôi bên; bên hữu là đền Khải-thánh; bên tả là chỗ nhà bia, khắc những tên các cụ tiến-sĩ bản-tỉnh ở lịch-triều. Các tòa Không-miếu ở nước ta, dù lớn dù nhỏ, đại-dễ như vậy; cái quang-cảnh cũng không phải tả gì cho lắm.

Học-thuyết ông Không, trước kia thì lưu-hành ở Đông-Á, hiện nay thì đã ảnh-hưởng đến Âu-châu; học-thuyết ông Không thế nào, cái đó thì ở cái lòng chung của nhân-loại trên thế-giới, chứ cũng không thể nhân cuộc đi chơi nhỏ-mọn này mà nói về học-thuyết ông Không được. Duy nước ta là một nước cổ-văn-minh, mấy nghìn năm trước, quốc-dân đã có học-thuật, đã có tư-tưởng, nhân-quần đã có trật-lự, xã-hội đã có hạnh-phúc, lịch-sử đã có lắm hồi rực-rỡ quang-vinh. Chắc những người thế-giới đến du-lịch nước ta, âu cũng phải nhận lấy những tòa Không-miếu ở mọi nơi, để làm cái hiên-chứng cho sự cổ-văn-minh của nước ta vậy. Thế thì quốc-dân ta đối với Không-miếu, lòng cảm-tưởng nên như thế nào, nên như thế nào?

Cung-chiếm Không-miếu xong, nhân buổi mát trời, mới xuống núi, cùng nhau thung-thỉnh đi bộ một chốc, lại lên qua Thị-cầu. Lên đó là vì thăm một người bạn quen. Cái quang-cảnh và cái hình-thể con sông Thị-cầu, trên kia tôi đã nói, ở đây không phải tả gì cho phiền nữa. Ba giờ chiều lại lên xe xuống tỉnh Bắc-ninh. Khi ấy thật là ánh

xेत्रong cõi hồng-trần phũ bay, mà chưa biết bay về đâu. Nhân lại lượn qua cửa tiền, sang cửa tả, về cửa hậu, lại từ cửa hậu vòng lên cửa hữu, rồi mới về chỗ nhà quen, viên-lâm, thư-tịch, trò-chuyện, nghỉ-ngơi. Khi ấy có nghĩ bụng rằng những ông trò chuyện với mình đây, tuy là bạn thân, nhưng rất là bạn thừa trung-niên, sau này mới quen biết nhau, không phải là bạn thừa thiếu-thời. Những bạn thừa thiếu-thời, hỏi ra thì hoặc tan xương, hoặc điêu-linh hồ hết. Vì thừa mình thiếu-thời, thì những ông bạn ấy tuy là bạn, nhưng kỳ-thực là tiền-bối. Những ông tiền-bối ấy, phần nhiều là những người danh-nho túc-học, nhân-trung kim-cổ, tủy-lý kiên-khôn, niê-dã cao, đối với thời-thế lại không thích-hợp. Mà mình đối với các ông ấy, tuy là bạn nhưng kỳ thực là hạng văn-sinh, trẻ đã qua già chưa đến, còn ngoi-ngóp trong cuộc đời. Cho nên mới độ ngót ba mươi năm nay, mà cái quang-cảnh đồng-diệu đồng-du đã khác đi nhiều lắm. Có chăng chỉ một bức cồ-thành ở đây, là một vị cố-nhân của mình thừa thiếu-thời đây thôi. Cái cảm-linh của mình đối với bức cồ-thành này thế nào, chắc là tự hỏi cũng tự biết. Nhân có mấy câu kỷ-sự rằng « *Tây-xã điêu-linh lặn, có-ngắm khừ độc tỉnh. Tương khan lưỡng bất yếm, duy hữu Bắc-ninh thành*, 聲社凋零盡。孤吟去獨醒。相看兩不厭。惟有北寧城。 » Cũng là lối phong-cổ, phỏng câu thơ Kinh-dinh-sơn của Lý Thái-Bạch mà điêm-xuyết ra vài chữ đề kỷ-sự đó thôi.

Tám giờ tối cơm xong, nhân hỏi qua đến cái phong-thù Dương-xuân Bạch-tuyết xóm Bình-khang ở đây, cận-lai thế nào? Thì anh em đều nói cân-lai tiêu-diệu tịch-mịch lắm. Nhưng mình đã là người cũ, đối với cảnh cũ há nỡ vong-tinh. Mới cùng với một vài người bạn mượn mần Tạ-phố.

dánh duốc Đông-sơn. Đến nơi thì quả-nhiên là: « *sinh-ca tịch-mịch nhân thâm-dống, vân-bạc tiêu-diệu tuyết cự-lân. Thảo thụ tổng phi liên-độ sắc, yên hà bất tự tịch-niên xuân*. 笙歌寂寞聞深洞。雲鶴蕭條絕舊隣。草樹總非前度色。烟霞不似昔年春。 » May lại còn được một cụ Từ-nương, ra hình bán-lão, với một ả tạ-tiểu, tuổi còn trĩ-xuân. Cũng ti-trúc, cũng quẩn-huyền, cũng thù tạc tổng-ngheñh: « *Tây hậu lưu quân đãi minh nguyệt, hoàn tương minh-nguyệt tổng quân hồi*. 醉後留君待明月。還將明月送君回。 » Miễn là khỏi như truyện canh khuya đưa khách, lau-lách diu-hiu, chén quỳnh mong cạn, nhớ chiều trúc tơ dầy mà thôi. Xét ra, cuộc phong-lưu ở đây, bị kinh-qua một kiếp tiêu-diệu tịch-mịch như vậy, là vì khách trong làng chơi. Khi xưa phần nhiều chơi về đường tinh-thần, vào trong là phong-nhã, ra ngoài là hào-hoa, ngày nay phần nhiều chơi về đường vật-chất, hoặc sinh ra lắm sự rắc-rối lói-thối, người ngoài hoặc có kẻ can-thiệp vào, cuộc phong-lưu dần-dà mất giá-trị đi, nên mới tiêu-diệu tịch-mịch như vậy. Muốn xét cái tinh-trạng trong xã-hội, tưởng người có tuệ-nhãn cũng không phải xét đâu xa.

Đến mười một giờ sáng hôm sau, mới từ-tạ các thân-hữu đi ra nhà ga, về Hà-nội. Bụng nhân nghĩ rằng cái xe lửa kia đã mấy phen làm cho cái tâm-hồn mình mơ-màng hoảng-hốt, mà thi giờ mình cũng còn là cái thì giờ lãng-mạn, chi bằng ta đi xe tay. Mới đi xuống đường quan-lộ, ra khỏi tỉnh-thành, đi bộ một chốc, làm bạn với mấy bác gánh vĩa ở bên đường, lắng tai cùng mấy chị vợ cò ở dưới ruộng, tiếng chim tiếng quạ thì khi gần khi xa, bóng mây thì khi nắng khi rợp; bấy giờ mới biết rằng vũ-trụ có mình, mà mình có vũ-trụ.

Khi ấy, các chú xe tay chằng-văng ở bên đường, mình vừa đi vừa chọn, thì các chú phần nhiều thuộc về phái tráng-niên, chọn mãi mới được một chú tuổi độ năm-mười, thuộc về phái lão-dại. Nghĩa là phái lão-dại thì mới ưa-thích sự đi thông-thả, sẽ thích-hợp với cuộc chơi của mình. Một cái xe lão-dại, với một con đường khang-trang, vừa đi vừa nghỉ, vừa nghỉ lại vừa đi. Đến gần cầu sông Đổng thì người nhiều tuổi ấy đòi xe cho một người ít tuổi. Người ít tuổi này, xem ra chừng hăng-hái lắm, chạy một mạch về đến Hà-nội. Về đến Hà-nội thì đèn điện vừa sáng choang.

Khi ấy, mình ngồi ở trên xe, trong năm sáu chuyến đồng-hồ, đằng sau thì ngánh lại núi Nguyệt-hằng, đằng trước thì trông sang rừng Cồ-pháp, lại đằng mé tây xa tit nữa, tưởng-tượng đến sông Hoàng-thủy, đến thành Phong-khê; trong bụng còn có nhiều điều cảm-tưởng chứa-chan, chỉ sợ chưa có mực dầu mà tả ra cho hết được.

Phàm con người ta sinh ra ở đời, cái lịch-sử thiếu-thời của mình, dù vui-vẻ, dù gian-nan, dù ly-kỳ, dù chuyết-lậu thế nào, cũng tức là cái lịch-sử bất đầu chủ-tạo ra cái hình-ảnh mình. Vả lại cái lịch-sử trong một người, dù thừa lớn, dù thừa nhỏ thế nào, cũng đều có trực-tiếp với non-sông, với nhân-vật, với cỏ hoa trong một cõi. Ăn cơm mới, há lại quên được chuyện cũ đó hay sao.

Tỉnh Bắc-ninh năm nọ, về phía tây có một cái Ngũ-huyện-khê, nước đồng tự miền Mê-linh Tam-dải chảy xuống, đến thôn Lại-nghĩa thuộc huyện Đông-anh (nay thuộc Phúc-an), vùng ra một cái vực, gọi là vực Dê, sâu vô-dê, nước thường đục, cá rất nhiều. Cách vực xuống một ít, lại có một giải vừa rộng vừa dài ước có mấy trăm mẫu, tục gọi là đầm Đai, đầm Cầu, đầm Văn, là nhân những tên thôn mà gọi, kể biết

chữ thì gọi là khúc sông Hoàng-giang 潢江. Nước thường trong, chỗ nông dễ cấy lúa cấy sen, chỗ sâu dễ đánh cá. Dân-cư ở xung-quanh đầm, đại-dề những thôn nho-nhỏ, lôm-chôm tịch-mịch, không phải là chỗ giao-thông; cho nên quang-cảnh cái đầm ấy, thường có cái khí-vị thái-cổ. Con giang con sếu kiếm ăn ở dưới nước, con cò trắng lổp hoặc đậu hoặc ngủ ở cạnh sen, thường được tự-do. Quanh miền có nhiều gò nhiều bãi, thỉnh-thoảng lại nhấp-nhó có cái đình cổ, cái chùa cổ, cái tháp cổ, hoặc phật-pho có cái cây cổ. Hiện nay thì cư-dân phần nhiều đã đem chùa về trong làng, cũng vì có năm xưa có nhiều đạo-tặc, không tiện cho thôn-dân đi về hương-khoi, nên cái quang-cảnh cũng có khác đi ít nhiều. Đồi bên đầu đầm có bắc hai cái cầu, dài độ hơn trăm bước, mà cầu cũng vắng-teo, thỉnh-thoảng mới có một người đi. Năm nọ thôn-dân bắc bằng tre, suốt dọc chỉ có một tấm ván mỏng, lại uốn cong cầu-vồng, thật là éo-le, người đi trên cầu tựa như đi trên mây. Hiện nay thì chỉ còn có một cái, mà cũng hơi heo kiêu mới, nên cũng hơi vắng-chãi. Đến mùa mưa, nước thường dồn về, khoanh-khắc đầy rẫy, ngập cả lúa cả sen, tạnh mưa thì nước lại xuống ngay. Bên đầm thỉnh-thoảng có một cái vó-bè đánh cá, hoặc có một cái thuyền nhỏ để không. Nghĩa là thuyền đi hái sen hái ấu, hoặc thuyền đi cắt cỏ, không phải thuyền giao-thông. Thật là: « Xuân-triều dãi vụ văn lai cấp, dã-độ vô nhân chu tự hoành. 春潮帶雨晚來急，野渡無人舟自橫 » Cái đầm ấy thật là thích-hợp với con nhà họa, con nhà thơ, con nhà nhạo-thủy. Chỉ vì ngày xưa là chỗ đạo-tặc, đã không khỏi tiêu-diễn cảnh kinh-cực, ngư-ngác bóng tà-dương; ngày nay lại là buổi văn-minh, người ta ưa thú phồn-hoa không ưa thú tịch-mịch, ưa cảnh náo-nhiệt không ưa cảnh tiêu-sơ. Thế là cái đầm ấy

đối với ngày xưa đã là bạc phận, mà đối với ngày nay lại là lỗi-thì. Có chàng chỉ một vầng minh-nguyệt với một giải thanh-phong là tri-kỷ với đầm đầy thối.

Tuy vậy, ký-giả đối với cái đầm ấy thật là một vị cố-nhân tinh-duyên thần-thiết, gặp-gỡ buổi sơ đầu. Dân-cư ở ven cái đầm ấy tức là làng Uy-nỗ-thượng, thôn Cầu, cách thôn Cầu về phía bắc, tức là tấm thành Phong-khê (Cổ-loa) Làng Uy-nỗ-thượng thôn Cầu, tức là quê hương thứ nhất của ký-giả thừa ấu-thời, khi ra chơi đầm, đã biết mượn những câu: «Long-lanh đầy nước in trời, thành xây khói bạc non phôi bóng vàng.» để tả lấy cảnh đầm và cảnh thành. Biết mượn những câu: «Cỏi mục thết trắng miền khoáng - dã, lưới ngư chằng gió bãi binh-sa,» để tả lấy cảnh mục và cảnh ngư. Biết đọc những câu: «*Duy giang-thượng chi thanh - phong, dữ sơn-gian chi minh-nguyệt.* 惟江上之清風。與山間之明月。」 để nhân lấy cái thân-thể mình. Khi ra tắm mát ở đầm, biết tụng những câu: «*Tục hồ Nghi, phong hồ Vũ - vu, vịnh nhi qui.* 浴乎沂。風乎舞雩。詠而歸。」 để ngụ lấy cái chí-thú Khổng-học. Khi ra hóng mát ở chùa, biết niệm những câu: «*Sơn - quang duyệt diễm-tinh, đàm - ảnh không nhàn-tâm.* 山光悅鳥性。潭影空人心。」 để tưởng-tượng lấy cái ý-tứ Phật-học; thì cái đầm ấy đã giúp cho ký-giả chút phần văn-chương, chút phần tư-tưởng thừa thiếu-thời. Sẽ biết phạm chỗ ở mà có cái đầm cái hồ hoặc cái núi gì đặc-biệt khả-quan, có quan-hệ cho con nhà đi học về đường tinh-thần nhiều vậy.

Ký-giả thừa ấu-thời, gặp ngay buổi loạn-ly. Bấy giờ về hồi Tự-dức mat-niên, và Kiến-phúc, Hàm-nghi niên-gian, ngoài Bắc-kỳ ta thật là nhiều việc. Quí-quốc đương kinh-lý việc bảo-hộ Bắc-kỳ, quan Tàu với quan An-Nam còn đương phân-ván chống-cự; quan

Quí-quốc thì ở mạn Hà-nội, Nam-dịnh, Hải-dương, quan Tàu với quan An-Nam thì ở mạn tây-bắc; quan Từ-Điền-Húc ở Bắc-ninh, quan Đường Cảnh-tùng ở Sơn-tây, quan Lưu Vĩnh-Phúc ở Hoài-dưc. Miền Kim-anh Đông-anh chính là chỗ đường lối quan Tàu tây-bắc hai mặt họ đi lại giao thông. Quan An-Nam bấy giờ người thì theo Tàu, người thì theo Tây, mà giặc cỏ cũng ào-ôm nổi lên, dân-gian không biết cảnh nào là quan, cảnh nào là giặc, dân-tinh thật là cực-khổ, mà miền địa-phương Kim-anh Đông-anh là chỗ quê hương thứ nhất của ký-giả bấy giờ, lại càng sợ-hãi lắm.

Ký-giả bấy giờ, thân-phụ thì làm quan ở Trung-kỳ, vì quốc-gia đa-sự, tin-tức cũng mật - mù, nhà còn một ông cụ tổ tuổi đã bảy-mươi, với một người thân-huynh tuổi đã hơi lớn, đã biết thân-hồn với tổ. Còn ký-giả tuổi mới lên năm lên sáu lên bảy, thân-mẫu với một người thứ-nữ thường phải ẩm phải dất ở bên tay, khi chạy đêm chạy ngày, kh ở đây ở đó, khi chui vào bụi rậm, khi lội qua đồng sâu, khi leo-đèo ở dọc đường, khi xông pha trên bãi cát, thường là hai mẹ với một con khi ấy phải mượn những cái nón mé áo rách của kẻ tầm-hường, tựa như kẻ lỡ độ đường, bỏ hẳn cái một cậu viên với bà lớn đi, thì đi mới thoát được. Ông cụ tổ thì chỉ lẫn-lút ở trong thôn, nay ngủ nhà này mai ngủ nhà khác. Cửa nhà thì vẫn thường bỏ không, sân rêu nhà mốc. Khéo lắm chỉ có đưa tiều-tý ngày cần chắt nắm thóc rang, đưa lão-nô đêm gói dầu hòn gạch mộc, hay hoặc con nhện làm văng nghênh-ngang với đàn chim sẽ bay ra bay vào đầy thối. Gián-hoặc cũng có khi đoàn-tụ với nhau mấy ngày thì ăn vội ăn vàng, nghe tin nghe tức, mất trước mắt sau, lại tìm đường mà chạy.

Trước kia ông cụ tổ vẫn bán-khoản về nổi sách, nghĩ rằng nhà mình là

nhà Thi Thù, mà không có nhà ngói, mới đem bao nhiêu sách - vở gửi cả vào một nhà thân-hữu ở Cổ-loa. Chẳng may Cổ-loa bị giặc phá, bao nhiêu sách-vở bị giặc lấy đi hết sạch-sanh. Chao ôi ! giặc mà lấy sách, chẳng hóa ra giặc văn - minh đấy ư, giặc cao-thượng đấy ư ? Nhưng có biết đâu quân-phục của giặc bấy giờ có một thứ áo giáp, trong làm bằng da hoặc bằng giấy, ngoài bọc vải đỏ, cộc tay cộc vạt, tục gọi là áo chiến, hoặc gọi là áo dày, để tránh mũi giáo mũi gươm, cho nên giặc lợi-dụng ngay sách-vở của các nhà nho, hễ đi đến đâu, thì bắt-chuộc ngay kiểu Tiên-Hà nhập Tần thu đồ-tịch trước đã, để đem về đóng làm áo dày, đó là kiểu Tần Thủy-hoàng đệ-nhi xuất hiện ở cõi Nam ta vậy ; than-ôi đau thay ! Xét ra, sách vở nước ta, tự đời Trần đời Lê về sau, các cụ tiên-triết làm ra được cũng đã nhiều, mà đến nay mười phần chỉ còn một hai, số-dĩ chóng tiêu-diệt đi thế, một là vì hồi Minh thuộc, người nhà Minh thu-nhặt về Kim-lăng, hai nữa là vì nước ta kinh-quá những hồi loạn-lạc, mà quân giặc-giã vẫn thường có thói tàn-ác ấy chẳng. Kỳ-giã khi lớn lên xem lại sách-vở của tiền nhân, còn sót lại mười lăm quyển, quyển thì có dấu chấm kỹ-càng, quyển thì thật tay tiền-nhân soạn ra hoặc viết ra, thật là cái báu vô-giá của một nhà, mà đầu Ngô mình Sở, thả h ra quyển sách vô-dụng, chỉ để thờ-làm dấu-vết thủ-trạch mà thôi. Ấy là những quyển mình được trông thấy, còn những bộ mình không được trông thấy, thì tiếc biết là dường nào. Đó là một điều tuyệt-dại kỷ-niệm cho binh-sinh kỷ-giã, vì với nước Do-thái mất nước, có Thủy-Kiều phụ chồng, sự đau-dớn cũng không kém gì.

Lại một hôm giặc kéo đến ban ngày, đóng chặt cả ở cái sân miếu giữa làng. Thôn-dân cũng quá sợ ra đàn, không ai chạy cả ; lại nghe chỉ có quân ta,

không có quân Tàu, cho nên cũng không sợ lắm. Sẽ biết cái via quân Tàu bấy giờ, làm cho dân-gian nguy-khổ biết là dường nào. Được một chỗ, nghe trong dân-gian thấy an-tĩnh, dân bà trẻ con cũng có người bạo dạn chạy ra xem, mình cũng chạy ra, thì thấy quân-sắc gồm-ghe, quân-đội tề-chỉnh. Nhưng chỉ nghỉ qua một chỗ rồi lại đi dân-gian không bị thiệt-hại gì cả, song cũng không biết cánh quân ấy là cánh quân nào. Ai nấy đều nói quân An-Nam có khác. Nghĩa là An-Nam đối với An-Nam, tuy là giặc, nhưng còn có lương-tâm, không tệ-ác như quân Tàu.

Quân-sắc An-Nam bấy giờ, hoặc là quan hay là giặc, thường có một thứ quân-sắc, đầu đội cái nón nhỏ bằng trúc ghép sơn, trên chóp nón cắm hai ba cái lông đuôi con gà hay phấp-phới, gọi là mũ mao lông gà. Mình mặc một cái áo giáp, cộc tay cộc vạt, ngoài bọc da đỏ hoặc vải đỏ, mà rất dày, gọi là áo chiến. Ống chân quần dôi cái xà-cạp bằng vải xanh, đi dôi dép quai ngang vừa nhanh vừa nhẹ. Người thì cầm ngọn giáo, người thì cầm thanh siêu như thanh siêu ông họ-pháp ở chùa. Người thì cầm cái khiên đan bằng mây hình như cái nón to, hoặc cầm cái mộc làm bằng gỗ nhẹ hình bầu-dục như cái thuyền nhỏ, đều là cái đồ để che mình. Khiên với mộc đều có một thanh gươm dài tuốt trần mang kèm, tay trái cầm khiên cầm mộc, tay phải cầm gươm ; khi lâm-trận cũng khá hùng dũng. Đó là một thứ quân-sắc cổ của An-Nam, nhân ta qua ra, để giúp cho nhà sử-học và nhà họa-học.

Kể qua về thái-dộ quân Tàu bấy giờ, quân Tì với quân Đường, nguyên là quân quan Tàu, thì cũng còn hơi kha-khả, không những-nhiều gì lắm. Chỉ đi đến đâu bắt dân cung-ứng bạch-mễ và trâu bò, trâu bò ăn không hết, thì mổ ra đem bán ở chợ để lấy tiền, và khi thất-trận lễ-tể đi từng toán, mới

những-nhiều làm bấy mà thôi. Dữ-ác nhất là quân Cờ-den tức là quân Lầu, người nào người ấy phần nhiều nghiện thuốc phiện, đi đến đâu đánh xóc-đĩa như sấm, giết người như nhai. Dân bà trừ bà lão với trẻ con thì thôi, chứ còn thì hễ chạm vào quân Cờ-den, tất là bị ó-nhục; cho nên dân bà con gái bấy giờ lại càng sợ lắm. Duy quân ấy khi lâm-trận quyết-đấu, thì mãnh-liệt khác thường. Vì quân Cờ-den nguyên là quân giặc Tàu, bị nước Tàu đuổi đánh, chạy sang nước Nam, nước Nam bắt-đắc-đi cho ở mạn ngược đất Lầu-cai ít lâu. Đến khi nước Nam hữu-sự, thì họ theo quân An-Nam mà xuống, khi quân Tàu thất-bại, thì họ theo quân Tàu mà đi. Dân-gian khi ấy hễ thấy quân áo-thụng đuôi sam, thì bất-biện là quân quan Tàu hay là quân giặc Cờ-den, đều khiếp-sợ cả.

Một phen nghe tin quân Tàu bại-trận ở Bắc-ninh, chạy về Sơn-tây Thái-nguyên, đi đến đâu dân khổ - hại đến đấy, tức như thôn Văn-xá ở cách làng, bị quân Tàu bắt mấy người dân bà đem đi. Bấy giờ sợ-hãi vô-cùng, mới tự dất Bắc chạy sang đất La. Đi đến đất La, lại nghe quân Cờ-den tràn xuống đến lòng Dịch-vọng và Văn-canhi, đất La cũng đã bị ảnh-hưởng quân Cờ-den xuống quấy nhiễu, người đất La cũng có người hoảng-hốt chạy sang đất Bắc, mình cũng lại hoảng-hốt chạy về đất Bắc. Thành ra cứ chạy quẩn chạy quanh, cách sông cách dò, còn đâu bãi cát, thậm là gian-khổ. Về đến đầu cầu Hoàng-giang, bên kia cầu tức là chỗ quê-hương. Bấy giờ trời đã hoàng-hôn, chợt thấy một cái quân-dội lỗ-nhỏ ở dưới cầu đi lên mé đồng cao, đầu quần đuôi sam, đội cái nón mây, mặc quần áo thụng xanh, lưng đeo súng, tay cầm mã-tấu lập-lòe. Đó cũng là một lối quân-sắc cũ của người Tàu, thuộc về lối Hung-nô. Thân-mẫu thấy

thế, hai tay âm chặt lấy mình, tựa vào chỗ nương trầu, đứng nép ở bên đường mé xa xa. Quân-dội ấy đi khỏi, mình đi lên vài bước, lại thấy một cái quân-dội nữa đi lên, có áo chiến đồ lỏe, thì ra quân-dội An-Nam. Trong quân-dội có một người quát lên rằng: «Bà phủ Điện-bàn đi đâu? đi về ngay!» Hình như cảnh-cáo cho mình về sự nguy-hiểm gì đó. Trông lên thì ra người quen, thân-mẫu chấp tay chào, người ấy cũng bồng gươm lên chào. Quân-dội ấy đi, mình mới noi cầu mà về. Người quen ấy là ai? tức là ông Nguyễn Hữu-Thống người làng Cổ-loa là một người hào-kiệt ở vùng đó.

Phàm dân-gian trong lúc nhiễu-nhương, thường có những người hào-kiệt khả-kinh. Người ấy trong tay lúc nào cũng thường có năm bảy mươi tên kình-binh, mà trong lòng lại từ-thiện, sẵn lòng bảo-hộ cho tính-mệnh tài-sản một địa-phương. Cái địa-vị người ấy thật là khó xử, phi có cái tài ứng-biến, không đương nổi được mọi việc. Đương lúc tranh tối tranh sáng, cuộc đời chưa biết ra thế nào, gặp quan Tàu phải thừa-tiếp quan Tàu, gặp quan An-Nam phải thừa-tiếp quan An-Nam, gặp quan Tây phải thừa-tiếp quan Tây, gặp giặc nhỏ thì đánh, gặp giặc to thì lại phải tìm hương-pháp mà đối-đãi với giặc. Cuộc đời binh-tính rồi, thì ở nhà cây ruong, đứng về phương-diện binh-dân, không mãi-miết gì đương phù-qui bảo-huyền. Người hào-kiệt ấy đối với xã-hội không phải là không có công, tài người ấy không phải là không khá kình, danh người ấy không phải là không kha truyền, lịch-sử người ấy không phải là không có phong-thù.

Lại một hôm nghe thấy tin quan tiến-sĩ Hoàng Văn-Hộc bị chết ở kinh-thành Thừa-thiên; quan tiến-sĩ Hoàng với thân-phụ mình nguyên cùng là bạn thân, cùng làm quan về lúc quốc-gia

da-sự, nhà mình với nhà quan tiến-sĩ Hoàng lại là chỗ thông-gia. Quan tiến-sĩ Hoàng đã xong rồi, mà thân-phụ mình thì tin-lúc cũng hất-tầm, cả một nhà ai nấy đều ngao-ngán. Chợt có một người thân-thích chạy đến nói chuyện thi-thăm, rồi thấy cả nhà đều hoảng-hốt dờm nước mắt, thân-mẫu vội-vàng sẽ mách ông cụ tồ. Minh còn bé, cũng không biết là tin gì. Chỉ thấy ông cụ tồ nói lên rằng: Trời làm lúc ba-đào thế này, sự sống chết là sự thường; nhưng con tao ai giết thì giết, chứ không phải là người bị vắn-thân giết thì phải; hăng tởm mà nghe kỹ xem. » Tuy có lời ấy, nhưng cả nhà phần nhiều bỏ ăn bỏ ngủ, chỉ có mình ngây-dại, mà không biết sợ mà thôi. Sẽ biết phạm những sự hoảng-hốt trong cơn mộng, một là có định-thức, hai là chẳng biết chi-chi, mới đủ cái sức mà chống cự với những mối ai-lạc trong cuộc đời. Sau quả-nhiên đến khi thân-phụ tự Quảng-nam trở ra Bắc-kỳ về nhà, mới rõ ra rằng thân-phụ mình tự khi vua Hiệp-hòa bị giết, Tôn-thất-Thuyết lộng quyền, thì đã từ quan ra phố Hội-an rồi; cái người bị vắn-thân giết đó là ông quan sau.

Trong mấy năm loạn-ly, quốc-vận như vậy, gia-tình như vậy, hỏi lấy gì làm sự sinh-tồn? May có những người bạn đồng-học đồng-du với thân-phụ, và những người môn-sinh học của thân-phụ năm xưa, người gần người xa, thường-thường đi lại cấp đỡ thăm nom, cho đến khi tật-bệnh cũng có kẻ giúp đỡ thuốc-thang, dầu trong nguy-hiểm, cũng không đổi lòng xưa. Sẽ biết nhân-tâm phong-tục xã-hội bấy giờ, còn là chiến-miên trung-hậu. Con người ta đến bước gian-nan nguy-hiểm, mới biết cái ơn xã-hội là to. Đến bây giờ nghĩ ra, vẫn tin rằng cô-học là cao, cô-phong là quý. Cách vài năm, cuộc bão-hộ Bắc-kỳ của Quý-quốc vừa xong. Thân-

phụ mình ở ngoài nghìn dặm vừa về; chính-trị Bắc-kỳ thay đổi ra phương-diện mới, gia-dinh mình cũng thay đổi ra quang-cảnh vui, mà mình cũng vừa đến tuổi vào cái thế-giới học-hành, dần-dần được tiếp-xúc với bạn-bè, với phong-quang cảnh vật tỉnh Bắc-ninh vậy.

Tỉnh Bắc-ninh có một cái chùa, thuộc phủ Từ-sơn tổng Hạ-dương-làng Phù-ninh, thờ vị Pháp-vân, cũng là cái chùa có danh-tiếng. Nhưng chùa cũng không có phong-cảnh gì; chỉ nhà học của mình chung nhau với chùa một cái phượng-đường(ao), ngày thì thiên-quang với vân-ảnh chung một cảnh-sắc bồi-hồi, đêm thì tiếng chuông tiếng mõ đối-đáp với tiếng học của mình, trong mấy năm trời, cũng là một cái lạc thú thiên-nhiên. Vì thân-phụ mình bấy giờ làm một ông quan cự-triều ngồi giảng-học ở đó, sĩ-phu Bắc-ninh gần xa lại học cũng khá đông. Cái hạnh-phúc của mình bấy giờ, là cái hạnh-phúc thụ-sinh, chứ không phải là cái hạnh-phúc công-tử.

Tiếp-cận ngay bên làng Phù-ninh, có một cánh rừng, kẻ có ngót nghìn mẫu, tức là rừng Cổ-pháp (rừng Bàng) làng bát-đế nhà Lý ở đấy, miếu bà Lý Chiêu hoàng cũng ở đấy. Chỗ bình-nguyên mà có một cánh rừng, cũng là một cái phong-cảnh đáng yêu. Trừ chỗ lảng chỗ miếu cây-cối um-thùm không kẻ, còn thì cây-cối cũng không lấy gì làm rậm làm cao. Nhưng trong rừng thì cứ một đợt cây lại một đợt ruộng, góc-ngoách quanh-co. Có hai thứ sản-vật quý, là củ-mài với lá lộc-hươu. Lá lộc-hươu để ăn với nem với gỏi, thật là một vị ngon thú lạ. Ký-giả năm nọ thường thường đi với bạn hữu vào chơi rừng, đánh hạn với mấy chú tiều-phu, cậu mục-dồng, thầy nông-sư, bác liệp-hộ, phần nhiều ngụ được những câu u-nhân khoáng-dật trong tình-tình. Mà thú-vị nhất là trong quãng rừng sâu, mà khúc-khích có

tiếng người cười, vắng - vắng có tiếng người hát, nghi - ngút có khói ẩn thuốc láo. Lại có lịch - sử tám vị anh-hùng, lịch - sử một vị son-phấn, khả-ca, khả-niệm, khả-bi, khả-hận, đề mà bằng-diếu cho cồ-nhân. Bên rừng lại thỉnh-thoảng có một bộ xa-lông, năm ba người đàn bà, ngồi ở trên vùng thảm cỏ. Trong bộ xa-lông của họ, thường có cau bồ trầu tằm, thuốc-lào thuốc-lá, hoặc nén hương thơm, chum hoa đẹp. Phần là các chị đi bán thuốc, phần là các ả ra hành-hương. Lại gì đời đã có câu: « Mặt kẻ Bàng, đáng chợ Trầu. » Mặt kẻ Bàng nghĩa là đàn bà kẻ Bàng phần nhiều người mây thua nước tóc tuyết chường màu da. Đáng chợ Trầu nghĩa là đàn bà chợ Trầu phần nhiều người có chiều phong-vân, có chiều thanh-tân. Cứ về buổi sáng hoặc buổi chiều, bóng chiều-dương với bóng tà-dương, tà-chiều vào đợt rừng xanh, chiết-quang lên làn cỏ biếc, thì thường có những bộ xa-lông ấy.

Đến nay thì cánh rừng ấy đã phá đi làm ruộng cả rồi. Lãng Bát-đế, đền Chiêu-hoàng, chỉ còn lơ-thơ mấy vùng cỏ, dùm-dòla mấy cái cây. Những bức chú liêu mang rìu dưới gốc cây, câu mực thối sáo bên đầm tía, bác liệt huyết chó trong bụi hồng, những bức tranh ấy bây giờ cũng không mua lại được nữa. Có chăng chỉ những bức nông-phu, trời nắng chang-chang, vật diệt một con trâu già ở giữa cánh đồng mệnh-móng bề Sở đày mà thôi. Mà cái phong-vị củ mài lộc hươu năm xưa chỉ đủ làm cho bác Trương-Hàn trông thấy cảnh thu-phong mà ngao-ngán cho rượu; cái quang - cảnh rừng xanh má phấn năm nọ, cũng chỉ đủ làm cho thầy Đỗ-Mục trông thấy nền Đồng-tước mà ngậm-ngùi cho xuân đầy thôi. Chắc loài người sau này, chỉ chăm-chăm những phần bở-dưỡng cho hình-xác, mà xao-nhãng đi mất hững phần bở-dưỡng cho tinh-thần;

cái không-khí trong vũ-trụ sau này, chắc cũng một ngày một kém phần thanh-thơi; ấy là một cái vấn-đề cho kẻ tương-lai vậy.

Ký-giả thừa ấu-thời, thân-phụ đi vắng xa, thân-mẫu ở nhà cũng hơi biết chữ Nho. Nhưng chỉ thích Quốc-âm. Vì sách chữ Nho không thích-hợp với tính-tình đàn bà, vả chăng cũng nhiều chỗ khó hiểu. Nên chỉ những sách vật An-Nam bán ở Hàng-Gai, như *Thúy-Kiều*, *Thị-Kính*, *Trinh-thử*, *Khuyến-hiệu thiên-thư*, *Quốc-sử diễn-ca* vân-vân, phần những sách có quan-thiết với tính-tình với luân-lý, mua về hồ đủ. Nhưng hay đọc nhất là quyển *Quan-âm Thị-Kính*, ít khi rời tay, cũng là tư-tưởng tôn-giáo. Lại thường đem các sách Quốc-âm ra dạy con, và bắt nhận lấy mặt chữ. Vì thì buổi loạn-ly, chưa có chỗ cho con đi học chữ Nho, chẳng qua cho quốc-âm là một môn dạy tạm dấy thôi. Ký-giả nhân cái cảnh-ngộ gia-đình thế, mà sự học của mình, lại hóa ra được tuần-tự phải phép. Đến nay nghĩ ra, mấy năm học Quốc-âm đó, lịch-sử, luân-lý, văn-chương, đã được ba môn học, có thiếu chẳng nữa, cũng chẳng thiếu là mấy, mà thiết-tưởng những môn thiếu ấy, cũng chưa phải là môn cần. Nếu bấy giờ mình đi cập-môn một ông đồ ông cử nào đó, thì mình đã chẳng bi-bỏ *dã giả chi-hồ*, nhai-nhải *Hán Cao*, *Dương-tiết*, mà làm một con sáo con vẹt chữ Nho rồi đấy ư. Thời-dại bấy giờ còn trọng chữ Nho lắm, đứa trẻ con nào vỡ lòng mà không vỡ lòng bằng chữ Nho, mà mình lại được vỡ lòng bằng chữ Quốc-âm, đó cũng là một sự ngẫu-nhiên. Mà đến bây giờ nghĩ ra, vẫn lấy làm hạnh-phúc, lấy làm thú-vị.

Ký-giả thiếu-thời học chữ Nho, thật là người biếng học. Thân-phụ lại là người dạy học rất nghiêm, thường bị trách-mắng, ít khi dám dãn mặt, chỉ thừa những lúc trống thanh gió mát,

luận-cổ-dâm-kim, là dâm hầu chuyện mà thôi. Còn thì chỉ một mình, với một cái cửa sổ một quyển sách, có lúc ham với sách mà quên ăn quên ngủ, lại có lúc để sách đấy mà coi sách như cừu-thù. Bấy giờ văn-chương khoa-cử còn thịnh-hành. Minh tư-tướng còn hẹp-hòi, đọc sách *Tĩnh-lý* biết mùi học-thuyết lộng-nho, tỏ ra lòng phản-đối văn-chương khoa-cử. Anh em bạn không ai đồng-chi cả, có kẻ mắng mình là cuồng, mình cũng mắng lại anh em bạn là hương-nguyên; anh em bạn bạn ông Không là chi-thánh, ông Mạnh là á-thánh, mình nói ra lời khôi-hài rằng ông Không đồ giáp-bảng, ông Mạnh đồ á-bảng, có lắm phen kịch-liệt có thú-vị. Minh vì có cô-vãng độc-hành trong học-giới, cái tâm tự-tin chuyển ra cái tâm hoài-nghi, ưa-thích văn-chương tạp-thuyết và học-thuyết Trang-Chu. Khi ấy, mình cũng là cuồng thật; phàm hạng người, hạng tu-luyện, hạng giang-hồ, hạng thanh-sắc trong làng chơi, hạng nào cũng thích giao-du; duy không thích nhà nho, vì cho hạng ấy là hữu-danh vô-thực. Nhưng vẫn có cái mục-dich riêng, vì mình là con nhà nho, muốn tiến-học về sau này, chắc phải nhờ chữ nho. Cho nên vẫn nghe-ngóng cái phong-trào học-văn và sách-vở của người Tàu. Năm Giáp-ngọ, nghe tin Nhật-bản đánh Tàu, Tàu thua to, lấy làm mất ruột, vì văn-chương khoa-cử đã đến vận cùng. Hay đâu chỉ càng ngày càng thấy người Tàu đem những sách thuộc nghề văn-chương bát-cổ, in bằng thạch-bản, chở sang như rùng, thật là chán quá. Sau tình-cờ mua được một bộ *Doanh-hoàn chi-lược*. Bộ sách ấy làm từ năm Đạo-quang, là cái phôi-thai tân-học của người Tàu, bộ sách ấy đã có ra gì. Nhưng mình đã lấy làm chí-báo, thường đem phổ với bè bạn, bè bạn phần nhiều ngán đi, người thì cho là quyển sách người Tàu bịa đặt ra để đồ tiền; người thì gât

đi mà nói rằng *phi-thánh-hiến-thư-bất-độc*. Sẽ biết cái thái-dộ các ông nho bấy giờ, mình lấy làm giận quá.

Năm mậu-tuất, nước Tàu có cuộc chinh-biến về sự duy-tân, sách mới người Tàu mới nhúc-nhắc chở sang, bấy giờ mình trông thấy quyển sách của người Tàu mới sang, chẳng khác gì vị giai-nhân ở phương Bắc mới lại. Rõ thật: «Người đâu gặp gỡ làm chi, trăm-năm biết có duyên gì hay không?» Xuân lan thu cúc, bội về mận-mà, kỳ thưởng-thức cho được mới yên, coi quyển sách cũ như rơm-cỏ, như cừu-thù. Sẽ biết cái bệnh âu-yếm duyên mới, phụ-bac tình xưa, là cái bệnh chung của hạng người niên-thiếu; cái bệnh nguy-hiểm cho sự học, ai biết ra cũng nên chữa đi cho sớm vậy.

Đến năm canh-tí, mình tuổi đã hai mươi-ba, mới bắt đầu tự đặt Bắc-ninh xuống tràng thi Nam-định, mà cái lịch-sử mình cùng là cái lịch-sử rời cội Bắc-ninh từ đấy. Viết kỳ đệ-nhất, đầu bài là *Đồng-minh vu U* 同盟于幽 với *Thục-năng nhất-chi* 孰能一之. Minh trông cái đầu bài hợp với thời-thế, cũng hơi thích, viết thật kỹ, phổ với anh em, liền bỏ quyển về, không xuống kỳ đệ-nhi nữa. Anh em thấy tên mình ở bảng, phải làm giấy thác bệnh cáo thay. Khi ấy mình cũng muốn cho cái chủ-nghĩa phản-đối văn-chương khoa-cử của mình được thực-hiệu, để anh em tin. Bấy giờ anh em cũng đã có người đồng-ý với mình, nhưng phần nhiều vẫn cho là cuồng. Mà thân-phụ mình cũng không ưa mình là kẻ lãng-mạn, hết sức đem học-thuyết cũ giáo-dục khuyên-răn, mà trách mắng học-thuyết mới là vô-vị; giao cho cái trách-nhiệm sang phụng-thủ cái biệt-nghiep ở La-dinh, mà lệ-tịch tỉnh Hà-dông. Minh bấy giờ, một là sợ uy thân-phụ, hai là tự xét mình cái sức học hầy còn dốt, mới gia công tu-tĩnh ít nhiều. Khi ấy sách mới người Tàu chở sang một

ngày lại một nhiều, duyên mới nồng-nàn mà nợ cũ vẫn còn dan-diu. Than ôi ! mình cũng vì thế mà đối với học-giới, hơi biết nghĩa điều-hòa, cũng là cái hạnh-phúc trong sự học của mình vậy. « Con có cha như nhà có nóc. » Đến bây giờ nghĩ lại, thật không sai.

Ký-giả tự đây là người Hà-dông, không phải là người Bắc-ninh, từ đây là tuổi tráng-niên, tuổi trung-niên, không phải tuổi thiếu-niên nữa. Đối với tỉnh-thành Bắc-ninh, một ngày một cách. Đối với núi Nguyệt-hằng, sông Thiên-đức, rừng Cồ-pháp, thành Phong-kê, một ngày một xa. Đối với phong-vị tỉnh Bắc-ninh, một ngày một ít thương-thức. Đối với bè-bạn tỉnh Bắc-ninh, một ngày một ít giao-du. Đến nay cái vườn đào ở đất Hà-dông của mình, đã hai-mươi-năm phen nở hoa rồi. Mưa có, gió có, thợ trời điểm-

trang có, chàng ngư thăm hỏi có, đêm đông hiu-hắt, nắng hạ gợn-ghé, trời thu mát-mẻ, ngày xuân dật-diu, nửa lạc-hoa, nửa kết-quả có. Mà mình thì chưa thành được một cái sự gì, chưa xứng được một cái danh gì. Ngán lại với non sông cố-quân, cảnh-sắc cố-nhân, mình chẳng thẹn mình lắm ru ! Cái lòng cảm-tưởng ấy, không phải là đến cuộc di chơi này mới phát-hiện. Cũng là nhân cuộc di chơi này, mà phổ-dãi với cố-nhân một vài câu chuyện tâm-thường nhô-nhật thừa thiếu-thời. Cố-nhân, cố-nhân, ước gì non sông cố-nhân cứ trẻ mãi, cảnh-sắc cố-nhân cứ đẹp mãi, thì ký-giả mong lắm !

Khải-định, ất-sửu, mạnh-thu (1925), trước-giả ký.

Tùng-vân NGUYỄN ĐƠN-PHỤC

HÒA - BÌNH QUAN LANG SỬ - LƯỢC (1)

Đời Hùng-vương.

Quan Lang khởi-tổ, từ cuối đời Văn-lang, là những con thứ, cháu thứ nhà vua, chia phong cho họ là : Đinh, Quách, Bạch, Hà, Xa. Cao sáu họ làm quan Lang, đều đem những người nhà trai, gái vào những chỗ rừng lớn thung-lũng, mở - mang ruộng vườn, chiêu-dân lập-ấp, rồi sau con cháu sinh-sản nhiều giàu mãi ra, mới lập nên châu, tổng, xã, thôn, lúc bấy giờ họ nhà Lang, cha truyền con nối, đều xưng làm Quan Lang, con gái gọi là Mãng-Nàng, trên đối với vua, là linh

cha với con, dưới đối với người dân mừng, là nghĩa ông chủ thầy tớ, tình-nghĩa yêu mến nhau rất là thân-thiết. Lúc ấy các quan Lang, hoặc về Kinh-dô Phong-châu châu vua, hoặc đem của vật lạ dâng vua, (như dâng mọi thứ sơn-hào, hoặc làm ra bánh giầy tròn, lấy tượng trời làm cha, bánh chưng vuông, lấy nghĩa đất làm mẹ, đem tiến vua,) lúc ấy vua ban dạy cho phép làm tên nô bộc, để bắt những loài ác-thú, và dạy cho thuốc đánh bả cá ở-sưởi (2), và dạy làm chài, lưới, cùng làm máy xe quay nước để

(1) Đây chỉ nói riêng một tỉnh Hòa-bình, sự-tích Quan Lang từ xưa đến nay. — Xin xem thêm lại cả bài « Dân Mừng » của ông NGUYỄN VĂN-NGỌC đã đăng trong bản-chí số 95.

(2) Tục gọi là hội-mát, nó như quả đậu, hội thì đẹp, cây nó to lớn bằng cây xoan lấy hội đem giã nhỏ ra, đem nhào với bùn, quấy xuống vũng nước có cá, thì cá nó say nổi lên như lá ta bắn cốt mìn, làm như vậy để cho những người đánh cá dễ bắt, độ 30 phút thì cá lại sống như trước.

cấy ruộng, (về sau đời Lý, đời Trần, đời Lê đến nay, vẫn còn theo tục ấy mãi mà làm ăn, ruộng nương còn khỏi thuế, nhân-dân khỏi di lính.)

Đời Thục An-Dương-vương.

Vua Thục đem quân đi chặt cây Chu-dồng (1) ở đất Mường Ai, Mường Ống, (làng Ái-thượng Ái-hạ, Thiết-ủng, thuộc Thanh-hóa) lấy về dựng làm cung-dài, và làm chùa đồng. Chiều ra hội họp các quan Lang, đều đi săn đuổi bắn được muông Tạng Vương lớn (2), chia ban thưởng cho ăn thịt, cùng da lột, và cho gọi theo tục nhà Hạ, nhà Thương, nhà Chu, nhà Tần, bốn tháng chính, và ngày có sai nhau, như Mường Vàng, tháng giêng theo Kiến-dần theo quan-lịch; Mường Động tháng giêng theo Kiến - sửu tháng 12 quan; Cao-phong tháng giêng theo Kiến-tý, tháng 11 quan; Mường-bi tháng giêng theo Kiến-hợi, tháng 10 quan; tục ấy đến nay vẫn còn, và có nhiều câu ca-dao như là: cơm đồ nhà gác, nước vác lợn thui, ngày lui tháng tới, v. v. Ba châu, Lạc, Kỳ, Lương, Lang với dân là tục Mường, châu Mai và nửa châu Đà, Lang với dân là tục Thổ, lại có chỉ chuẩn cho các quan Lang ông nào cứ giữ phận ấy, làm quan Lang, giữ chức Phiên-thần, hoặc 12 năm, hay là 9 tháng, phải đổi phiên nhau về châu, và dâng nộp đồ cống, tại đô-thành Cồ-loa.

Đời nội-thuộc Trung-hoa

Người Tàu lại cai-trị nước ta, giết-tróc tàn-hại người Xứ Mường, (như là giết dân ông, dân-hiếp dân bà) dòng-dõi quan Lang hầu như hết giống, may có Thần - nhân bảo-hộ, giữ lấy giống nòi, (như là: họ Đinh được vị Thần-hầu, nhắc lấy con côi, đem lên núi nuôi nấng, và họ Quách được vị Tiên-khuyển, và thần Bạch-ngưu giữ gìn và nuôi-nấng cho hú lấy (3), đến lúc các đảng quần-hùng nổi lên, đánh trả người Tàu, và giữ lấy nòi giống ta, (như là bà Trương - nữ - vương, ông Bồ-Cái Đại-vương, và vua Ngô-vương Quyền, v. v. nếu không thời người Mường, tất-nhiên đều thuộc Bắc-hóa vậy, (tục - truyền xứ Mường dàu dàu, thường nói có chỗ người Tàu phong-thần đền của). Kịp đến 12 Sư-quân phản-tranh rối - loạn nữa.

Đời Đinh Tiên-hoàng

Dòng - dõi quan Lang, lúc bấy giờ dần dần hưng - phục nghiệp cũ, nhà vua ở Hoa-lư, cất quân ra khai-quốc, hoặc có tùy-lòng hiệu - lực, đều được đội ơn: sắc phong cho làm quan Lang, mà cứ được giữ bản - phận như xưa, khỏi được cái nạn người Tàu xâm lấn. Lang dân xứ Mường, xứ Thổ đều được an-phận.

Đời Lê Đại-Hành

Các Lang dân xứ Mường, dần tuân theo cò-lệ, về kinh-dô Hoa - lư, châu

(1) Cây chu-dồng, tức là: cây dâu-da, to lớn, cành cắt ra sắc nó đỏ như đồng, hiện ở số-tại còn nó dấu vết, gốc nó ở trên đỉnh núi, chùa đồng ở trên đỉnh núi Tam-đảo cũng làm từ lúc ấy.

(2) Tương-truyền rằng: hình dạng như con hổ, hiện ở núi đá làng Quy-hậu, có một vết chân, nó vồ vào sườn núi đá, ăn sâu vào độ hơn 50 phân tây, bề rộng ước sâu bảy thước tây, ở làng Mỹ-hóa, có một vực đất sâu và rộng ước độ bốn năm mẫu - truyền rằng: Khi bắn chết nó ngã vát xuống thành vực, chung quanh đấy có một bãi cỏ ruộng mênh mông cứ cách độ 10 thước tây lại có một nắm đất nhỏ nổi lên đều đều như thế, truyền rằng: Khi chia nhau thịt đánh từng phần - một, khi lấy thịt rồi, thì còn mỡ nó ngấm xuống đất cho nên mỗi đụn lúa thành năm đến nay vẫn còn.

(3) Thần-hầu tức là: con khỉ cái; tiên-khuyển tức là: con chó cái; Bạch-ngưu tức là: con trâu cái trắng. Bà giống ấy nói được tiếng người, nuôi con côi trong ít lâu ngày rồi những người dân còn sót lại có lòng trung-nghĩa lấy được ở với 3 giống ấy đem giấu nuôi lấy chó nên nay: Họ Đinh kiêng không dám ăn thịt khỉ; họ Quách họ Cao kiêng thịt chó họ Bạch họ Quách nữa kiêng thịt trâu trắng nếu có ý ăn thì có người không chết, cũng phát điên-dại hiện nhiều người đã thí nghiệm bị mắc rở-dại.

vua, và dâng nộp đồ cống tiến, mừng sắc phong cho làm quan chưởng, quan Lang, Thổ-tù, Lang Đạo, Phụ Đạo, v. v. (như là Lang Vĩnh-dông, chính dòng-dối họ vua Đinh, vua Lê Đại-Hành sắc phong cho: 一世爲王萬代爲蠻方酋長, nghĩa là: một đời làm vua, muôn đời làm chúa đất muôn). (1)

Lý-triều

Đời vua Lý Nhân-tôn, các Quan Lang xứ muôn, đều dõn ơn ban thưởng cho làm tước Công, Hầu, Bá, Tử, Nam, chức Chi-huy-sứ, Kinh-lực-sứ, Phòng-ngự-sứ, Phò-mã Quận-công, ông nào được công to, đến khi mất rồi, được truy-tặng tước Đại-vương. (Như là Đại-vương Vĩnh-dông, và Đại-vương Tao phong, v. v.) Lúc bấy giờ được phụng chỉ theo quân vua đi đánh giặc Chiêm-thành và các nơi ách-yếu ở xứ muôn, đều phải đắp thành xây lũy, để chống cự giặc Chiêm khi ra quấy nhiễu, (như là phủ ông Minh Quận-công ở làng Hường-ngĩa, lũy ông Chương Hải Quận-công ở làng Quy-hậu, Phủ vua Bốc ở Đồi-mốc (2) làng Vụ-bản, còn nhiều nơi nữa, cơ-chỉ đều còn sót lại.) Chiếu vua ban cho các Lang làm chức quan-chưởng, Thổ-tù, Lang, Đạo, giữ chức phiên-thần, phải 3 năm một lần dâng cống đồ vật, 9 tháng một lần đổi phiên nhau, về châu-chức tại kinh-thành Thăng-long.

Trần-triều

Thuyền rồng vua Thánh-tôn lên du-lịch sông Đà, Thổ-tù, Lang, Đạo, các nơi, đều lại bãi-yết, mừng sắc gia-phong, cứ y chức Thổ-tù, Phiên-thần,

mà giữ yên trong cảnh-thỏ, thời bấy giờ có dục nhiều trống đồng ban cho các nhà Lang, hoặc cho tùy tiện được mua những trống đồng, để dùng làm của báu hiệu-lệnh trong nhà, còn như điều-lệ khác, vẫn theo như nhà Lý.

Đời Hồ Quý-Lý

Chiếu vua ra ân-thưởng hơn lên cho Thổ-tù, Lang, Đạo các nơi, phải tập-nập về châu-chức tại kinh-thành Tây-dô, không cho thiếu mặt, và chiếu theo lệ nộp cống các đồ vật, (như gà, công, chim, trâu, lợn, gạo, v. v.), phải thu nộp đủ, không cho thiếu, người Mường lúc ấy bị chinh-thu nặng-nề, làm ra câu ca oán rằng: *thời vua ma này quý-quái, bắt cả dân bà con gái đi châu*. (thời ấy có một nhà quan Lang không có con trai, phải dạy con gái cải-trang đi châu, như tục truyền kể sự tích chàng Vì-liên gặp nàng Út-lát kết duyên.)

Lê-triều

Vua Thái-tổ khởi-ngĩa ở Lam-sơn, binh quân Ngô ra khai nước, Thổ-tù, Lang, Đạo các nơi, đều theo quân hiệu-lực, nhờ ơn ban thưởng gia-phong lại có phần vinh hơn triều Lý, duy ruộng nương lúc ấy phải trích ra chịu thuế, nhưng được dễ dòn lại ba năm mới nộp một lần. (Tiền-trưng là nộp thuế sang năm, chính-trưng là nộp thuế năm ngoái, v. v.) Thổ-tù, Lang, Đạo đều được quyền thu nộp thuế-lệ, có việc được phép tâu thẳng lên vua, cũng được làm những Phò-mã, Quận-công

(1) Khi vua Lê Đại-Hành cướp ngôi nhà Đinh, lo rằng: Lang Vĩnh-dông là họ vua, tất thế nào cũng quấy rối, năm Thiên-thụy thứ 2 có sắc phong ban cho để làm cách cơ-mi cái sắc ấy bằng lá đồng nhỏ có khắc chữ hiện nay chỉ trường họ Đinh còn giữ được có người hiểu lầm, lấy nghĩa chữ: 一世爲王萬代爲蠻方酋長, mà đoán ra cho là: lang dân khởi từ từ đây.

(2) Tương-truyền rằng: khi ông Quách Bốc bạo-dộng phẫn vua nhà Lý lập đại-dồn ở đấy người Mường nói rằng: Chính là tiên-tổ họ Quách Mường-Vang v. v. (chưa tra được chứng đích-ti) ; nay nhà nước mới đóng đồn vào gọi là đồn Vụ-bản Lạc-sơn.

như triều Lý, thôi cho lệ nộp cống và lệ lên châu-chức đổi phiên nhau như trước, sắc ban cho được hưởng mọi lễ: 亭門牛角彩米永爲世祿 (1); những ngách lính còn được động binh lính nông.

Đời Mạc Đăng-Dong

Chiếu ban ra cho quan Lang các nơi, đều được giữ chức phiên thân, yên nghiệp như trước, hoặc có ông cử theo nhà Hậu-Lê làm quan hay là có ông đổi theo nhà Mạc làm nền quan. (như quan Lang họ Bạch ở làng Nật-sơn, làm chức Cẩm-y thị-vệ quan nhà Mạc)

Đời Lê Trịnh

Thổ-tù, quan Lang ra châu bãi đều do phủ Chúa Trịnh cho phép, còn các lệ cũng như Tiền-Lê, v. v., duy không được tấu đối thẳng lên vua, phải tòng thuộc quyền Quân-đạo đường-quan, đến năm Cảnh-hung, ông Hoàng-thần Lê Duy-Mật, khởi quân đánh trả họ Trịnh, đóng quân ở xứ Mường, hoặc có ông theo Hoàng Mật, được làm chức Chỉ-huy-sứ, Phủ-quốc quân-công, (như là ông Thổ-tù làng Ngọc-lâu, v. v.) hoặc theo về họ Trịnh, cũng được phong tước làm Công, Hầu, Bá, Tử, Nam, và chức Phòng-ngự-sứ, Chánh, Phó Quân-hiệu (như quan Phòng-ngự-sứ, Thổ-tù Mường Vàng; quan Tôn-linh-hầu, Thổ-tù châu Đà-bắc; quan Tiền-trung-bá thự-hàm quân công, Thổ-tù làng Mấn-dức; cũng còn nhiều ông làm quan nữa, không sao kể xiết).

Đời Tây-sơn

Chiếu ban ra cho các viên-chức quan Lang, phải đều về phụng-thị triều-yết, đều được mong ơn ban

thường cho, cũng y như triều Lê, duy ban chiếu cho các Thổ-tù, quan Lang, phải đem dân binh ra, bổ đồn đóng giữ, đề trấn quân Nam-triều (2), lúc ấy hoặc có ông theo giúp về quân Nam-triều (như là: Quan Phòng-ngự-sứ Chuyên-mĩ-hầu, Thổ-tù làng Hương-nghĩa); bấy giờ việc binh-lương thuế-khoá, phép hình-phạt nặng-nề lắm, xứ mường nhiều người oán rằng: ngặt Tây-sơn, v. v..

Bản-triều

Thổ-tù Gia-long, Nam-triều nhất-thống, Thổ-tù, quan Lang các nơi, đều về hàng thứ, ai mong cho chức nào, cứ giữ phận ấy, như khi trước triều Lê và Tây-sơn, đến đầu năm Minh-mệnh, (cùng với lúc diệt giòng chúa Chiêm-thành), cấm không cho xưng làm chức Thổ-tù, chỉ chuẩn cho các Lang được xưng làm Thổ-ti, lại đến năm Minh-mệnh thứ 18 ông Lê Duy-Lương (là dòng-dõi nhà Hậu-Lê) lên họp tập các Thổ-ti, lập mưu phản-đối, hoặc có chỗ đã cất quân đánh thành, hoặc có chỗ còn âm-mưu, lúc bấy giờ Triều-dinh chiếu cho quan Hà Duy-Phiên lên giúp yên, và trừ các đầu đảng, các quan Lang lúc ấy gần bị tru-di, (nguyên châu Lạc-sơn là bị hại nặng nhất, chia ra làm 50 xã từ đó, lúc bấy giờ giá-trị của các Lang dân châu khác, cũng dần giảm bớt), may được dân mường còn có lòng phục, giữ lấy cháu con các nhà Lang đem vào rừng núi trốn tránh được khỏi, đến năm Tự-đức, nhờ ơn được đại-xá tội trước, lại chỉ-chuẩn cho khai-phục nghiệp cũ, được xưng làm Thổ-mục, và được bổ làm chức Linh-binh, Hiệp-quản, Phó-cơ, suất-đối, đề mà coi giữ những linh Mường,

(1) Đạo sắc của vua Lê Hiến-tôn ban cho như vậy hiện còn giữ được đạo sắc, nhưng mỗi ngày thay đổi khác đi đại ý là: ông Lang được vĩnh-viễn hưởng quyền lợi của dân Mường tuơng cấp.

(2) Tức là: Chúa Nguyễn tuơng cư với quân Tây-sơn mà các quan Lang cổ sức giúp về Tây-sơn vì công nhân cho là vua Quang-trung, có công diệt được họ Trịnh là kẻ thù nhà Lê.

(lúc bấy giờ như là : Quan Phó Lĩnh-binh Thạch-bì, quan Phó-cơ Vĩnh-đồng, v. v.) ngạch binh thời 7 đình thủ nhất, nhưng còn được động binh tỉnh nông, ⁽¹⁾ hay là bằng lòng đem ra làm lính, thời cũng phải chịu nửa phần thân-thuế, cho được tùy tiện ⁽²⁾ .

Thời-kỳ Đại-Pháp Bảo-hộ

Năm Đồng-khánh, các Thổ-mục quan Lang đều về bãi-yết, Chính-phủ Bảo-hộ nhờ ơn hiệu-dụ cho được, Thổ-quan trị thổ-dân, và nghị-dịnh trích lấy những dân Mường, hạt nào đều có quan Lang trong các tỉnh, như là : Ninh-bình, Sơn-tây, Hà-nội, Hưng-hóa mà lập ra một tỉnh, trước thì đóng tại phố Phương-lâm, rồi đem dời lên Chợ Bờ, đều gọi tên là tỉnh Phương-lâm, đến năm Thành-thái lại dời tỉnh-ly về đóng tại đầu làng Hòa-bình, mới đổi

gọi là tỉnh Hòa-bình, gồm thuộc cả 5 châu (là Lạc-sơn, Kỳ-sơn, Lương-sơn, Mai-châu, Đà-bắc), 14 tổng 84 xã dân, đầu tỉnh cai-trị có quan (Tuần-phủ) Chánh quan Lang, Án-sát-sứ, các châu đều có chức Chánh, Phó, Tri-châu, để mà cai-trị việc công, với các Lang-dân trong hàng tỉnh, chức Thổ-mục được khai-xưng làm Thổ-lang và Thổ Đạo, đến năm Duy-Tân ở tỉnh-ly có việc ⁽³⁾ xảy ra, quan Toàn-quyền Kỳ đại-hiến ngài lên kinh-ly ở bản-tĩnh, lúc ấy các Thổ-Lang đều phải về bãi chào hầu việc được hơn 70 ông, đợi ơn hiệu-dụ cho rằng : những ông Lang nào có tiếng thì đều cho xưng làm chức quan Lang, để cho hợp lệ cớ, và trọng sự thể nữa, lúc này thực là Nhà-nước day dỗ, khai-hóa, ưu-dãi cho các Lang-dân xứ Mường, cũng gần bằng như triều nhà Lê vậy.

Hòa-bình Quan Lang sử-lược diễn-ca

Nghìn thu gặp hội thanh-bình,
Nhờ ơn Bảo-hộ văn-minh mở đường.
Bút nghiên vui việc thư-đường,
Diễn xem Sử-lược Quan-Lang Hòa-bình.
Hùng-vương là tổ nước mình,
Phong-châu là chốn kinh-thành triều-đổ.
Lang từ khởi tổ ngày xưa,
Cuối Văn-lang-quốc đến giờ đã xa.
Mỗi cành con cháu phong ra,
Họ chia Đinh, Quách, Bach, Hà, Xa, Cao.
Trải nơi rừng rậm đồi cao,
Rủ đưa thầy tớ tìm vào khai hoang.

Phá rừng núi mở ruộng nương,
Chiều dân lập ấp rộng đường vào ra.
Sau ngày con cháu nhiều ra,
Đặt nên châu tổng cùng là xã-thôn.
Dòng Lang thêm nước tiếng đồn,
Cái danh quý-tộc vẫn còn tiếng sang.
Trai thời truyền gọi Quan-Lang,
Gái thời truyền gọi Mãng-Nàng là tên.
Kim-chi ngọc-diệp nổi truyền,
Mường trong phục ý vua trên thuận tình,
Tắm thân đối với vương-đình,
Trăm năm vững giữ chút tình cha con.

(1) Lang được bổ làm quan, dân phải bắt làm lính, có sổ ngạch, mà không phải đi ở tại ngũ, trừ có việc động lên quan lính mới phải tuyển ra đi đánh giặc, mới được lương bổng, xong việc rồi lại rút về ở nhà, quan, lính, đều không có lính lương.

(2) Tuy lệ như vậy, nhưng tùy ý các quan Lang, muốn ra làm quan có lương bổng, thì đem lính dân ra ở tại ngũ cũng được, lính lính nửa lương, thuế thân còn phải nộp nửa phần, nguyên châu Lạc-sơn thì làm theo lệ này.

(3) Năm 1909 ở làng Nông-hóa, châu Lương-sơn, có tên Bùi Văn Kiêm (tức là tổng Kiêm) tự ý mình không chịu thuộc quyền bảo-hộ, dụ những người dân lên đánh lấy tỉnh Hòa-bình, giết hại quan binh, sau quan Toàn-quyền lên kinh-ly và hiệu-dụ, các quan Lang nên xuất tại xuất lực, đem dân binh đi đánh, thì bắt được tên Kiêm, nộp lên Chính-phủ trừng trị.

Sẵn lòng nom tới dân thôn,
 Nghìn thu vẹn đạo tôi con tổ thủy.
 Tình càng rộng, nghĩa càng đầy,
 Càng sâu bề ái càng đầy nguồn ân.
 Nhớ ngày triều bái quân thần,
 Phong-châu đường xá xa gần quân bao.
 Hiến phương-vật cống sơn-hào,
 Đã trăm thức lạ lại nhiều về hay.
 Chỗ bánh chưng, chỗ bánh giầy,
 Vương kia tượng đất tròn nay tượng trời.
 Gọi là một chút xa khơi,
 Giải lòng ong, kiến dâng nơi vương-triều.
 Lại ơn vương giáo ban trao,
 Dạy nghề lên-thuộc bắn beo mọi loài.
 Dạy cho đàn lưới đàn chài,
 Cùng phương bả-cá lợi người ngư-nhau.
 Cùng xe máy nước cũng thần,
 Bề cho cây cấy lợi dân mọi bề.
 Lý rồi Trần lại đến Lê,
 Dân mừng đâu đó vẫn lẽ lối xưa.
 Thuế trong điền thổ cũng chưa,
 Lại cầu binh ngạch dân nhờ cũng không.
 Cuối Hùng đến Thục nổi phong,
 An-duyệt nội đả cây-đồng các nơi.
 Bởi chưng Mông-ông Mông-Ai,
 Dựng nên đồng-trụ cung-đài nguy nga.
 Chiều với các chức Lang-gia,
 Vội đi săn bắn gọi là thú vui.
 Được muông Tượng-vương khác loài,
 Thường ban da thịt cho người Lang-dân.
 Còn như tuổi-chính nguyệt-tuần,
 Cho theo tam đại mới Tân ngày xưa.
 Trưng-hoàng theo Hạ từ xưa,
 Kiến-dân thủ chính bấy giờ vẫn đương.
 Vĩnh-đồng kiến-sử theo Thương,
 Cao-phong kiến-tý theo rường-mối Chu.
 Bạch-bì kiến-hội bấy giờ,
 Bỏ theo Tân-chính từ xưa đến rầy.
 Tuy rằng thế-đại đổi thay,
 Nhưng câu tứ kiến đến nay vẫn còn.
 Vậy nên có truyện tục-ngôn,
 Mảng vui nhà gác quên ngon cơm đồ.
 Lợn thui nước vác đủ trò,
 Ngày lui tháng tới ăm no việc thường.
 Châu Kỳ châu Lạc châu Lương,
 Ba châu ấy một họ mừng dân Lang.
 Mai, Đà châu hạt hai phương,
 Chia làm họ Thổ dân Lang hai loài.
 Chỉ phong Lang phạm đã rồi,
 Mỗi người mỗi chức giữ ngôi Tiên-thần.

Mười hai năm hoặc một lần.
 Hay là chín tháng hội tuần phò Kính.
 Vật phương theo lệ dâng trịnh,
 Thay phiên triều thị tới thành Cổ-loa.
 Sau này nội thuộc Trung-hoa,
 Gớm cho quân khách thật là tham-hung.
 Đã hiệp vợ lại giết chồng,
 Núi xương cao ngất máu sông đỏ đầy.
 Dòng Lang tưởng sạch những ngày
 Ai ngờ trời giúp đến nay hãy còn.
 Đi-hải còn chút con con,
 Thần đưa lên đỉnh núi non hộ cầu.
 Họ Đinh nhờ có Thần hầu,
 Quách-nhờ Tiên-khuyến Bạch-ngư-linh hầu.
 Mớm nuôi khôn lớn lên đầu,
 May đâu bị cực gặp tuần thái lai.
 Bó là muốn sự tại Trời,
 Nam bang lại có nhiều người trung-hung.
 Như bà Vương-nữ họ Trương,
 Thực là một đấng nữ xưng pui thường.
 Cùng ông Bồ-cái đại-vương,
 Trăm năm ghi chữ lưu phương còn truyền.
 Lại ông Ngô Tính Vương-Quyền,
 Nghìn thu tạc đề tiếng khen còn dài.
 Nếu không có đất có trời,
 Thời Mông-nhân hẳn ra người Bắc-nhâm.
 Tục truyền khắp hết phương-dân,
 Rằng khi ấy khách phong thần tàng kim.
 Tâm kinh dấu thổ chưa im,
 Lại mười hai sứ quấy rầm bốn phương.
 Họ Đinh có đức Tiên-hoàng,
 Bông lau ra sức quét tan bụi hồ.
 Dòng Lang trong thuở bấy giờ,
 Cơ-đồ trước nhỏ sau to lên dần.
 Dưa tài hiệu lực tông quân,
 Theo vua khai quốc giữ dân mừng nhà.
 Kinh triều đóng ở Thanh-hoa,
 Đội ơn quốc chi ban ra rành rành.
 Phong cho đều giữ phận mình,
 Khỏi lo giặc khách cướp trau sau này.
 Phép triều ai dám đổi thay,
 Dân, Lang, Mông, Thổ nhờ nay yên hòa.
 Đại-hành dựng nghiệp Lê-gia,
 Cho dòng Lang vẫn theo lẽ lối xưa.
 Cứ y triều cống tuần thừa,
 Vật phương dâng hiến Hoa-lư vương thành.
 Sắc phong vâng mệnh triều-định,
 Các Lang Tử-trưởng đã rành có nơi.
 Lang Vĩnh-đồng đó là ai,
 Ấy là chính thực giống nòi họ Đinh.
 Về sau Lang có quyền hành,

Vì ơn chiếu-chỉ Lê-dinh ban cho.
 Một đời chính ngự làm vua,
 Muốn đời quyền chúa Trưởng-tù nam-phương.
 Lý-triều ân lệnh thánh-hoàng,
 Nhân-tôn giáng chiếu các Lang hội-đám.
 Rằng : Công, Hầu, Bá, Tử, Nam,
 Chia ra năm đẳng để làm tước phong.
 Chỉ-huy Kinh-lược Ngự-phòng,
 Cùng ngôi Phò-mã Quân-công phẩm triều.
 Có công lớn ấy ban trao,
 Chết còn truy tặng mệnh triều long-chương.
 Vĩnh-đồng tiếng vẫn lưu-phương,
 Cùng Cao-phong nọ Đại-vương hai vị.
 Bởi vì trước có gian-nguy,
 Tổng quân phạt-ra đi Chiêm-thành.
 Trải bao sơn hiểm gặp ghềnh,
 Ngự chiêm đắp đất xây thành lập dinh.
 Như là Hướng-ngĩa phủ-minh,
 Cùng là Quy-bậu phủ dinh những kỳ.
 Lại như Vu-bân xa gì,
 Bức sơn-vương phủ tiếng thi nghìn thu.
 Khắp trong Lang Đạo Thồ-tù,
 Y như triều chức phong cho Phiên-tuần.
 Ba năm chín tháng một lần,
 Cứ y cõ lệ tiền nhà : đẳng tước.
 Chỉ vì khác chốn triều Kinh,
 Đến nay Lý cải Long-thành là đờ.
 Tần thời ngôi Lý trao cho,
 Thánh-tôn ngự giá tuần du sông Đà.
 Suốt từ mừng thu dân quê,
 Bao nhiêu Lang chức đều ra bái chào.
 Cũng y chức cũ ban trao,
 Mà trong cõng lễ vẫn theo Lý-triều.
 Trống đồng khi ấy đúc nhiều,
 Chiếu trong Lang-trưởng ban trao mọi nhà.
 Cho tùy mua bán thêm ra,
 Bề làm bảo vật trong nhà cửa riêng.
 Gian tình Hồ-tị ghé nghiêng,
 Quý-Ly trộm cướp ngôi thiêng họ Trần.
 Giả điều giáng chiếu gia ân,
 Khắp đòi các chức Mương-dân Lang-Tù.
 Bất rằng đều đến Tây-đô,
 Chiếu danh diễm diện cang cho thiếu người.
 Vật phương bắt cống các mũi,
 Gà, trâu, lợn, gạo cùng loài sê-bay.
 Nhắm lòng tính đốt ngón tay,
 Chẳng cho thiếu chút mây may gọi là.
 Chính thu thuế nặng thêm ra,
 Mương dân những khổ có ca oán rằng :
 Vua ma quỷ quái quá chường.

Đàn bà cũng bắt lên dâng bộ vàng.
 Bấy giờ có một Quan-Lang,
 Không trai dạy gái cải trang tới châu.
 Rõ như tục ngữ mọi điều,
 Truyện nằng Út-Lót chàng Liêu xưa mà.
 Đến vua Thái-tổ nhà Lê,
 Lam-sơn khởi nghĩa quyết bề binh Ngô.
 Bao nhiêu mừng Thồ Lang-tù,
 Tổng quân hiệu lực thưởng cho cũng nhiều.
 Giáng ân phong tước cho đều,
 Lại thêm long trọng hơn triều Lý xưa.
 Tuy rằng ruộng bắt ra tô,
 Nhưng ba năm rộng trưng cho một kỳ.
 Chia tiên, chính, hậu, làm ba,
 Phó cho Lang Đạo cứ mà chinh thảo.
 Còn như tạp dịch dân châu,
 Trước cho quyền định rồi sau tâu cùng.
 Cũng cho Phò-mã Quân-công,
 Cứ y triều trước theo cùng Lý xưa.
 Còn như cõng lệ bấy giờ,
 Tha cho không phải như xưa thêm phiền.
 Lại cho Thái-mẽ lương-diễn,
 Đình-môn Ngưu-giác gọi đến tặc cang.
 Đặt thêm binh gác quan phòng,
 Yên thời việc ruộng động dùng việc binh.
 Sau này Mạc-thị hưng tranh,
 Đãng-Dương tiếm hiệu triều đình xưng vương.
 Chiếu cho Lang Đạo các mương,
 Phiên-thần cứ giữ chức thường triều ban.
 Lại cho các xứ dân gian,
 Trên vui chức cũ được yên nghiệp nhà.
 Hoặc thời theo phục Hậu-Lê
 Hoặc thời cũng có theo bề Mạc-quan.
 Như là Lang-Bạch Nật-Sơn,
 Cầm-y Thị-vệ làm quan Mạc-triều.
 Dân gian đang buổi ba đào,
 Nửa theo Mạc-thị nửa theo Lê-triều.
 Lê thời có Trịnh tiếm theo,
 Các Lang Tù trưởng bái triều như xưa.
 Chiếu do Trịnh-phủ trao thừa,
 Cũng y điều lệ như xưa Lê-triều.
 Đặt ra Quân-đạo quan triều,
 Không cho trực tấu phải theo Lệnh-đường.
 Cảnh-hưng là hiệu Lê-hoàng
 Có ông Duy-Mật vốn hàng họ Lê.
 Ra tay trừ Trịnh một bề,
 Xưng binh đóng ở dân quê các mương.
 Bấy giờ các chức quan Lang

Nhiều theo hoàng-lộc quyết đường lập công.

Chỉ-huy vâng mệnh triều-phong.

Ngọc-lâu có chức Quận-công Thỗ-tù.

Hoặc theo Trịnh-phủ bấy giờ,

Cứ trong năm tước trao cho chức liễn.

Này như phòng-ngự-sứ quan,

Cùng là Quận-hiệu lưỡng ban chính tòng.

Trung-hoàng Phòng-ngự-sứ phong,

Còn hầu Tôn-lĩnh về trong châu Đà.

Tại làng Mẫu-đức đầu xa,

Liễn-trung tước há hàm là Quận-công.

Còn nhiều quan chức gia phong,

Khôn đem chép hết vào trong sử này.

Lê rồi lại đến Ngụy-tây,

Bao nhiêu diên-lệ vẫn ngày tiền-Lê.

Chiếu với các chức Lang-gia,

Đem dân đồn trại ngự bề Nam-binh.

Cũng nhiều hiệu-lực tòng-chinh,

Theo Nam-triều đề hợp binh tương-phù.

Kia ông Hường-nghĩa Thỗ-tù

Hầu phong chuyên-mỹ chức cho ngự-phòng.

Bấy giờ đang việc binh-nhung,

Lại câu hình-phạt thuế cung nung-nề.

Dân mừng kẻ oán người chê,

Ai ai cũng nói ngất về Tây-sơn.

Xiết bao kẻ nổi gian-nan,

Đến sau này mới giết yên một triều.

Gia-long dựng nghiệp bản-triều,

Bao nhiêu Lang-Đạo đều theo phục hàng.

Lại cho nguyên giữ chức quan,

Theo Lê-triều với Tây-sơn diên tiền.

Tính từ Minh-mệnh sơ niên,

Đổng thời diệt giống chúa-Chiêm bấy giờ.

Cấm không cho gọi thỗ-tù,

Thỗ-ty cải-hiệu trao cho chức liễn.

Đến sau mười tám năm truyền,

Hầu-Lê có kẻ nổi lên hành-cương.

Đầu trò tên gọi Duy-lương,

Âm-mưu dụ các dân mừng Thỗ-ty.

Đồng-tinh phản-đối vi-phi,

Cử binh cũng đã có khi công-thành.

Gừng nhiều mới dư mưu-danh,

Bổng đầu có chỉ Triều-đình giáng ban.

Họ Hà tên gọi Duy-Phan,

Đại-thần vâng mệnh triều ban tiểu-trừ.

Đảng gian chém hết đầu trò.

Dòng Lang lấy cũng phải lo chu-làn,

Phạm-đồ nặng nhất Lạc-sơn,

Chia năm mươi xã dân-gian những ngày.

Giá Lang nên kém đến rầy,

Vì chưng truyện nê hóa giầy nên điều.

May đâu trời cũng còn chiều,

Dân mừng lòng vẫn phục theo nhiều người

Cầu đang truy-nã toi-bời,

Đưa Lang đi giấu mọi nơi lâm-uuyền.

Sau này Tự-đức niên-gian,

Mông ân đại-sá tiền khiến đến rầy.

Ròng Lang nhờ được sau này,

Cứ y nghiệp cũ đến nay còn truyền.

Cải cho Thỗ-mục là tên,

Vĩnh-binh Hiệp-quân chức ban triều-thần.

Phó-cơ Suất-đội lên dần,

Quyền cho quân-suất mừng-dân đi về.

Như quan Phó-lĩnh Thạch-bị,

Lĩnh-đồng khi ấy chức thì Phó-cơ.

Còn câu binh-ngạch bấy giờ,

Toát-dinh thủ-nhất vẫn nhờ đến nay.

Phòng khi động tĩnh sau này,

Cho theo lễ cũ từ ngày tiền-Lê.

Dù ai tình-nguyện cũng tùy,

Chiếu trong thân-thuế cứ y nửa tiền.

Đến năm Đồng-khánh nổi truyền,

Muôn trông bảo-hộ ơn trên rộng lòng.

Các Lang Thỗ-mục hội-đồng,

Điều ra bá-yết muôn trùng vọng ân.

Dĩ thỗ-quan, trị thỗ-dân,

Nhờ ơn chính-phủ cho tuân những ngày.

Trích ra bốn tỉnh sau này,

Hà-t-ảnh, Hưng-hóa, Sơn-tây, Ninh-binh.

Đó là bán-thổ bán-kinh,

Muôn đem qui-tiện cho rành kỹ-cương.

Vậy nên thêm đặt tỉnh-duơng,

Trước tiên lập ở phố Phương bấy giờ.

Thứ sau lập ở Chợ-Bờ,

Phương-lâm là tỉnh tiếng xưa vẫn truyền.

Đến năm Thành-thái niên-gian,

Dời đưa tỉnh-ly về bên Hòa-binh.

Tiếng đồn nhân kiệt địa-linh,

Chia ra địa-phận đã rành năm châu.

Kỳ-sơ sở-tại ở đầu,

Thứ châu Lương Lạc, lại sau Mai, Đà.

Lại đem lòng xã chia ra,

Tổng thời mười bốn xã đã tám tư.

Có tòa thủ-hiến quan-cư,

Quyền coi cai-trị công tư dân mừng.

Nhất quan Tuần-Phủ chánh Lang.

Chữ quan Âm-sát chủ-trương dưng đầu.
 Dưới thời Chánh, Phó, Tri châu,
 Đó là chức trị trước sau dân Mường.
 Còn như các chức Thổ Lang,
 Lại cho khai phục chức thường trị dân.
 Bổng đầu năm thuở Day-tân,
 Hòa-bình có sự bất thần nổi lên.
 Đội ơn Đại-hiến Toàn-quyền,
 Giá lâm kinh lý diễn truyền trước sau.
 Các Lang chẳng thiếu nơi đâu,
 Bảy mươi dư chức ra hầu Quý-quan.
 Ôn trên hiệu thị truyền ban.

Đều cho xưng chức Quan-Lang đến giờ.
 Đề cho hợp cổ lệ xưa,
 Trọng thêm sự thể rộng cho mọi điều.
 Muôn ơn Nhà nước hậu nhiều,
 Mỏ mang dạy bảo bằng triều Lê xưa.
 Còn như các truyện bây giờ,
 Dù hay dù dở xin chờ chép sau.
 Gọi là quê kịch và cân,
 Kính dâng các chức hàng châu luận bàn.

QUÁCH ĐIỀU
 (Quan-lang Hòa bình)

CUỘC THƯỜNG CA Ở LÀNG HỮU-THANH-OAI

Phạm những khách hàn-mặc, xưa nay chỉ cặm-cui vào việc kê-cửn quan-ma trong chốn văn-phòng, thư-viện, ít khi được vận-dộng đến thân-thể, thư-thái cho tinh-thần; tuy về đường học-vấn thì được bồi-ích nhiều, nhưng về phép vệ-sinh thì lại tổn-hại lắm. Cho nên cũng có lúc phải dời bỏ vòng cặm-cui mà ra tiêu-dao phóng-khoảng ở những chốn nước biếc, non xanh, trắng trong, gió mát; hoặc là đi quan-phong các miền thôn - dã; hoặc là đi ngoạn-cảnh những chốn lâm-toàn, cho khoan-khoái tâm-hồn và rộng thêm đường kiến-văn, lịch-lãm vậy.

Bạn đồng-chí chúng tôi là ông Phạm Thượng-chi, ông Nguyễn Đông-châu, ông Nguyễn Tùng-vân và ký-giả vốn là những người thích đi du - lâm, nhân ông Mai-khê sẵn bụng ân-cần trân-trọng đón chúng tôi về chơi tại quê hương ông là làng Hữu-Thanh-oai, giữa chiều hôm 14 tháng 8 ta, tức là ngày mồng 1 tháng 10 tây mới rồi, để thưởng một cuộc dã-ca tự ông tổ-chức nên ở con sông ấy.

Khoảng 6 giờ chiều hôm ấy, ông Mai-khê đón chúng tôi ở tỉnh-ly Hà - đông, rồi cùng lên xe tay đi thẳng về chợ Tó. Đến đó đỗ xe rồi xuống thuyền theo con sông Nhuệ, xuôi xuống đến làng Hữu. Chiếc thuyền chở bọn chúng tôi đó, nguyên là tự ông Mai-khê đã dự-bị sẵn-sàng từ trước, đã giương mui, giải chiếu chỉnh-tề, lại kết lá, treo đèn rực-rỡ; trông cũng có cái vẻ tôn-nghiêm và trang-nhã lắm. Mọi lá thuyền lan, mảy con chèo quế, thuận buồm, xuôi gió, dừng-dừng hơi giữa dòng sông:

Lênh-dênh một lá mui bằng,

Ngao-du phong-nguyệt trên dòng Nhuệ-giang.

Cùng nhau kết bạn văn-chương,

Chỉ trắng, thẻ nước, theo đường «quốc-văn».

Vậy thì cái thú của con nhà rho chơi đêm thu trước ngày rằm tháng tám, năm ất-sửu trên sông Nhuệ-thủy này cũng không khác gì cái thú của ông Tó Đông-Pha chơi trên sông Xích-bích sau ngày rằm tháng bảy, năm nhâm-

tuất vậy. Dẫu không bắt-chước cồ-nhân nằng chèn, gõ thuyền mà ngâm câu : « Quế trạo hề lan tương ; kích không minh hề tố lưu quang ; điều-diều hề dư hoài ; vọng mi-nhân hề thiên nhất phương... » « 桂棹兮蘭槳。擊空明兮溯流光。渺渺兮余懷。望美人兮天一方。 »

Nghĩa là :

... Lan quế làm rầm bánh lái,
Chèo không-minh ngược lối lưu-quang.
Lòng ta giăng-giặc nhớ thương,
Đoái trông người đẹp một phương bên
trời... (1)

... Song, năm ba anh em đồng chi ngồi chung trong một khoang thuyền bênh-bồng trên mặt nước, di lững-thững dưới bóng trăng thu, trò-chuyện cùng nhau mặt-mà dăm-thăm, tưởng như thế cũng chẳng kém gì cái thú phong-tao của cồ-nhân vậy.

Ồ ! trong vòng trời đất này, vật gì cũng đã có chủ, vì không phải là của riêng ta, thời dẫu một mây-may ta cũng chẳng nên lấy. Duy chỉ có cái thú hóng ngọn gió mát trên dòng sông, và ngắm mảnh trăng trong bên sườn núi, là thanh là sắc, là giòn, là xinh, mà dẫu lấy đi cũng không ai ngăn, dùng đến cũng không bao hết ; thật là cái kho vô-tận của tạo-vật dành lại cho ta, để ta chơi-bời cho thỏa-thích đó. Nay ta há lại không biết lợi-dụng lấy hay sao ?

Nhưng mà tiếc vì cái đêm hôm đi chơi ấy lại gặp phải chiều trời vẩn-vụ, sông thì cạn, trăng thì mờ, cho nên kém mất cái màu quang-minh và cái vẻ nhuần-nhã của chị Hằng - Nga đi, chỉ những khi thì ần, khi thì hiện, khi ủ-dột, lúc lại tươi - cười, chợp - chờn

như có ý trêu-gheo bọn khách trần-gian đi chơi phiếm vậy ! Rồi chúng tôi mới nói vui rằng : ! ờn ta đi chơi đêm nay, có dễ vô-duyên với chị Hằng hay sao, mà chị không nhò cái khuôn mặt đầy-dặn ra với côi dôi, lại cứ nấp bóng cung mây mãi thế ? Song, cồ-nhân đi chơi đêm còn phải đốt đuốc, huống bọn mình hôm nay còn được cái bóng trăng xuống, lại sẵn có sông, có nước, có bạn, có thuyền, đủ để tiêu-sầu, khiến-hứng trong cái quang-cảnh thu-thiên ; vậy thì ta đã chơi, chơi lấy kéo hoài...

Thuyền bắt đầu đi từ Chợ-Tó, trở xuống qua mấy làng Hữu-từ-thượng, Hữu - từ-trung rồi đến Hữu từ-hạ, tức là làng Hữu-thanh-oai về bên hữu-ngạn đối với làng Tả-thanh-oai (tức gọi làng Tó) về bên tả-ngạn. Đến nơi, thuyền ghé bến, khách lên bờ, rồi cùng vào nhà ông Mai-kê, lại gặp cả ông Đoàn Mai-nhạc và ông Đoàn Nhự-Thạch cũng có lại chơi đấy. Hai ông này cũng đều là người thân-thuộc trong Đoàn-gia. Ông Đoàn Lư Thuật (Mai-nhạc) lại là một nhà Hán-học cũng tinh-thông, quốc-văn cũng điêu-luyện, mà sở-trang nhất về lối « tứ-diệu ».

Trò-chuyện hàn-huyên một lúc, rồi ông Mai-kê sai bày cơm tối. Trong khi gọi hội-âm, câu luận, câu đàm, ra tình dăm-thăm ; chén thù, chén tạc, to ý vui-vầy ; thật là đồng thanh, đồng-khi vậy.

Cùng nhau ý hợp, tâm đầu,
Khi thân, lộ phải là cầu mới thân !

An uống xong, thì mây đã quang, trăng đã tỏ, trời lại vừa đổ lầy-táy mấy hạt mưa xuống, song bấy giờ vắng không-khi cũng được tinh-thanh, mà

(1) Mấy câu này là trích ở trong bài phú « Xích-Bích » diễn quốc-âm ra, các â-đào thường vẫn đọc đến.

giang - sơn cũng sinh cảnh-sắc. Ông Mai-khê mới mới đồng-nhân ra sông trông trăng và nghe hát.

Mà cuộc thường hát đây cũng không phải là thường cái thơ tài thơ, bầu rượu, cùng nhau *đôi kỹ tùy ba nhiệm khứ lưu* (帶妓隨波任去留) để nghe cái tiếng li-trúc nhất khoan, cái giọng yển oanh cao thấp dàu mà tuồng. Đây là thường một lối hát cổ, xưa kia vẫn lưu-hành trong chốn dân-gian, tức là một lối dã-ca vậy. Nhưng ông Mai-khê có nói chuyện với chúng tôi rằng ở vùng tổng Thanh-oai có lối hát cổ hay lắm, đã lâu nay không có người hát đến nữa. Nay ông nghĩ rằng nếu không ai thường đến lối hát ấy nữa thì lâu ngày rồi cũng thất-tích, mà để tiêu-diệt mất thì cũng hoải. Vậy ông có ý muốn bảo-tồn và muốn mời chúng tôi về để quan-sát. Tuồng cũng là một cái ý hay, vì gần đây, phong-khí biến-thiên, trong những lối chơi cũng đã dần dần đổi cũ ra mới; nhưng đã chắc đâu rằng lối mới là hay, mà lối cũ là dở; đã chắc đâu rằng lối mới là văn-minh, mà lối cũ là hủ-bại!

Ông Mai-khê bèn cố hết sức đi tìm khắp trong hàng tổng lấy mấy người, vừa nam, vừa nữ có thể hát được, rồi ông thuê mấy chiếc thuyền tự-hội cả ở khúc sông ngay ngõ nhà ông ra, lấy đấy làm nơi ca-tịch. Ông lại treo giải để tuồng-khuyến lộn ca-nhân.

Thế mới biết nghề chơi cũng lắm công - phu thật! Rồi nào tân, nào chủ, nào gia-quyển, nào hương-nhân, ước tới trăm người, đứng quay-quần cả ở trên bờ và dưới nước để nghe hát; trông rõ ra cái cảnh-tượng thái - bình, dân-gian lạc-thu! Bọn ca-giả thì bèn nam ngồi một thuyền, bên nữ ngồi một thuyền; khi hát thì bên nam

xướng lên trước, bên nữ họa lại sau, hai bên hát đối nhau chầm - chậm. Lối hát này, khi bắt đầu hát thì cất cao giọng lên, rồi dần dần hạ thấp xuống, giọng cũng đủ ả khi lên bổng, khi xuống trầm, khi ngân hơi, khi hãm giọng. Song, những câu hát thì phần nhiều là những câu giao-tình du-hí, như những câu hát đúm, hát trống-quân vậy; lại thêm có những tiếng trợ-ngữ ngộ-nghe chẳng ra ý-nghĩa gì cả.

Kể cái hay thì cũng chẳng lấy gì làm hay, mà cái giọng hát thì cũng chẳng lấy đâu được réo-rất như giọng oanh ngâm bài *Cung bác*; nỉ-non như hơi yển đọc khúc *Ti-bà*; giòn-giã như khổ phách dịp-dàng; êm-dềm như cung đàn thánh-thót trong xóm Bình-khang. Thế nhưng mà, giữa lúc đêm thanh, cảnh tĩnh, ra đứng ngoài mũi thuyền mà trông lên vầng trăng len-lỏi đám mây bay, nhìn xuống mặt nước nhấp-nhó làn sóng gợn, và lắng tai nghe cái giọng những người diên-phu, dã-phụ hát đó, khi thì véo-von như tiếng chim hót, khi thì ti-tỉ như tiếng giế kêu; thôi, thế cũng là thắng-cảnh, lương-thần, mà cũng tam cho là thường-tâm, lạc-sur vậy.

Bọn ca-giả này hát vào khoảng hết trống canh hai thì hốt-nhiên có một người con gái ở đầu vào dự cuộc hát, quyết tranh lèo, giắt giải với bọn kia; rồi sau quả-nhiên cái tài của cô vượt-xuất được cả bọn kia thật. Là vì cô có cái tiếng tốt và hát hay; lại pha được cả giọng nam, giọng bắc và giọng kinh nữa. Khởi đầu cô hát những điệu cổ, rồi sau hát đến những lối phổ-thông trong xã-hội bây giờ, như giọng ca, giọng xầm, giọng hãm, giọng ru, giọng trống-quân, trống-quít, giọng hát gõ, hát chèo, giọng dò-đua, giọng xa-lịch, giọng kể truyện, giọng ngâm thơ, giọng

(1) Bèn đi-đào xuống hát dưới thuyền hội thưng-thăng theo làn sóng.

nào có cũng hay, mà lối nào có cũng thuộc. Một mình mà pha được đủ giọng, ngả được đủ trò, cô này thật là một người có biệt-tài về đường ca-xướng. Thế mới biết trong hạng lao-dộng ở chốn dân-gian, nhiều người cũng có giọng tốt và hát hay, chẳng kém gì bọn con nhà nghề trong chốn ca-trường, kỹ-quần.

Nói đến cuộc dã-ca, kỳ-giả lại hồi-tưởng đến khi còn ở trọ gần nhà mấy anh thợ làm đồ đồi-mồi, họ tốt giọng lắm. Những lúc đêm khuya thanh vắng, họ cất giọng hát lên, nghe cũng êm-dềm, náo-nuột lắm. Lại những khi ở nhà quê, những đàn bà, con trẻ họ làm nghề dệt củi và nghề thêu dăng-ten (*dentelle*) ở xung quanh làng-diệp, đêm hôm tĩnh-mịch, họ vừa làm vừa hát, mình nghe cái tiếng véo-von, ánh-ôi như rót vào lỗ tai, khiến cho tâm-thần cũng thấy khởi-hứng. Thậm-chí có khi nằm thiú-thiú ngủ, mà chợt nghe thấy tiếng hát hay ở bên cạnh, cũng phải tỉnh lại mà nghe. Thật là nằm khểnh ở nhà mà cũng được nghe hát, không phải hại sức, không phải mất tiền, không phải nhìn phông (*fond*) (1) không phải đập trống, không phải lời-thời chuyện phượn với các chị, không phải ga-gắm tán xằng với các em, mà cũng đủ tiêu, sâu khiến-muộn; cũng đủ di-tĩnh, dưỡng-tình; như thế chả là một cách cao-thượng dư? hà-tất phải đi đêm, về hôm cho hao người tổn của?

Lại những khi một mình đi lững-thững trên con đường cái quan hay con đường bờ ruộng, mà bóng chiều thì đã xế, dặm về thì còn xa, chợt thấy dâu ở trong ngàn dâu xanh ngắt hay trong dải lúa xanh om, nẩy lên một tiếng lanh-lảnh như tiếng chuông đồng, là cái tiếng của chị chàng nào đang hái dâu hay đang vơ cỏ đó, kể một câu *Kiều* lấy đề ví-von hồ-hững rằng:

Bóng dâu đã xế ngang dâu,
Biết dâu ả lạnh, biết dâu ngọt bùi!

Thì cái cảnh-tình của chị thế nào, cứ nghe kể câu *Kiều* đó cũng đủ biết.

Hay là hát một câu ca-dao dễ ve-văn bằng-quơ rằng:

Hỡi anh đi đường cái quan!

Dừng chân đứng lại, em than vài lời...

Thì cái anh chàng đi trên đường cái quan kia, giả việc có được rồi, ngày có còn dài, thì cũng dừng chân đứng lại, nghe xem chị than-thở ra làm sao. Hay là chị than về nỗi cảnh-ngộ lắm-than, nhân-duyên chắc-trở chẳng? Hay là than về nỗi nhân-tình chênh-mảo, thế-sự éo-le chẳng? Nhưng mà:

Việc đời bận lắm ai ơi!

Có nhân chẳng dũa người phong-lưu..!

Ấy cái « ái-tình » của những kẻ quê-mùa thường vẫn thật-thà mộc-mạc, lạt-lẽo, hững-hờ như thế đó; chứ không như cái « ái-tình » giả-dối, màu-mẽ, nằng-nặng xoắn-xuyết của hạng người lẳng-lơ ở chốn thành-thị!

Nghe thấy mấy câu hát đó, khiến lòng lại nghĩ đến đường văn-chương, ngôn-ngữ nước nhà.

Ồi! cái văn-chương ngôn-ngữ nước nhà, há lại không phong phú, không cao-thâm, không thanh-tao, không hùng-hồn hay sao? Cứ xét ngay trong một bộ truyện *Kiều*, và trong những câu ca-dao, phương-ngôn, tục-ngữ thì biết bao nhiêu là cái hay, cái khéo chứa ở đấy. Thật là một cái kho tài-liệu văn-chương vô tận vậy. Liếc thay! quốc-dân mình không mấy người chịu lưu-tâm, chú-ý đến mà luyện-tập cho nó thành một áng văn-chương hoàn-toàn giá-trị. Chẳng những không chịu lưu-tâm luyện-tập, lại coi hững hờ rề-rề

(1) Phông, bởi tiếng Pháp là tiếng « fond » mà ra, là những bức phong-cảnh trưng bày trên sân khấu, hay là bức màn treo trước sân khấu

nữa, Chỉ đua nhau học tiếng ngoại-quốc, lấy thể làm vinh; thậm-chi có những đứa bé con lả mới chưa sạch, nói ngọng chưa xong, bố mẹ cũng đã cho con học-bè, bầm-bè đòi ba vào pháp: «la vát» (*la vache*) «la mûyn» (*la mule*), hay «li bốn chữ tâu» «chỉ, hổ, giã, giã.» Nghĩ cũng nực cười thay!

Thôi, đang nói dở chuyện cuộc hát đêm hôm ấy, giờ lại xin nói nốt.

Bây giờ đêm đã khuya, mà người cũng đã mệt, bèn nghỉ bát, rồi ai nấy đều về cả. Khi thuyền đã quay mũi trở ra về, cô ta lại cất giọng trầm-ngâm một bài thơ cổ nữa, cái giọng cô bây giờ nghe lại càng réo-rất não-nùng lắm.

Chúng tôi có ước-sao rằng giữa những khi trong xã-hội có yến tiệc gì mà tìm được những vị giai-nhân có giọng tốt, lại lãnh nghề ca-vịnh được như cô này để cho bình văn, đọc sách, kể truyện, ngâm thơ thì hay lắm! Song, xét cho cùng, ngoài cái thú «chát-tom» với chị-em trong xóm Bình-khang-ra, cũng chả biết lấy cái thú gì tao-nhả hơn mà tiêu-khiến được. Tiếc thay trong bọn chị em bây giờ, cũng ít thấy được người tài-hoa, phong-nhã; chẳng qua tôi nhớ trò giữ díp, giả danh con nhà ca-xương, cho liện đường buôn phấn, bán hương để quyến ong, rú bướm. Mà trong đám «quan viên làng chơi» bây giờ cũng ít người chơi lấy vẻ phong-lưu, lấy mẫu tao-nhã; chẳng qua cách mượn tiếng hào-hoa cho dễ bề vật-chất đấy thôi.

Chao ôi! các nghề chơi tao-nhã bây giờ cũng thấy thoải-bộ! mà những cách chơi đã-mạn, thô-bỉ lại nhiều!

Cho hay, bề vật-chất mà thịnh thì bề tinh-thần phải suy. Đó cũng là cái lẽ tự-nhiên vậy.

Đêm hôm ấy, chúng tôi về nghỉ cả trong nhà ông Mai-khê. Kỳ-giả, vì nói lạ nhà và quá giấc, trằn-trọc thao-canh, không sao ngủ được, song lại được hưởng cái thú đa-thăm, cảnh-

lĩnh trong chốn hương-thôn, êm-đềm, lặng-lẽ biết dường nào, khiến cho trong lòng dễ sinh ra trầm-tư, mặc-trưởng. Rồi chốc-chốc lại nghe thấy tiếng cá réo trong làng, tiếng chó ran ngoài ngõ, tiếng tù-và rúc nguyệt, tiếng mõ cầm canh, rõ ra cái biến-hiệu chốn thôn-cư đêm hôm khuya-khoắt.

Lại còn một cái thú nữa, là lúc sáng ngày hôm sau trở dậy, mở cửa lầu ra, đã trông ngay thấy chằm cây rả-rạp, dòng nước uốn quanh, thấy chim-chóc nhón-nhờ, cỏ hoa mơn-mởn; thấy vầng Thái-dương dóm qua cửa sổ, thấy luồng không-khí lọt thấu phòng-sâu; cái phong-cảnh lúc thanh-thần đó, thật là một bức họa-đồ thiên-nhiên tuyệt-bút!

Trà nước xong, ông Mai-khê, ông Mai-nhac và ông Nhự-thạch lại đưa chúng tôi đi xem các nơi trong làng, chốn Phật-đường, nơi học-biểu, và chỗ nghĩa-trang của cụ Hiệp-Đoàn-Triền.

Chỗ nghĩa-trang này trông cũng khá rộng; ở trong có sửa đường lối phẳng-phiu, trồng cỏ cây rậm-rạp, nào bụi hồng, nào khóm trúc, nào đồng đã, nào ao sen, vào cũng thấy có cái khi-sắc lạnh lùng quạnh quẽ. Còn các phần mộ thì phần nhiều xây đắp theo tân-chế, không thấy lắm phông đá nghệ-sanh ngổn-ngang, bề-bộn như các lăng-mộ khác. Cứ trông cái quang-cảnh chốn âm-phần cũng khá biết được cái đức-tính cái sự-nghiệp, cái công-danh lúc sinh-thời của người nằm đó.

Họ Đoàn xưa nay là một họ văn-vật, mà hiền-danh trong nền khoa-hoan thì có cụ Đoàn-Triền.

Cụ đồ Cử-nhân, làm đến Tổng-đốc, hàm Hiệp-tả đại-học-sĩ. Cụ có tính cương-trực, khảng-khải, trung-hậu, công-bằng. Cụ đề-ly dân cũng hay hưng-lợi, trừ-hại cho dân; lại biết bảo-tồn những điều quốc-túy và biết thấu-thái những sự vưu-minh, thực là một người có danh-vong trong chính-giới vậy.

Xét làng Hữu-Thanh-oai này cũng là một làng phồn-thịnh. Trong dân có đủ cả các hạng sĩ, nông, công, thương, nghề gì cũng có cái cơ phát-đạt. Mới đây lại sinh ra cái nghề làm đặng-ten nữa. Thật là một cái nghề dong-di tâm-thương. Đàn bà con trẻ chỉ học độ vài tháng là làm được. Thành ra trong làng ai cũng có công, có việc, không ai ầu không, ngồi rỗi. Mà ngẫm phẩm những làng nào có nghề này, nghiệp khác, thì lại không hay có những cái hạng trai cở lộn, bạc gian, đầu trộm, đuôi cướp; gái ngồi lê, mäch-lẻo, làm dĩ, chơi hoang nữa.

Sau kỳ-giã có hỏi thăm đến việc cải-lương ở qui-hương đây xem ra làm sao, thì nghe nói qui-hương đây được trước nhất tỉnh Hà-dông, đến nay đã thấy có kết-quả. Nào mở học-đường, nào dựng công-xưởng, nào sửa-sang nền hương-chính, nào xoay-xoa cách dân-sinh, việc gì cũng đều là thực-hành, chứ không phải là hư-ứng. Có lẽ lại có cụ Hiệp Đoàn khi xưa là người đã sẵn có thể-lực, lại có bụng nhiệt-thành khai-hóa cho dân, nên cái công cuộc cải-lương ở qui-hương đây mới chóng được thành-hiệu như thế chẳng?

Nghe nói đến chuyện cải-lương ở các dân-xã xứ Bắc-kỳ bây giờ thì thật là chán hơn cơm nếp nát! Họ chẳng chỉ được vài ba làng như làng Hữu đây là còn có chút thành-hiệu. Còn phần nhiều làng là chỉ rất những sự hư-danh cả. Từ khi có cái phong cải-lương đến giờ, trong dân làng lại sinh ra bè nọ, đảng kia, vậy này, cánh khác, nay mang đơn thưa lên phủ, lên huyện, mai vác đơn kiện xuống tỉnh, xuống tòa. Sự cải-lương chả thấy đâu, chỉ thấy việc làng rối như canh hẹ, nát hơn tương bần, mà tiêu lắm chỉ chết tiền của dân, di lắm chỉ nát đường cái xã, đục nước lấm chỉ béo cô; chứ rút cục lại thì chẳng nên công-trang gì cả. Làng nào cũng chỉ thấy nhon lên những

Chánh - hội, Phó-hội, Thư-ký, Thủ-quĩ; choáng lên những hội-quan, học-đường, đình-sở, hoa-viên, ma kỳ-thực là chỉ có cái hư-danh với cái hình-thức đó thôi, chứ chẳng thực-hành được việc gì cả. Thậm-chi những hạng hơi có máu mặt trong làng, cũng tranh nhau chạy-chột mất tiền trăm, bạc chục dề ra làm Chánh, Phó-hương-hội, hay Thư-ký Thủ-quĩ, rồi chiếm lấy một nơi ăn, chốn ngồi trong xóm làng, góc chợ, dề lên mặt kiêu-hãnh với bà con. Kề cái tệ-tình trong chốn hương-thôn thì còn nhiều, nói ra đây cũng không sao hết được.

Ôi! sự di-phong, dịch-tục có phải là dễ đâu, thánh-nhân cũng phải lấy làm khó; huống-chi nay cái trình-độ quắc-dân ta hãy còn thấp lắm, trừ phi ban-bổ cho dân một cái phổ-thông giáo-dục, hay là dùng cách cưỡng-bách cải-lương may ra sau này mới có cơ thành-hiệu được. Ấy nhơn có câu chuyện cải-lương, mà nói lời-thời dài dòng vãn-tự đến như thế, tưởng cũng là những lời phiếm luận vậy.

Bấy giờ trời đã gần trưa, đồng-nhân chẳng tới bên từ biệt ba ông, rồi xuống thuyền trở lên tỉnh. Lúc ngồi dưới thuyền trông lên, thấy các làng ở xan-xất hai dải duyên-giang cũng có cái vẻ phồn-thịnh lắm. Trên bến, dưới thuyền, thật là tiện đường giao thông, vận-tải cho những làng ở ven sông.

Khi lên đến bến Hà-dông, ông Thượng-chi và ông Đông-chân thì trở ra Hà-nội; còn kỳ-giã và ông Tùng-vân thì cùng nhau lần-bộ đồng-hành về thăm nơi cố-lý.

Thôi! chả gì cũng là một cuộc phiêu-du, dù xa, dù gần, dù lâu, dù chóng mặt lòng trở về cũng tạm mượn ngôi bút què-kịch góp-nhặt dòng-dải lẩy-mấy trang duềnh-đoảng ra đây gọi là để làm một bài kỳ-sự cón-con, và để ghi tâm cảm-tình cùng làng tri-kỷ. Khéo, vụng, hay hèn, duyệt-giã cũng lượng cho.

NGUYỄN MẠNH-HỒNG.

THANH - HÓA NHÂN - VẬT CHÍ (1)

VII

Nhà Trịnh

(nối theo)

Sự này mà sử nhà Nguyễn thuật lại gần giống như việc ta đã kể ở trên, khi nói về tờ hiệu-dụ của Trịnh Căn cho nhân-dân hai tỉnh (2). Lời của Trịnh-sử không nói rõ, nhưng cứ xem lời Tù-Ninh đáp lại thì ta có thể đoán ra được. Nam-sử cũ cũng là dùng những lời ở trong tờ hiệu-dụ cũ.

Trong tháng một (19 tháng chạp năm 1873 — 17 tháng giêng năm 1873), Nam Bắc đánh nhau dữ-dội một trận ở lũy Nhật-lệ, nhưng mà ông Nguyễn Hữu-Dật là một tướng anh-hùng đánh đuổi hẳn được Bắc-quân.

Trịnh Tạc đem binh đóng xa nơi chiến-tranh, tâu với vua Lê Gia-tôn lui về tả-ngạn sông Gianh. ít lâu vua lại về Bắc.

Theo lời người ngoài Bắc thì đánh trận ấy rồi thôi. Những bắc-quân đã bắt được và nam-phụ lão-ấu, đều cho tiền bạc lương-thực rồi cho về. Nhưng mà theo *Nam-sử-ký* thì việc binh-dao mãi đến ít lâu về sau mới thôi, vì rằng Trịnh Tạc đề võ-tướng Lê Thi-Hiếu đóng ở trại Chinh-chỉ mà nghe đầu Thi-Hiếu lại đem quân đánh lũy Trấn-ninh nữa.

Lê Thi-Hiếu thoai-chí vì đánh trận không thắng lại nghe được tin rằng Trịnh Căn đi đến sông Gianh thì ốm nặng, rút thủy-binh về Bắc, Lê Thi-Hiếu cũng kéo binh ban đêm chạy trốn. Nam-quân đuổi theo, nhưng mà không kịp, bắc-tướng đã sang qua sông Gianh rồi.

Quan Nam Nguyễn-soái là ông Hoàng-tử Hiệp lúc được trận rồi, thì cử-xử quảng-dại cũng như Trịnh Tạc, có lẽ lại hơn nữa. Cứ như người Bắc nói thì những Bắc-quân bị bắt sống, ông sai cho tiền, lương-thực quần-áo rồi thả ra, chứ không giết một người nào cả. Bên trong thành Trấn-ninh thì có đắp một thổ-dân mà tế những Nam-quân tử-trận. Bên ngoài thành cũng đắp một thổ-dân để tế những Bắc-quân chết trận nữa.

Tự bấy giờ trở đi chúa Trịnh đành chịu cho chúa Nguyễn độc-lập, lấy sông Gianh (Linh-giang) làm giới-hạn (3). Tự bên trong thành Trấn-ninh trở vào thì là đường trong, tự Thanh trở ra ngoài Bắc thì là đường ngoài (nghĩa là Bắc-kỳ và miền phía bắc Trung-kỳ bây giờ).

Nam-chúa thắng-trận vì có nhiều lẽ. Tuy binh-linh và lương-thực ít không bằng người Bắc, nhưng lại được đánh nhau ở địa-hạt nhà thì lợi hơn. Và lại bắc-quân lại phải đánh cho mau, nếu đánh dằng-dai mãi thì thiếu lương-thực và mắc bệnh đau ốm phải quay về xứ bắc. Một đảng thì Nam-quân vẫn đồng-tâm với nhau. Cả lính-tráng đều theo một ông chúa để đánh lấy quyền tự-chủ cho mình. Còn người bắc mà đánh nhau là chỉ phò nhà Trịnh tham quyền, mà Trịnh thì thực không phải là vua ngoài Bắc, cho nên quân lính đánh chênh-mảng không hăng-hái bằng quân Nam. Và lại ở ngoài Bắc Trịnh cũng phải chống giữ với Mạc, vì Mạc vẫn chưa chịu phục.

(1) Xem N.-P. số 98.

(2) Xem Nam-sử yếu-lược trang 92 của L. Cadrière.

(3) An-nam-sử-yếu-lược của L. Cadrière.

Sau nữa là chắc phần nhiều vì lẽ này, cho nên Nam-quân được, là vì có người tây giúp, nhất là người Bồ-dào. Còn như Bắc-quân thì cũng có cầm-cửa Bồ-dào và Hòa-lan, nhưng không được, cho nên chỉ độc một mình đánh mà thôi.

Mãi đến một trăm năm sau (1774) thì Trịnh mới đánh lấy được lũy Nhật-lệ và đuổi Nguyễn chạy vào miền hạ-du-xứ nam (Nam-kỳ bây giờ); trong khoảng một trăm năm ấy thì Trịnh, Nguyễn không có đánh nhau, nhưng mà hai bên cũng vẫn giữ nhau. Cứ xem như việc sau này thì biết, Sử nhà Nguyễn chép rằng có nhiều việc sinh sự ở biên-thuỳ như là năm 1702 và năm 1711. Ở Nam-Bổ-chính (về đường trong) có hết được quân thám-lũ của Trịnh.

Đến năm 1713 hai ông quan Nam-triều bị quân do-tham Bắc-bổ-chính (về đường ngoài) bắt. Năm 1701 nam-chức là Ninh-vương (1691-1725) sai sửa lại các lũy lớn đắp ở bờ sông Nhật-lệ để giữ phía bắc. Lại sai làm y để sủng thần-cống. Ninh-vương nhiều lần đi tuần xét những công việc ấy.

Tháng tám năm nhâm-tuất (1682) Trịnh Tạc chết. Con là Trịnh Côn nối nghiệp (1682-1709). Trịnh Côn được phong Nghi-quốc-công năm canh-tý (1680) tháng một, đến tháng bảy năm giáp-dần Trịnh Côn đánh đuổi được Nam-quân ra khỏi Nghệ-an thì được phong Định-nam-vương. Lúc lên nối nghiệp, thì Trịnh Côn xưng là Định-vương.

Hắn Trịnh Côn thấy vua Lê Hy-tôn không đồng ý, nên đến năm ất-dậu (1705) bỏ vua Lê Hy-tôn đi mà lập Lê Duy-Bướng (1). Vua mới lên ngôi, hiệu là Lê Duy-tôn (1705-1729), niên-hiệu là Vĩnh-thịnh, Bảo-thái.

Trịnh Côn thêm hết quyền, thêm việc cứ tự tiện lấy niên-hiệu vua mà làm, lại bắt các thuộc-quốc đến ngày sinh-nhật phải cho sứ đến bái-hạ.

Trịnh Côn cũng làm được một vài việc có ích. Lập nghiêm phép-luật cấm đánh bạc, kiểm-soát thương-khách ở trong nước, nã giặc và cấm đạo. Trịnh Côn cũng trừ được một đảng đầy loạn ở trong triều để hại thế-tử.

Trịnh Côn mất năm kỷ-sửu (1709), Chắt là Trịnh Cương lên nối nghiệp (1709-1729). Trịnh Cương lúc lên chấp-chính mới có chức Nguyên-soái. Đến tháng chín năm kỷ-sửu (1709) được phong Đại-nguyên-soái tổng-quốc-chính. An-dò-vương. Đến năm giáp-ngọ (1714) là năm niên-hiệu Vĩnh-thịnh thứ 10 đời vua Lê Duy-tôn được cải phong là Tổng-thống.

Trịnh Cương cũng như những chúa trước là một người hay thay đổi vua. Bỏ ông Hoàng-tử là Lê Duy-Trường, lập em là Lê Duy-Phường mới 19 tuổi làm Hoàng-tử. Được ít lâu bắt vua Lê Duy-tôn xuống ngôi lại cho Lê Duy-Phường (1729-1732) và đặt niên-hiệu Vĩnh-khánh.

Trịnh Cương cấm đạo Gia-tô dữ lắm và về việc chính-trị cũng giỏi lắm.

Trịnh Cương sai đặc-diên và làm lại sổ điền-thổ, đặt ra ngạch thuế mới đánh các thổ-sén và khoáng-sén, cho nên trong nước thu được nhiều thuế hơn trước. Sức sửa-sang lại các bến trong tỉnh Nghệ-an và Thanh-hóa. Lại bắt thi-hành các điều-lệ trong luật Hồng-đức (2) trước đã bỏ đi. Không cho các quan lập ra ấp mà tự mình bóc lột lấy, vì thế là một cách làm thuế và trốn tạp-dịch, sung-binh khi có giặc-giã.

(1) con vua Lê Hy-Tôn

(2) Niên-hiệu thứ hai vua Lê Thánh-tôn là vua thụy hiệu là Lê.

Tháng mười năm kỷ-dậu niên-hiệu Vĩnh-khánh nguyên-niên đời vua Lê Duy-Phường, Trịnh Cương mất, hiệu là Nhân-tôn mà thụy là Hi-tổ. Cầm quyền được 22 năm và thọ được 44 tuổi.

Con cả là Trịnh Giang hay là Soang tên nổi nghiệp (1729-1749).

Năm canh-tý (1720) Trịnh Giang được phong Thế-tử. Năm canh-tuất (1730) niên-hiệu Vĩnh-khánh thứ hai, tháng tư được phong Đại-nguyên-soái, tòng-quốc chính, Oai-nam-vương, năm nhâm-tí (1732) niên-hiệu Long-dức nguyên-niên đời vua Lê Thần-tôn được phong Uy-vương. Cùng năm ấy lại xưng Tổng-thống. Đến năm giáp-dần (1734) được phong Tổng-quốc-chính, tháng chín năm kỷ-vị niên-hiệu Vĩnh-hựu thứ 5 đời vua Lê Ý-tôn, được tôn làm Thượng-vương. Trước ấy sau đời làm Toàn-vương.

Năm 1732 chúa muốn bỏ vua Lê Duy-Phường, nhưng dân nổi loạn đề lại lập vua ấy lên, thì Cương bắt vua phải tự-ai năm 1735. Dưng ông Lê Duy-Tướng là Hoàng-tử mà năm 1729 Trịnh Cương đã bỏ đi. Vua ấy trong sử hiệu là Lê Thuần-tôn (1732-1735) niên-hiệu Long-dức. Lúc vua mất, Trịnh Giang bỏ hoàng-tử là ông Lê Duy-Đào mà tôn người con thứ 11 vua Lê Dụ-tôn mới có 17 tuổi, tên là Lê Duy Thận (1) lên làm vua, hiệu là Lê Ý-tôn, niên hiệu là Vĩnh-hựu. Trịnh Giang lộng-quyền quá, cho nên nhiều nơi nổi loạn khởi-nghĩa, cơ đề Phò Lê diệt Trịnh để đánh Trịnh lấy quyền lại cho nhà Lê.

Bọn khởi-nghĩa to nhất (1737) là ông Hoàng-tử Lê Duy-Trúc con ông Lê Hi-tôn (1675-1705) ông Hoàng-tử Lê Duy-Quý và Lê Duy-Mật cả hai ông cùng là con vua Lê Dụ-tôn (1705-1729). Các ông ấy chiêu- nạp những người bất-đắc-chí lại đề đứng đầu khởi-nghĩa định bắt

đầu đốt cung-diện chùa Trịnh. Nhưng mà Trịnh Giang có người cáo tố trước, cho nên các ông Hoàng-tử ấy phải bỏ Hà-nội chạy đi, bị quân đuổi đánh thì ông Lê Duy-Trúc và Lê Duy-Quý bị giết, Lê Duy-Mật thì chạy được về phía tây-nam Bắc - kỳ và đem thủ-hạ đóng ở Trấn-ninh, Trịnh Giang muốn đánh tiết đi mà không được.

Tuy Trịnh Giang tiếm-vi lộng-quyền nhưng cai-trị sửa-sang nhiều điều có ích. Ông ấy bỏ ngạch thuế ruộng muối và thuế bán của cha, vì quân-quan lạm-thu quá. Khi gặp lụt thì giảm thuế, còn các thuế thân của người khách thì tăng lên. Sửa in *Tứ-thư Ngũ-kinh*, *Hải-việt sử-ký toàn-thư* và cấm bán sách Tàu để cho nghề hàng sách An-Nam được thịnh.

Năm kỷ-vị niên-hiệu Vĩnh-hựu thứ 5 đời vua Lê Ý-tôn (1739) Trịnh Giang tự xưng An-Nam thượng-vương để cho thiên-hạ biết rằng mình hơn vua.

Được mấy năm, Trịnh Giang tửu-sắc quá-dộ, tiêu phá của cải, rồi bán đến phẩm-hàm chức-sắc. Vì tửu-sắc quá nên trong người và tinh-thần suy-nhược, năm canh-thân (1740) sét đánh ngã. Lúc tỉnh lại thì thành điên và không có thể chịu được ánh sáng, mới bắt đào đất làm cung-diện dưới đất để ở cho đến lúc chết là tháng chạp năm nhâm-tý (tháng giêng năm 1762). Ông ấy được truy-tặng là Thuận-vương, hiệu là Dụ-tổ.

Em là Trịnh Đình hay là Doanh hồ cháu là thế-tử của anh đi mà lên nổi nghiệp. Tự xưng là Minh-dô-vương đại-nguyên-soái Tổng-quốc-chính. Đến tháng ba năm nhâm-tuất (1742) niên-hiệu Cảnh-hưng thứ 3 đời vua Lê Hiến-tôn lại xưng là Tổng-thống.

Lúc mới lên chấp-chính, Trịnh-Doanh đã bắt vua Lê Ý-tôn (2) nhường ngôi lại cho Lê Duy-Đào là con vua Lê Thuần-tôn mà Trịnh Giang năm 1735

(1) Hoặc là Thận, hoặc là Chấn.

(2) Mất năm 1758

đã bỏ đi. Trong sử thì Lê Duy-Đào hiệu là Lê Hiền-tôn (1740-1786) và niên hiệu là Cảnh-hưng. Nhà Lê thì đời vua ấy là lâu hơn cả, nhưng mà không có tiếng.

Lúc bấy giờ đang loạn to. Ở trung-châu đầu đầu cũng nổi lên đánh Trịnh, nhưng Trịnh Doanh đánh giết được nhiều tướng của bọn khởi-loạn. Trong bọn ấy thì có Nguyễn Hữu-Cần là có tiếng hơn cả. Nhưng mà còn ông Lê Duy-Mật đóng ở Bồn - nam (Trần-ninh Lão) thì vẫn chưa bắt được. Năm 1735, Trịnh Doanh xin Nam-chúa là Võ-vương để đem quân qua đất Cam-lộ Lao-bảo tỉnh Quảng-trị để sang tận nơi đánh Lê Duy-Mật. Võ-vương không cho, Lê Duy-Mật nhiều lần đem quân đánh Nghệ-an Thanh-hóa, nhưng không được. Khi Lê Duy-Mật nghe tin Trịnh Doanh (1) mất thì kéo binh vào đánh Hà-nội, nhưng mà con Trịnh Doanh là Trịnh-Sum hay là Sâm (1767-1782) tức là Tĩnh-dô-vương (2) sai tướng là Bùi-Thế-Đạt đem thật nhiều quân và nhiều pháo-dạn đi đánh. Lê Duy-Mật bị đánh rất quá phải rút quân về thành. Sau ông ấy lại vậy, biết cơ rằng chẳng làm thế nào mà kháng-cự lại được, bèn đem cả nhà thuốc súng đốt mà tự vẫn để khỏi bị vào tay quân Trịnh (1767). Thế là một người đại anh-hùng kháng-cự với Trịnh trong ba mươi năm đã chết.

Nguyễn, Trịnh thôi đánh nhau đã một thế-kỷ (1673). Đến Trịnh Sum được trận thì lại muốn sắp quân mưu đánh Nguyễn, và cũng nhân được có cơ-hội. Vì khi ấy (1771) ở trong Nam, có Tây-sơn nổi lên, Phụ-chính là Trương Phúc-Loan thì tham-những lòng-quyền, nên dân-sự đều ta-thán cả, và lại có

ông Hoàng-thân - Vạn bị Phúc - Loan muốn làm hại phải trốn chạy ra Bắc-triều tố hết tình-hình trong nam nhiều loạn, nhân-dân ta oán (3). Lúc bấy giờ đời vua Hiền-tôn, vua đã già mà không có quyền gì, Trịnh Sum làm chúa-tể (1767) quyền-thế ở cả trong tay, bèn đem quân đánh Nam-triều (Năm giáp-ngọ 1774).

Trịnh Sum truyền-hịch khởi - binh cốt để đánh dẹp Tây-sơn, để cho những quân-quan giữ miền Nam khỏi nghi-hoặc, nhưng mà Huệ - vương là Nam-chúa cũng sắp quân để chống-cự với Bắc - quân, bị quân nội-phản mở toang lũy Nhật-iệ. Quân Bắc liền trống gióng cờ mở reo rầm kéo vào thành. Người ta nói rằng thành ấy kiên-cố như một nơi thiên-hiểm, Bắc-quân đời trước đánh phá mãi không được, nay Bắc-quân lập-tức phá tiết cái lũy ấy đi. Trịnh Sum yết tờ dụ người Nam rằng: Khởi binh trước là để trừ Trương Phúc-Loan, sau là dẹp Tây-sơn, chứ không có ý gì khác cả. Người Nam tưởng rằng đem nộp người đã gây loạn thì khỏi việc binh-dao, bèn bắt Trương Phúc-Loan đem nộp cho Bắc-quân, nhưng mà Bắc-quân vẫn cứ tiến và lại nói rằng để cùng hợp với quân Huệ-vương mà đánh Tây-sơn. Huệ-vương không tin lên cự lại, nhưng chẳng may thất-trận phải bỏ thành Huế chạy vào miền hạ-du Nam-kỳ. Tháng chạp năm giáp-ngọ (20 tháng giêng năm 1775) Trịnh Sum vào thành Huế, lấy được tất cả từ Quảng-ngãi trở ra phía bắc. Từ lúc Huệ-vương chạy rồi thì Trịnh chỉ phải giữ với Tây-sơn mà thôi.

Tháng chạp năm tân-sửu (đầu năm 1782) dựng con út là con vợ thứ làm Thế-tử nối nghiệp chừa tên là Trịnh Cán, mới lên 5 tuổi. Tháng chín năm nhâm-

(1) Tháng giêng năm Đinh-hợi năm Cảnh-Hưng thứ 48 đời vua Lê Hiền-tôn (1767) truy lập là An-vương hiệu Nghĩa-hổ. Cầm quyền 28 năm thọ 43 tuổi.

(2) Lúc lên cầm quyền, Trịnh Sum đã là Đạo Thống-Đốc Tổng quốc-chính.

(3) L. Castelnau trong báo biên - tập của trường Hán-việt Viễn-dông 1906 trang 237.

dần (1782) Trịnh Sâm mất, truy-tôn là Thịnh-vương, hiệu là Thánh-tử, chấp-chính 16 năm, thọ 41 tuổi. Có một đảng phân-thần bỏ Trịnh Cán (1) lập Trịnh Khải hay là Giai (1782-1786) là anh, phong là Đoan-nam-vương. Lúc bấy giờ vua Lê Hiến-tôn có thể lấy quyền lại được, nhưng không có sức làm nổi. Nguyễn Văn Huệ là tướng Tây-sơn nghe tin ở Bắc-triều có loạn, đem quân đánh Trịnh Khải, cờ Tây-sơn cũng đề « phủ Lê diệt Trịnh ». Đến tháng sáu năm bính-ngọ, thì Tây-sơn lấy được thành Huế (1786). Tây-sơn cứ tiến binh mãi ra lấy được Quảng-bình, Nghệ-an, Thanh-hóa. Trịnh Khải phải đem quân ra giữ Đông-kinh (Hà-nội), nhưng cũng thua, bèn tự-vẫn đề khỏi phải bị bắt (tháng sáu). Hai tháng sau vua Lê Hiến-tôn mất, thọ bảy mươi tuổi (1786). Cháu là Lê Duy-Khiêm lên nối ngôi, trong sử chép là Lê Mẫn-tôn hay là Lê Mẫn hoàng-đế, niên-hiệu là Chiêu-thống (1786-1789). Đảng nhà Trịnh lúc bấy giờ vẫn hầy còn, có hai người là Trịnh Lệ, Trịnh Phùng ra tranh nhau nối nghiệp chúa. Trịnh Phùng là con Trịnh Giang năm 1740 bị chú là Trịnh Doanh cướp quyền, Trịnh Lệ thì ra trước bắt triều-định tôn làm thế-tử, nhưng ít lâu có một bọn phân-thần đem Trịnh Phùng lên chấp-chính, thì Trịnh Lệ lại phải đi mất. Lúc đầu tiên Lê Mẫn-đế chỉ phong cho Trịnh Phùng tước Côn-quốc-công, phục lại tước phong cho dòng họ Trịnh như trước đã phong cho Trịnh Tráng, Trịnh Tráng lúc mới cầm quyền cũng chỉ được tước quốc-công mà thôi (1623). Về sau nghe sắp có loạn thì vua lại phải phong cho

Trịnh Phùng tước Vương mà được kế-thế cũng như đã phong cho Trịnh Kiểm (1539-1569) và lại được chức đại-nguyên-soái lỏng-quốc chính. Và lại cho 3000 quân nội-thị, 5000 mẫu ruộng và thuế hai trăm làng (2). Cứ xem như ở trên đã nói thì vua nhà Lê trước cũng muốn triệt cái quyền áp-chế của chúa Trịnh đi, nhưng không thể bỏ nổi. Lúc bấy giờ vận nhà Trịnh đã suy, vua Lê Mẫn-đế mới cầu Nguyễn Văn-Chinh trước làm quan ngoài Bắc bỏ về phò Tây-sơn, hiệu bấy giờ trấn-thủ Nghệ-an, để mà khôi-phục lấy quyền thế lại. Bành nhau ba tháng, rồi Trịnh Phùng bị thua ở Kinh-bắc (Bắc-ninh) bỏ đi mất (tháng tám năm đinh-vị, niên-hiệu Chiêu-thống nguyên-niên, đời vua Mẫn-đế (1787). Không biết Trịnh Phùng về sau ra làm sao. Quyền-thế nhà Trịnh vào tay Tây-sơn cả. Ngày 23 tháng một năm mậu-thân (22 tháng chạp tây 1788). Nguyễn Văn-Huệ xưng là Bắc-bình-vương, niên-hiệu là Quang-trung, lập kinh-dô ở Huế và thống-trị cả Bắc-kỳ, phía bắc Trung-kỳ và miền Thượng-du Nam-kỳ cho đến Quảng-nam (3). Tháng giêng năm kỷ-dậu (1789) vua Chiêu-thống nhà Lê chạy sang Tàu, mấy năm sau mất ở bên ấy (1793).

Từ lúc chúa Trịnh bỏ đi còn con cháu ở lại Bắc-kỳ thì không làm gì nữa. Lúc vua Gia-long nhất-thống sơn-hà thì con cháu nhà Trịnh có đến hai-mạng (1802) vua Gia-long ban phát đất và chức-tước cho.

Nguyên Pháp-văn của LE BRETON

NGUYỄN QUÍ-TOÀN dịch

(1) Chỉ cầm quyền một tháng, có me giữ quyền chính. Bị phế tháng 10 năm nhâm-dần, được phong là Cung-quốc-công, rồi mất cũng độ ấy.

(2) Theo sách Trương Vĩnh-ký.

(3) Anh là Nguyễn Văn-Nhạc, xưng là Trấn-vương hoàng-đế từ tháng tư năm đinh-vị (1787), giữ đất từ Quảng-nam đến Bình-diệp, kinh-dô là Qui-nhóa. Em thứ ba là Nguyễn Văn-Lữ xưng là Đông-diệp-vương trị vì phía Nam Trung-kỳ và Nam-kỳ bấy giờ, kinh-dô Sài-gòn.

MỘT BÀI PHÚ CỔ (1)

Tây-hồ chiến

Ngân nhẽ cảnh Tây-hồ ! Ngân nhẽ cảnh Tây hồ !

Vốn trước đã lờ hân hoen-hoét vũng; có lẽ đầu mọc đã nhấp-nhò gò.

Người rằng nơi Long-tử khoét làm vũng, bởi được phù-quái chủ Huyền trao, vậy cáo trắng hạc bơi vào đại-trạch ;

Kẻ bảo ấy Cao-vương đào thăm mạch, vì nghe chuông thiêng thấy không nộ, nên trâu vàng theo dấu đến trung-đồ.

Trước khuôn tạo đức trong lầu ngọc-chữ; sau bụi binh lâm đục vào ngân-hồ.

Chốn dâm-dâm gió thét trận Trưng-vương khi chướng-vụ đồng tan đầu lĩnh ngất ;

Gò Lăng-hạ tro bay đồn Bắc tướng, đoàn lệ-âu tắm lặn bóng trăng nhỏ.

Có thu-nguyệt mới nước trời lầu sắc; chửa xuân-thiên sao hoa cỏ triều mùa.

Mũi khuyến-dương nơi mở phượng như cò, người thu-nữ thẹn lên lầu nguyệt-kính ;

Loài cầm-dộc chốn hân rồng tựa rân, khách xuân-lang buồn rớt chén đồ-tô.

Tòa thạch-tháp đã tan binh xá-lị ; đồng thổ-dôi đã nát dấu linh-phù.

Lưới Muc-lang âu nát mắt cá gương, gian chẳng cấm nữ hoại công vào hồ ;

Gươm Trăn-vô bản còn trơ những sống, giặc không giảm mà cứ sức chôn rùa.

Thiên niên nếu được lâu cao quán thấp ; Vạn-bảo nào có báu dễ giành nhỏ.

Ngắm tưng-ni tha thiết khổ tu-hành, anh xe vóc chị mũ vàng, đứng-dĩnh thi ở lầu trò phạm-vũ ;

Xem đồng-quân đồ dưng chiến lý-thủ, đưa quả đào thẳng khăn đỏ, lão-lộc thay đồ

đến chốn Nghi-Vu.

Ông **Đã** đất-dầu binh tượng g miếu; hã Đanh vắng ngắt tiếng chuông chùa.

Nhà tranh đua khấn bực cầu ma, chốn Quán-thánh khéo lằng-nhằng lẹp-nhep ;

Chợ rộn-rao buôn hùm hân khỉ, mái Trường-lương nghe lều-láo ý-o.

Khôi lò với thồi da trời ngăn-ngắt, sóng cánh hân xô sườn đá ồ-ồ.

Bãi đuổi-nheo tạch ngất giống tình chiến, nước trong hờn về ngọc chẳng còn ưa, thuyền du-tử lái cây ra cho chóng ;

Hồ Cồ ngựa thối vang mùi nịu thi (2), cỏ hoa giận chiều xuân sao nở phụ, lều ngư-nhân giang nát đã như vò.

Yên du-tử ắt đã long cò nổi, mọc vương, thần âu cũng rớt tay cò.

Thoi oanh đầu dẹt liễu nên tơ, cửa Nam khó chọn kim thêu túi.

Đèn lư dầu soi bóng thấy lửa, quân Tây (3) khôn bắt diều hun lò.

Ve oán hạ-thiên thời mà điu đất ; quyền hờn nam-dịa-khi mới đi-dù.

Chùa Châu-long hương khét thấy dôi nơi, nghe mõ cá đã nện vang cầu Trúc ;

Hàng Bạch-mã gió bay lên tất cả, làm giấy hoa đem ban đoạn sông Tô.

Ngắm cảnh tri cũng mắng voi mấy thú ; nghĩ phong-quang nào có về một khu.

Cải cô-dình cho gió lọt hoa kè, rung-rinh cây đơm màu sương, đường thơ tạo hầy rầy châu thủy-bích ;

Con tiêu-dĩnh đề mây che nước chở, lòng-lãnh sóng lầu sắc nguyệt, ngõ khuôn trời còn đục bạc Đào-Chu.

Góp cảnh-vật đủ tháng ngày cũng khó ; hầy cỏ hoa làm bầu-bạn mà no.

Cảnh dưới trên cây vừa nhuộm màu

(1) Tương truyền làm từ đời Lê.

(2) Nước tiêu.

(3) Tây-sơn.

xanh, ca ngư-tử đã khua tan ngọc-thỏ;

Cây ngang dọc tuyết vừa đông bãi bạc,
khúc mực-nhi đã thổi sáng kim-ô.

Truyện Tần Hán nơi cười lã-lã, giấc Hi-Hoàng nọ ngày o-o.

Cuộc doanh-thâu bàn bạc bắc nam chơi,
khúc sơn-thủy gầy vại cung rẻo-rất;

Thơ thanh-nhã đề ngâm phong-nguyệt
mới, rượu cần-khôn rót mấy chén thơm-tho.

Tròn trời vuông đất thu vào một túi,
ngang sông dọc núi chở lại đầy hồ.

Hồng thanh-quang năm khềnh tới Tam-sơn,
bầy bung trí đề dãi đoàn ong-kiến:

Chở minh-nguyệt tềch ngay ra Nhị-thủy,
giương mắt thần mà ngắm thể chai cò.

Bầy nhiều thú cũng kẻ làm thẳng-cảnh,
còn những dẫu mà dám nói nhân-ngu.

Vũng du-ngư khi Quảng bá dò xuôi,
quan-ngư thể khó như đời Hưng-khánh;

Đoàn chiến-tượng buổi Khán-sơn lách
ngược, dụ-tượng kia khôn biết phép Kiền-

phù.

Đường ngoan-thưởng nguyệt mờ-mờ chân
ngựa, cung quao-ngư mây mịt-mịt bóng dù.

Đồ ăn thức mặc, ngân nhẽ phố-phường !
xem phòng-vị khó như đời Đại-hữu;

Người ám kẻ gian, gớm thay quân-tướng !
ngắm minh-lương nào phải đạo Trung-phu.

Chữ giống của bò, lằng-nhằng thư-thảo;
thơ giống chó chạy, léo-lắt xương thú.

Nhạc-Tiên-thiếu còn đồng-vọng khúc xưa,
tiếng thanh-diệu gọi người đi kẻ lại.

Sắc Chương-phủ hầy mơ-màng dẫu cũ,
ngọn kim phong lay lá rụng chồi khô.

Con cò lộ mờ-mờ bay lưh quanh; cái
chính-hồng thăm-thăm tềch sương mù.

Chốn thi đình ve giục mới hề sang, bốn
vách in sâu thơ bạch-nạn;

Mái cấm-viên để gọi liền thu đồ, ba
gian kẻ thăm lưới thanh thù.

Đàn để giông sương cung ánh ỏi: lửa
huỳnh đưa gió bóng lù mù.

Cái xô trên mặt nước trắngphauphau,
ngờ ấy thấy Tần đem bạc mùa;

Trắng lặn dưới đáy hồ trong vầng vạc,
tưởng rằng ông Lý cười kinh mô.

Khóc khi-vận tối cấm con đồ-vũ, trách cơ

hoang sớm tối cái bà-mô.

Quyên thét lâu thời lưỡng đề hồn lâu,
bên cầu vòng nghe nhịp trống khua trắng,
vì nam-tướng phải cầm lòng bắc-thỏ;

Ếch kêu mãi lại càng thêm oán mãi,
trên thành trỉ lẳng ngọn còi húy gió, bởi
Tây-hồ mà ghét chí đông-phu.

Than với đất cả đàn ong đàn kiến; thờ
cùng trời từ con cóc con cua.

Tướng nghiêng trà cho cá ngáp bạc bay,
khí thường vịnh nguyệt rờn quanh bóng quế;

Nước thuần lưu sẵn khói sáu nước rộng,
buổi qui lai gió thổi rụng chồi ngô.

Kẻ cao-sĩ ắt nhiều nơi trọc bút; đưa tiền-
nhân âu lăm chổ hàm-hồ.

Phường Khán-hoa tơ kết mạng vừa rồi
đoàn kĩ-nữ bề bai đua đèn phố;

Chợ Võng-thị rượu nồng hương mới ching
lũ túy-ông tất tả giương sang đồ.

Khói viễn-thôn khi ngọn gió ra vào tròn
thoang thoang ngõ nhà ma cửa lấp;

Trắng cồ-quán lúc tầm mây cuốn mờ,
thấy xa-xa đường núi thót cây gù.

Chim bay nhảy dẫu non vì-vực, cá dưới
trều mặt nước thập-thò,

Cảnh vừa khi quân-tướng những ngày xưa,
duyên cỏ hoa khi ấy cũng chiều chơi, nào
ngờ tuyết lạnh sương tan, lòng dấy phải
xét cho người với;

Người gặp buổi quan-hà về kẻ khác, thế
non nước nghĩ mình chưa trả được, dẫu
cùng nước trông trăng sáng, mặt mũi nào
mà vui với cảnh du?

Hoa cồ xiết toan chừng tươi ử; tang-
thương khôn tính nỗi hao tru.

Quỉ dạ-soa quấy bụi xuống chi đây, người
hách nghệ đến dẫu đều khổ não;

Thần lý-vị nát ai ra dấy tá, kẻ tam-nông
mong chẳng thấy tỏ nhu (1).

Dù lái chằm (2) đương nện nguyệt công-
kênh, khúc thú-cổ đã ruồi giông lặc-dác;

Chầy cồ-tự mới đâm sương loăng-choảng,
dịch chinh-nhân đã thổi húy phi-phù.

Đường vinh-nhục nọ đồng nước chảy

(1) Nghĩa là tước nhuân.

(2) Là nện vãi.

áng công-danh kia đã lửa khua.

Cánh quán-thân người đã mỗi vai rồi,
kẻ chi-sĩ làm thính đi chẳng cất;

Vạc quốc-bảo khách đã giang tay kéo,
đưa năm-nhân (1) gắng sức lại mà hò.

Du-hỗ để mấy ai Phạm Lãi; phù-hải nhiều
chẳng một Tử-Do.

Cửa âm-dương mở đóng sớm khuya liền
cơ huyền-tao khó lường si h với tử;

Xe nhật-nguyệt kéo lên xuôi ngược mãi,
kiếp phù-hu khôn tính hữu hữu hay vô.

Dương-trăng nọ tròn rồi thời lại khuyết;

như bình kia đầy lắm có khi đồ.

Nhớ khi thanh-da tuần trăng, liền thoắt
thoảng đưa phong trà ướp mộc;

Tưởng buổi đoan-dương qua gió, lại
bằng-bằng đun ấm rượu ngâm bồ.

Thanh-cung khi hạ tới lửa đưng nồng
chải mạng phun hương, so thanh-lãnh với
đông kia chẳng kém;

Thương-uyên buổi thu về hoa chưa nở,
thêu hồng cái gối, vì phẫn-phương cùng
xuân ấy không thua (2)

VĂN - U YÊN

1. — Cái gấu

Vì « nước » phải xông-pha,

Giấu mình không « nể hà ».

Quý-hỗ được việc « nước »,

Dân-chúng nhờ ơn ta !

2. — Thăm Văn-miếu

Rừng nho gieo giống tốt,

Bề học ngắm ơn sâu.

Còn núi Nùng sông Nhị,

Tư-vấn còn sống lâu !

3. — Một ông kỹ-mục

Phản biểu hạch to bề,

Chiếu ngồi ganh dưới trên.

Việc làng động tí « chén »,

Dứt-lạc om đình lên !

4 — Thấy phù-thủy

« Cung thỉnh !... ưm ! Ba-la ! »

Việc gì cũng « ăn-khoa ».

Khỏi, không, mặc tin-hủ,

Có lẽ nuôi sẵn gà !.

5. — Thanh-minh tảo mộ gặp mưa

Thoi yến tiết xuân đưa,

Thanh-minh nay gặp mưa.

Đất lằm xe ngựa vắng,

Trời ướt khói hương thưa.

Nghĩ nỗi người đời khuất,

Còn đây năm đất tro.

Ta thương mà ta khóc,

Nước mắt cũng không thừa.

6. — Đại-hạn tháng sáu

1

Héo-bắt cây vườn-tược;

Khô-khan lúa ruộng-nương.

Thi-thuộm người già nằng;

Kéo-kẹt, kẻ đi đường.

Khô-ái mũi hơi lứt,

Nhọc-nhần nước mắt vương.

Lòng thành xin phát-nguyên:

Mua xuống, hồi ông Thương.

11

Ông Thương mua xuống, ông!

Trần-thế chúng tôi mong.

Thoảng cơn đứng gió táp,

Tan đám chớ cầu vòng.

Một trận chan-hòa nước,

Muôn dân thuê-thỏa lòng.

Chúng tôi cách-trí kém,

Phát-nguyên thấu cho không ?

(1) Là đấng gian-nhân.

(2) Cuối cùng còn thiếu một đoạn vì bản chữ nôm cổ chữ viết rách nát mất cả, không thể dịch ra hết được; người nào nhớ được hết thì xin lại-của lại cho, Bản-chữ sẽ nối thêm vào.

7. — Đồng-hồ báo thức

Ti-ta ti-tách suốt canh thâu,
Như muốn vì ai đếm đoạn sầu.
Giấc mộng đang nồng kê chữa chín,
Bên tai dộng-dịp tiếng chuông mau.

8. — Cái đóm diêm

Bóng sáng văn-minh chiếu lập-lòe,
Dao gang đã lửa hết nho-nhoe !
Hương tàn khói lạnh lo chi nữa,
Lọ phải khoan cây lửa cũng xòe !

9. — Cái gương

Chẳng chút chen chân cõi bụi hồng,
Tắm thân vừa sạch lại vừa trong.
Thế-gian những kẻ văn-minh vô,
Lơ-láo nom vào then mặt không ?

10. — Hạt mưa

Nước mắt thương đời khóc chữa-chan,
Giọt dài giọt vẫn dễ ai hàn.
Hồng-trần rạch ngập hay chẳng tá ?
Rửa hộ quần-sinh chút kéo oan !

11. — Hòn son

Núi non quanh-quất trái bao đông,
Đằm-thắm hơn ai một tấm lòng.
Chùa mền quan yếu thầy cũng chuộng,
Giấn mình đánh giặc lập nên công.

12. — Ông lão

Đầu râu tóc bạc thỏ « hom-hem »,
Chân bước tay mang gậy trúc kèm.
Câu chuyện nhân-tình tai « nghênh-
ngãng »,
Mảnh gương thế-sự mặt « lom-lem ».
Thẳng lưng lợm-khộm hồi nghiêng-
ngửa ;

Mở mắt tung-bưng buổi nhá-nhem,
Răng rụng cả rồi trơ có lợi,
Mùi đời tặc lưỡi lão « mom-mem ».

13. — Tài trai

Mặt trời mới mọc cổ đầu xuân,
Giá-trị muôn vàng một tấm thân.

Học-vấn khai sâu nguồn trí-thức,
Văn-minh chụp rõ vẻ tinh-thần.
Đã nên tai-mắt là nam-tử,
Không then râu mày với thế-nhân.
Vì nước, vì nhà, vì xã-hội,
Non sông danh tiếng thọ vô-ngần.

14. — Cảnh đêm hè ở nhà học

Ba gian nhà học cửa luông-tường,
Trăm mối tơ tình ruột vắn-vương.
Thơ túi rượu bầu câu chuyện hão,
Trăng đèn gió quạt khắc canh xuống.
Phương xa nhớ bạn hồn mơ vắng,
Xóm cũ trông nhà giọt lệ tuôn.
Thóc-mách đồng hồ như biết bụng,
Leng-keng « cung-thỉnh » một hồi
chuông.

15. — Chiêm-bao đi du-lịch
bên Âu-châu

Nhớ mới đêm nào cũng chữa lâu,
Chiêm-bao du-lịch khắp Âu-châu,
Văn-minh người thực hoa con mắt,
Hủ-bại mình thêm nặng đỉnh đầu,
Vật-chất dành rằng hơn hết cả,
Tinh-thần dễ chẳng kém gì đầu.
Tỉnh ra mình những mong mình được,
Rửa tiếng « sâu còm » rạch địa-cầu !

16. — Nghi sự đời

Sự đời năm khềnh nghĩ vu-vơ,
Sướng khổ vui buồn luống ngần-ngờ.
Khóc dấy non-sông anh xác-mắc,
Cười vang trời đất chủ khù-khờ.
Rầu mây đều cang trai xằng-xịt,
Sơn phấn rơm bùn gái lẳng-lơ,
Lại mấy bác sư tu-tiểu nữa,
Chén phê thơ-thần nói bâng-quơ.

17. — Tự-hối

Á Áu ví biết cuộc ngày nay,
Từ trước ta đi học chữ Tây.
Dở diếc dở cam cam chịu khổ,
Sẵn tiền sẵn của hẳn thừa hay.
Quá-thì phận gái ấu dành lơ.

Hoàn-tục thân sự nghĩ cũng ngày !
Mạnh-khỏe mai khi con nó lớn,
Chừa đừng bướng-bỉnh chờ lầy-bầy.

18. — Công-nợ

Vốn mình « sòng-phẳng » dám « cù-
nhảy »,
Đen vận bao giờ « vô » trắng tay,
Ngọn bút « duyên-vì » khi « ngoáy lộn »,
Con thư « truy-vấn » lúc « chẳng quay ».
Lời con « khất khéo » nên lời mẹ,
Món trả « xê lần » đến món vay.
« Cháo húp lũng quanh » âu sẽ liêu,
Kẻo mang cái tiếng bố-cu « trầy ».

19. — Ma làm

(Hát ả-đào tràng-thiên)

Đời ngày nợ giống « ma » thường ít
thấy, sao đời nay giống gậy cứ nhiều ra ?

« Rượu chè » ma, « trai gái » ma,
« thuốc xái » ma, « cờ bạc » ma, dữ
chẳng kém « ma gà » trên mạn ngược !

Len-lỏi ma « danh » sành mọi nước,
bon-chen ma « lợi » róc trăm đường.

Lại ma « kiêu » ma « lặn » quật-
cường, ai không biết, tưởng « ma
Mường » ám-ảnh !

Thần-thông đã đòi phen nhờ phép
Thánh (1), ma vẫn còn ương-ngạnh
chừa buông-tha !

Cứng đầu cứng cổ, xấu nết xấu na,
« nội-tà » thế mà « ngoại-tà » cũng thế !

Trêu người đời mỗi ngày một tệ,
bóp-nặn rồi bắt bóng-via đem đi.

Chẳng còn kiêng-kỵ cái chi, chẳng
còn sợ phép nề uy chút nào.

Bà con ta, chừa-chạy sao ?

20. — Câu hát vật

1

Đi mua rượu

Trời mưa đường lội chợ xa, vì chưng
rượu hết, nên em phải bỏ việc nhà
mà đeo nón ra đi.

Rượu chai to, nhắm gói nặng, mua
xong em trở về ; uống say say tít, còn
nghĩ gì đất lở với trời long !
Chị em ơi ! cũng gái có chồng !

II

Bệnh hip mắt

Nhác trông thấy chị má đào, mắt
anh hip lại, chứ ai nào đã bầm lấy
anh đâu !

Thế mà anh, vẫn thương, vẫn
nhớ, vẫn tủi, vẫn sầu, coi như là duyên
là kiếp, rồi mượn miếng trầu câu
chuyện anh lân-la.

Cái đồng tiền mùi hôi nước mắt anh
làm ra, anh đem anh dâng anh cúng
vào cả « ái-tình-toà » cũng chẳng tiếc
chi.

Ồi chao ơi ! cái kiếp nam-nhi !

III

Khảo của mua phiên

Nay một hào, mai một hào ! ngày
kia không có, bấy giờ gào bâu thóc
bán khoai.

Hai món cơm mình em lo chạy cả
hai, đêm ngày « bàn tĩnh », cứ việc
nằm dài mà nạo mà hơ.

Ồi ! này anh ơi ! ăn chơi thế đã
sướng chưa ?

IV

Học lấy chữ viết văn-tự

Bác mẹ anh cho anh đi học chữ Nho,
cũng mong biết được năm ba chữ để
mà tu lấy cái thân mình.

Ai ngờ cái kiếp anh là cái kiếp hư-
sinh, máu - mê cờ - bạc, hóa ra tình
những cái chẳng ra gì.

Nay anh « duyên-vì », mai anh lại
« duyên-vì » ! Cái bút trên tay anh nó
nghỉ-ngoáy những gì gì, ấy là cái nghiệp
anh tan !

Bấy nay làm cho em chết cả ruột gan !

(1) Ám-chỉ những sự dùng đề hạn-chế hay là đối-đãi với mấy cái « ác-ma » ấy. — B. T. - C

V

Khối băng

Ai lên bắc-cực chơi chẳng,
 Vì tôi lấy một khối « băng » về dùng.
 Lòng tôi như nấu như nung,
 Uống « băng » may đỡ nóng trong ít
 nhiều.

VI

Quyển sách « ước »

Ai lên đỉnh núi Ba-vi,
 Lấy quyển sách « ước » đem về ước chơi.
 Ước cho mười mấy triệu người,
 Văn - minh theo kịp những người
 phương Tây.

21. — Lời bạn hỏi

Ở thời-đại văn-minh,
 Lắm cái hay quá thế !
 Người biết ai cũng vui,
 Anh sao cứ buồn thế ?

22. — Lời tự-đáp lại

Tôi vẫn biết nên vui,
 Khốn vì cái đời tôi,
 Trẻ con muốn mọi thứ,
 Không được phải khóc sôi !

23. — Cái tha-ma

Phía trước làng tôi ở,
 Đột một cái tha-ma.
 Mả táng như bát úp,
 Trông xem nghĩ xót-xa.

Nào ai người phú-quí,
 Nào ai kẻ bần-tiện,
 Thói thi bất-luân ai,
 Đến đó là hết chuyện.

Nấm đất vùng cỏ xanh,
 Ngọn gió hiu-hiu thổi,
 Trâu dê giẫm ban ngày,
 Sương móc vỗ ban tối.

Viếng thăm biết có thâu,
 Khẩn vái biết có hay.

Hay phó mặc trời đất,
 Nghìn năm giấc ngủ say.

Ấy quyền sách tha-ma,
 Tạo-hóa bảo chúng ta.
 Bài học đã soạn sẵn,
 Học đi kéo nữa mà !

Hỡi bọn chúng ta ơi !
 Cái « chết » nông-nổi thế.
 Cùng nhau sống ngày nào,
 Ăn ở nên tử-tế !

24. — Đời người

Sinh ra rồi lớn, lớn rồi già,
 Nay đoạn ngày mai thoáng chốc qua.
 Bụi đỏ chứa-chan thương cõi mộng,
 Năm xanh dầu-dãi tôi hồn ma.
 « Vương Hầu đệ-trạch » chòm hoang-
 thảo,

« Khanh Tướng lâu-dài » đồng lạc-hoa.
 Thọ-yên hay hèn qui-tận cả,
 Hơn nhau một tiếng « đáng là ta ».

25. — Cuộc đời

Bức tranh vân-cầu, cuộc tang-thương,
 Bày vẽ ra chỉ nỗi đoạn-trường !
 Kim-cổ xoay quanh vòng vũ-trụ,
 Tử-sinh văn-veo máy âm-dương.
 Phù-du chán ngắt bao hoàn-cảnh,
 Oi-lỗi buồn tênh một hí-trường.
 Ai khóc, ai cười, ai nín lặng,
 Trăm năm ai trốn khỏi « vô-thường » !

26. — Thuyền đi gặp gió

Veo-veo một lá chiếc thuyền nan,
 Gió thổi u-u nước chảy tràn.
 « Đô-hối ta » chèo tay lái cứng,
 « Nam vô Phật » niệm miệng người ram.
 Xanh um trước mặt bờ khơi nẻo,
 Trắng xóa lòng sông sóng dậy làn.
 Thề-cục thăng-trầm âu cũng thế,
 Khéo ra nguy-hiểm vẫn bình-an.

27. — Đêm hè thức dậy

Quốc kèn khắc-khoái mé cầu đông,
 Thức dậy xa nghe luống não lòng.

Trống hiệu cầm canh khua rộn diêm,
Còi tàu mản khách rúc om sông.
Sao mai lấp-lánh soi xuyên nước,
Chiều gió vi-vù thổi lọt song.
Nghĩ đến nỗi mình thêm thắc-mắc,
Nhà ai đêm vắng đứng ngầy trông!

28. — Anh đồ quê

(Giọng sầm)

Anh thì đồ! Anh thì đồ!
Hèn anh đây cũng cái tiếng anh đồ!
Văn-chương anh kiếm cả *chi-hồ*
với lại *a-bê*!

Anh những toan ra tỉnh anh phò
nghề; hiềm vì «tỉnh-tiểu» nó cũng
«ế-ế» anh dếch muốn ra!

Bấy nay anh treo nghiêng gác bút ở
nhà; câu thơ vắn phù ngâm-nga cho
đỡ buồn.

Nghe dân bây giờ «mới-mung» vô-
số cậu uơ; chỉ vì xác có mà hồn thì
không.

Vậy nên ngảnh mặt đi anh đây
chẳng có thềm trông; rằng «gàn» cũng
mặc mà rằng «ngây» cũng ù!

Rồi xem ai «quých» ai «cừ»!

29. — Ông quan phường chèo

(Biệu hát)

Đêm qua đi rạp xem chèo, thấy một
ông quan lớn, trong buồng chèo vừa
bước chân ra.

Miệng ông cười, ông nói, chân tay
ba-hoa, râu-ria ông vênh-vào, xiêm áo
ông lòa-xòa, ông nhẩy tốt ông ngồi trên.

Bọn con dân hoan-nghênh ông trống
phách huyền-thiên, bấy giờ trông cái
oai ông lớn cũng ngang-nhiên «nhất
thế chi hùng!»

Nào ngờ một phút, hai phút, ba phút
«nhặng tang-bồng»; trống hồi mấy
tiếng, thì đã dưng-dưng, như gió cuốn,
như nước trôi!...

Ồi chao, ông lớn dàu rồi!

30. — Dịch bài «Du Bá-Nha hòa đàn viếng Chung Tử-Kỳ»

(Trong kim-cổ kỳ-quan)

Nhớ độ xuân năm ngoài,
Bên sông tờ gặp người.
Năm nay trở lại hồi,
Không thấy người nữa rồi.
Thấy trơ một nắm đất,
Đau lòng biết nói sao!
Nói sao! Nói sao! Biết nói sao!
Đôi lệ xuống dào-dào!
Trước thế bây giờ thế,
Mây sầu ngùn-ngụt cao.
Ơi hồi Tử-Kỳ ơi!
Nghìn vàng nghĩa tờ người.
Tri-âm ai kẻ dưới gầm trời!
Bi-tình một khúc gầy một bản,
Đập vỡ cây đàn tổ bụng chơi!

Nhị-dông ĐOÀN TINH-CANH

1. — Hồng-lâu oán.

I

Giục sáng lâu xa tiếng trống canh,
Giật mình mình nghĩ những thương
mình.
Trách duyên hương-lửa, duyên bờ-
[hững]

Nạn kiếp tài-danh, kiếp mộng-manh.
Ghen-ghét mãi nhau ư, trẻ Tào?
Phũ-phàng chi lắm với, ông Xanh?
Kiếp xưa âu hẳn đường tu vụng,
Tu khéo thì sao nặng nợ tình!

II

Ôm lòng đòi đoạn rồi bời - bời,
Mới biết trời già thật xấu chơi.
Duyên-phận cơ gì mà chéch-mắc?
Sắc-tài cho lắm cũng lồi-thối.
Trót mang lấy nghiệp ba-sinh lụy,
Dám quân đeo bầu một tiếng ôi!
Nếu phải trăm năm dầu mệnh bạc,
Làm sao bạc lại chẳng vừa thôi?

III

Một mình ngồi ngẫm lại càng thương,
Thương nỗi vô-duyên phận lạ nường !
Mong rắp sắt-son nguyên thệ ước,
Biết đâu vàng-dá dãi can-từ-ường.
Xuân về, hạ tới, bao mưa nắng ?
Thu hết, đông sang, mấy tuyết sương ?
Chấn sợ dần xanh pha tóc bạc,
Khiến lòng trăm mối rối tơ vương.

IV

Hết nghĩ gần thôi lại nghĩ xa,
Lòng này ai đã thấu cho ta !
Hai hàng lệ thấm lau không ráo,
Một mối tơ sầu gỡ chữa ra.
Cổ giọng mua vui nào kẻ bán,
Rắp toan bán tuổi chẳng người mua.
Thôi đưa ngày tháng chừng bao nă,
Có lẽ năm năm trở mãi à ?

V

Mấy chốc mà ra đã bạc đầu,
Nỗi lòng càng nghĩ lại càng đau.
Đắng-cay tục-vị từ bao thừa,
Đầy-dọa phong-trần trải bấy lâu.
Phận hẩm duyên ôi đành đã vậy,
Hoa trôi lèo giạt chắc về đâu !
Ấy ai đó biết hay chẳng biết ?
Nặng lắm ai ơi một gánh sầu !

2. — Khóc mà bạn chôn quê người.

Năm cỏ tro-tơ bụi cát lăm,
Nghĩ người chín tuổi những thương-
Lấp vùi đất khách hay chẳng biết ? [tâm.
Nông-nôi quê nhà hẳn cũng cảm ?
Một kiếp phù-sinh ai chẳng chán,
Nửa đời hồ-thỉ chết cho cam !
Nhớ anh khôn biết tìm đâu thấy,
Lầm lức bàng-khuàng chỉ khóc thầm.

3. — Học-trò nhà nghèo mặc áo rách

Soi gương đứng ngẫm nghĩ buồn tẻ,
Áo rách như toi cả mọi bề.
Vật trước sã tà còn hỗn cục,

Thân sau đứt gấu mất ba khuy.
Vợ thời chưa có cho nhờ vả,
Thợ đó tiền không đủ dám thuê.
Chờ nữa rỗng mây may-mắn hội,
Tha-hồ áo gấm vẽ-vang kia.

4. — Cảm-hoài ở Vientiane (Ai-lao)

Đất khách nường thân tạm tháng ngày,
Viên-thành giòng-ruồi bấy lâu nay.
Xót tình lữ-thứ con sâu-muôn,
Cảm cảnh gia-hương ruột hận đây.
Góm nghiệp phong-trần trên tóc mái,
Thôi mối danh-lợi rử mình đây !
Xung-quanh non-nước người xa-lạ,
Ai khéo xui ta đến chốn này ?

5. — Gửi người mới quen biết

Bồi biết nhau nên mới gửi tờ,
Tiện hồng đưa lại mấy vần thơ.
Trước cho tỏ dạ đây dăm-thăm,
Sau để làm duyên kéo hững-hờ.
Muôn dặm đường xa còn tưởng nhớ,
Một lời đá tạc dễ lẫn mờ.
Chuyến dò nên nghĩa đừng quên nhớ !
Ai có tin ai hãy cố chờ !

6. — Về Hà-nội tức-cảnh

Xa-cách quê nhà đã bấy nay,
Bây giờ Hà-nội lại về đây.
Lối xưa chốn cũ tình vui-vẻ,
Phố mới lầu cao cảnh đổi thay.
Giòng-ruồi ngựa xe người tấp-nập,
Bầy-la hàng-quán cửa riêng tây.
Ấy ai ai đó từng quen-thuộc,
Có biết hồ Gươm nước vẫn đây ?

7. — Đi tìm bạn không gặp

Hỏi ai cho biết bây giờ !

Đâu người năm ngoài, năm xưa chốn
này?

Tiếc cho phong-cảnh đổi thay,
Tìm ai chẳng thấy riêng đây những sầu.

8. — Gặp người xưa

Nào chắc chi chi được có rầy,
Nỗi mừng còn biết nói sao đây ?

Mặt càng nhìn mặt thêm tươi mặt,
Tay đã cầm tay lại nắm tay.
Có ước cho nên y ước trước.
Không duyên chưa dễ gặp duyên may.
Tình xưa nghĩa cũ vui xum-hiệp,
Xin cạn cùng nhau một chén đầy.

9. — Ca-đao

I

Đề thơ gửi hỏi thăm anh,
Xa nhau khuya sớm có đành lòng không?
Một chờ, hai đợi, ba mong,
Mong anh chẳng thấy tổn công đợi chờ.

II

Ai sang bên ấy bây giờ?
Cho tôi nhờ gửi bức thơ thăm chồng.
Chồng tôi đi đã ba đông,
Hẹn về năm ngoài sao không thấy về?

III

Nắng-mưa sương-tuyết bấy chầy,
Cho đau lòng quốc, cho gầy mình ve.
Cô đồ, cô chó ừ-ừ,
Chồng cô nay cũng sắp về với cô.

IV

Vai mang khăn gói lên đường,
Bước cao, bước thấp, thương chàng,
chàng ơi!
Trời sao ác-nghiệp, hỏi trời!
Chia-phôi chi để chồng tôi nhọc-nhau?

V

Giang-san em gánh-vác một mình,
Non cao nước thẳm đã thấu tình cho
em chưa?
Bấy lâu nay em đi nắng về mưa,
Mất công em chẳng tiếc, nhưng mà em
thương-thần.

VI

Những là thua chị kém em,
Bởi chưng lam-lũ thâu đêm suốt ngày.
Cũng thì má đỏ hây-hây,
Cũng thì da trắng tóc mây rườm-rà.

VII

Chẳng tham cái bút cái nghiên,
Chẳng tham ruộng cả ao liễn gì đâu.
Phải duyên, phải kiếp cùng nhau,
Dầu rằng áo vải cơm rau cũng màng.

VIII

Em ơi, đừng khóc chị yêu.
Nín đi chị kể truyện Kiều em nghe.
Cuộc đời lắm nỗi khát-khe,
Thương em chị phải vỗ-vỗ cho qua.

IX

Đồng sâu nước đục lờ-lờ,
Ai làm đục nước cho cò nó đưa?
Cò đưa cò chán cò khua,
Nước kia đục mãi bao giờ cho trong?

X

Ai về nhậu chị hàng hoa,
Đem hoa đi chợ kéo mà chợ trưa.
Chợ trưa đem bán ai mua,
Cái công đi hái có thừa hay không?

XI

Thuyền ai đỗ bến xa xa?
Ấy là thuyền ngược hay là thuyền xuôi?
Ta đi tìm bạn tới nơi,
Cách sông cách nước nên người lữ nhai.

XII

Dấn-vốn em chỉ có rằm đồng,
Đội vai quang-thưng em gánh-gồng
ngược xuôi.
Khó-khăn phải đắp-dồi lần-hồi,
Giàu-sang chẳng nữa chừa để em ngồi
cho au.
Phận đàn-bà em gánh-vác lấy giang-san-

NGUYỄN HỮU CAIL.

ĐỀ TẤM ẢNH ÔNG PHẠM THƯỢNG-CHI

I

(Thơ Ngũ-ngôn)

Sinh-trưởng năm châu mới,
 Văn-chương một tấm lòng.
 Vùng-vẫy tay giáo-dục,
 Trang-diềm mặt non sông.

MAI-KHÉ

II

(Tư-diệu)

Vai không rộng lắm, sức không dài,
 Đem tấm lòng văn gánh việc đời.
 Chân đi chưa khắp bốn phương trời,
 Báo-chương truyền tiếng hết ra ngoài.

Gót đạp đất,

Đầu đội trời,

Giương mắt mà coi,

Đẹp là ai,

Xấu là ai,

Câu khôn câu dại chưa đầy tai.

Bút khai-hóa,

Tay viết hoài;

Lời thông-khảo,

Miệng đọc xuôi.

Mấy đóa văn-minh rắc khắp nơi,
 Hoa thơm rửa sạch thói tanh-hôi.
 Ngạn-ngữ Âu-Tây nhớ có lời:
 « Ngu hèn ba tuổi cũng già rồi,
 « Tài giỏi trăm năm vẫn trẻ-trai »;
 Treo gương kim-cổ để mà soi.

Ảnh-hưởng rộng thêm ra,
 Văn-chương ngày một mới,
 Phong-trào cao-độ gấp năm mươi;

Rồi nay mai:

Năm thứ một,

Năm thứ hai,

Cho đến mãi,

Năm thứ tám mươi,

Thứ chín, mười mươi,

Chụp ảnh lại mà chơi,

Trời không già, ai ơi!

Đất không già, ai ơi!

Lộng-lẫy non sông vẫn một người,

Mở lòng Bỏ-tắt của Như-lai,

Mở mày mở mặt cả muôn loài;

Năm năm hoa nụ lại hoa cười,

Vẽ mày vẽ mặt nữa cho tươi!

MAI-NHẠC

THỜ-I-ĐÀM

Việc thế-giới

Tình-hình chính-trị ngoại-giao trong thế-giới. — Chính-sách các nước trong thế-giới gần đây nhất-quyết khuynh-hướng về mặt hòa-bình. Nói cho đáng, cái khuynh-hướng ấy một phần cũng là nhờ ở các nhà cầm quyền nước Pháp, trong khoảng một năm nay, vẫn chỉ chủ-trương về một mặt ấy, thật là thủy-chung như nhất, nên cũng có ảnh-hưởng tốt đến tình-hình chung trong thiên-hạ. Công ấy là công của Nội-các HERRIOT, rồi đến Nội-các PAINEVÉ sau. Cái thái-độ của hai Nội-

các ấy thật là rất mực ôn-hòa, rất mực thành-thực, cả thế-giới cũng phải bình-tĩnh mà thừa-nhận như thế. Hiện nay các việc quốc-tế cũng không phải là đã điều-dinh được hết cả: như việc giao-thiệp hai nước Pologne và Tcheco-Slovaquie với nước Đức vẫn còn khó-khẩn lắm, và vấn-đề hạt Mossoul định gán về cho Thổ-nhĩ-kỳ hay cho Anh-cát-lợi vẫn chưa giải-quyết, và cho dầu giải-quyết về mặt nào nữa thì cũng không tránh sao cho khỏi sự xung-đột được. Nhưng cái phong-trào trong thế-giới

ngày nay là một cái phong - trào xu - hướng về hòa-bình, nên tựa-hồ như cái không-khí trong thiên-hạ được bình-tĩnh trong-trẻo, dầu việc khó cũng mong có thể giải được cho êm, không đến nỗi quyết-liệt. Có người đã nói rằng mấy năm trước là cái phong truyền-nhiễm về chiến-tranh, gần đây đã đổi ra cái phong «truyền-nhiễm về hòa-bình» (*contagion de la paix*). Đối với cái tình-trạng tốt ấy, kẻ thức-giả cũng nên biết công cho những người có cái trọng-trách cầm quyền chính-trị trong các nước.

Nói về đại-hội - đồng Hội Vạn - quốc và hiệp-ước bảo-an. — Hội Vạn - quốc họp Hội-dồng Quản-trị, rồi họp đại-hội-dồng ở Genève đầu tháng chín tây, luôn mãi cho đến gần cuối tháng. Có một cái vấn-đề tuy không trực-tiếp đem trình cho Hội-dồng quyết - nghị, nhưng tựa-hồ như bàng-bạc trong không - khí khi họp hội-dồng, là vấn-đề hiệp - ước bảo-an của bốn nước Pháp, Tí, Đức và Anh. Hiệp-ước ấy vẫn là riêng của bốn nước đó mà thôi, nhưng cái tôn-chỉ nó phải đem ra châm-chước cho thích-hợp với những điều đại-cương trong quốc-tế-hiệp-ước năm 1924. Quốc-tế hiệp-ước này là tự thủ-tướng Pháp HERRIOT khởi-xướng lên ở Genève năm ngoái. Ý ông là muốn buộc các nước phải công-nhận cái luật «trọng-tải» (*principe de l'arbitrage*), nghĩa là mỗi khi hai nước có điều gì bất-bình xung đột nhau thì tất phải đem cho Hội Vạn-quốc phân-xử, không được tự-tiện gây việc đánh nhau; luật ấy mà theo được đúng ra thì tự-nhiên kết-quả phải đến vạn-quốc giải - bình và thế-giới được hòa-bình. Đó là một cái kế-hoạch bao-gồm cả vạn-quốc, và vạn-quốc tất phải bằng lòng thuận-nhận cả mới có thể thi-hành được. Về phần nước Pháp thì công-nhiên thuận-nhận; các nước nhờ cuộc chiến - tranh vừa rồi mà được khôi-phục quốc - thổ cũng vui lòng thuận-nhận, mong nhờ đó cũng - cổ được

cái địa-vị của mình về đường vật-chất cùng về đường tinh - thần. Nhưng chính vì cái quốc-tế hiệp-ước ấy có tính-cách bao gồm cả vạn-quốc, lại bó buộc các nước lâu dài về sau này thuộc về những cơ-hội hiện nay không thể nào dự biết được, nên có ý trái với cái chính-sách thực-tiến của mấy nước như nước Anh, lại trái cả với cái dã-tâm của mấy nước khác như nước Đức, trong lòng còn đương nuôi cái chí ngấm muốn kiếm kế phục-thù để rửa hờn thất-bại. Vậy tuy nước Đức không công-nhiên tuyên-bố rằng không nhận, nhưng nước Anh thì quyết-nhiên từ chối, và lại đồng lòng với Đức bàn kết một cái ước bảo-an khác không bó-buộc mình lắm về sau này như hiệp-ước quốc-tế trên kia. Ấy dầu đuôi như thế, nên nay ước bảo-an đã thành rồi, cũng phải đem ra trình bày cho Hội Vạn-quốc biết vì cơ sao mà ước quốc-tế năm 1924 không thể đem ra thi-hành ngay được. Về phần nước Pháp thì thủ - tướng PAINLEVÉ, ngoại - tướng BRIAND, về phần nước Anh thì ngoại-tướng CHAMBERLAIN, đều có diễn-thuyết về việc đó ở Hội Vạn-quốc, bên nào biện-bạch cũng hùng-hồn và khôn-khéo lắm. Ngoại-tướng Anh thì không giấu-giếm gì, nói thật ngay cho thiên-hạ biết rằng cái chính-sách cổ-lai của nước Anh là chỉ vụ sự thực nhơn-tiền, muốn được tự-do để mà tùy-cơ quyền-ứng, chứ không muốn bó-buộc theo một cái chủ-nghĩa nhất-định nó khiến-chế mình mãi mãi về sau này; người Anh là một nước vụ-thực, không phải là một nước chuông lý. Lời tuyên-bố của ngoại-tướng Anh đó, cũng bị nhiều người chỉ-nghị lắm, nói rằng nếu như thế thì còn đặt ra Hội Vạn-quốc làm gì nữa. Hội Vạn-quốc chính là một cái «lý-tưởng» mà các nước văn-minh muốn thực-hành cho mỗi ngày một rõ rệt ra, nếu không ưa lý-tưởng thì còn vào Hội Vạn-quốc làm gì. Song cũng

phải hiểu cho cái tâm-lý quốc-dân, cái phương-pháp chính-trị của nước Anh xưa nay vẫn thế, mà phương-pháp ấy đem ứng-dụng ra vẫn thấy đắc-lợi luôn, như thế mà nhất-dân bảo nước ấy bỏ đi để theo một cái lý-tưởng có cao thật nhưng chưa được thiết-lắm, thời trách sao nước ấy còn ngần-ngại chưa muốn theo vội. Lời diễn-thuyết của CHAMBERLAIN chẳng làm tổn-hại gì cho thế-lực Hội Vạn-quốc, trước thế nào sau cũng vẫn thế, vẫn là một cái cơ-quan để mưu sự hòa-bình cho thế-giới, nhưng mà lời diễn-thuyết ấy cũng là một bài cảnh-cáo cho các nhà lý-tưởng trong Hội nhớ rằng lý-tưởng không thể dời sự thực được. — Ấy cái thuyết đó là cái thuyết của thủ-tướng Pháp PAINLEVÉ diễn-giải ở Hội Vạn-quốc, đại-khái nói rằng nước Pháp không phải bỏ cái hiệp-ước quốc-tế năm ngoài, nhưng mà xét ra cái hiệp-ước đại-thể ấy chưa thể hoàn-toàn thi-hành được, thời trước hết hăng ký những cái ước nhỏ-nhỏ từng bộ-phận một, như thế tức là gây được cái cơ-sở vững-bền về sau này. Song Chính-phủ Pháp tuy nhất-diện hăng tạm-thời đình-chưa tuân theo cái hiệp-ước quốc-tế về phần chính-trị ngoại-giao, nhưng nhất-diện lại muốn tìm cách thi-hành về đường kinh-tế. Một phái-viên Pháp ở Hội Vạn-quốc, ông LOUCHEUR, bàn nên đặt một hội-ng nghị kinh-tế Vạn-quốc để tìm phương-chữa sửa lại cái tình-thế khủng-hoảng trong thiên-hạ vì sự hối-doái đảo-diễn và vì các nước đều thi-hành cái quốc-gia-chủ-nghĩa về quan-thuế (*nationalisme douanier*). Lời bàn ấy, có nước hoan-ngênh, có nước còn do-dự, nhưng thiết-tưởng cái ý cũng tốt, nếu thi-hành được thì cũng có thể bớt được cái nguy-cơ trong trường kinh-tế vạn-quốc. Đại-đề thời Hội Vạn-quốc cũng bằng lòng thuận cái nguyên-lý như thế, còn phương-pháp thi-hành thế nào, và Hội-ng nghị sau này sẽ họp ở

dâu và họp bao giờ, thì chưa định, — Nói tóm lại thời về vấn-đề bảo-an, Hội Vạn-quốc theo cái thuyết của nước Anh mà nước Pháp mấy tháng trước đã bằng lòng thừa-nhận và hiện đương hiệp-lực thi-hành.

Việc Mossoul. — Kỳ Hội-dồng này còn bàn về một vấn-đề khó-khẩn nữa, là việc hạt Mossoul. Đất này định gán về cho ai? Hay là muốn nói cho đúng thời không cốt gì đất ấy, mà cốt là mỏ dầu hỏa ở đấy sẽ gán về cho ai? Việc này không trực-tiếp quan-hệ đến nước Pháp, chỉ duy có hồi ông CLÉMENTEAU làm thủ-tướng có tuyên-bố rằng nước Pháp không can-thiệp gì đến hạt Mossoul, nên Anh đã hứa cho Pháp được dự một phần vào việc khai mỏ dầu hỏa ở đấy, thế mà thôi. Nhưng mà gián-tiếp thì cũng có quan-hệ đến nước Pháp, vì có quan-hệ đến cả chính-sách của Liệt-cường ở Tiểu-Á-tê-á, quan-hệ đến các xứ thuộc-quyền ủy-nhiệm bảo-hộ, vả lại việc có thể xảy ra sự xung-dột, có lẽ đến xảy ra sự chiến-tranh nước Anh với nước Thổ, như thế thời ảnh-hưởng ba-cập đến các nước không biết đâu mà lường. *Việc Mossoul* này, từ điều-ước *Lausanne* vẫn chưa giải quyết xong, hai bên trách móc lẫn nhau nhiều điều lắm, nước Thổ nước Anh, không nước nào chịu nhượng-bộ cho nước nào, không nước nào chịu để cho thiệt đến lợi-quyền kinh-tế của mình trong hạt ấy, mà lợi-quyền ấy hai bên cũng to cả. Trước đã có phái một hội-dồng đến tận nơi điều-tra, nhưng mà cái phương-pháp điều-tra còn có điều dị-nghị, cũng chưa giải-quyết được gì. Không những thế mà thôi, lại cái hiệp-ước năm 1924 của hai nước Thổ và Anh ký với nhau để cam-đoan đem việc ấy ra cho Hội Vạn-quốc phán-xử, nghe đâu hai bên cũng không thuận như thế nữa, như vậy thì không chắc Hội Vạn-quốc còn có quyền tài-phán nữa hay không. Về phần nước Thổ thì đã tuyên-

bổ rằng dù hội Vạn-quốc xử thế nào mặc lòng, cũng phải đem trình cho Quốc-hội nước Thổ có duyệt-y thì mới có công-hiệu, như thế thì trái hẳn với cái quyền trọng-tài của hội Vạn-quốc. Đại-biêu Thổ TEWFIK ROUCHDI và đại-biêu Anh AMERY, là Thượng-thư bộ Thuộc-dịa Anh, hai bên thảo-luận với nhau ở hội Vạn-quốc kịch-liệt lắm, nhưng mà vẫn phân-ván chưa quyết ra sao cả. Hội-dồng cũng lấy làm khó xử lắm. Có người bàn nhất-diện thì nên đem trình cái vấn-đề về quyền tài-phán của hội Vạn-quốc cho tòa án Vạn-quốc ở La Haye quyết-xử, còn nhất-diện thì nên cử một Hội-dồng mới nữa để sang điều-tra tận Mossoul. Song những kế-hoạch đó là những kế-hoạch thoái-thác, có công-hiệu thì cũng còn lâu về sau này, mà việc thì cần-cấp phải quyết ngay. Vì phải biết rằng người Thổ có chịu nhần-nhục mà đợi cho tòa án Vạn-quốc xử hay không, hay là theo thói thường của nhiều nước vẫn hay làm xưa nay, dùng võ-lực mà sang chiếm hẳn lấy đất Mossoul. Nếu xảy ra cái trường-hợp như thế, thì nước Anh sẽ xử-trí thế nào? Có cũng đem quân sang đánh hay không? Đánh như thế thì vừa xa-xôi vừa nguy-hiểm, mà lại ở giữa một nơi xưa nay vẫn có ác-cảm với mình. Nước Anh có dám liều đem hải-quân lục-quân sang đánh thành Constantinople hay không, và làm như thế thời nước Tân-Thổ-nhĩ-kỳ sẽ đối-dãi lại thế nào? Có đánh cứ thủ-hiềm ở bên Á-châu mà bỏ mặc Constantinople, hay là muốn không đoạn-tuyệt quan-hệ với Âu-châu mà ra sức đối-trĩ với nước Anh ở thành ấy? Những xướng lên bấy nhiêu câu hỏi cũng đủ biết cái vấn-đề cần-cấp và quan-trọng là dường nào. — Về một phương-diện khác, thì cứ xem cái thái-độ hội Vạn-quốc lúng-túng không biết xử việc này ra thế nào, cũng đủ rõ rằng Hội hiện nay chưa có thế-lực

manh, và gặp những việc khó như việc này, nếu không có binh-lực cho mạnh để cưỡng-bách cho hai bên phải theo, thì không thể nào mà phân-xử cho xong được. Có kẻ nhàn đó mà đem lòng hoài-nghi hội Vạn-quốc. Nhưng mà thiết-tưởng từ sau cuộc chiến-tranh đến giờ, hội Vạn-quốc chính là nơi trung-tâm-diêm của cái phong-trào hòa-bình trong thế-giới, dẫu ngày nay chưa đủ sức mạnh, nhưng nếu bao nhiêu người hữu-tâm trong các nước đều hết sức cổ-vỗ, hết sức tán-trợ, thời sau này cũng có đủ thế-lực mà ngăn-ngừa được cái chiến-họa trong thiên-hạ. Bây giờ chỉ còn trông vào một cái cơ-quan đó mà thôi; nếu lại đem lòng hoài-nghi nốt, thì không còn biết hi-vọng vào đâu nữa; hội Vạn-quốc, dẫu chưa làm được việc gì to-tát, nhưng mà hằng khiến được các nước có việc gì phân-tranh cũng phải đem ra chỗ công-đồng Vạn-quốc mà bàn cãi, thế cũng đã là một sự tiến-bộ hơn xưa rồi.

Việc giao-thiệp thương-thuyết nước Pháp, nước Anh và nước Đức. — Trong khi Hội Vạn-quốc họp đại-hội-dồng ở Genève, thời nước Pháp, nước Anh, nước Tỉ, nước Đức, cũng họp hội-dồng riêng để định-dinh cái ước bảo-an trong bốn nước ấy. Trước đã định rằng trong việc thương-thuyết này thì bốn nước đứng bằng-dẳng với nhau, và nhất-thiết đều lấy hòa-ước Versailles làm căn-cứ; nước Anh thời nhận đảm-bảo cho miền địa-giới sông Rhin; nước Pháp thời lại yêu-cầu cho được có quyền đảm-bảo các điều-ước của Đức ký với các nước ở trung-bộ Âu-châu, như nước Pologne, nước Tchecoslovaquie là làm-thời được quyền can-thiệp để thi-hành sự đảm-bảo đó, khi nào can-thiệp như thế thì nước Anh không được coi sự đó là một việc trái với hiệp-ước bảo-an. Muốn rõ cái thái-độ nước Anh trong vấn-đề bảo-an này,

thì phải hiểu rằng cái chính-sách cô-lai của nước Anh là chỉ cần phòng-bị cho một nước mình mà thôi, như vậy thì đáng lý chỉ đảm-bảo cho nước Hòa-lan, nước Ti-lơ-ri, là những đất tiếp-cận với Anh mà thôi, thế mà lần này chịu đảm-bảo cho cả mặt địa-giới sông *Rhin*, ấy cũng là đã nhượng-bộ cho nước Pháp lắm vậy. — Về phần nước Đức, thì ngoại-tướng Đức là STRESSEMANN cũng đã hiểu rõ cái thế của nước Đức tất phải hiệp-ước với nước Pháp và nước Ti và thừa-nhận cái quyền đảm-bảo của nước Anh. Có làm như thế thời mới mong chấn-chỉnh được nền kinh-tế trong nước, và hòng vay được tiền của Anh và của Mĩ. Lại cũng hiểu rõ rằng nước Đức mà cứ đứng ngoài hội Vạn-quốc mãi thì chỉ có thiệt chứ không có lợi, mà muốn vào hội Vạn-quốc thì tất phải thuận ký ước bảo-an mới được. Song ở nước Đức, đảng quốc-giã vẫn giữ cái thái-độ khăng-khăng không chịu nhũn. Ngay trong nội-các cũng có nhiều người thuộc về đảng ấy. Ấy cũng là một điều khó xử cho ngoại-tướng STRESSEMANN. Song ông điều-đinh cũng đã xong, và đã công-nhiên nhận lời mời của nước Pháp đến hội-ng nghị ở Locarno (Thụy-sĩ) ngày mồng năm tháng mười. Tuy vậy mà về sau cùng ông cũng phải nhượng-bộ cho đảng quốc gia một điều lúc mới đã tưởng là có phượng-ngại to cho hội-ng nghị sau này. Nguyên là lúc đại-sứ Đức ở Paris đến đưa cho bộ Ngoại-giao Pháp tờ quốc-thư của Đức nhận tham-dự hội-ng nghị, thời đại-sứ có nói miệng với ngoại-tướng Pháp rằng nước Đức tuy nhận thì nhận chứ thuộc về vấn-đề trách-nhiệm về việc chiến-tranh và vấn-đề quân Đồng-minh đóng ở địa-hạt *Cologne*, thời nước Đức vẫn có điều di-hám và tự lấy làm bất-mãn lắm; lại nói rằng lời thông-cáo miệng đó chính-phủ Đức muốn đem tuyên-bố ra. Ngoại-tướng Pháp BRIAND hèn can ngay đi, nói rằng

hai vấn-đề ấy không có quan-hệ gì với hội-ng nghị đã dự-định và đã thừa-nhận, và không thể nào đem ra thảo-luận ở hội-ng nghị được. Sau cuộc hội-đàm đó, thì nước Pháp, nước Ti và nước Anh đều có thư trả lời cho chính-phủ Đức về việc ấy, thư đều có công-bố ra cả, trong thư ý lời nước Đức đã nhận tham-dự hội-ng nghị và nói rằng thuộc về hai khoản nước Đức muốn đề-khởi ra, thì không thể sao nhận được, một rằng khoản thứ nhất là khoản trách-nhiệm về chiến-tranh thời trong hòa-ước *Versailles* đã định rõ rồi, hai là khoản thứ nhì là khoản đóng quân ở *Cologne* thời điều đó là tùy ở cái thái-độ của nước Đức, nếu chịu theo đúng điều-ước thì sẽ rút quân về ngay. Lời thư của nước Pháp thì ôn-hòa, lời thư của nước Anh lại có ý cứng cỏi, Đức nhận được cũng lấy làm bất-bình. Đồng-thời nước Ý cũng trả lời một cách như thế. Thế là việc xong; nhưng việc tuy nhỏ, mà cũng có một cái ý nghĩa hay thuộc về cái thái-độ của nước Đức ngày nay. Hội-ng nghị đã định ngày định chỗ rồi, các nước đều dự-bị đến thương thuyết. Về phần nước Pháp, thời cái địa-vị ở Hội-ng nghị xem ra cũng hoàn-hảo. Về phần nước Đức, thì sau khi có tin Hội-ng nghị, ngoại-tướng Nga TCHITCHERINE có thân-hành sang Đức, khi đi có qua *Pologne* cũng được nghênh-tiếp theo phép lịch-sự thường. Ngoại-tướng Nga sang Đức làm gì, hay là để trách Đức sao lại nhận ký ước bảo-an? hay là để bảo cho Đức biết rằng Anh xử nhũn với Đức lần này, chỉ là sợ Đức kết-liên với Nga mà thôi? Các lẽ đó, chắc ngoại-tướng Đức STRESSEMANN cũng đã thừa rõ cả rồi, và biết rằng dữ-kỳ kết-liên với Nga thà rằng kết-liên với Anh còn lợi hơn. Nội-các Đức chắc cũng đã cân nhắc chán đi rồi, và thấy đồng cân không phải nặng về mặt Nga. Còn như sự giao-thiệp Pháp với Đức thì gần đây cũng

đã có ý thân-thiện hơn nhiều, như mới rồi Học-bộ Thượng-thư Pháp DE MONZIE sang chơi Berlin, thế cũng là một cách giao-hiệp đã đậm-dà rồi. Như vậy, thì giữa khi Hội-nghị sắp họp, Đức cũng chẳng ngu gì mà làm những sự cử-động khinh-suất, có tổn-hại đến cái kết quả tốt đẹp sau này.

Nói về việc Nga. — Thuộc về Chính-phủ Xô-viết Nga, lâu nay cũng không có việc gì lạ phải nói đến; duy có cái cách tuyên-truyền cổ-động của họ thời càng ngày càng tinh-xảo, càng cần cấp hơn, khắp trong thế-giới chỗ nào là chỗ có thể thi-thố được, cũng đã thấy có tay họ cả rồi. Cái chủ-nghĩa quá-khích này truyền-nhiễm sang Âu-châu đã nhiều nơi lắm, và hiện nay đã ảnh-hưởng tới Nam-Mĩ rồi. Chủ-nghĩa ấy bây giờ cũng vì như cái trùng độc mà nó có cái sức mãnh-liệt vô-cùng, nếu gặp được chỗ đất tốt thời nảy-nở bành-trướng ra, không gì cản lại được, làm cho diên-đảo cả quốc-gia xã-hội, thật là một cái nguy-hiểm to, nước nào cũng phải đặt phương-phòng-bị. Song xét ra mới rồi, ngoại-tướng Nga TCHIRCHERINE đi sang Đức có qua kinh-đô Varsovie nước Pologne, dừng lại đây thương-thuyết với Chính-phủ nước ấy, thời biết rằng chính-phủ Xô-viết ngày nay dường như đã hơi biết tỉnh-ngộ và hiểu rằng sự ngoại-giao ở Âu-châu vẫn có nhiều cái quốc-tế-qui-tắc, không ai có thể khước-bỏ đi được, và cái chính-sách cô-lập chính là cái chính-sách vô-hiệu. Ấy mới là một cái triệu-triệu như thế, phải đợi hơn nữa, chứ thế chưa đủ khái-luận được.

Nói về vấn-đề trái-khoản. — Trong khi dự-bị ký hiệp-ước bảo-an, thì ông Tài-chính Pháp CAILLAUX vẫn chuyên-chủ chính-đốn tài-chính trong nước và điều-dinh về vấn-đề trái-khoản. Ngày 16 tháng chín, ông xuống tàu sang Mĩ cùng với một phái-bộ chừng mười

người là những tay tài-chính chuyên-môn và nghị-viên Thượng-Hạ Nghị-viện. Ông đi được toàn-quyền thương-thuyết. Khi ra thảo-luận với hội-đồng ủy-viên và Thượng-thư MELLON nước Mĩ thì nghe chừng khó-khẩn lắm mà hai bên vẫn chưa được đồng-ý nhau. Nước Pháp thì xin trả nợ làm sáu mươi hai năm, chia làm hai thời-kỳ, một thời-kỳ mấy năm đầu thì xin trả nhẹ-nhẹ thôi, vì hiện còn đương cần phải chỉnh-đốn tài-chính trong nước, còn thời-kỳ sau dài hơn, thì mỗi năm xin trả tăng hơn lên, cho kỳ đến hết nợ. Nước Pháp lại xin cho hỗn-hợp các khoản « nợ chiến-tranh » với « nợ buôn-bán », và xin hoặc khi nào có xảy ra sự gì bất-kỳ thì có thể xin điều-dinh chằm-chước được. Các ủy-viên Mĩ xem ra không hợp-ý như thế, nhưng mà cái thái-độ của ông CAILLAUX rất là quả-quyết, kháng-kháng nói rằng nước Pháp bàn như thế là quá sức rồi, không thể nào làm hơn được nữa, nếu không xong thì phái-bộ Pháp đành phải về nước vậy. Thực ra thì hội Ủy-viên Mĩ chỉ phải chiều lòng Thượng-nghị viện và các bọn đại-tư-bản, đại-công-nghệ, là những tay cầm cân nảy mực cho chính-phủ cả. Còn như công-chúng nước Mĩ thì cũng chẳng thiết gì đến vấn-đề này cả. Nước Mĩ vốn giàu có, không phải cần đến tiền nước Pháp. Như vậy mà chính-phủ Mĩ cứ kháng-kháng không chịu chằm-chước cho Pháp, thật có hại cho cái tình thân-thiện của hai nước. Người Mĩ có nhiều tình tốt, nhưng mà có một cái tật là không thêm biết đến Âu-châu mà cũng khinh-rẻ Âu-châu nữa. Cái thái-độ ấy không lợi gì cho nước Mĩ vậy. Cuối tháng chín thì có tin đồn rằng việc đã điều-dinh xong. Nước Pháp thuận trả nợ làm sáu mươi tám năm, năm năm đầu thì mỗi năm bốn mươi triệu bạc, bảy năm sau thì mỗi năm sáu mươi triệu, còn năm mươi sáu năm sau nữa thì mỗi năm một trăm triệu,

nhưng mà hoặc có sự bất-kỳ và rõ ràng nước Pháp không thể nào trả được hơn nữa, thì làm-thời có thể chậm-chước giảm-dinh được.

Nói về nội - chính nước Anh. — Nước Anh tuy nhờ được giá hối-đoái cao, nhưng tình-hình kinh-tế vẫn nguy-kịch lắm. Cái họa thợ không có việc ở không, chính-phủ phải cấp tiền nuôi, lại phải trợ-cấp cho các chủ mỏ, lại thêm bọn thủy-thủ đi bẻ bãi-công, cùng các công-nghệ đình - đốn, bấy nhiêu cơ làm cho nước Anh phải xử vào một địa-vi rất khó-khẩn. Dân-tâm cũng vẫn vững-vàng, không nhiệm phải các chủ-nghĩa quá-khích, các công-đoàn đều công - nhiên tuyệt-giao với đảng cộng-sản; nhưng mà cái tình-thế thật cũng bối-rối lắm chính-phủ khó lòng mà xử-trị cho ổn được.

Nói về nội - chính nước Pháp. — Việc Ma-lac-kha gần đây đã khá. Nhờ có thống-chế PÉTAİN chủ-trương quân-sự, quân Pháp đã quay ra đánh thế công khắp cả, và đã khu-trục được quân địch ra gần khỏi địa - giới. Quân Tây-ban-nha cũng giúp sức được nhiều. Tuy chưa đến ngày giảng-hòa, nhưng mà xem ra cũng sắp tới. Kỳ trước đã nói rằng về cuối tháng chín, thống - chế LYAUTEY, làm tổng - đốc Ma-lac-kha, đã xin với chính-phủ từ chức, lấy cớ rằng già yếu không thể đương được trọng-trách nữa. Thống-chế là người đã có công chinh - phục đất Ma-lac-kha này, lại có công tổ-chức nên một nền bảo-hộ vững-vàng. Đảng thù ông thời trách ông rằng không biết khéo dự-bị đề xảy ra việc chiến-tranh như bây giờ. Kể bèn ông thì nói rằng việc này chẳng qua là việc ngẫu-nhiên, không phải lỗi tại ông, chính ông trước đã nhiều lần cảnh-cáo cho chính-phủ biết, vì chính-phủ không cho là việc quan hệ nên không cấp ngay binh-lực cho ông, đề ngăn-cản từ lúc đầu, cho khỏi diên-man ra đến như bây giờ. Dù

thế nào mặc lòng, ông xin về chuyển này vì bệnh-cổ đã đành, nhưng một phần cũng vì có người dị-nghị cái chính-sách của ông ở Ma-lac-kha vậy. Chính-phủ đã cử ông STEEG, nguyên toàn-quyền Algérie, sang thay ông.

Về việc Syrie thời tình-hình còn ám-muội lắm. Chỉ biết chắc có một điều, là toàn quân Pháp bị người Druses vây ở thành Soueïda, đã được tướng GAMELIN đánh giải vây cho ra rồi, đã đem được về hậu-quân, cũng không thiệt hại gì. Chỉ biết có thế mà thôi, còn chưa được rõ đầu đuôi ra sao cả. Chắc việc này có sự gì ám-muội ở trong, vì tổng-dốc Syrie là đại-tướng SARRAIL mới phải gọi về Paris đề tra hỏi, và chính-phủ đã phái ông thượng nghị-viên HENRY DE JOUVENEL sang thay.

Về việc nội - chính, thời quốc-dân Pháp cũng hiểu rằng hiện nay quốc-gia đa-sự, ngoài thì phải dụng binh ở hai nơi chưa xong, mà trong thời tài-chính quẩn-bách vô-cùng, nên các chính-đảng cũng không tranh-dành nhau kịch-liệt cho lắm. Nhưng mà cái vấn-đề chỉnh-dốn tài-chính khó giải-quyết quá, nội-các PAINLEVÉ trù-tính không xong, phải lui về, kế đến nội-các BRIAND, ông LOUCHEUR lĩnh bộ tài-chính được một tháng cũng không thể giải-quyết xong, phải xin từ chức đề ông DOUMER vào Cáo thay. Nhưng lần này chỉ đổi có một chân Tài-chính-tổng-trưởng mà thôi, còn cả Nội-các BRIAND vẫn giữ nguyên. Nhưng chẳng biết có được bền không?

Trong khoảng tháng chín, nước Pháp thiệt mất hai tay chính-trị trứ-danh. Hai người tính-cách khác nhau, nhưng cũng cùng là vào hạng những nhân-vật lỗi-lạc trong một nước, đã từng có công làm vẻ-vang cho nước. Hai người ấy là RENÉ VIVIANI và LÉON BOURGEOIS. Ông VIVIANI ở Nghị-viện thường chuyên-trị về các vấn-đề lao động, và

các luật bảo-hộ cho bọn công - nhân. Ông có cái tài hùng-biến rất mạnh, uyên-nguyên ở một nền cổ-học thâm-trầm; thế-lực ông ở nghị-viện rất to, cho nên chẳng bao lâu được nhập Các. Hội thế-giới ba-đạo, quốc-gia hữu-sự, tháng tám năm 1914, chính ông làm thủ-tướng đứng đầu chính-phủ nước Pháp, bấy giờ ông đã biết lấy những lời cao-hùng thống-thiết, mà tả cái tấm lòng chung của cả một nước, ai đã từng được nghe ông diễn-thuyết ở Nghị-viện về đầu tháng tám năm ấy thời cũng phải nhớ cái cảm-dộng lúc ấy sâu xa là dường nào. — Ông LÉON BOURGEOIS thời người vốn tính tình phong-nhã, học-vấn yêm-bác, lời nói chải - chuốt thanh-tao, tư-tưởng sáng-sủa rực-rỡ, một lòng thành-thực tin ở cái chủ-nghĩa cộng-hòa, ở sự tiến-bộ xã-hội, lại biết ra công ra sức cứu khổ cứu nạn cho loài người, đem một con mắt trác-kiến mà khám-phá cõi tương-lai mờ-màng; ông thật là một người tiêu-biểu rất xứng-dáng cho cái tinh-thần vừa mạnh-mẽ, vừa êm-ái, mà vừa sáng-sủa của nước Pháp. Ông thật là giốc lòng thờ cái chính-thể dân-chủ, tin rằng cõi Âu-châu cần phải tổ-chức lại theo lẽ công-bằng, lẽ bình - đẳng; trong bụng vốn hoài-bảo những cái tư-tưởng như thế, cho nên đảng cộng-hòa ở nước Pháp suy-tôn ông như một bậc thượng đẳng-cổ-văn, thượng-dãng-minh-chủ, và hội Vạn-quốc cũng coi ông như một tay chủ-dộng thế-lực vậy. — Hai ông VIVIANI và LÉON BOURGEOIS, đã mấy năm nay bị đau yếu, không dự-sự đến việc nước nữa, nên đã hầu như không có quan-hệ gì trong chính-giới ngày nay. Đến ngày nay ta-thể mới biết cái địa-vị của hai ông trong lịch-sử cận-dại nước Pháp to-tát là dường nào, và nghĩ đến sự-nghiệp hai ông lúc thịnh-

thời, không thể không cảm lòng cảnh-ngưỡng vậy.

Truyện ông Gandhi. — Trong thế-giới bây giờ, ai là người không biết tên ông GANDHI (tàu dịch là Cam-địa), ai là người không biết tiếng ông là người đứng đầu đảng cải-cách ở Ấn-độ, xướng ra cái chủ-nghĩa « bất-hợp-tác » với Chính-phủ Anh, làm chuyển-động mấy trăm triệu con người, được nhân-dân thờ như ông thánh, khiến nước Anh phải sợ mà phải kinh, bắt bỏ ngục rồi lại tha? Nhưng lịch-sử ông, ít người được biết rõ, nhất là ở bên ta, vì những sách-vở của ông làm ra cùng những sách-vở nói về ông, toàn bằng tiếng Anh cả, nước ta ít người đọc được. Đầu năm ngoái ở Paris mới xuất-bản một quyển truyện-ký ông GANDHI, đề là *Mahatma Gandhi*, của ông văn-sĩ ROMAIN ROLLAND soạn, sách ngót 200 trang, kể rõ về sự-nghiệp ông GANDHI và cái phong-trào cải-cách ở Ấn-độ. Nay xin tóm-tắt đại-khái trong sách ấy để giới-thiệu cho các bạn đọc báo biết qua về một bậc vĩ-nhân Á-châu đời nay (1).

Ông GANDHI sinh ở thành Porandar, về miền tây-bắc Ấn-độ, năm 1869. Ông theo học trường của Chính-phủ Anh từ thuở nhỏ; 17 tuổi vào trường Đại-học thành Ahmedabad, 19 tuổi sang du-học bên Anh, chuyên về luật-khoa ở trường Đại-học Luân - đôn. Năm 1891, được văn-bằng tốt-nghiệp, trở về nước, sung làm trạng-sư tòa Thượng-thẩm thành Bombay. Về phần tây-học, như thế thì ông đã học đến nơi đến chốn vậy. Nhưng ông vẫn phản-nàn rằng về phần quốc-học, về những kinh-diễn cũ của Ấn-độ, ông không được tinh-thông lắm, và thường oán sự giáo-dục của người Anh làm cho ông xao-nhãng về ngữ-ngôn

(1) Sách có bán ở hàng sách Tây Hà-nội. — Ở bên Tây thì bán tại hiệu Librairie Stock, 3 Rue n Vieux Colombier, Paris.

văn-tự của nước nhà. Về sau ông cũng có học thêm được ít nhiều, nhưng vẫn không đủ xem nổi những kinh *Véda* và kinh *Upanishad*, phải đọc trong bản dịch bằng tiếng Anh. Đó là một sự di-hảm một đời của ông.

Bấy giờ ở Ấn-độ có hai nhà chí-sĩ có tiếng, là ông DADABHAI và ông GOKHALE, đương gắng-gõ dạy dân yêu nước và ra sức bảo-tồn quốc-túy. Ông GANDHI mới đi du-học về, cảm-phục hai ông lắm và thờ hai ông làm thầy.

Ông bắt đầu mưu-toan về việc nước từ năm 1893. Sự-nghiệp ông từ bấy đến nay chia ra làm hai thời-kỳ: thời-kỳ thứ nhất từ năm 1893 đến năm 1914, hành-dộng ở Nam-Phi - châu; thời-kỳ thứ nhì, từ 1914 đến giờ hành-dộng ở ngay Ấn-độ.

Đất Nam-Phi-châu là một thuộc-địa tự-trị của nước Anh. Từ năm 1890-1891, người Ấn-độ đến làm ăn ở đây nhiều lắm, có tới 15 vạn người, nhất là ở xứ Natal và xứ Transvaal. Người da trắng ở đây đem lòng ghen-ghét, bách-hại đủ điều. Chính-phủ cũng ngược-đãi: sưu-thuế bất nặng, mà đi lại không được tự-do; lại hạ-lệnh không những cấm người Á-châu không được đến làm ăn ở đây, lại trục-xuất những người đã sang ở từ trước. Nói tóm lại là ức-chế đủ cách. Năm 1893, ông GANDHI làm trạng-sư, có người mời sang Phi-châu để cãi một cái án to. Bấy giờ ông mới biết tình-cảnh kẻ đồng-bào ông ở đây, lấy làm thương-xót vô-cùng. Xong việc, ông định ở Phi-châu để bênh-vực người Ấn-độ. Ông làm trạng-sư cũng đắt hàng, có thể phong-lưu được, nhưng thấy đồng-bào bị làm than, chính mình hằng ngày cũng bị nhục, chỉ vì sắc da không giống với họ, ông bèn hi-sinh hết cả, giấn thân cùng chịu sự nghèo sự khổ với kẻ đồng-loại mình, xướng tuyệt-giao với người da trắng, đem người mình lập đồn-diền

ở nhà quê, khuyên không nên bạo-dộng, chỉ phản đối một cách «tiên-cực», nghĩa là họ khinh-bĩ, họ hành-hạ mình, thì mình không chơi, không làm với họ nữa. Cái chủ-nghĩa «bất-dộng-tác» (*non coopération*) của ông gây ra từ bấy giờ. Ông lấy cách ôn-hòa kiên-nhẫn chống lại với người Anh như thế trong hai mươi năm, mãi đến năm 1914 Chính-phủ Nam-Phi mới chịu bãi cái lệnh cấm người Ấn-độ và cho được tự-do hơn trước.

Việc Nam-Phi đã xong, ông bèn trở về Ấn-độ. Bấy giờ các bậc tiền-bối, người thì già, người thì mất, ông có thể nhất-dân kế-nghiệp mà đứng lên chủ-trương cái phong-trào độc-lập khởi ra từ đầu thế-kỷ này. Từ ba mươi năm trước, nhờ mấy người Anh có trí sáng-suốt như G. O. HUME, SIR WILLIAM WEDDERBURN, ở Ấn-độ đã lập được một «Quốc-dân hội-nghị» (*congrès national*), hội-nghị ấy hồi đầu vẫn dè-huê với Chính-phủ Anh, về sau thấy nước Anh không đổi cái chính chuyên-chế, trong hội-nghị nổi lên một đảng quá-khích, muốn đòi hoàn-toàn-độc-lập. Năm 1914, đảng ấy mới nhóm lên mà chưa có chủ. Ông GANDHI mới ở Nam-Phi về, sẵn có cái thanh-thế lừng-lẫy, lại sẵn mang cái chủ-nghĩa «bất-bạo-dộng» (*ahimsa = non violence*) và «bất-cộng-tác» (*non coopération*) đã thi-nghiệm ở Nam-Phi đắc-lợi là đường nào, có thể tức-thì đứng lên làm lãnh-tụ đảng ấy được. Nhưng ông tự nghĩ đi vắng nhà đã ngoài hai-mươi năm, tình-thế trong nước có lẽ chưa được tường-lắm, ông chưa dám khinh-suất vội.

Hồi bấy giờ, ông chưa có chí phản-đối một chút nào. Ông vẫn còn tưởng có thể hiệp-lực được với người Anh để mưu sự cải-cách. Nên khi chiến-tranh ông sang Anh để mộ một đội lính nhà thương đi tòng-quân. Sau ông đã nói rằng: «... Cho đến năm 1919, tôi

vấn-mơ-tưởng có thể hiệp-lực cộng-lạc với nước Anh được...»

Cả dân Ấn-độ cũng mơ-tưởng thế như ông. Nên trong suốt cuộc chiến-tranh, nước Anh gọi quân-lính, mộ quốc-trái, người Ấn-độ vui lòng hưởng-ứng. Số chiến-binh công binh của Ấn-độ sang giúp nước Anh có tới 98 vạn 5 nghìn người. Khi cần đến người đến của như thế thì người Anh nói ngon nói ngọt, hứa nay mai sẽ cho Ấn-độ được tự-trị. Chiến-tranh xong rồi, đợi đến một năm cũng chẳng thấy gì. Không những không cho thêm được chút quyền-lợi gì mà tháng hai năm 1919 lại làm luật mới gọi là luật *Rowlatt* để hạn-chế những quyền tự-do đã cho từ trước. Người Ấn-độ bấy giờ mới biết rằng thiên-hạ lừa mình, một lòng công-phẫu. Đảng cải-cách nổi lên phản-đối; bấy giờ hai nhà chí sĩ GOKHALE và TILAK mới mất cả. Ông GANDHI phải công-nhiên ra chủ-trương sự phẫu-đối.

Sự phản-đối này là một cách phản-đối đặc-biệt, tưởng cò-kim chưa từng thấy bao giờ. Phản-đối bằng cách ôn-hòa, phản-đối bằng lòng bác-ái. Ông GANDHI vốn là một nhà tôn-giáo, vì tình-thể bách mà phải mưu việc chính-trị, nên cách ông vận-động có khác các nhà chính-trị thường. Mà cách ấy xét ra lại rất hợp với tình-tình người Ấn-độ, hợp với tình-tình cả người Đông-phương nữa. Ông nói rằng: Mục-dịch của người Ấn-độ là phải làm thế nào giải-thoát cho nước Ấn-độ, giải-thoát về đường chính-trị, nhưng cốt nhất là giải-thoát về đường tinh-thần. Vì cái hà-chính của người Anh ở Ấn-độ chẳng qua là một trạng-thái của cái văn-minh Tây-phương, văn-minh ấy mới thật là đại-cừu-dịch của mình. Văn-minh ấy chỉ biết trọng máy-móc, đem cái máy vô-hồn mà giày-séo cả loài người. Nay muốn phẫu-đối lại,

không thể dùng cách bạo-động được vì cách bạo-động không giải-quyết việc gì bao giờ. Cái văn-minh kia nó đã ác-hại như thế, giống người kia họ đã hiềm-độc như thế, chỉ bằng ta đoạn-tuyệt quan-hệ, ta không gần, không theo nữa. Ta quay về sống theo lối cũ của ta để bảo-toàn lấy tinh-mệnh.

Ông khởi-hành phản-đối ngày 23 tháng 3 năm 1919, đình đến ngày mùng 6 tháng 4 thì suốt các hạng người trong toàn-hạt Ấn-độ đình-công nghỉ hết và ăn chay cầu-nguyên (tiếng Ấn-độ gọi là *hartal*, nghĩa là đình-công). Ngày ấy, suốt trong nước theo rầm-rập, không đâu xảy ra sự gì bạo-động, chỉ trừ ở *Delhi* có xô-sát một đôi chút mà thôi. Ông GANDHI liền tự *Bombay* ra *Delhi* để hiểu-dụ dân, đi nửa đường, Chính-phủ cho bắt ông đem về *Bombay*. Được tin ông bị bắt, trong hạt *Punjab* người dân nổi lên nhao-nhao. Ở *Amritsar* có xảy ra mấy việc giết phá, Chính-phủ thừa cơ sai nguyên-soái Dyer đem quân đến đóng. Nhân ngày 13 tháng 4 có hội, nhân-dân họp đông ở nơi gọi là *Jallianwalla Bagh*, nguyên-soái đốc-quân đến, truyền bắn vào giữa đám đông trong mười phút đồng-hồ, đến hết đạn mới thôi. Sáu trăm người bị chết, còn bị thương vô kể. Chính-phủ cố gìm truyền ấy đi cho ngoài không biết, sau cũng tiết-lộ ra, thiên-hạ lấy làm căm-tức vô-cùng. Dân-khí bấy giờ tưởng khó lòng nén lại được. Nhưng ông GANDHI hết sức khuyên không nên bạo-động cứ bình-tâm mà đợi sự chết, ấy là mới chết có ngọt nghìn người, chứ giá chết đến mấy vạn kẻ vô-có nữa, cũng cứ sẵn lòng mà hi-sinh, cho thế-giới biết gan người Ấn-độ thế nào. Mà thế-lực ông mạnh đến nỗi khiến được dân phải phục theo, nuốt giận mà cầm lòng.

Thế-lực ấy lại nhân một việc như sau này nữa càng thêm mạnh lên nhiều

lắm. Nguyên ở Ấn-độ có một phần dân tới 60 triệu người theo đạo Hồi. người đi Hồi-giáo và người theo đạo gốc trong nước (gọi là đạo Ấn-độ = *Hindouisme*) vẫn ác-cảm với nhau. Nhưng Hồi-giáo hay Ấn-độ-giáo đều oán người Anh cả, song từ trước hai bên vẫn không hiệp-lực với nhau để cùng vận-dộng. Ông GANDHI khéo đề-huê với lãnh-tụ đảng Hồi-giáo là hai anh em họ ALI, từ đấy hai bên đoàn-kết với nhau để mưu việc nước.

Bấy giờ thanh-thế ông GANDHI to quá, dân phục ông như ông thành, thường gọi ông là *Mahatma*, nghĩa là « thành-nhân ». Ông giữ cái đạo nhân-nhục, từ-bi, bần-hàn, khổ-hạnh, ăn ít, uống ít, mặc áo vải, đi chân không, dân chúng lại càng cảm nể.

Chính-phủ Anh trước còn cho ông là người cuồng, sau càng ngày càng thấy sợ, cũng muốn bắt ông bỏ ngục, đem ông đi đày, nhưng sợ dân nổi loạn, vả cũng không có cơ gì bắt được, vì trước sau ông vẫn khuyên dân đừng bạo-dộng.

Ngày mồng 1 tháng 8 năm 1920, ông tuyên-bố cái chủ-nghĩa « bất-cộng-tác » của ông; hôm trước là ngày 31 tháng 7, ông truyền cho dân phải làm *hartal*, nghĩa là đình-công, ăn chay và cầu-nguyện để sắp sẵn.

Chủ-nghĩa bất-cộng-tác bắt đầu thi-hành có tám điều :

1° Người Ấn-độ phải trả lại hết những chức-tước và huy-chương của người Anh cho ; 2° Không nên quỳen quốc-trái ; 3° Không nên đến kiện-cáo ở tòa án, việc phân tranh phải hòa-giải với nhau ; 4° Không nên cho con em học các trường Chính-phủ ; 5° Không nên tham-dự các hội-đồng cùng hội-nghị của Chính-phủ ; 6° Không nên tham-dự các chức-quyền của Chính-phủ, cũng không nên dự các hội-tiệc của Chính-phủ ; 7° Chính-phủ bỏ cho chức

quan văn quan võ gì không nhận ; 8° Phải truyền bá cái chủ-nghĩa Ấn-độc-lập (*Swadeshi*).

Về đường kinh-tế thì ông truyền rằng người Ấn-độ không được dùng được mặc những vải lụa của nước Anh đem sang bán, phải « tẩy-chay » các đồ ăn-mặc ngoại-quốc mà nhà nào nhà nấy phải bắc khung cửi dệt vải theo lối cũ. Trong có mấy tuần mà suốt Ấn-độ dặt ra không biết mấy mưới vạn cái khung-cửi. Ông nói rằng : « không có tiếng đàn tiếng hát nào vui vẻ bằng tiếng canh-cửi ở trong nhà ». Ông không những truyền « tẩy-chay » đồ ngoại-hóa mà lại truyền đem đốt cả vải-sợi tơ-lụa của ngoại-quốc ; tháng 8 năm 1921 ở *Bombay*, bắt thành đồng ở ngoài đường, đốt ngàn-ngục như đình-liệu. Có người trách ông làm thế không khỏi bạo-dộng, ông trả lời rằng ông đem sự bạo-dộng đối với người mà đối với đồ-vật để tiết cái lòng công-phần của quốc-dân.

Thủy-chung ông vẫn ngăn-cấm sự bạo-dộng, nhưng lòng công-phần trong dân-gian như nước triều, khi đã dâng lên khó lòng cản lại được. Cho nên dầu cái thế ông có mạnh, mà là cái thế nguy-ngập vậy.

Bạn ông là ông RABINDRANATH TAGORE, cũng là một bậc chí-sĩ nhiệt-thành yêu nước, lại là một tay đại-văn-hào có tiếng khắp thế-giới, khi ông GANDHI khởi ra cái phong-trào phản-đối ấy thì vắng ở Ấn-độ, đương du-lich Âu-châu. Cái chủ-nghĩa của ông TAGORE có khác chủ-nghĩa ông GANDHI. Ông TAGORE là một nhà văn-học, không phải là nhà chính-trị, cũng không phải là nhà tôn-giáo. Ông cho rằng phạm vận-dộng về đường chính-trị là hư-hỏng cả ; phải vận-dộng về đường văn-hóa. Văn-hóa của Táv-phương thiên về vật-chất, về máy-móc, ấy khuyết-diêm là ở đó, nhưng vốn có cái sức mạnh-bạo-vô-

cùng, nếu khéo điều-hòa với văn-hóa Đông-phương thì thành một nền văn-minh tuyệt-dịch. Ông tin như thế, nên ông sang du-lịch Âu-châu để cổ-dộng về sự dung-hòa hai cái văn-hóa. Nhưng khi ông chủ-trương sự Á-Âu cộng-tác như thế thì ông GANDHI ở nhà lại xướng chủ-nghĩa bất-cộng-tác, hai đảng thật là khác nhau vậy.

Tháng 8 năm 1921, ông TAGORE về nước, thấy cái phong-trào bất-cộng-tác đương thịnh-hành rất dữ, ông biết rằng ông GANDHI lầm, biết rằng cái thể ông GANDHI nguy-ngập, dầu bề ngoài xướng không bạo-dộng, mà cái mầm bạo-dộng ở trong, không tài nào ngăn được. Ông bèn ra sức can ông GANDHI, trong mấy tháng trời hai tay kiệt-sĩ Ấn-độ tranh-biến nhau trong hai cái tạp-chí, tạp-chí *Modern Review* của ông TAGORE và tạp-chí *Young India* của ông GANDHI, một người đứng về phương-diện triết-học văn-học, một người đứng về phương-diện chính-trị tôn-giáo, hai người cùng phục nhau mà không ai chịu ai. Một nhà tư-tưởng, một nhà hành-dộng, hai bên khó lòng mà hòa-hợp nhau được. Mà nhà hành-dộng đối với công-chúng bao giờ cũng có thế-lực mạnh hơn nhà tư-tưởng chỉ một số ít người cao-thượng biết cảm biết phục mà thôi.

Thế-lực ông GANDHI càng mạnh bạo nhiều thì Chính-phủ Anh lại càng coi ông như cái danh trong mắt. Hai anh em họ ALI là lãnh-tụ phái Hồi-giáo đã bị bắt và tổng-giam rồi. Trong dân-gian thời chỉ nhao-nhao muốn khởi-loạn, ông hết sức ngăn-cấm, nhưng không tài nào khởi xảy ra ít nhiều sự bạo-dộng ở một vài nơi. Chính-phủ chỉ chực có cơ đề mà bắt ông. Tháng hai năm 1922, ở *Chauri-Chaura*, trong hạt *Gorakhpur*, nhân có rước thần, cảnh-binh với công-chúng xung-dột nhau, cảnh-binh bắn vào công-chúng, công-chúng đuổi đến tận trại cảnh-sát, vây đốt, chết mất

nhiều người. Ông GANDHI được tin đó lấy làm ăn-năn hối-hận vô-cùng, vì đã can dân dùng bạo-dộng mà dân không nghe. Ông bấy giờ đương sắp định hạ-lệnh truyền cho dân « không phục - tổng chính - phủ » (*désobéissance civile*), nhưng được tin ấy ông hoãn lại ngay, vì sợ dân đương nóng-nảy lại làm-dùng sự ấy mà thành ra bạo-dộng nữa chẳng. Nhưng nhân việc *Chauri - Chaura*, Chính-phủ đã có cơ mà bắt ông vậy. Ông vẫn biết rằng sớm trưa thế nào ông cũng bị bắt. Ông đã dặn sẵn đồ-đề, nói rằng : « Tôi muốn cho ngày nào tôi phải bắt, dân nên vui-vẻ ăn mừng. Chính-phủ họ tưởng rằng bắt được GANDEI là xong chuyện Ấn-độ. Dân ta phải tỏ cho họ biết rằng không phải thế, phải tỏ cho họ biết cái gan người Ấn-độ ! »

Chiều ngày 10 tháng 3 năm 1922, cảnh-sát đến bắt ông ở học-viện *Ashram*, là trường đại-học ông lập ra ở gần thành *Ahmedabad*. Ngày 13 tháng 3 đem ông ra xử ở tòa án *Ahmedabad*. Chính-phủ tố-cáo ông về tội làm bạo-giục dân khởi-loạn và trích mấy đoạn trong tạp-chí *Young India* của ông để làm chứng. Mấy đoạn ấy lời-lẽ cũng kịch-liệt thật. Quan chương-lý kẻ hết tội-trang của ông rồi, ông đứng lên nhận hết, nói rằng : « Bao nhiêu tội, tôi nhận cả. Tôi biết rằng tôi làm sự phản-đối này như đùa trẻ chơi lửa, tất có ngày bỏng tay. Tôi biết sự nguy-hiểm mà tôi cam chịu nguy-hiểm. Nếu bây giờ tôi được tha, tôi lại làm thế nữa... Đối với pháp-luật của các ngài, việc tôi làm là một tội, đối với lương-tâm tôi thì là nghĩa-vụ thứ nhất của người dân... Các ngài là quan tòa, các ngài chỉ có một là làm tội tôi, hai là từ-chức mà về mà thôi... »

Ông Chánh án tên là C. N. BROOKS-FIELD, người khoan-dung đại-dộ lắm, trong sách nói rằng cái cách ông xử án bữa ấy, « trong một ngày đủ chuộc được

lạm tội cho Chính-phủ Anh. » Khi kết án, ông nói với ông GANDHI rằng : « Ông GANDHI, các tội ông nhận cả, thế là ông làm cho việc tôi nhẹ được một phần. Nhưng làm quan thẩm-phán không gì khó bằng kết một cái án cho công-bằng ... Không ai có thể không công-nhận rằng ông đối với mấy triệu con người là một tay lãnh-tự có thể-lực, là một nhà ái-quốc rất nhiệt-thành. Dầu người không đồng-y với ông về đường chính-trị, cũng phải coi ông là một người cao-thượng, một người đạo-đức, có kẻ cho là một bậc thánh-nhân... Nhưng cái nghĩa-vụ tôi là chỉ xử ông đối với pháp-luật mà thôi... Tôi tưởng không có mấy người ở đất Ấn-độ này là không thành-thực tiếc rằng cách ông hành-động đã làm cho một chính-phủ không thể dễ cho ông được tự-do. Nhưng mà sự-thế đã như thế rồi. . Tôi cũng muốn làm thế nào cho cái lòng riêng tôi kính-phục ông với sự ích-lợi chung của Nhà nước, hai bên được cân nhau... »

Ông chánh án nói thế rồi, hỏi ý ông GANDHI ưng chịu tội nào ; mười hai năm trước ông TILAK cũng phải án sáu năm tù, ý ông có bằng lòng như thế không ? Ông chánh án lại nói thêm rằng : « Hay là ông cho tội ấy nặng quá ? ... Nếu có thể chàm-chước tình-thể mà giảm bớt hạn ấy đi, thì thật không ai vui mừng bằng tôi đây... » — Có bao giờ một ông quan tòa nói với người bị-cáo như thế không ?

Ông GANDHI trả lời rằng ông được xử cũng tội với ông TILAK năm trước, ông thật lấy làm vẻ-vang. Quan tòa xử ông như thế, thật là nhẹ quá, ông xin cảm ơn...

Tưởng trong lịch-sử ít bao giờ có một cái án cao-thượng như thế ; thật là một cái án đáng truyền vào sử-sách đến mãi mãi về sau vậy.

Giá một năm trước mà ông phải kết án giam như thế thì trong dân tất nhao-

nhao nổi loạn lên. Nhưng nay án ông tuyên-bố ra, suốt trong cõi Ấn-độ ai ai cũng lắng-lặng nghiêng rặng mà chịu, dễ cổ theo lấy lời giáo huấn của ông rằng phải nên nhẫn-nhục chịu sự cực-khổ, tức là một cách hi-sinh cho nước.

Người Ấn-độ theo lời dạy ông nhẫn-nhục chịu khổ và khinh sự chết, thậm đến thế này. Ở gần thành Amritsar có một bọn người Sikhs mới lập lên một phái đạo mới, gọi là phái Akalis. Phái này phát-nguyên đi « khai-quang tây-uế » cho các đền-diện. Những đền-diện ấy phần nhiều có bọn thủ-tự làm cái nghề buôn thánh bán thần. Người Akalis đi đến đâu đuổi bọn thủ-tự đi để chiếm lấy diện. Chính-phủ bèn hạ bọn thủ-tự, cho cảnh-binh đến giữ hộ. Phái Akalis là một phái theo chủ-nghĩa « bất-bạo-động » của GANDHI. Một nghìn người đóng ở cạnh diện Guru-ka-Bagh, bốn nghìn người đóng ở « Đền vàng » thành Amritsar. Mỗi ngày cứ một trăm người trong bọn bốn nghìn ấy thề-nguyện đi tự Đền-Vàng cho tới được diện Guru-ka-Bagh, không thời đến chết ở tay cảnh-binh hay là đau đòn dừ-tử mới chịu khiêng về. Trong bọn một nghìn người cứ ngày ngày 25 người thề-nguyện làm thế. Linh cảnh-sát Anh đứng chực sẵn ở đầu cầu, mang những cây giáo dài có đầu sắt. Cứ ngày nào cũng hai bọn Akalis tiến lên đứng trước cảnh-binh, sừng-sững dấy, không nói-năng, không động-dậy, chỉ làm-nhằm cầu nguyện. Cảnh-binh giờ giáo ra đâm, nhiều người bị trọng-thương ngã lăn ra, chúng giãy sèo. Không hề nghe thấy một tiếng kêu tiếng khóc nào. Ngày nào cũng thế cho kỳ hết số người mới thôi. Ấy cái sức nhẫn-nhục đến như thế, phỏng có ghê không ?

Ông GANDHI bị kết án tổng-giam ngày 18 tháng 3 năm 1922. Hạn tội là 6 năm, nhưng đầu năm 1924, Chính-phủ Anh thấy dân-tình uất-phẫn, đã tha cho ông ra rồi.

Từ khi được tha, ông dau yếu không trực-tiếp can-thiệp đến việc nước nữa.

Đàn : quốc-dân vào tay ông DAS làm lãnh-tự.

Ông DAS là một tay chính-trị, không phải là một nhà tôn - giáo như ông

GANDHI. Ông DAS người khôn-ngoa và có tài-luợc lắm. Đối với Chính-phủ Anh, khi thời dề-huê, khi thời phản-đối, tùy cơ - hội mà đổi phương-châm. — Mới đây có tin ông DAS mới tạ-thế, chưa rõ ai lên đứng đầu đảng quốc-dân.

Việc trong nước

Bài diễn-thuyết của quan Toàn-quyền Varenne ở Hội-đồng Chính-phủ. — Trong bài diễn-thuyết của quan Toàn-quyền VARENNE ở Hội-đồng Chính-phủ vừa rồi, tuy nói rằng chưa phải là một cái chương-trình chính-trị, nhưng đã bày-tỏ ra đại-khái chính-kiến của ngài thế nào.

Kể hoài-nghĩ thời nói rằng bất-quá đó lại là một bài diễn-thuyết mới nữa, để thêm vào vô-số bài diễn - thuyết đã tràn-hủ từ trước đến giờ, và rồi sau này để cũng chẳng có hiệu-quả gì đâu.

Kể sành-sỏi thời đoán rằng ông VARENNE rồi cũng chẳng thi-thố gì đâu, chẳng qua chỉ dụn cái mưu nói phiếm cho người An-Nam mắc lừa, rồi chẳng có thi-giờ, và chẳng có phương-cách làm được việc gì mà mong ; dầu có chỉ muốn làm, cũng gặp sự ngăn-trở mà không làm được.

Những người nói như thế, chẳng biết thực hư thế nào, sau này sẽ rõ. Quan Toàn-quyền đã nói với dân hăng cứ tạm tin ở ngài xem thế nào. Dân ta đây không những tạm tin mà lại giốc lòng tin nữa. Ta cứ đợi xem rồi thi-thố ra làm sao. Chắc không nở nào làm cho chúng ta phải thất-vọng.

Nay hãy xét kỹ bài diễn-thuyết của ngài ở Hội - đồng Chính-phủ và xem cái đại-cương phép chính-trị đối với quốc-dân ta thế nào. Lời-lẽ bài diễn-thuyết ấy thì cần-thận lắm, nhưng cũng tuyên-bố được nhiều điều quan-trọng, quốc-dân ta nên biết mà nhớ lấy.

Đọc bài diễn-thuyết ấy thì biết cái chủ-ý của quan VARENNE một bên thì không muốn mất lòng người Tây ở đây, một bên thì cũng muốn chiều lòng người bản-xứ nữa. Địa-vị ấy kể cũng hơi khó. Không phải rằng lợi - quyền người Tây người Nam có hẳn là trái ngược gì nhau và không có phương-kể gì điều-hòa được đâu. Nhưng mà thường-thường ở đây hễ có quan Toàn-quyền nào tuyên-bố ra cái chính-sách gì rộng - rãi cho người bản-xứ, thời phải thực-dân Tây vẫn lấy làm bất-bình, dường như sợ phạm đến oai-quyền của Đại-Pháp vậy. Đó cũng là một cái thiên - kiến, nhưng cái thiên-kiến ở trong thường-tình người ta, không lấy gì làm lạ. Tuy vậy mà quan Toàn-quyền cũng phải châm - chọc, nên lời tuyên-bố rất cần-thận.

Trong bài diễn-thuyết của ngài có đoạn quan-hệ riêng đến người An-Nam ta, là đoạn đề là « Cái chính-sách mai sau này » (*La politique de demain*), tiếng « mai sau » đây thiết-tưởng phải hiểu nghĩa là ngay nay mai này, chứ không phải về tương-lai còn xa vậy. Nay xin tóm-luợc đoạn ấy như sau này.

Trước hết tuyên-bố một điều rõ-ràng rằng : Cái chính-sách thuộc - địa của nước Pháp ở Đông-Á cần phải sửa đổi lại cho thích-hợp với tình-thế mới. Thế là chính-sách ấy hiện nay chưa hoàn-toàn. Vậy thời phải nên cải-lương, mà tưởng cũng cần phải cải-lương ngay. Nay có những điều - khoản gì có thể cải-lương được ngay tức-khắc ?

Thuộc về sự học, thời quan VARENNE nói rằng cứ hiện-tình có điều thiếu-thốn và có điều sai-lầm; thiếu-thốn là thuộc về bậc tiểu-học, hiện nay còn nhiều con trẻ trong nước chưa được học, vì không có trường, vì không có thầy; sai-lầm là thuộc về hai bậc trung-học và đại-học, bậc trung-học thì trước đặt ra cái bằng « tú-tài bản-xứ », là một hạng « tú-tài giảm giá », không được công-nhận ở bên Pháp, còn « Đại-học » thời đặt ra cái tên ấy chẳng qua để cho trảng quan-chiếm và huyễn-diệu dân nước này hay thích những sự hư-danh. Ý quan VARENNE là muốn hết sức khoáng - trương bậc tiểu-học, chịu phí-tồn để cho được thật nhiều con trẻ có chỗ mà học. Còn về phương-pháp dạy học thời ngài công-nhiên ưng cái cách dùng tiếng An-Nam để dạy bậc tiểu-học, lấy tiếng Nam làm tiếng chính, tiếng Pháp làm tiếng phụ. Hôm tiếp ở Sài-gòn các thân-hào Lục-tỉnh lên chào mừng ngài và trình ngài tập thỉnh - cầu của dân, nói đến vấn-đề tiểu-học bằng quốc-ngữ, ngài nói rằng: « Giá thừa nhờ tôi đi học trường tiểu-học ở làng tôi mà có ông thầy Việt-Nam dạy cho tôi các môn bằng tiếng An-Nam cả, thời có lẽ địa-dư tôi cũng không hiểu mà lịch-sử tôi cũng không thuộc; tôi chỉ biết võ-vê được giã ba tiếng An-Nam mà thôi. » Cách dùng tiếng Nam làm tiếng chính trong bậc tiểu-học, tuy có người Pháp phản-đối, đồ cho những người An-Nam dè-xướng cách ấy là có cái dã-tâm muốn giữ lấy « chuyên-quyền » học tiếng Pháp một mình, — tức cũng như có kẻ đương muốn chiếm lấy độc-quyền bán nước mằm vậy! — Nhưng thật là một phương-pháp hợp lẽ và rất chánh-dáng. Quan Toàn-quyền mới ở bên Pháp sang, cứ lấy lẽ phải, cứ lấy bình-tình, không có bụng thiên-ý gì, công-nhiên phán-đoán cho phép đó là phải, thì đủ biết cái chính lý nó đã rõ-ràng vậy. — Thuộc về trung-học cần phải sửa-đổi cho thích-hợp với

bản-xứ, mà không mất cái trình-độ, cái giá-trị một bậc trung-học xứng-dáng. Dân An-Nam phải có một nền trung-học đích-dàng, đủ có tinh-cách đào-tạo cho kẻ thanh-niên trong nước, chứ không phải là một lối học già-đối hình như đặt ra để tạm thay, chính người học cũng đem lòng rě-rùng và coi như một kẻ bất-dắc-dĩ vậy. Quan Toàn-quyền nói rằng vấn-đề này là một vấn-đề giáo-dục không phải không phiên-phức, ngài sẽ truyền cho nghiên-cứu ngay nay mai. Về phần bản-chỉ rồi cũng sẽ bản-tường về vấn-đề ấy và xét xem cách giáo-dục ở bậc trung-học phải thế nào cho thích-hợp với quốc-dân ta — Thuộc về bậc cao-dẳng, thời quan Toàn-quyền nói rằng trong các trường cao-dẳng có hai trường là trường Luật và trường Thuộc, ngài sẽ liệu đặt cho thành trường Đại-học hoàn toàn (*Véritable faculté*), bằng trình-độ các trường Đại-học bên Pháp, và cũng ban-cấp các văn-bằng cho học-sinh đủ lối như bên Pháp. — Thuộc về các trường kỹ-nghệ thời sẽ sửa-đổi cách dạy học cho thực-dụng để đào-tạo lấy những tay nhà nghề có đủ tư-cách quản-đối cho nhân-công trong nước.

Quan Toàn-quyền không nói đến vấn-đề các trường tư-thục, là một vấn-đề trong nước ta hiện nay đương nghị-luận lắm, nhất là từ khi mới thi-hành cái luật-lệ mới, hạn-chế các trường tư-thục, thật là phiền-bã cho dân quá. Thuộc về vấn-đề này, rồi bản-chỉ cũng sẽ bản-sau.

Về các hội-nghị cho người An-Nam được rộng quyền bàn-bạc việc nước, quan Toàn-quyền cũng không nói tường. Ngài chỉ tỏ cái ý ngài muốn sửa-đổi cho rộng-rãi, nói rằng cái chủ-nghĩa bình-sinh của ngài vẫn là muốn cho dân được rộng quyền, ai cũng đã biết. Ngài sẽ nghiên-cứu, ngài sẽ trù-tính những kế-hoạch thế nào cho lòng nguyện-vọng của dân có cách mà đạt-đạt cho được dễ-dàng, và cho được

thành thực. Hiện nay, ngài tuyên-bố có thể mà thôi. Cũng không nói gì đến sự cải-cách Hội-dồng Chính-phủ cả.

Đến vấn-đề cho người An-Nam được sung các quan-chức, thời quan Toàn-quyền nói quả-quyết lắm, ngài công-nhiên hứa với quốc-dân ta, không những hứa mà dường như cam-doan với ta nữa. Lời ngài nói đây quan-trọng lắm, chúng ta phải nên định-ninh mà nhớ lấy. Ngài nói rằng : « Tôi cho rằng người bản-xứ, hễ khi nào cũng có bằng, cũng thi đỗ như người Tây, thời cũng có thể sung vào các quan-chức như người Tây được » (trừ có mấy chức cao trực-thuộc về Mẫu-quốc thì không kể, và trừ về khoản lương-bổng nên kém người Tây một chút, vì người Tây từ Mẫu-quốc sang đây phải hậu-dãi một chút.) Đó là một điều công-bằng chính - đáng, xưa nay chúng ta vẫn yêu-cầu mãi-mãi, bây giờ mới được. Nói tóm lại là từ nay người Nam cũng như người Tây : tư - cách bằng nhau, địa-vị bằng nhau ; địa-vị bằng nhau, lương-bổng bằng nhau ; không phân-biệt gì chủng-loại cả. Có thể mới phải chứ, nếu cứ như trước thì ưc người ta quá. Có người Nam ta học bên Tây cũng đỗ kỹ-sư, cũng đỗ tiến-sĩ như người Tây mà về đây không vào làng Tây thì chỉ làm những công-việc hạ tiện ở dưới quyền người Tây, không bao giờ được bằng-dẳng. Mà vào làng Tây thì là bỏ nước mình, người có lương-tâm, không ai nỡ thế. Từ giờ, nếu có đủ tư-cách, đủ bằng-cấp, cũng được làm công-việc như người Tây, không phải kém chút nào, mà vẫn giữ được quốc-tịch mình. Chính-phủ gần đây vất lo rằng người An-Nam xin vào làng Tây nhiều quá, nay được như thế thì chắc không mấy người xin nữa.

Nay nói đến mấy cái quyền tự-do cốt-yếu mà người mình bấy lâu nay vẫn yêu-cầu mãi mãi : tự-do lập-hội, tự-do họp-tập, tự-do ngôn-luận và làm báo bằng tiếng An-Nam. Bấy nhiêu quyền tự-do, thì chưa cái nào hứa cho cả, có

lẽ bởi xét ta chưa đủ tư-cách mà hưởng được xứng-dáng chẳng. Nhưng mà từ nay trở đi, những đơn xin lập-hội, những đơn khai họp-tập, Nhà nước sẽ rộng xét, và lẽ kiểm-đuyệt báo bằng quốc-ngữ cũng sẽ cho nới hơn trước nhiều. Phàm những ý-kiến bày tỏ ra, sẽ cho được rộng-rãi, chỉ ngăn-cấm những điều trái với luật-pháp mà thôi. « Như thế thì lẽ kiểm-đuyệt không phải là một sự ngăn-trở, mà chính là một cách phòng-bị cho nhà báo vậy. » Quan Toàn-quyền lại nói rằng : « Vả cũng không nên hiểu lầm ý chính-phủ. Chính-phủ cho nói quyền ngôn-luận là để thi-nghiệm xem thế nào. Sự thi-nghiệm ấy thành-công hay không là ở tự các nhà ngôn-luận An-Nam vậy. » — Vậy thời dám khuyên các bạn đồng nghiệp ta nên khéo dùng cái quyền tự-do còn nhỏ hẹp bây giờ để mong có ngày được hưởng quyền tự-do rộng rãi hơn.

Quan Toàn-quyền muốn thi-hành một cái chính-sách yên dân-tâm, nên ngài định sau này sẽ rộng ân-xá cho những người phải tội quốc-sự-phạm. Hiện ngài đã thi-hành cái chính-sách ấy rồi đó, vì ngài vừa mới ân-xá cho ông Phan Bội-Châu, phải tòa án Đệ-hình xử tội khổ-sai chung-thần. Quốc-dân ta được biết sự cử-dộng khoan-hồng quảng-dại của ngài đó, ai cũng lấy làm cảm-tạ vô-cùng. Lại cảm-phục ngài lắm nữa, vì biết rằng việc này có nhiều người Tây không đồng-ý với ngài, không ưng tha cho ông Phan, ngài phải lấy lòng quả-quyết mà chống-cự mới làm được.

Lại cũng vì một cái chủ-ý yên dân-tâm, thiếp dân-vọng đó, nên ngài định sửa lại cách biên-chế các tòa án, cốt để cho tiết cái thói « xử án theo chủng-tộc » (*justice de race*), như mới đây có mấy cái án xử người Tây và người ngoại-quốc giết chết người An-Nam chỉ phải tội án treo, thật là thiên-vị quá đáng. Ngài định thứ nhất sửa đặt lại bộ « bồi-thẩm » (*le jury*). Ngài nói

rằng: « Khi có cái án nào có quan-hệ đến người An-Nam, thời cứ chính-lý, tòa án phải có người bồi-thẩm bản-xứ mới phải. Quan Chánh án là người Tây, mã bộ bồi-thẩm thời một phần là người Tây, một phần là người Nam, thời kẻ đương-sự thuộc về dân An-nam mới có cách phòng - bị chính-dáng được. »

Sau hết nói về luật xã-hội thời quan Toàn-quyền nói rằng hiện nay Nam-kỳ đã được hưởng cái quyền tự-do lập các hội đồng-nghiep (*droit syndical*), quyền ấy sẽ rộng cho cả các xứ khác cũng được. Còn về luật bênh-vực cho kẻ thợ-thuyền lao-động, thời ngài cũng đương cho nghiên-cứu để biên-tập lấy những luật-lệ thật là thích-hợp với phong-tục người dân bản-xứ.

Ấy đại-khai những lời tuyên-bố của quan Toàn-quyền VARENNE có quan-hệ đến quốc-dân An-Nam ta, nói tóm-tắt như trên đó. Chắc có người chưa lấy làm mãn-nguyên. Lại có người cho rằng bấy nhiêu điều dấu cho thi-hành được cũng không-kết-quả gì to-tát cho lắm, cái lòng quốc-dân ta câu-vọng ở một quan Toàn quyền thuộc về đảng xã-hội còn to hơn nhiều. Ý-kiến chúng tôi không thể. Trên kia đã nói rằng cái địa-vị quan VARENNE có điều khó là đương nào, nhất-diện thời phải chăm-chước với cái tình hẹp-hòi của phái thực-dân Tây ở đây, hề muốn làm điều gì rộng-rãi cho người bản-xứ thì họ không bằng lòng, họ chực phản-đối, nhất-diện thời cũng muốn chiều lòng người An-Nam. Nếu ta cũng lại muốn yêu-cầu quá thì càng làm cho cái địa-vị ngài thêm khó xử. Ta phải hết-sức mà tán-trợ ngài. Ấy sự lợi-ích của ta là đó, mà cái nghĩa-vụ của ta cũng đó. Vậy ta cũng nên cầu - nguyện cho quan VARENNE ở bên nay được lâu để thi-hành được hết các điều ngài đã hứa vậy.

Người Nam ta nên lập một chính-đảng lớn. — Trên kia nói rằng

người An-Nam ta nên hết sức tán-trợ cái chính-sách khoan - dung rộng-rãi của quan Toàn-quyền VARENNE, đó là sự lợi-ích cho ta, đó là cái nghĩa-vụ của ta. Nhưng mà ai là người chủ-trương sự tán-trợ ấy, mà tán-trợ ra cách thế nào cho đủ có thể lực chống lại với phái thực-dân kia, chứ không phải là chỉ a-dua hão mà thôi? Nước ta có nhiều người thật, nhưng khác nào như một đám quân ô-hợp, không thành đoàn-thể gì cả. Vả nói cho thực, cũng ít người có tư-tưởng về chính-trị. Ngay trong bọn thượng-lưu học-thức cũng thế, chứ đừng nói đến hạng bình-dân. Có được người nào thời rời-rạc, kháng-tăng, không có đồng-tâm hiệp-lực mà mưu tính việc ích lợi chung. Thành ra rút lại không có ảnh-hưởng gì đến việc dân việc nước cả. Thậm-chi cả nước cũng không có được một nền dư-luận xứng-dáng, không trách người Tây họ không coi mình ra gì cả, và may được ông Toàn-quyền có bụng mở-mang cho người mình, cũng không chắc có thể ỷ vào người An-Nam mà làm được công-chuyện gì không. Ta phải tỏ cho người biết rằng dân ta ngày nay không phải là một đồng cát rời nữa, đã có một bọn thượng-lưu nhiệt-thành sẵn-sóc đến việc nước, đã có một cái dư-luận đủ có thể-lực làm hướng-đạo cho quốc-dân. Xem như lòng dân đối với việc ông Phan Bội-Châu mới rồi thì đủ biết dân-khí ta ngày nay không đến nỗi ủy-mỉ như trước nữa. Nay phải làm thế nào mà nuôi lấy cái dân-khí ấy, kết-tập cho nó thành một cái sức mạnh để giúp cho Chính-phủ Bảo-hộ trong sự-nghiệp khai-hóa cho quốc-dân ta? Chỉ có một cách, là bao nhiêu người tri-thức trong nước họp nhau lại mà lập lên một chính-đảng lớn, trước là để nghiên-cứu cùng cõ-động những việc ích-quốc lợi-dân, sau là để vận-động yêu-cầu với Chính-phủ mở-mang rộng-rãi cho ta, và mỗi khi Chính-phủ thi thử điều gì ích-lợi cho nhất-ban quốc-dân thời hết sức tán-trợ.

Hiện nay Chính là một cái cơ-hội vô-song đây. Quan Toàn-quyền VARENE là một tay linh-tu một dân-đảng lớn bên Đại-Pháp, chính-kiến vốn là rộng-rãi khoan-dung, Chính-phủ Pháp sợ dân ta nhieu vào nhữn, chủ-nghĩa cực-doan quá-khích, phải ngai sang là để thu-phục dân-tâm, ngai sẵn lòng muốn cải-cách nhiều việc cho chúng ta được nhờ. Nhưng mà ở đây có phải quan-liên, phải thực-dân Tây, họ còn giữ cái tư-tưởng hẹp-hòi ngày xưa, quan Toàn-quyền muốn làm sự gì rộng-rãi cho ta thì họ không bằng lòng, họ ó lên họ kháng-nghị, họ tìm phương họ ngăn-trở, làm cho cái địa-vị ngai nhiều khi cũng khó xử. Ngai thực có bụng tốt với dân ta mà còn lo chưa biết có thi-thố được như ý không. Ngai đã từng nói: « Tôi chuyển này mà không làm được thành-công, thì ai sau này rồi cũng chẳng làm được. » Ấy gặp được cái cơ-hội tốt như thế, mà ta không biết thừa-cơ mà làm chuyển gì thì chẳng là ưỡn lăm dư!

Vậy chúng tôi muốn bàn với các nhà trí-thức trong nước, bất-cứ thuộc về hạng nào trong xã-hội, học-giới, quan-giới, thương-giới, nông-giới, nên cùng nhau hợp-tập lại, tổ-chức thành một cái đoàn-thể lớn, thành một chính-đảng lớn để theo đuổi cái mục-dịch như trước kia. Chính-đảng này có thể căn-cứ ở mấy lời tuyên-bố của quan Toàn-quyền VARENE ở Hội-đồng Chính-phủ vừa rồi mà làm một cái chương-trình tạm-thời, rồi sẽ chỉnh-định và bổ thêm vào sau.

Kỳ sau chúng tôi sẽ bàn kỹ. Nay hẵng tỏ qua cái ý-kiến như thế để chất-chính cùng chư quân-tử.

Giới-thiệu sách mới

1. — Văn tuyền (Phổ-thông-độc-bản-diễn-nghĩa). Của hai ông NGUYỄN CAN-MỘNG và NGUYỄN NGỌC-QUÁN soạn. Trích-lục những thơ văn nôm, cất nghĩa rõ-ràng cho học-trò các trường dùng làm bài tập đọc. Sách đây 86 trang. In ở hiệu Ngô Tử-Hạ, Hà-nội.

2. — Đại-Việt-địa-dư. Ca lục - bát. Của ông LƯƠNG VĂN - CAN soạn. Kể về

địa-dư các tỉnh Bắc, Trung, Nam - kỳ, đặt lối ca lục-bát. — Sách đây 92 trang. In ở hiệu Nghiêm Hàm, giá 0 p 30.

3. — Sử Việt-Nam soạn bằng văn vần. Của ông VŨ HUY-CHÂN soạn. Tóm-lược cả sử nước Nam từ thượng-cổ đến đời nay, đặt theo lối lục bát giản-thất. — Sách 20 trang. In ở hiệu Mạc Đình - Tư, giá 0 p 10.

4. — Trạng Lợn. Tiểu - thuyết về lịch-sử nước Nam. Của HÂN KHANH soạn. In toàn bộ lần thứ hai có sửa lại. — In tại hiệu Thụy-ký. Sách đây 110 trang, giá 0 p 45.

5. — La Chersonèse d'or, par DEFERT. Ông DEFERT là một tay họa-gia cơ tiếng ở Hà-nội. Sách này là một tập tranh vẽ về các phong-cảnh nhậu - vật cõi Đông-Pháp, mỗi bức lại có câu thơ hay câu văn dễ, trích-lục trong các sách thi-văn có tiếng. Những sách tranh in theo lối « mi-thuật ấn-loát », xưa nay bên ta không mấy nhà in được; bên Tây cũng chỉ có mấy nhà chuyên-môn mà thôi. Nay sách này chính hiệu Đông-kinh-ấn-quán in một cách rất tinh-tế, lột được cái tinh-thần nguyên-bút của họa-gia, thật là một cái đặc-sắc của nghề in ở nước nhà, đáng khen cho ấn-quán chủ-nhân ông Lê Văn - Phúc đã biết luyện thợ khéo, không kém gì bên Tây vậy.

6. — Tổ-Tâm. Tâm-lý tiểu-thuyết của ông Song-an HOANG NGOC-PHACH soạn. Tiểu-thuyết lối mới, có văn-chương, có ý-tư. Bản-chí vui lòng giới-thiệu. — Sách đây 106 trang. In ở hiệu Chân-phương, Hà-nội.

CÁI-CHÍNH

(Về mục Văn-nguyên)

Số báo 95. — Bài vinh Lạc-Loung quân, chữ « quân » in lầm chữ « vương » và câu « người con cả nổi nghiệp cha truyền », in sót chữ « truyền ».

Số báo 96. — Bài « Lời vợ khuyên chồng » về mục « rượu chè » câu « ai nào còn trọng được kia », chữ « trọng » in lầm chữ « trông ».

Số báo 97. — Bài « Trọng-Thủy và Mị Châu », câu « Cửa Đại-an » xin đổi là « Mộ-Dạ sơn. — Đ. T. C.